

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết 22 giờ; thảo luận 6 giờ; kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Học vào kỳ I năm thứ nhất
- Tính chất: Là môn học bắt buộc

II. Mục tiêu môn học

1- Về kiến thức:

- Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng CSVN.
- Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.

2- Về kỹ năng:

Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài, mục	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ môn học chính trị 1. Đối tượng nghiên cứu, học tập 2. Chức năng, nhiệm vụ 3. Phương pháp và ý nghĩa học tập	1	1		
	Bài 1: Khái quát về sự hình thành chủ nghĩa Mác- Lênin 1. C. Mác, Ph. ăng ghen sáng lập học thuyết 1.1. Các tiền đề hình thành 1.2. Sự ra đời và phát triển học thuyết 2. V.I Lênin phát triển học thuyết Mác 2.1. Sự phát triển về lý luận cách mạng 2.2. CNXH từ lý luận trở thành hiện thực 3. Chủ nghĩa Mác- Lênin từ 1924 đến nay 3.1. Sự phát triển về lý luận cách mạng	5	4	1	

	3.2. Đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực				
2	Bài 2: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Chủ nghĩa xã hội 1.1. Tính tất yếu và bản chất của CNXH 1.2. Các giai đoạn phát triển của CNXH 2. Quá độ tiến lên CNXH ở Việt Nam 2.1. Cơ sở khách quan của thời kỳ quá độ 2.2. Nội dung của thời kỳ quá độ lên CNXH	6	5	1	
3	Bài 3: Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Nguồn gốc và quá trình hình thành 1.2. Nội dung cơ bản 2. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 2.1. Hồ Chí Minh, tấm gương tiêu biểu của truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam 2.2. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	6	4	1	1
4	Bài 4: Đường lối phát triển kinh tế của Đảng 1. Đổi mới lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm 1.1. Tính khách quan và tầm quan trọng của phát triển kinh tế 1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về phát triển kinh tế 2. Nội dung cơ bản đường lối phát triển kinh tế 2.1. Hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng XHCN 2.2. Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức 2.3. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội	6	5	1	
5	Bài 5: Giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam 1. Giai cấp công nhân Việt Nam 1.1. Sự hình thành và quá trình phát triển 1.2. Những truyền thống tốt đẹp 1.3. Quan điểm của Đảng về phát triển giai cấp công nhân	6	3	2	1

	2. Công đoàn Việt Nam				
	2.1. Sự ra đời và quá trình phát triển				
	2.2. Vị trí, vai trò và tính chất hoạt động				
	Tổng cộng	30	22	6	2

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ môn học Chính trị

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học.

1.2. Phân tích được ý nghĩa của việc học tập môn học.

2. Nội dung

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu, học tập

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ

2.2.3. Phương pháp và ý nghĩa học tập

Bài 1 .Khái quát về sự hình thành chủ nghĩa Mác- Lênin

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân tích được các tiền đề hình thành và quá trình ra đời phát triển học thuyết Mác – Ăngghen từ 1848 đến 1895.

1.2. Nêu được sự phát triển học thuyết Mác của Lênin từ 1895 – 1924.

1.3. Trình bày được về chủ nghĩa Mác – Lênin từ 1924 đến nay.

2. Nội dung:

2.1. C. Mác, Ph. ăng ghen sáng lập học thuyết

2.1.1. Các tiền đề hình thành

2.1.2. Sự ra đời và phát triển học thuyết (1848-1895)

2.2. V.I Lênin phát triển học thuyết Mác (1895- 1924)

2.2.1. Sự phát triển về lý luận cách mạng

2.2.2. CNXH từ lý luận trở thành hiện thực

2.3. Chủ nghĩa Mác- Lênin từ 1924 đến nay

2.3.1. Sự phát triển về lý luận cách mạng

2.3.2. Đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực

Bài 2. Chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân tích được tính tất yếu và bản chất của chủ nghĩa xã hội, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội.

1.2. Trình bày được cơ sở khách quan và nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Nội dung:

2.1. Chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Tính tất yếu và bản chất của CNXH

2.1.2. Các giai đoạn phát triển của CNXH

2.2. Quá độ tiến lên CNXH ở Việt Nam

2.2.1. Cơ sở khách quan của thời kỳ quá độ

2.2.2. Nội dung của thời kỳ quá độ lên CNXH

Bài 3. Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu :

1.1. Phân tích được nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.2. Liên hệ với bản thân việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

2. Nội dung :

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Nguồn gốc và quá trình hình thành

2.1.2. Nội dung cơ bản

2.2. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

2.2.1. Hồ Chí Minh, tấm gương tiêu biểu của truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam

2.2.2. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Bài 4. Đường lối phát triển kinh tế của Đảng

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân tích được tính khách quan và tầm quan trọng của phát triển kinh tế, quan điểm cơ bản của Đảng về phát triển kinh tế.

1.2. Nêu được nội dung cơ bản đường lối phát triển kinh tế.

2. Nội dung:

2.1. Đổi mới lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm

2.1.1. Tính khách quan và tầm quan trọng của phát triển kinh tế

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về phát triển kinh tế

- 2.2. Nội dung cơ bản đường lối phát triển kinh tế
 - 2.2.1. Hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng XHCN
 - 2.2.2. Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức
 - 2.2.3. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Bài 5. Giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sự hình thành, quá trình phát triển, những truyền thống tốt đẹp và quan điểm của Đảng về phát triển giai cấp công nhân Việt Nam.

1.2. Nêu được sự ra đời, quá trình phát triển và vị trí, vai trò, tính chất hoạt động của Công đoàn Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Giai cấp công nhân Việt Nam

2.1.1. Sự hình thành và quá trình phát triển

2.1.2. Những truyền thống tốt đẹp

2.1.3. Quan điểm của Đảng về phát triển giai cấp công nhân

2.2. Công đoàn Việt Nam

2.2.1. Sự ra đời và quá trình phát triển

2.2.2. Vị trí, vai trò và tính chất hoạt động

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết: Giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc: Laptop, bút trình chiếu powerpoint, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: phần, bảng, giáo trình, giáo án, bộ test, bài giảng powerpoint.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung về những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng CSVN. Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua thảo luận nhóm trên lớp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm (lý thuyết). Kiểm tra viết, vấn đáp...

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm (01 lý thuyết). Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm.

- Thi kết thúc học phần: Bài thi trắc nghiệm.

- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: để thực hiện chương trình một cách hiệu quả, khuyến khích giáo viên áp dụng phương pháp dạy học tích cực, kết hợp giảng dạy học môn Chính trị với các phong trào thi đua của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, của địa phương và các hoạt động của ngành chủ quản, gắn lý luận với thực tiễn để định hướng nhận thức và rèn luyện chính trị cho người học nghề.

- Đối với người học: Tích cực chủ động đọc tài liệu tham khảo, thảo luận nhóm. Tham gia các phong trào thi đua của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, của địa phương phát động.

Tham dự ít nhất 70% số giờ của môn học.

3. Tài liệu tham khảo :

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Chính trị dùng trong các trường trung cấp chuyên nghiệp, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Hà Nội.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Pháp luật

Mã số môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (Lý thuyết: 11 giờ; thảo luận: 3 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố từ đầu khóa học, sau môn học Chính trị

- Tính chất môn học: Là môn học chung bắt buộc

II. Mục tiêu môn học

1- Kiến thức:

- Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;

- Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam.

2- Kỹ năng:

Phân biệt được tính hợp pháp và không hợp pháp của các hành vi từ đó áp dụng các quy định của pháp luật vào đời sống, vào quá trình học tập và lao động.

3- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật 1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước 1.1. Nguồn gốc của nhà nước 1.2. Bản chất của nhà nước 1.3. Chức năng của nhà nước 2. Nguồn gốc, bản chất và vai trò của pháp luật 2.1. Nguồn gốc của pháp luật 2.2. Bản chất của pháp luật 2.3. Vai trò của pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam 1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.1. Bản chất, chức năng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.2. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ	3	3		

	nghĩa Việt Nam 1.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Hệ thống pháp luật Việt Nam 2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật 2.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật				
3	Bài 3: Luật giáo dục nghề nghiệp 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp 3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp 4. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp	2	2		
4	Bài 4: Pháp luật Lao động 1. Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Lao động 1.1. Khái niệm và đối tượng điều chỉnh của pháp luật Lao động 1.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Lao động 2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động và người sử dụng lao động 2.1. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động 2.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động	3	2	1	
5	Bài 5: Luật Phòng, chống tham nhũng 1. Khái niệm về tham nhũng 1.1. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản 1.2. Các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật 2. Tác hại của tham nhũng 2.1. Tác hại về chính trị 2.2. Tác hại về kinh tế 2.3. Tác hại về xã hội 3. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng 3.1. Trách nhiệm của công dân tham gia phòng, chống tham nhũng 3.2. Trách nhiệm của công dân trong tố cáo hành vi tham nhũng 3.3. Tham gia phòng chống tham nhũng thông	5	3	1	1

	qua ban thanh tra nhân dân tổ chức mà mình là thành viên.				
	Cộng	15	11	3	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu.

1.1. Trình bày được nguyên nhân kinh tế và xã hội dẫn đến sự ra đời của nhà nước và pháp luật.

1.2. Nêu được bản chất, chức năng của nhà nước; bản chất vai trò của pháp luật.

1.3. Có thái độ ủng hộ sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật nhằm thiết lập một trật tự xã hội.

2. Nội dung.

2.1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước

2.1.1. Nguồn gốc của nhà nước

2.1.2. Bản chất của nhà nước

2.1.3. Chức năng của nhà nước

2.2. Nguồn gốc, bản chất và vai trò của pháp luật

2.2.1. Nguồn gốc của pháp luật

2.2.2. Bản chất của pháp luật

2.2.3. Vai trò của pháp luật

Bài 2: Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu.

1.1. Phân tích được bản chất, chức năng của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

1.2. Nêu được hệ thống, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

1.3. Nêu được cấu trúc của hệ thống pháp luật Việt Nam

1.4. Ủng hộ việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Bài 3: Luật Giáo dục nghề nghiệp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của luật giáo dục nghề nghiệp
- 1.2. Trình bày được mục tiêu của luật giáo dục nghề nghiệp
- 1.3. Nêu được cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- 2.2. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp
- 2.3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
- 2.4. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp

Bài 4: Pháp luật Lao động

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu.

- 1.1. Nêu được khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phân tích được các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Lao động.
- 1.2. Nêu được quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động, người sử dụng lao động
- 1.3. Vận dụng được các kiến thức trên vào tình huống pháp luật cụ thể
- 1.4. Nghiêm túc thực hiện quy định khi tham gia quan hệ Pháp luật Lao động

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Lao động
 - 2.1.1. Khái niệm và đối tượng điều chỉnh của pháp luật Lao động
 - 2.1.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Lao động
- 2.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động và người sử dụng lao động
 - 2.2.1. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động
 - 2.2.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động

Bài 5: Luật Phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm và những đặc điểm cơ bản, các loại hành vi, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng
- 1.2. Nêu được ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng.
- 1.3. Xác định được trách nhiệm của công dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng
- 1.4. Tích cực tham gia phát hiện và đấu tranh phòng, chống tham nhũng

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về tham nhũng

2.1.1. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản

2.1.2. Các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật

2.2. Tác hại của tham nhũng

2.2.1. Tác hại về chính trị

2.2.2. Tác hại về kinh tế

2.2.3. Tác hại về xã hội

2.3. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng

2.3.1. Trách nhiệm của công dân tham gia phòng, chống tham nhũng

2.3.2. Trách nhiệm của công dân trong tố cáo hành vi tham nhũng

2.3.3. Tham gia phòng chống tham nhũng thông qua ban thanh tra nhân dân tổ chức mà mình là thành viên.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Giảng đường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức*: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau.

+ Hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật;

+ Kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

+ Phòng chống tham nhũng.

- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết, trắc nghiệm 15 phút.

- Kiểm tra định kỳ: 01 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết trắc nghiệm 45 phút/bài

- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, bài thi dưới hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1- Phạm vi áp dụng của chương trình: Áp dụng bậc trung cấp

Chương trình môn học Pháp luật được sử dụng để giảng dạy trình độ Trung cấp nghề trong các cơ sở đào tạo nghề trên toàn quốc.

2 - Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Về phía giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống, nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong cộng đồng. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Về phía học sinh: Tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống pháp luật nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

Tham dự ít nhất 70% số giờ của môn học.

3 - Những trọng tâm chương trình cần chú ý: Bài 2, bài 3 và bài 4 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học.

4 - Tài liệu cần tham khảo:

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Bộ Luật Lao động*
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp 2013*
3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Tư pháp
4. Học viện Hành chính Quốc gia, *Giáo trình Luật hành chính*
5. *Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng* (1996), NXB Giáo dục./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MĐ 03

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ; (Lý thuyết: 03 giờ; Thực hành, : 25 giờ; Kiểm tra: 2).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Học kỳ I, năm thứ nhất
- Tính chất: Mô đun chung bắt buộc

II. Mục tiêu mô đun:

1. Về kiến thức:

Trình bày được ý nghĩa, tác dụng của thể dục thể thao đối với sự phát triển của cơ thể.

2. Về kỹ năng:

Thực hiện được các bài thể dục buổi sáng, chạy bền, chạy cự li ngắn.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng được các kiến thức đã học để tự rèn luyện thân thể, có lối sống lành mạnh, tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại cơ sở.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Lý thuyết nhập môn 1. Những tác dụng của TDTT. 1.1. Thúc đẩy phát triển thể hình. 1.2. Phát triển và nâng cao các năng lực thể chất. 1.3. Tác dụng giải trí, chữa bệnh và phục hồi sức khỏe. 1.4. Nâng cao trình độ thể thao của đất nước. 2. Những điều chú ý khi tập luyện TDTT. 3. Nguyên nhân Chấn thương và cách đề phòng. 3.1. Nguyên nhân 3.2. Nguyên tắc đề phòng chấn thương. 3.3. Cấp cứu chấn thương thường gặp	1	1		
2	Bài 2. Bài thể dục buổi sáng 1. Ý nghĩa của bài tập 2. Giáo viên phân tích kỹ thuật động tác 2.1. Động tác Giậm chân tại chỗ	3		3	

	2.2. Động tác Vặn mình 2.3. Động tác Tay ngực 2.4. Động tác Lườn 2.5. Động tác Vươn thở 2.6. Động tác Chống tựa 2.7. Động tác Phối Hợp 2.8. Động tác Bật nhảy vỗ tay 2.9. Động tác Toàn thân 2.10. Động tác Thả lỏng 3. Học sinh tập luyện giáo viên quan sát nhắc nhở và sửa chữa những sai sót cho học sinh. 4. Tổng kết buổi tập :				
3	Bài 3. Chạy 100m, chạy tiếp sức 4x100m 1. Kỹ thuật xuất phát thấp. 2. Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát.	4		4	
4	Bài 4. Chạy bền 1. Khởi động chung - khởi động chuyên môn 2. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ. 3. Kỹ thuật chạy giữa quãng. 4. Kỹ thuật về đích. 5. Ôn tập 6. Kiểm tra	3		2	1
5	Bài 5. Nhảy cao 1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật: 1.1. Kỹ thuật chạy đà: 1.2. Kỹ thuật giậm nhảy: 1.3. Kỹ thuật trên không: 1.4. Kỹ thuật tiếp đệm: 2. Học sinh tiến hành tập luyện: 2.1. Kỹ thuật chạy đà - giậm nhảy. 2.2. Kỹ thuật trên không - tiếp đệm. 3. Hoàn thiện kỹ thuật động tác kỹ thuật.	2		2	
6	Bài 6. Bóng chuyền 1. Kỹ thuật chuyền đỡ bóng 1.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật đỡ bóng: 1.2. Học sinh tiến hành tập luyện: 2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay 2.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật	17	2	14	1

chuyên bóng cao tay: 2.2. Học sinh tiến hành tập luyện: 3. Kỹ thuật phát bóng 3.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật phát bóng cao tay chính diện: 3.2. Học sinh tiến hành tập luyện: 4. Kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà 4.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà 4.2. Học sinh tiến hành tập luyện: 5. Ôn tập kỹ thuật bóng chuyền 5.1. Giáo viên phân tích thị phạm các kỹ thuật bóng chuyền đã học. 5.2. Học sinh tiến hành tập luyện: 5.3. Thực hiện các bài tập phối hợp 6. Luật bóng chuyền và thi đấu tập 6.1. Giáo viên phân tích phổ biến một số điều luật cơ bản trong thi đấu bóng chuyền. 6.2. Thi đấu tập theo luật: 6.3. Thực hiện các bài tập phối hợp				
Tổng số	30	3	25	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Lý thuyết nhập môn

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được ý nghĩa tác dụng trong tập luyện TDTT để áp dụng vào tập luyện hàng ngày.

1.2. Tích cực, tự giác rèn luyện thân thể hàng ngày và có kế hoạch hợp lý.

2. Nội dung

2.1. Những tác dụng của TDTT.

2.1.1. Thúc đẩy phát triển thể hình.

2.1.2. Phát triển và nâng cao các năng lực thể chất.

2.1.3. Tác dụng giải trí, chữa bệnh và phục hồi sức khỏe.

2.1.4. Nâng cao trình độ thể thao của đất nước.

2.2. Những điều chú ý khi tập luyện TDTT.

2.3. Nguyên nhân Chấn thương và cách đề phòng.

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Nguyên tắc đề phòng chấn thương.

2.3.3. Cấp cứu chấn thương thường gặp.

Bài 2: Bài thể dục buổi sáng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện được kỹ thuật các động tác thể dục tay không.
- 1.2. Thực hiện đúng các tư thế cơ bản của môn thể dục.
- 1.3. Thuộc bài thể dục 10 động tác và thực hành nhịp nhàng đúng tiết tấu động

tác.

2. Nội dung

2.1. Ý nghĩa của bài tập

2.2. Giáo viên phân tích Kỹ thuật động tác

2.2.1. Động tác Giậm chân tại chỗ

2.2.2. Động tác Vặn mình

2.2.3. Động tác Tay ngực

2.2.4. Động tác Lườn

2.2.5. Động tác Vươn thở

2.2.6. Động tác Chống tựa

2.2.7. Động tác Phối Hợp

2.2.8. Động tác Bật nhảy vỗ tay

2.2.9. Động tác Toàn thân

2.2.10. Động tác Thả lỏng

2.3. Học sinh tập luyện giáo viên quan sát nhắc nhở và sửa chữa những sai sót cho học sinh.

2.4. Tổng kết buổi tập :

Bài 3: Chạy 100m, chạy tiếp sức 4x100m

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện được kỹ thuật xuất phát thấp.
- 1.2. Thực hiện được kỹ thuật chạy lao sau xuất phát.
- 1.3. Thực hiện được kỹ thuật chạy giữa quãng.
- 1.4. Thực hiện được kỹ thuật về đích.

2. Nội dung

2.1. Kỹ thuật xuất phát thấp.

2.2. Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát.

Bài 4: Chạy bền

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện được kỹ thuật xuất phát cao và tăng tốc độ sau xuất phát.
- 1.2. Thực hiện được kỹ thuật chạy giữa quãng.
- 1.3. Thực hiện được kỹ thuật về đích.

2. Nội dung

- 2.1. Khởi động chung - khởi động chuyên môn
- 2.2. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ.
- 2.3. Kỹ thuật chạy giữa quãng.
- 2.4. Kỹ thuật về đích.
- 2.5. Ôn tập
- 2.6. Kiểm tra

Bài 5: Nhảy cao

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện được đúng kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy, qua xà, rơi xuống đệm.
- 1.2. Hoàn thiện kỹ thuật động tác ở mức xà cố định: Nam 1m, Nữ 80cm.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật:
 - 2.1.1. Kỹ thuật chạy đà:
 - 2.1.2. Kỹ thuật giậm nhảy:
 - 2.1.3. Kỹ thuật trên không:
 - 2.1.4. Kỹ thuật tiếp đệm:
- 2.2. Học sinh tiến hành tập luyện:
 - 2.2.1. Kỹ thuật chạy đà - giậm nhảy.
 - 2.2.2. Kỹ thuật trên không - tiếp đệm.
- 2.3. Hoàn thiện kỹ thuật động tác kỹ thuật.

Bài 6: Bóng chuyền

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Thực hiện được cơ bản đúng kỹ thuật đỡ bóng bước một; chuyền bóng cao tay; phát bóng cao tay(nam), thấp tay(nữ); đập bóng chính diện;
- 1.2. Điều chỉnh được hướng đi của bóng đến vị trí định trước
- 1.3. Hiểu và thực hiện đúng các điều luật quy định của môn bóng chuyền.
- 1.4. Thực hiện được các kỹ thuật môn bóng chuyền trong khi thi đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Kỹ thuật chuyền đỡ bóng (bước một)
 - 2.1.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật đỡ bóng:
 - 2.1.2. Học sinh tiến hành tập luyện:

2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay(chuyền hai)

2.2.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật chuyền bóng cao tay:

2.2.2. Học sinh tiến hành tập luyện:

2.3. Kỹ thuật phát bóng

2.3.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật phát bóng bóng cao tay chính diện:

2.2.2. Học sinh tiến hành tập luyện:

2.4. Kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà

2.4.1. Giáo viên phân tích thị phạm kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà

2.4.2. Học sinh tiến hành tập luyện:

2.5. Ôn tập kỹ thuật bóng chuyền

2.5.1. Giáo viên phân tích thị phạm các kỹ thuật bóng chuyền đã học.

2.5.2. Học sinh tiến hành tập luyện:

2.5.3. Thực hiện các bài tập phối hợp

2.6. Luật bóng chuyền và thi đấu tập

2.6.1. Giáo viên phân tích phổ biến một số điều luật cơ bản trong thi đấu bóng chuyền.

2.6.2. Thi đấu tập theo luật:

2.6.3. Thực hiện các bài tập phối hợp

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn/ nhà xưởng: Phòng học, Sân tập

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính, dụng cụ học tập.

3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng, sân tập, dụng cụ học tập.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

Kiểm tra học sinh trình bày được ý nghĩa, tác dụng của thể dục thể thao đối với sự phát triển của cơ thể.

- Về kỹ năng:

Kiểm tra học sinh thực hiện được các bài thể dục buổi sáng, chạy bền, chạy cự li ngắn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra học sinh vận dụng được các kiến thức đã học để tự rèn luyện thân thể, có lối sống lành mạnh, tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại cơ sở.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm

- Kiểm tra định kỳ: 01 điểm

- Thi kết thúc học phần: Bài thi thực hành

- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1- Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng bậc trung cấp

2- Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học

Đối với người học

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ học lý thuyết và 100 % số giờ thực hành

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

3- Những trọng tâm cần chú ý:

4- Tài liệu tham khảo:

[1] Đại học thể dục thể thao Trung ương 1 (1996), *Lý luận và phương pháp thể dục thể chất cho sinh viên*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[2] Đại học thể dục thể thao Trung ương 1 (1996), *Luật điền kinh, Bóng chuyền, Cầu lông*, Nhà xuất bản Giáo dục

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), *Lý luận và phương pháp thể dục thể chất cho các trường sư phạm*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[4] Trương Tuấn Anh, *Giáo trình thể bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[5] Nguyễn Kim Minh, *Giáo trình điền kinh*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN – AN NINH

Mã môn học: MH04

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Giáo dục quốc phòng và an ninh là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, là môn học chính khóa, thuộc nhóm các môn học chung trong chương trình dạy nghề trung cấp.

- Tính chất: Môn học chung bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1 - Về kiến thức:

Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh trong tình hình mới.

2 - Về kỹ năng:

Thực hiện được các thao tác kỹ thuật về bắn súng AK, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện được tác phong quân sự

Vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam 1. Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước 2. Vận dụng tư tưởng quân sự “Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh” 3. Phát huy tinh thần yêu nước chiến đấu hi sinh vì độc lập dân tộc tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện 4. Thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo 5. Phát huy tinh thần đoàn kết quốc tế 6. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của	2	2		

	cách mạng Việt Nam 7. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm truyền thống đánh giặc giữ nước vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới				
2	Bài 2. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh 1. Những nội dung cơ bản của Luật giáo dục quốc phòng và an ninh 1.1. Mục tiêu của Đảng, Nhà nước ta về giáo dục quốc phòng và an ninh 1.1. Quyền và nghĩa vụ của công dân về giáo dục quốc phòng và an ninh 1.2. Những nội dung cơ bản của Luật nghĩa vụ quân sự 1.3. Nghĩa vụ quân sự của công dân 2. Đăng ký nghĩa vụ quân sự và chuẩn bị cho thanh niên phục vụ quân đội 2.1. Nhập ngũ, xuất ngũ 2.2. Nghĩa vụ và quyền lợi của hạ sĩ quan, binh sĩ 2.3. Xử lý các vi phạm 3. Trách nhiệm của học sinh trong việc chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự 3.1. Tích cực học tập chính trị, quân sự, rèn luyện thể lực theo quy định 3.2. Chấp hành đúng quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, kiểm tra và khám sức khỏe 3.3. Chấp hành nghiêm lệnh gọi nhập ngũ	1	1		
3	Bài 3. Một số nội dung về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 1.1. Vị trí 1.2. Đặc trưng 2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa 2.1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện	1	1		

	nay 2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay 2.3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng và an ninh ngày càng vững mạnh 2.4. Xây dựng thế trận nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc 2.5. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay 2.6. Luôn luôn thực hiện tốt giáo dục quốc phòng và an ninh 2.7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 2.8. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân				
4	Bài 4. Phòng chống bão lụt, động đất sóng thần, thảm họa thiên tai 1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Tình hình bão lụt, động đất, sóng thần , thảm họa thiên tai trên thế giới và Việt Nam 1.3. Nội dung cơ bản về phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai 2. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước về phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần , thảm họa thiên tai 2.1. Một số quan điểm cơ bản 2.2. Nguyên tắc 3. Nhiệm vụ và giải pháp 3.1. Nhiệm vụ phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai 3.2. Một số giải pháp 4. Trách nhiệm của công dân về phòng	2	1		1

	chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai				
5	Bài 5. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 1.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc 1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ 2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 3. Trách nhiệm của học sinh trong các nhà trường tham gia vào phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc 3.1. Học sinh nhận thức đúng đắn và đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh Tổ quốc 3.2. Học sinh tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú 3.3. Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương 4. Luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương	2	2		
6	Bài 6. Tác hại của ma túy và trách nhiệm của học sinh trong phòng chống ma túy 1. Hiểu biết cơ bản về ma túy 1.1. Khái niệm chất ma túy 1.2. Phân loại các chất ma túy 1.3. Các chất ma túy thường gặp 2. Tác hại của tệ nạn ma túy 2.1. Tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng	1	1		

	2.2. Gây tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình 2.3. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với nền kinh tế 2.4. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với trật tự an toàn xã hội 3. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy và dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy 3.1. Quá trình và nguyên nhân nghiện ma túy 3.2. Dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy 4. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy 4.1. Một số thủ đoạn của các đối tượng buôn bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thường sử dụng để lôi kéo, cưỡng bức học sinh sử dụng ma túy, tham gia buôn bán ma túy 4.2. Trách nhiệm của Học sinh trong phòng, chống ma túy				
7	Bài 7. Đội ngũ từng người không có súng 1. Động tác nghiêm, nghỉ và quay tại chỗ 1.1. Động tác nghiêm 1.2. Động tác nghỉ 1.3. Quay tại chỗ 2. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống và đứng dậy 2.1. Động tác tiến, lùi 2.2. Động tác Qua phải, qua trái 2.3. Động tác ngồi xuống 2.4. Động tác đứng dậy 2.5. Động tác chào 2.5.1. Chào khi đội mũ 2.5.2. Chào khi không đội mũ 2.5.3. Chào khi đi ngược chiều, cùng chiều 2.5.4. Chào khi đến gặp cấp trên 2.6. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân, giậm chân và chạy đều 2.6.1. Động tác đi đều 2.6.2. Động tác đứng lại	7	2	5	

	2.6.3. Động tác đổi chân trong khi đang giậm chân 2.6.4. Động tác giậm chân 2.6.5. Chạy đều, đứng lại				
8	Bài 8. Giới thiệu, tháo và lắp súng trường CKC, súng tiểu liên AK 1. Binh khí súng trường tự động CKC (SKS) cỡ 7,62 mm 1.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu, số liệu kỹ thuật 1.2. Cấu tạo súng và đạn 1.3. Tháo và lắp súng thông thường 2. Binh khí súng tiểu liên AK cỡ 7,62 mm 2.1 Tác dụng, tính năng chiến đấu, số liệu kỹ thuật 2.2. Cấu tạo súng và đạn 2.3. Tháo và lắp súng thông thường	7	2	5	
9	Bài 9. Từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự 1. Từng người trong chiến đấu tiến công 1.1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 1.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ 1.3. Thực hành chiến đấu 1.4. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu 2. Từng người trong chiến đấu phòng ngự 2.1. Đặc điểm tiến công của địch 2.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 2.3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ 2.4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu	6	1	4	1
10	Bài 10. Các tư thế động tác cơ bản vận động trên chiến trường 1. Động tác đi khom 2. Động tác chạy khom 3. Động tác bò 3.1. Bò cao hai chân một tay 3.2. Bò hai chân hai tay 3.3. Bò đường tiến rộng	5	1	4	

	3.4. Bò đường tiến hẹp 4. Động tác lê 4.1. Lê cao 4.2. Lê thấp 5. Động tác trườn 6. Động tác Lăn 6.1. Lăn ngắn 6.2. Lăn dài				
11	Bài 11. Lợi dụng địa hình, địa vật 1. Những hiểu biết chung về lợi dụng địa hình địa vật 1.1. Các loại địa hình, địa vật thường gặp trong chiến đấu 1.2. Ý nghĩa, yêu cầu 2. Cách lợi dụng địa hình, địa vật 2.1. Lợi dụng vật che khuất 2.2. Lợi dụng vật che đỡ	11	1	10	
Tổng số		45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam;
- 1.2. Giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của ông cha ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước, tinh thần đoàn kết quốc tế;
- 1.3. Xây dựng ý thức trách nhiệm, phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

- 2.1. Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước
- 2.2. Vận dụng tư tưởng quân sự “Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh”
- 2.3. Phát huy tinh thần yêu nước chiến đấu hi sinh vì độc lập dân tộc tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện
- 2.4. Thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo
- 2.5. Phát huy tinh thần đoàn kết quốc tế
- 2.6. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam
- 2.7. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm truyền thống đánh giặc giữ nước vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới

Bài 2: Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản của Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật nghĩa vụ quân sự;
- 1.2. Vận dụng những quy định của Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật nghĩa vụ quân sự vào thực tế;
- 1.3. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

- 2.1. Những nội dung cơ bản của Luật giáo dục quốc phòng và an ninh
 - 2.1.1. Mục tiêu của Đảng, Nhà nước ta về giáo dục quốc phòng và an ninh
 - 2.1.2. Quyền và nghĩa vụ của công dân về giáo dục quốc phòng và an ninh
- 2.2. Những nội dung cơ bản của Luật nghĩa vụ quân sự
 - 2.2.1. Nghĩa vụ quân sự của công dân
- 2.3. Đăng ký nghĩa vụ quân sự và chuẩn bị cho thanh niên phục vụ quân đội
 - 2.3.1. Nhập ngũ, xuất ngũ
 - 2.3.2. Nghĩa vụ và quyền lợi của hạ sĩ quan, binh sĩ

2.3.3. Xử lý các vi phạm

2.4. Trách nhiệm của học sinh trong việc chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự

2.4.1. Tích cực học tập chính trị, quân sự, rèn luyện thể lực theo quy định

2.4.2. Chấp hành đúng quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự, kiểm tra và khám sức khoẻ

2.4.3. Chấp hành nghiêm lệnh gọi nhập ngũ

Bài 3: Một số nội dung về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được vị trí, đặc trưng, quan điểm, nội dung, biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân;

1.2. Xây dựng ý thức trách nhiệm trong việc tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân;

1.3. Tham gia có hiệu quả các hoạt động quốc phòng và an ninh ở địa phương, nơi cư trú.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

2.1.1. Vị trí

2.1.2. Đặc trưng

2.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

2.2.1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

2.2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

2.2.3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng và an ninh ngày càng vững mạnh

2.2.4. Xây dựng thế trận nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc

2.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay

2.3.1. Luôn luôn thực hiện tốt giáo dục quốc phòng và an ninh

2.3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

2.3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Bài 4: Phòng chống bão lụt, động đất sóng thần, thảm họa thiên tai

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, tác hại, cách phòng tránh thông thường đối với bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai;
- 1.2. Vận dụng, ứng phó làm giảm nhẹ thiệt hại khi có bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai xảy ra;
- 1.3. Sẵn sàng tham gia phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai.

2. Nội dung

2. 1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai
 - 2.1.1. Các khái niệm cơ bản
 - 2.1.2. Tình hình bão lụt, động đất, sóng thần , thảm họa thiên tai trên thế giới và Việt Nam
 - 2.1.3. Nội dung cơ bản về phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai
- 2.2. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước về phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai
 - 2.2.1. Một số quan điểm cơ bản
 - 2.2.2. Nguyên tắc
- 2.3. Nhiệm vụ và giải pháp
 - 2.3.1. Nhiệm vụ phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai
 - 2.3.2. Một số giải pháp
- 2.4. Trách nhiệm của công dân về phòng chống bão lụt, động đất, sóng thần, thảm họa thiên tai

Bài 5: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày những kiến thức cơ bản về công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (ANTQ);
- 1.2. Xây dựng ý thức tự giác, tích cực tham gia vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;
- 1.3. Vận dụng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Nội dung

- 2.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
 - 2.1.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc
 - 2.1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ
- 2.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

- 2.2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- 2.2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- 2.3. Trách nhiệm của học sinh trong các nhà trường tham gia vào phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc
 - 2.3.1. Học sinh nhận thức đúng đắn và đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh Tổ quốc
 - 2.3.2. Học sinh tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú
 - 2.3.3. Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương
- 2.4. Luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương

Bài 6: Tác hại của ma túy và trách nhiệm của học sinh trong phòng chống ma túy

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được khái niệm về các chất ma túy và tác hại của nó đối với sức khỏe con người và cuộc sống cộng đồng;
 - 1.2. Nhận thức rõ các thủ đoạn của các đối tượng mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thường dùng để lôi kéo, dụ dỗ học sinh sử dụng và tham gia vận chuyển, mua bán ma túy;
 - 1.3. Nâng cao trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng, chống ma túy, có ý thức cảnh giác, phát hiện và tố giác tội phạm.
2. Nội dung
 - 2.1. Hiểu biết cơ bản về ma túy
 - 2.1.1. Khái niệm chất ma túy
 - 2.1.2. Phân loại các chất ma túy
 - 2.1.3. Các chất ma túy thường gặp
 - 2.2. Tác hại của tệ nạn ma túy
 - 2.2.1. Tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng
 - 2.2.2. Gây tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình
 - 2.2.3. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với nền kinh tế
 - 2.2.4. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với trật tự an toàn xã hội
 - 2.3. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy và dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy
 - 2.3.1. Quá trình và nguyên nhân nghiện ma túy
 - 2.3.2. Dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy
 - 2.4. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy

2.4.1. Một số thủ đoạn của các đối tượng buôn bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thường sử dụng để lôi kéo, cưỡng bức học sinh sử dụng ma túy, tham gia buôn bán ma túy

2.4.2. Trách nhiệm của Học sinh trong phòng, chống ma túy

Bài 7: Động ngũ từng người không có súng

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được thứ tự, nội dung cách thực hành từng động tác.

1.2. Thực hiện được động tác động ngũ từng người không có súng, làm cơ sở vận dụng trong học tập quân sự và các hoạt động của nhà trường.

1.3. Chấp hành tốt kỷ luật nơi luyện tập.

2. Nội dung

2.1. Động tác nghiêm, nghỉ và quay tại chỗ

2.1.1. Động tác nghiêm

2.1.2. Động tác nghỉ

2.1.3. Quay tại chỗ

2.2. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống và đứng dậy

2.2.1. Động tác tiến, lùi

2.2.2. Động tác Qua phải, qua trái

2.2.3. Động tác ngồi xuống

2.2.4. Động tác đứng dậy

2.3. Động tác chào

2.3.1. Chào khi đội mũ

2.3.2. Chào khi không đội mũ

2.3.3. Chào khi đi ngược chiều, cùng chiều

2.3.4. Chào khi đến gặp cấp trên

2.4. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân, giậm chân và chạy đều

2.4.1. Động tác đi đều

2.4.2. Động tác đứng lại

2.4.3. Động tác đổi chân trong khi đang giậm chân

2.4.4. Động tác giậm chân

2.4.5. Chạy đều, đứng lại

Bài 8: Giới thiệu, tháo và lắp súng trường CKC, súng tiểu liên AK

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tính năng chiến đấu, cấu tạo, cách tháo và lắp thông thường, cách lau chùi bảo quản súng;

1.2. Thực hiện đúng thứ tự động tác tháo và lắp súng thông thường;

1.3. Đảm bảo an toàn cho người và vũ khí.

2. Nội dung

2.1. Bình khí súng trường tự động CKC (SKS) cỡ 7,62 mm

2.1.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu, số liệu kỹ thuật

2.1.2 Cấu tạo súng và đạn

2.1.3. Tháo và lắp súng thông thường

2.2. Bình khí súng tiểu liên AK cỡ 7,62 mm

2.2.1 Tác dụng, tính năng chiến đấu, số liệu kỹ thuật

2.2.2. Cấu tạo súng và đạn

2.2.3 Tháo và lắp súng thông thường

Bài 9: Từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm tiến công, phòng ngự và hành động của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự.

1.2. Vận dụng các tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường vào chiến đấu khi có chiến tranh xảy ra.

1.3. Đảm bảo an toàn trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung

2.1. Từng người trong chiến đấu tiến công

2.1.1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật

2.1.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ

2.1.3. Thực hành chiến đấu

2.1.4. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu

2.2. Từng người trong chiến đấu phòng ngự

2.2.1. Đặc điểm tiến công của địch

2.2.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật

2.2.3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ

2.2.4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu

Bài 10: Các tư thế động tác cơ bản vận động trên chiến trường

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các tư thế, động tác cơ bản vận động trên chiến trường.

1.2. Vận dụng được các tư thế động tác cơ bản trong quá trình luyện tập.

1.3. Đảm bảo an toàn trong luyện tập.

2. Nội dung

2.1. Động tác đi khom

2.2. Động tác chạy khom

2.3. Động tác bò

2.3.1. Bò cao hai chân một tay

- 2.3.2. Bò hai chân hai tay
- 2.3.3. Bò đường tiến rộng
- 2.3.4. Bò đường tiến hẹp
- 2.4. Động tác lê
- 2.4.1. Lê cao
- 2.4.2. Lê thấp
- 2.5. Động tác trườn
- 2.6. Động tác Lăn
- 2.6.1. Lăn ngắn
- 2.6.2. Lăn dài

Bài 11: Lợi dụng địa hình, địa vật

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, yêu cầu, cách lợi dụng địa hình, địa vật.
- 1.2. Vận dụng các tư thế phù hợp với từng địa hình, địa vật.
- 1.3. Đảm bảo an toàn trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung

- 2.1. Những hiểu biết chung về lợi dụng địa hình địa vật
 - 2.1.1. Các loại địa hình, địa vật thường gặp trong chiến đấu
 - 2.1.2. Ý nghĩa, yêu cầu
- 2.2. Cách lợi dụng địa hình, địa vật
 - 2.2.1. Lợi dụng vật che khuất
 - 2.2.2. Lợi dụng vật che đỡ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

- 1. Phòng học chuyên môn/ nhà xưởng: Phòng học, sân tập.
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính
- 3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, bài giảng, các băng tư liệu, đĩa hình, giấy chịu nhiệt

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

Kiểm tra những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh trong tình hình mới.

- Về kỹ năng:

Kiểm tra việc thực hiện được các thao tác kỹ thuật về bắn súng AK, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra: Sự rèn luyện được tác phong quân sự của học sinh, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: vấn đáp, kiểm tra miệng, kiểm tra viết (tự luận hoặc test)
- Thực hành: Vấn đáp
- Kiểm tra thường xuyên: Ít nhất 01 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm
- Thi kết thúc học phần: Bài thi viết trắc nghiệm
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, giáo án, kế hoạch bài học, tranh, ảnh, phim tư liệu, dụng cụ thực hành.

- Người học: Chuẩn bị đầy đủ tư trang cá nhân phù hợp để tham dự giờ học thực hành; Tham dự tối thiểu 70% số giờ học lý thuyết, tham gia đủ 100% giờ thực hành, Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra.

4. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ quốc phòng, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng (Dùng cho bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, đối tượng 1)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.

[2] Bộ quốc phòng, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng (Dùng cho bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, đối tượng 2)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.

[3] *Giáo trình Kinh tế quân sự Mác - Lênin*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

[6] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

[7] Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004

[8] Luật Quốc phòng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

[9] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật GDQPAN*, 2013.

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

[11] “*Diễn biến hoà bình*” và cuộc đấu tranh chống “*Diễn biến hoà bình*” ở Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 2005.

[12] *Hỏi và đáp “Diễn biến hoà bình và đấu tranh chống diễn biến hoà bình”*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 2005.

[13] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật DQTV*, 2009.

[14] Hướng dẫn một số nội dung về công tác động viên Quân đội và động viên công nghiệp BTMM 2005, 2006.

[15] BTMM, *Công tác động viên Quân đội*, Nxb QĐND, Hà Nội, 2001

[16] Nghị định 116/2006/CP về động viên Quốc phòng

[17] Phan Xuân Sơn, Lưu Văn Quảng (đồng chủ biên), *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2006.

[18] Bộ luật hình sự - 1999, Bộ luật tố tụng hình sự - 2003, Luật về an ninh Quốc gia - 2004, Luật công an nhân dân - 2005, Luật thanh niên - 2001.

[19] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Biên giới quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

[20] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật nghĩa vụ quân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

[21] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp Việt Nam năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

[22] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Quốc phòng*, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội, 2006.

[23] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật biển Việt Nam*, 2012.

[24] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

[25] Sách dạy bắn súng trường SKS, Cục quân huấn, BTTM, năm 1975.

[26] Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

[27] Sách dạy bắn súng diệt tăng B40, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MĐ 05

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ, thực hành: 29 giờ. Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Tin học là mô đun được bố trí học như các mô đun cơ bản, trong chương trình đào tạo chuyên môn nghề. Được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nghề.
- Tính chất: Mô đun chung bắt buộc.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức:

1. Trình bày được các khái niệm mạng máy tính, Internet, World Wide Web; Cách sử dụng trình duyệt web; Tạo, nhận và gửi thư điện tử - Email và một số dịch vụ khác của Internet. Thực hiện được một số thao tác cơ bản trên Hệ điều hành Windows.
2. Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word để tạo các tài liệu đạt tiêu chuẩn theo qui định;
3. Sử dụng phần mềm bảng tính Microsoft Excel để tạo lập, biểu diễn các kiểu dữ liệu: số, chuỗi ký tự, thời gian, biểu đồ và lập được các bảng tính...
4. Sử dụng phần mềm trình diễn Microsoft PowerPoint để thiết kế các bài báo cáo, chuyên đề một cách chuyên nghiệp.

2. Về kỹ năng:

1. Sử dụng Internet như là công cụ nhằm phục vụ cho việc học tập của mình; Thực hiện được các thao tác cơ bản trên Windows.
2. Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word để tạo các tài liệu đạt tiêu chuẩn theo qui định
3. Lập được bảng tính và thành thạo các thao tác tính toán trên Excel.
4. Thiết kế và trình chiếu được tài liệu báo cáo trên PowerPoint.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có thái độ nghiêm túc trong thực hành, cẩn thận, thao tác nhanh chuẩn xác, tự giác trong học tập.

Rèn luyện lòng yêu nghề, tư thế tác phong công nghiệp, tính kiên trì, sáng tạo trong công việc.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Chương 1. Kiến thức cơ bản về tin học và Hệ điều hành				
	Bài 1: Tổng quan về Internet	5	1	4	

	1. Khái niệm về Internet 2. Các dịch vụ trên Internet 3. Thư điện tử Email				
	Bài 2: Hệ điều hành 1. Thao tác cơ bản về sử dụng máy tính 2. Màn hình nền desktop 3. Quản lý tệp và thư mục 4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer	6	2	4	
2	Chương 2. Tổng quan về phần mềm xử lý văn bản Word				
	Bài 3: Trình bày văn bản 1. Giới thiệu về Microsoft Word 2. Các thao tác căn bản trên một tài liệu 3. Soạn thảo văn bản 4. Chèn các đối tượng vào văn bản 5. Định dạng văn bản 6. Các hiệu ứng đặc biệt	7	2	4	1
	Bài 4: Xử lý bảng biểu 1. Chèn bảng biểu vào văn bản 2. Các thao tác trên bảng biểu 3. Thay đổi cấu trúc bảng biểu	5	2	3	
	Bài 5: Bảo mật và In ấn 1. Bảo mật 2. In ấn 3. Trộn văn bản	4	1	3	
3	Chương 3. Tổng quan về Excel				
	Bài 6. Tổng quan bảng tính 1. Giới thiệu 2. Làm việc với bảng tính	5	2	3	
	Bài 7: Hàm trong Excel 1. Các khái niệm 2. Hàm xử lý dữ liệu dạng số 3. Hàm xử lý dữ liệu dạng chuỗi 4. Hàm xử lý dữ liệu dạng ngày tháng 5. Hàm thống kê và thống kê có điều kiện 6. Hàm logic 7. Hàm về tìm kiếm và thông số	6	2	3	1
	Bài 8: Đồ thị và In ấn 1. Đồ thị 2. In ấn	3	1	2	

4	Chương 4: Tổng quan về PowerPoint. Bài 9: Microsoft PowerPoint 1. Giới thiệu 2. Làm quen với Presentation-Slide 3. Tạo hiệu ứng cho đối tượng	4	1	3	
Cộng		45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Kiến thức cơ bản về tin học và Hệ điều hành

Bài 1: Tổng quan về Internet

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về Internet;
- 1.2. Sử dụng được các dịch vụ triển khai trên mạng Internet;
- 1.3. Tạo nhận và gửi được thư điện tử trên Internet.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về Internet
- 2.2. Các dịch vụ trên Internet
- 2.3. Thư điện tử Email

Bài 2: Hệ điều hành - Windows

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Thực hiện được các thao tác cơ bản sử dụng máy tính
- 1.2. Nhận biết các thành phần của màn hình nền desktop
- 1.3. Thực hiện được các thao tác quản lý tệp tin và thư mục
- 1.4. Làm việc được trên desktop và Windows Explorer

2. Nội dung:

- 2.1. Thao tác cơ bản về sử dụng máy tính
- 2.2. Màn hình nền desktop
- 2.3. Quản lý tệp và thư mục
- 2.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

Chương 2: Tổng quan về phần mềm xử lý văn bản Word

Bài 3: Trình bày văn bản

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được trình soạn thảo văn bản;
- 1.2. Trình bày được các thao tác căn bản trên một tài liệu;
- 1.3. Mô tả được chức năng của các thanh công cụ;
- 1.4. Sử dụng được các đối tượng và hiệu ứng để trình bày văn bản;
- 1.5. Định dạng được một văn bản đúng yêu cầu ;
- 1.6. Tạo được các hiệu ứng đặc biệt trên văn bản.

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu về Microsoft Word
- 2.2. Các thao tác căn bản trên một tài liệu
- 2.3. Soạn thảo văn bản
- 2.4. Chèn các đối tượng vào văn bản
- 2.5. Định dạng văn bản
- 2.6. Các hiệu ứng đặc biệt

Bài 4: Xử lý bảng biểu (Table)

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được các thao tác tạo và xử lý bảng biểu;
- 1.2. Trình bày nội dung văn bản trên bảng biểu;
- 1.3. Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung:

- 2.1. Chèn bảng biểu vào văn bản
- 2.2. Các thao tác trên bảng biểu
- 2.3. Thay đổi cấu trúc bảng biểu
- 2.4. Kiểm tra *

Bài 5: Bảo mật và In ấn

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Thực hiện được thao tác tạo mật khẩu cho văn bản;
- 1.3. Chọn lựa chế độ và hiệu chỉnh trước khi in ấn;
- 1.3. Thực hiện được các thao tác trộn văn bản.

2. Nội dung:

- 2.1. Bảo mật
- 2.2. In ấn
- 2.3. Trộn văn bản

Chương 3: Tổng quan về Microsoft Excel

Bài 6: Tổng quan về bảng tính

Thời gian : 5 giờ

1. Mục tiêu :
 - 1.1. Trình bày được khái niệm về bảng tính;
 - 1.2. Mô tả được cách thức tổ chức làm việc trên bảng tính.
2. Nội dung:
 - 2.1. Giới thiệu
 - 2.2. Làm việc với bảng tính

Bài 7: Hàm trong Excel

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu :
 - 1.1. Trình bày được khái niệm về các hàm trong Excel
 - 1.2. Mô tả được cú pháp của từng hàm
 - 1.3. Thực hiện được lồng ghép các hàm với nhau
2. Nội dung:
 - 2.1. Các khái niệm
 - 2.2. Hàm xử lý dữ liệu dạng số
 - 2.3. Hàm xử lý dữ liệu dạng chuỗi
 - 2.4. Hàm xử lý dữ liệu dạng ngày tháng
 - 2.5. Hàm thống kê và thống kê có điều kiện
 - 2.6. Hàm logic
 - 2.7. Hàm về tìm kiếm và thông số
 - 2.8. Kiểm tra *

Bài 8: Đồ thị và In ấn

Thời gian : 3 giờ

1. Mục tiêu :
 - 1.1. Thực hiện được đồ thị dựa trên số liệu đã tính toán trong bảng tính
 - 1.2. Chọn lựa các chế độ và hiệu chỉnh trước khi in ấn.
2. Nội dung:
 - 2.1. Đồ thị
 - 2.2. In ấn

Chương 4: Tổng quan về PowerPoint

Bài 9: Microsoft PowerPoint

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu :

- 1.1. Mô tả được Powerpoint là phần mềm dùng để trình diễn
- 1.2. Trình bày được các thao tác trên trình đơn
- 1.3. Thực hiện được các hiệu ứng cho từng đối tượng

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu
- 2.2. Làm quen với Presentation-Slide
- 2.3. Tạo hiệu ứng cho đối tượng

IV. Điều kiện thực hiện môđun

1. Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học, phòng thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: Phần, bảng đen, Máy chiếu Projector, Máy tính, các hình vẽ, ví dụ minh họa. Địa phần mềm Microsoft Office hoặc Open Office
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các slide bài giảng, tài liệu môn Tin học văn phòng, tài liệu hướng dẫn để thực hiện môn Tin học văn phòng. Giáo trình Môn Tin học văn phòng
4. Các điều kiện khác: Phòng thực hành có đầy đủ máy PC cho học sinh thực hành

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiểm tra: Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word để tạo các tài liệu đạt tiêu chuẩn theo qui định.

Sử dụng trình duyệt web để gửi và nhận thư điện tử.

Sử dụng phần mềm bảng tính Microsoft Excel để tạo lập, biểu diễn các kiểu dữ liệu: số, chuỗi ký tự, thời gian, biểu đồ và lập được các bảng tính...

Sử dụng phần mềm trình diễn Microsoft PowerPoint thiết kế các bài báo cáo, chuyên đề một cách chuyên nghiệp.

- Kỹ năng:

Kiểm tra: Soạn thảo văn bản kết hợp các kỹ năng sử dụng bàn phím, điều khiển chuột và các kỹ năng trình bày văn bản theo đúng tiêu chuẩn.

Thiết kế bảng biểu, sắp xếp, tính toán số liệu, tạo biểu đồ.

Tạo các bản trình diễn chuyên nghiệp kết hợp các thuộc tính: văn bản, âm thanh, hoạt hình và định thời gian trình diễn tự động

- Thái độ:

Kiểm tra: Thái độ nghiêm túc trong thực hành và tính cẩn thận, thao tác nhanh chuẩn xác, tự giác trong học tập.

2. Phương pháp đánh giá

Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra vấn đáp hoặc trắc nghiệm, tự luận: Nắm được các lệnh tạo, mở file, định dạng văn bản, nắm rõ các cú pháp của các hàm trong Excel

Đánh giá kỹ năng thực hành: đánh giá kỹ năng thực hành của học sinh thông qua khả năng sử dụng và truy cập Internet, khả năng tìm kiếm tài liệu, khả năng soạn thảo văn bản, lập các bảng tính và khả năng sử dụng các hàm Excel.

- Kiểm tra thường xuyên: Ít nhất 01 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm
- Thi kết thúc học phần: Bài thi viết trắc nghiệm
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1- Phạm vi áp dụng chương trình môn học: Áp dụng bậc trung cấp

2- Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như trình bày, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của học sinh.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; tích cực tham gia các hoạt động nhóm trong các bài học; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

+ Tham dự tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

3- Những trọng tâm cần chú ý:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Trọng tâm của Môn học này là bài 2, 3, 4, 6, 7, 8.

4- Tài liệu tham khảo:

[1] Nhóm biên dịch tri thức thời đại, *Tin học văn phòng*, Năm 2003

[2] TS Thạc Đình Cường , *Tin học văn phòng* , NXB Giáo dục, năm 2005

[3] Nguyễn Đình Tuệ, Hoàng Đức Hải, *Giáo trình lý thuyết và thực hành Tin học văn phòng*, Nhà xuất bản lao động xã hội , Năm 2006

[4] Nguyễn Văn Trung, *Giáo trình tin học 2013*, Lưu hành nội bộ.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngoại ngữ

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học.

- Vị trí môn học: Được thực hiện ở học kỳ I năm thứ nhất
- Tính chất: Là môn chung bắt buộc

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC.

1- Về kiến thức:

Nêu được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản để có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở trình độ bậc 1 (theo khung năng lực 6 bậc) đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thị trường lao động trong quá trình hội nhập quốc tế.

2- Về kỹ năng:

Người học sau khi học môn học tiếng Anh phải đạt được các kỹ năng chủ yếu sau:

- Khả năng nói và diễn đạt để người khác hiểu được trong giao tiếp thông thường và trong môi trường làm việc;
- Khả năng nghe và hiểu thông tin người khác diễn đạt trong giao tiếp thông thường và trong môi trường làm việc;
- Khả năng đọc và hiểu thông tin trong giao tiếp thông thường và trong môi trường làm việc;
- Khả năng viết và diễn đạt để người khác hiểu trong giao tiếp thông thường và trong môi trường làm việc.

3 - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Khả năng sử dụng tiếng Anh độc lập trong công việc ở bậc 1.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

STT	Tên chương, mục	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Unit 1: Getting started 1. Hello 2. Numbers 3. Classroom language (1) 4. Personal information 5. Plurals 6. Adjectives 7. In a café	04	03	01	
2	Unit 2: People	04	02	02	

	1. Grammar: The verb to be 2. Vocabulary: Classroom language (2) 3. Reading and writing: People and jobs 4. Listening and speaking: Meeting people 5. Pronunciation: The IPA; word stress				
3	Unit 3: Descriptions 1. Grammar: have got/ has got 2. Vocabulary: Describing people 3. Reading and writing: My family 4. Listening and speaking: At the shops 5. Pronunciation: The IPA; Vowel sounds (1); -es endings	05	02	02	01
4	Unit 4: Work and play 1. Grammar: can 2. Vocabulary: Time 3. Reading and writing: RU 18? 4. Listening and speaking: Jenny's week 5. Pronunciation: The IPA; Vowel sounds (2); reduced vowels	04	02	02	
5	Unit 5: Likes and dislikes 1. Grammar: The present simple tense 2. Vocabulary: Food and drinks 3. Reading and writing: What do you eat ? 4. Listening and speaking: Would you like a drink ? 5. Pronunciation: The IPA; Consonant sounds ; word stress; the/ə/sound	04	02	02	
6	Unit 6: Daily life 1. Grammar: The present simple tense: the third person singular 2. Vocabulary: Daily activities 3. Reading and writing: It's a job, not a holiday 4. Listening and speaking: Asking about times 5. Pronunciation: The IPA; Voiced and voiceless sounds; present tense endings	05	02	02	01
7	Unit 7: Places	04	02	02	

	1. Grammar: There is/ there are 2. Vocabulary: Parts of a house 3. Reading and writing: home sweet home 4. Listening and speaking: " Excuse me, where's ...?" 5. Pronunciation: /ð/, /θ/; How many words ?				
8	Unit 8: Entertainment 1. Grammar: The past simple tense: was/were 2. Vocabulary: Giving dates 3. Reading and writing: It was a busy week 4. Listening and speaking: WOMAD 5. Pronunciation: /i:/ và /I/, words ending in -e	04	02	02	
9	Unit 9: Survivors 1. Grammar: The past simple tense: regular verbs 2. Vocabulary: Verbs 3. Reading and writing: Chairlift terror 4. Listening and speaking: I don't want to move 5. Pronunciation: / ʊ / và /U:/, -ed endings	05	02	02	01
10	Unit 10: Travel 1. Grammar: The past simple tense: irregular verbs 2. Vocabulary: Travel 3. Reading and writing: Torquay ? But I said Turkey! 4. Listening and speaking: At the travel agent's 5. Pronunciation: / eɪ / và /æ/; Intonation: statements and Yes/ No questions	04	02	02	
11	Unit 11: Fashion 1. Grammar: The present continuous tense 2. Vocabulary: Clothes	04	02	02	

	3. Reading and writing: A model pupil 4. Listening and speaking: In a clothes shop 5. Pronunciation: / ɒ/ và /əʊ/.; Intonation: wh- questions				
12	Unit 12: Health 1. Grammar: Comparatives and superlatives 2. Vocabulary: Parts of the body 3. Reading and writing: Aliens 4. Listening and speaking: " What's the matter ?" 5. Pronunciation: /h /; Sentence stress	04	02	02	
13	Unit 13: Winners 1. Grammar: Going to 2. Vocabulary: Phrasal verbs 3. Reading and writing: The year of Tiger 4. Listening and speaking: Going out 5. Pronunciation: /ɪ /, /ʃ/; How many words	04	02	02	
14	Unit 14: Experiences 1. Grammar: The present perfect tense 2. Vocabulary: The world 3. Reading and writing: Earthwatch 4. Listening and speaking: Lucky break 5. Pronunciation: Revision	05	02	01	01
	Cộng	60	29	27	04

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: Getting started

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp:

- Chào hỏi và giới thiệu được tên.
- Đặt được câu với tính từ.
- Chuyển được danh từ số ít sang số nhiều.

1.2. Từ vựng và phát âm:

- Đọc và viết được tên nước.
- Đọc và viết được số đếm từ 1 - 100.
- Đọc và viết được các tính từ.

- Đọc và viết các từ chỉ màu sắc

2. Nội dung:

- 2.1. Hello
- 2.2. Numbers
- 2.3. Classroom language (1)
- 2.4. Personal information
- 2.5. Plurals
- 2.6. Adjectives
- 2.7. In a café

Unit 2: People

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu với động từ “ to be”.
- Đặt được câu mệnh lệnh.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được các từ chỉ nghề nghiệp.
- Đọc và viết được các câu mệnh lệnh trong lớp học.
- Đọc, viết và sử dụng được các tính từ sở hữu.

1.3. Phát âm:

- Phân biệt được bảng kí hiệu ngữ âm
- Phân biệt được trọng âm

2. Nội dung:

- 2.1. Grammar: The verb to be
- 2.2. Vocabulary: Classroom language (2)
- 2.3. Reading and writing: People and jobs
- 2.4. Listening and speaking: Meeting people
- 2.5. Pronunciation: The IPA; word stress

Unit 3: Descriptions

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu với "have got".
- Mô tả được người.
- Sử dụng được dấu sở hữu.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được từ về gia đình.
- Đọc, viết và sử dụng được tính từ sở hữu.

1.3. Phát âm: Phân biệt được âm tiết và cách phát âm "es".

2. Nội dung:

- 2.1. Grammar: have got/ has got
- 2.2. Vocabulary: Describing people
- 2.3. Reading and writing: My family
- 2.4. Listening and speaking: At the shops
- 2.5. Pronunciation: The IPA; Vowel sounds (1); -es endings

Unit 4: Work and play

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu động từ "can".
- Đặt được câu nói phải làm gì.
- Nói được giờ.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được từ chỉ hoạt động trong lúc rảnh rỗi.
- Đọc và viết được từ chỉ thứ.

1.3. Phát âm:

- Phân biệt được âm của âm tiết.
- Phân biệt được hiện tượng giảm âm.

2. Nội dung:

- 2.1. Grammar: can
- 2.2. Vocabulary: Time
- 2.3. Reading and writing: RU 18?
- 2.4. Listening and speaking: Jenny's week
- 2.5. Pronunciation: The IPA; Vowel sounds (2); reduced vowels

Unit 5: Likes and dislikes

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu ở thì hiện tại đơn giản với like.
- Đặt được câu với some và any.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được từ chỉ đồ ăn, đồ uống.
- Phân biệt được danh từ đếm được và không ĐĐ.
- Phân biệt được like và would like.

1.3. Phát âm: - Phân biệt được trọng âm từ với âm /ə /, phụ âm .

2. Nội dung:

- 2.1. Grammar: The present simple tense
- 2.2. Vocabulary: Food and drinks
- 2.3. Reading and writing: What do you eat ?

2.4. Listening and speaking: Would you like a drink ?

2.5. Pronunciation: The IPA; Consonant sounds ; word stress; the/ə/sound

Unit 6: Daily life

Thời gian:4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp : Đặt được câu ở thì HTĐG với ngôi thứ 3 số ít.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được các từ chỉ hoạt động thường ngày.
- Đọc, viết và sử dụng được các trạng từ tần xuất.

1.3. Phát âm:

- Phân biệt được âm vô thanh và hữu thanh .
- Phát âm được âm "s".

2. Nội dung:

2.1. Grammar: The present simple tense: the third person singular

2.2. Vocabulary: Daily activities

2.3. Reading and writing: It's a job, not a holiday

2.4. Listening and speaking: Asking about times

2.5. Pronunciation: The IPA; Voiced and voiceless sounds; present tense endings

Unit 7: Places

Thời gian:4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu với cấu trúc chỉ tồn tại.
- Mô tả được nhà, phòng.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được các từ về nhà ở.
- Đọc và viết được các giới từ chỉ vị trí, số thứ tự.

1.3. Phát âm: Phân biệt được sự khác nhau giữa 2 âm /ð/, /θ/.

2. Nội dung:

2.1. Grammar: There is/ there are

2.2. Vocabulary: Parts of a house

2.3. Reading and writing: home sweet home

2.4. Listening and speaking: " Excuse me, where's ...?"

2.5. Pronunciation: /ð/, /θ/; How many words ?

Unit 8: Entertainment

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu ở thì quá khứ đơn với động từ to be
- Nói được ngày tháng và thời tiết.

1.2. Từ vựng: Đọc và viết được các từ chỉ ngày tháng và thời tiết.

1.3. Phát âm:

- Phân biệt được âm /i:/ và /I/.
- Đọc được các từ có tận cùng "e".

2. Nội dung:

2.1. Grammar: The past simple tense: was/were

2.2. Vocabulary: Giving dates

2.3. Reading and writing: It was a busy week

2.4. Listening and speaking: WOMAD

2.5. Pronunciation: /i:/ và /I/, words ending in -e

Unit 9: Survivors

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp : Đặt được câu ở thì QKĐG với động từ theo quy tắc.

1.2. Từ vựng: Đọc và viết được các hoạt động và giới từ chỉ phương hướng.

1.3. Phát âm:

- Phân biệt được âm /ʊ/ và /U:/.
- Phát âm được âm "ed".

2. Nội dung:

2.1. Grammar: The past simple tense: regular verbs

2.2. Vocabulary: Verbs

2.3. Reading and writing: Chairlift terror

2.4. Listening and speaking: I don't want to move

2.5. Pronunciation: /ʊ/ và /U:/, -ed endings

Unit 10: Travel

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp : Đặt được câu ở thì QKĐG với động từ bất quy tắc.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được một số động từ bất quy tắc.
- Đọc và viết được các từ về du lịch và giao thông.

1.3. Phát âm:

- Phân biệt được âm /eI/ và /æ/.
- P/b ngữ điệu trong câu nói và câu hỏi Yes/No.

2. Nội dung:

- 2.1. Grammar: The past simple tense: irregular verbs
- 2.2. Vocabulary: Travel
- 2.3. Reading and writing: Torquay ? But I said Turkey!
- 2.4. Listening and speaking: At the travel agent's
- 2.5. Pronunciation: / eɪ/ và /æ/; Intonation: statements and Yes/ No questions

Unit 11: Fashion

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu ở thì hiện tại tiếp diễn.
- Phân biệt được thì HTĐG và HTTD.

1.2. Từ vựng:

- Đọc và viết được các từ chỉ quần áo .
- Phân biệt một số từ không có dạng số nhiều.

1.3. Phát âm:

- Phân biệt được âm / ɒ/ và /əʊ/.
- P/b ngữ điệu trong câu hỏi Wh.

2. Nội dung:

- 2.1. Grammar: The present continuous tense
- 2.2. Vocabulary: Clothes
- 2.3. Reading and writing: A model pupil
- 2.4. Listening and speaking: In a clothes shop
- 2.5. Pronunciation: / ɒ/ và /əʊ/; Intonation: wh- questions

Unit 12: Health

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu so sánh với tính từ.
- Hỏi được bệnh và đưa ra lời khuyên.

1.2. Từ vựng: Đọc và viết được các từ chỉ bộ phận cơ thể .

1.3. Phát âm: Phân biệt được âm / h/ và trọng âm câu,

2. Nội dung:

- 2.1. Grammar: Comparatives and superlatives
- 2.2. Vocabulary: Parts of the body
- 2.3. Reading and writing: Aliens
- 2.4. Listening and speaking: " What's the matter ?"
- 2.5. Pronunciation: /h /; Sentence stress

Unit 13: Winners

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu với "going to"
- Đặt được câu gợi ý.

1.2. Từ vựng: Đọc và viết được một số cụm động từ.

1.3. Phát âm: Phân biệt được âm /tʃ/ và /ʃ/

2. Nội dung:

2.1. Grammar: Going to

2.2. Vocabulary: Phrasal verbs

2.3. Reading and writing: The year of Tiger

2.4. Listening and speaking: Going out

2.5. Pronunciation: /ʃ /, /tʃ/; How many words

Unit 14: Experiences

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Ngữ pháp :

- Đặt được câu ở thì hiện tại hoàn thành.
- Phân biệt được sự khác nhau giữa Be và Go.

1.2. Từ vựng: - Đọc và viết được các từ về chủ đề thế giới.

1.3. Phát âm: Ôn lại toàn bộ phần ngữ âm và ngữ điệu

2. Nội dung:

2.1. Grammar: The present perfect tense

2.2. Vocabulary: The world

2.3. Reading and writing: Earthwatch

2.4. Listening and speaking: Lucky break

2.5. Pronunciation: Revision

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính, loa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình " Lifelines Elementary" - Tom Hutchinson - Oxford University Press

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung.

- Kiến thức: Kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng cơ bản theo giáo trình bằng các bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận.

- Kỹ năng: Kiểm tra đánh giá các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ cơ bản qua các bài kiểm tra.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kiểm tra năng lực bằng giao bài tập nghiên cứu hướng dẫn sử dụng thuốc và sử dụng một số thuật ngữ y tế bằng Tiếng Anh.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: Ít nhất 01 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm
- Thi kết thúc học phần: Bài thi viết trắc nghiệm
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng chương trình môn học: Áp dụng bậc trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như trình bày, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của học sinh.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; tích cực tham gia các hoạt động nhóm trong các bài học; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

+ Tham dự tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

3. Tài liệu tham khảo:

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Elementary*, Oxford University Press, 1999.

[2] Raymond Murphy, *English grammar in use*, Cambridge University Press, 1995.

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: GIẢI PHẪU - SINH LÝ

Mã môđun: MĐ 07

Thời gian thực hiện môđun: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môđun.

- Vị trí: Giải phẫu sinh lý được sắp xếp học kỳ I năm thứ nhất.
- Tính chất: Môn học cơ sở bắt buộc

II. Mục tiêu môđun:

1 - Về kiến thức:

Mô tả được hình thể ngoài, hình thể trong và liên quan của các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình, tranh

Trình bày được chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể người và các hoạt động điều hòa chức năng các cơ quan đó

2 - Về kỹ năng:

Xác định được các bộ phận trong cơ thể người trên mô hình, tranh

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Liên hệ được vào cơ thể sống và áp dụng vào các môn học khác

Vận dụng được kiến thức đã học về giải phẫu, sinh lý áp dụng vào chẩn đoán và điều trị.

III. Nội dung môđun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Số TT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương về Giải phẫu - Sinh lý 1. Đại Cương về giải phẫu sinh lý, đặc điểm của cơ thể sống 1.1. Đại cương 1.2. Những đặc điểm của cơ thể sống 2. Đại cương về tế bào 2.1. Đại cương 2.2. Cấu tạo của tế bào 2.3. Sự phân chia tế bào	1	1		
2	Bài 2: Giải phẫu da, cơ, xương, mạch máu, thần kinh đầu, mặt, cổ và thân mình 1. Cấu tạo và chức năng của da 1.1. Cấu tạo của da 1.2. Chức năng của da	4	2	2	

	2. Xương đầu mặt 2.1. Các xương ở phần sọ 2.1. Các xương ở phần mặt 3. Cơ, mạch máu, thần kinh đầu, mặt, cổ 3.1. Vùng đầu mặt 3.2. Vùng cổ				
3	Bài 3: Giải phẫu xương, cơ, mạch máu, thần kinh thân mình 1. Xương thân mình 1.1. Cột sống 1.2. Xương ức 1.3. Xương sườn 2. Cơ, mạch máu, thần kinh thân mình 2.1. Cơ, mạch máu, thần kinh thành ngực 2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh thành bụng	4	2	2	
4	Bài 4: Giải phẫu xương, cơ, mạch máu, thần kinh chi trên 1. Xương chi trên 1.1. Các xương đai vai 1.2. Xương cánh tay 1.3. Xương cẳng tay 1.4. Xương cổ tay, xương bàn tay và xương ngón tay 2. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên 2.1. Vùng nách 2.2. Vùng cánh tay 2.3. Vùng khuỷu 2.4. Vùng cẳng tay 2.5. Cổ tay, bàn tay, ngón tay	4	2	2	
5	Bài 5: Giải phẫu xương, cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới 1. Xương chi dưới 1.1. Xương chậu 1.2. Xương đùi 1.3. Xương bánh chè 1.4. Xương cẳng chân 1.5. Xương cổ, bàn, ngón chân 2. Cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới 2.1. Vùng mông 2.2. Vùng đùi 2.3. Vùng khoeo	5	2	2	1

	2.4. Vùng cẳng chân 2.5. Vùng cổ, bàn, ngón chân				
6	Bài 6: Giải phẫu - Sinh lý thần kinh 1. Hành não - cầu não 1.1. Hành não 1.2. Cầu não 1.3. Các chức năng của hành não và cầu não 2. Tiểu não 2.1. Hình thể ngoài 2.2. Hình thể trong 2.3. Chức năng của tiểu não 3. Não giữa 3.1. Hình thể ngoài 3.2. Hình thể trong 3.3. Chức năng của tiểu não 4. Não trung gian (gian não) 4.1. Hình thể ngoài 4.2. Hình thể trong 4.3. Chức năng chính của não trung gian 5. Đại não 5.1. Hình thể ngoài 5.2. Hình thể trong 5.3. Chức năng của vỏ đại não 6. Tủy sống 6.1. Hình thể ngoài 6.2. Hình thể trong 6.3. Chức năng của tủy sống 7. Mười hai đôi dây thần kinh sọ não 7.1. Dây I (dây khứu giác) 7.2. Dây II (dây thị giác) 7.3. Dây III (dây vận nhãn chung) 7.4. Dây IV (dây cơ chéo to) 7.5. Dây V (dây sinh 3) 7.6. Dây VI (dây vận nhãn ngoài) 7.7. Dây VII (dây mặt) 7.8. Dây VIII (dây thính giác) 7.9. Dây IX (dây thiệt hầu) 7.10. Dây X (dây phế vị) 7.11. Dây XI (dây gai sống) 7.12. Dây XII (dây hạ thiệt)	8	3	4	1

	8. Hệ thần kinh thực vật 8.1. Cấu tạo của hệ thần kinh thực vật 8.2. Hệ thần kinh giao cảm 8.3. Hệ thần kinh phó giao cảm 8.4. Tương quan hoạt động giữa hệ thần kinh giao cảm và phó giao cảm 8.5. Ảnh hưởng của vỏ não đối với hệ thần kinh thực vật 8.6. Tác dụng của một số chất trên hệ thần kinh thực vật				
7	Bài 7: Giải phẫu - Sinh lý tuần hoàn 1. Tim 1.1. Hình thể ngoài và liên quan 1.2. Hình thể trong, hình đối chiếu của tim và huyết van tim trên thành ngực 1.3. Cấu tạo tim 1.4. Hoạt động của tim 2. Các mạch máu lớn 2.1. Phân loại mạch máu 2.2. Các mạch máu chính 3. Hoạt động của tim 3.1. Chu kỳ tim 3.2. Tiếng tim 3.3. Tính tự động của tim, hệ thống nút 4. Tuần hoàn mạch máu 4.1. Vòng tuần hoàn mạch máu 4.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu 5. Điều hòa tuần hoàn 5.1. Vai trò của hệ thần kinh thực vật 5.2. Cơ chế điều hòa tuần hoàn	8	3	4	1
8	Bài 8: Sinh lý máu 1. Cấu tạo của máu 1.1. Huyết cầu 1.2. Huyết tương 2. Máu đông 2.1. Cơ chế đông máu 2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến đông máu 3. Nhóm máu, truyền máu 3.1. Nhóm máu	4	2	2	

	3.2. Truyền máu 4. Chức năng của máu 4.1. Chức năng hô hấp 4.2. Chức năng dinh dưỡng 4.3. Chức năng đào thải 4.4. Chức năng điều hòa nhiệt độ cơ thể 4.5. Chức năng bảo vệ cơ thể 4.6. Chức năng thống nhất cơ thể				
9	Bài 9: Giải phẫu - Sinh lý hô hấp 1. Mũi 1.1. Hình thể ngoài 1.2. Hình thể trong và cấu tạo 2. Họng 2.1. Hình thể ngoài và liên quan 2.2. Hình thể trong 2.3. Cấu tạo 3. Thanh quản 3.1. Vị trí 3.2. Cấu tạo thanh quản 4. Khí quản 4.1. Hình thể ngoài và liên quan 4.2. Hình thể trong 4.3. Chức năng 5. Phế quản 5.1. Hướng đi và phân đoạn 5.2. Cấu tạo 5.3. Chức năng 6. Phổi 6.1. Đại cương 6.2. Hình thể ngoài và liên quan 6.3. Cấu tạo 6.4. Màng phổi 7. Sinh lý hô hấp 7.1. Hiện tượng cơ học 7.2. Hiện tượng lý, hóa học trong hô hấp 7.3. Điều hòa hô hấp	4	2	2	
10	Bài 10: Giải phẫu - Sinh lý tiêu hóa 1. Miệng 1.1. Tiền đình miệng 1.2. Cung lợi, răng 1.3. Buồng miệng	8	3	4	1

	2. Thực quản 2.1. Hình thể và cấu tạo 2.2. Liên quan 3. Dạ dày 3.1. Hình thể ngoài và liên quan 3.2. Cấu tạo 4. Ruột 4.1. Ruột tá (tá tràng) 4.2. Ruột non (ruột rỗng hồi) 4.3. Ruột già 5. Sinh lý tiêu hóa 5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản 5.2. Tiêu hóa ở dạ dày 5.3. Tiêu hóa ở ruột non 5.4. Tiêu hóa ở ruột già 6. Gan 6.1. Vị trí 6.2. Hình thể ngoài và liên quan 6.3. Cấu tạo cơ bản của gan 6.4. Sinh lý gan 7. Tuyến tụy 7.1. Vị trí 7.2. Hình thể ngoài và liên quan 7.3. Hình thể trong và cấu tạo 7.4. Sinh lý tuyến tụy 8. Màng bụng (phức mạc) 8.1. Cấu tạo của màng bụng 8.2. Màng bụng và phân khu ổ bụng				
11	Bài 11: Giải phẫu - Sinh lý tiết niệu 1. Thận 1.1. Hình thể ngoài và liên quan 1.2. Hình thể trong và cấu tạo cơ bản 2. Niệu quản 2.1. Hình thể ngoài 2.2. Cấu tạo gồm ba lớp 3. Bàng quang 3.1. Vị trí 3.2. Hình thể ngoài và liên quan 3.3. Hình thể trong và cấu tạo 4. Niệu đạo 4.1. Hình thể ngoài	4	2	2	

	4.2. Phân đoạn và liên quan 4.3. Cấu tạo 5. Sinh lý tiết niệu 5.1. Cơ chế tạo nước tiểu ở thận 5.2. Chức năng của thận 5.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu				
12	Bài 12: Giải phẫu - Sinh lý sinh dục 1. Cơ quan sinh dục nam 1.1. Tinh hoàn 1.2. Các đường dẫn tinh 1.3. Tuyến tiền liệt 1.4. Dương vật 1.5. Sinh lý sinh dục nam 2. Cơ quan sinh dục nữ 2.1. Buồng trứng 2.2. Vòi trứng 2.3. Tử cung 2.4. Âm đạo 2.5. Âm hộ 2.6. Sinh lý sinh dục nữ	4	2	2	
13	Bài 13: Sinh lý nội tiết, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt 1. Tuyến nội tiết 1.1. Tuyến yên 1.2. Tuyến giáp 1.3. Tuyến cận giáp trạng 1.4. Tuyến thượng thận 2. Chuyển hóa và thân nhiệt 2.1. Đại cương về chuyển hóa 2.2. Thân nhiệt (nhiệt độ của cơ thể)	2	2		
Cộng		60	28	28	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về giải phẫu sinh lý

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Kể được những đặc điểm của cơ thể sống để nhận biết mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường sống.

1.2. Mô tả được cấu tạo và chức năng của một tế bào.

2. Nội dung.

2.1. Đại Cương về giải phẫu sinh lý, đặc điểm của cơ thể sống

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Những đặc điểm của cơ thể sống

2.2. Đại cương về tế bào

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Cấu tạo của tế bào

2.2.3. Sự phân chia tế bào

Bài 2: Giải phẫu da, cơ, xương, mạch máu, thần kinh đầu, mặt, cổ

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được cấu tạo và chức năng của da.

1.2. Mô tả được các xương đầu, mặt trên mô hình và tranh.

1.3. Mô tả được cơ, mạch máu, thần kinh vùng đầu, mặt, cổ trên mô hình và tranh

2. Nội dung.

2.1. Cấu tạo và chức năng của da

2.1.1. Cấu tạo của da

2.1.2. Cơ quan nhận cảm giác ở da

2.1.3. Chức năng của da

2.2. Xương đầu mặt

2.2.1. Các xương ở phần sọ

2.2.1. Các xương ở phần mặt

2.3. Cơ, mạch máu, thần kinh đầu, mặt, cổ

2.3.1. Vùng đầu mặt

2.3.2. Vùng cổ

Bài 3: Giải phẫu xương, cơ, mạch máu, thần kinh thân mình

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được các xương thân mình trên mô hình và tranh.

1.2. Kể được cơ, mạch máu, thần kinh thân mình trên mô hình tranh.

2. Nội dung

2.1. Xương thân mình

2.1.1. Cột sống

2.1.2. Xương ức

2.1.3. Xương sườn

2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh thân mình

2.2.1. Cơ mạch máu, thần kinh thành ngực

2.2.2. Cơ mạch máu, thần kinh thành bụng

Bài 4: Giải phẫu xương, cơ, mạch máu, thần kinh chi trên

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được các xương chi trên trên mô hình và tranh.

1.2. Kể được các cơ, mạch máu, thần kinh chi trên trên mô hình và tranh.

2. Nội dung

2.1. Xương chi trên

2.1.1. Các xương đai vai

2.1.2. Xương cánh tay

2.1.3. Xương cẳng tay

2.1.4. Xương cổ tay, xương bàn tay và xương ngón tay

2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên

2.2.1. Vùng nách

2.2.2. Vùng cánh tay

2.2.3. Vùng khuỷu

2.2.4. Vùng cẳng tay

2.2.5. Cổ tay, bàn tay, ngón tay

Bài 5: Giải phẫu xương, cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được các xương chi trên trên mô hình và tranh.

1.2. Kể được các cơ, mạch máu, thần kinh chi trên trên mô hình và tranh.

2. Nội dung

2.1. Xương chi dưới

2.1.1. Xương chậu

2.1.2. Xương đùi

2.1.3. Xương bánh chè

2.1.4. Xương cẳng chân

2.1.5. Xương cổ, đốt bàn, ngón chân

2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới

2.2.1. Vùng mông

2.2.2. Vùng đùi

2.2.3. Vùng khoeo

2.2.4. Vùng cẳng chân

2.2.5. Vùng cổ bàn, bàn chân, ngón chân

Bài 6: Giải phẫu - Sinh lý thần kinh

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được hình thể ngoài, hình thể trong, chức năng hệ thần kinh trung ương
- 1.2. Trình bày được chức năng của 12 đôi dây thần kinh sọ não
- 1.3. Trình bày được cấu tạo và chức năng hệ thần kinh thực vật

2. Nội dung

- 2.1. Hành não - cầu não
 - 2.1.1. Hành não
 - 2.1.2. Cầu não
 - 2.1.3. Các chức năng của hành não và cầu não
- 2.2. Tiểu não
 - 2.2.1. Hình thể ngoài
 - 2.2.2. Hình thể trong
 - 2.2.3. Chức năng của tiểu não
- 2.3. Não giữa
 - 2.3.1. Hình thể ngoài
 - 2.3.2. Hình thể trong
 - 2.3.3. Chức năng của tiểu não
- 2.4. Não trung gian (gian não)
 - 2.4.1. Hình thể ngoài
 - 2.4.2. Hình thể trong
 - 2.4.3. Chức năng chính của não trung gian
- 2.5. Đại não
 - 2.5.1. Hình thể ngoài
 - 2.5.2. Hình thể trong
 - 2.5.3. Chức năng của vỏ đại não
- 2.6. Tủy sống
 - 2.6.1. Hình thể ngoài
 - 2.6.2. Hình thể trong
 - 2.6.3. Chức năng của tủy sống
- 2.7. Mười hai đôi dây thần kinh sọ não
 - 2.7.1. Dây I (dây khứu giác)
 - 2.7.2. Dây II (dây thị giác)
 - 2.7.3. Dây III (dây vận nhãn chung)
 - 2.7.4. Dây IV (dây cơ chéo to)
 - 2.7.5. Dây V (dây sinh 3)
 - 2.7.6. Dây VI (dây vận nhãn ngoài)
 - 2.7.7. Dây VII (dây mặt)
 - 2.7.8. Dây VIII (dây thính giác)

- 2.7.9. Dây IX (dây thiệt hầu)
- 2.7.10. Dây X (dây phế vị)
- 2.7.11. Dây XI (dây gai sống)
- 2.7.12. Dây XII (dây hạ thiệt)
- 2.8. Hệ thần kinh thực vật
- 2.8.1. Cấu tạo của hệ thần kinh thực vật
- 2.8.2. Hệ thần kinh giao cảm
- 2.8.3. Hệ thần kinh phó giao cảm
- 2.8.4. Tương quan hoạt động giữa hệ thần kinh giao cảm và phó giao cảm
- 2.8.5. Ảnh hưởng của vỏ não đối với hệ thần kinh thực vật
- 2.8.6. Tác dụng của một số chất trên hệ thần kinh thực vật

Bài 7: Giải phẫu - Sinh lý tuần hoàn

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong và hình đối chiếu tim và các ổ van tim trên thành ngực
- 1.2. Trình bày được cấu tạo và chu kỳ hoạt động của tim
- 1.3. Kể được các mạch máu chính và cơ chế điều hòa tuần hoàn mạch

2. Nội dung

- 2.1. Tim
 - 2.1.1. Hình thể ngoài và liên quan
 - 2.1.2. Hình thể trong, hình đối chiếu của tim và các ổ van tim trên thành ngực
 - 2.1.3. Cấu tạo
 - 2.1.4. Hoạt động của tim
- 2.2. Các mạch máu
 - 2.2.1. Phân loại mạch máu
 - 2.2.2. Các mạch máu chính
- 2.3. Tuần hoàn mạch máu
 - 2.3.1. Vòng tuần hoàn mạch máu
 - 2.3.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu
- 2.4. Điều hòa tuần hoàn
 - 2.4.1. Vai trò của hệ thần kinh thực vật
 - 2.4.2. Cơ chế điều hòa tuần hoàn

Bài 8: Sinh lý máu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cấu tạo máu, cơ chế đông máu và thời gian máu đông, để ứng dụng trong học tập bệnh học
- 1.2. Kể được các nhóm máu khác nhau để ứng dụng trong truyền máu

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo của máu

2.1.1. Huyết cầu

2.1.2. Huyết tương

2.2. Máu đông

2.2.1. Cơ chế đông máu

2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến đông máu

2.3. Nhóm máu

2.3.1. Nhóm máu

2.3.2. Ứng dụng trong truyền máu

2.4. Chức năng của máu

2.4.1. Chức năng hô hấp

2.4.2. Chức năng dinh dưỡng

2.4.3. Chức năng đào thải

2.4.4. Chức năng điều hòa nhiệt độ cơ thể

2.4.5. Chức năng bảo vệ cơ thể

2.4.6. Chức năng thống nhất cơ thể

Bài 9: Giải phẫu - Sinh lý hô hấp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được hình thể, cấu tạo mũi, họng, thanh quản, khí, phế quản và phổi

1.2. Nói được hiện tượng cơ học, lý, hóa học và cơ chế điều hòa hô hấp.

2. Nội dung

2.1. Mũi

2.1.1. Hình thể ngoài

2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo

2.2. Họng (hầu)

2.2.1. Hình thể ngoài và liên quan

2.2.2. Hình thể trong

2.2.3. Cấu tạo

2.3. Thanh quản

2.3.1. Vị trí

2.3.2. Cấu tạo thanh quản

2.4. Khí quản

2.4.1. Hình thể ngoài và liên quan

2.4.2. Hình thể trong

2.4.3. Chức năng

2.5. Phế quản

2.5.1. Hướng đi và phân đoạn

2.5.2. Cấu tạo

- 2.5.3. Chức năng
- 2.6. Phổi
 - 2.6.1. Đại cương
 - 2.6.2. Hình thể ngoài và liên quan
 - 2.6.3. Cấu tạo
 - 2.6.4. Màng phổi
- 2.7. Sinh lý hô hấp
 - 2.7.1. Hiện tượng cơ học
 - 2.7.2. Hiện tượng lý, hóa học trong hô hấp
 - 2.7.3. Điều hòa hô hấp

Bài 10: Giải phẫu - Sinh lý tiêu hóa

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo của ống tiêu hóa.
- 1.2. Trình bày được quá trình tiêu hóa ở miệng, thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, ruột già.
- 1.3. Trình bày được vị trí, hình thể và chức năng của gan, tụy.

2. Nội dung

- 2.1. Miệng
 - 2.1.1. Tiền đình miệng
 - 2.1.2. Cung lợi, răng
 - 2.1.3. Buồng miệng
- 2.2. Thực quản
 - 2.2.1. Hình thể và cấu tạo
 - 2.2.2. Liên quan
- 2.3. Dạ dày
 - 2.3.1. Hình thể ngoài và liên quan
 - 2.3.2. Cấu tạo
- 2.4. Ruột
 - 2.4.1. Ruột tá (tá tràng)
 - 2.4.2. Ruột non (ruột rỗng hồi)
 - 2.4.3. Ruột già
- 2.5. Sinh lý tiêu hóa
 - 2.5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản
 - 2.5.2. Tiêu hóa ở dạ dày
 - 2.5.3. Tiêu hóa ở ruột non
 - 2.5.4. Tiêu hóa ở ruột già
- 2.6. Gan
 - 2.6.1. Vị trí
 - 2.6.2. Hình thể ngoài và liên quan

- 2.6.3. Cấu tạo cơ bản của gan
- 2.6.4. Sinh lý gan
- 2.7. Tuyến tụy
 - 2.7.1. Vị trí
 - 2.7.2. Hình thể ngoài và liên quan
 - 2.7.3. Hình thể trong và cấu tạo
 - 2.7.4. Sinh lý tuyến tụy
- 2.8. Màng bụng (phức mạc)
 - 2.8.1. Cấu tạo của màng bụng
 - 2.8.2. Phân khu màng bụng

Bài 11. Giải phẫu - Sinh lý tiết niệu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được vị trí hình thể, cấu tạo và sự liên quan của thận, niệu quản, bàng quang, niệu đạo.
- 1.2. Trình bày được cơ chế, chức năng và yếu tố ảnh hưởng đến sự bài tiết nước tiểu.

2. Nội dung

- 2.1. Thận
 - 2.1.1. Hình thể ngoài và liên quan
 - 2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo
- 2.2. Niệu quản
 - 2.2.1. Hình thể ngoài
 - 2.2.2. Cấu tạo
- 2.3. Bàng quang
 - 2.3.1. Vị trí
 - 2.3.2. Hình thể ngoài và liên quan
 - 2.3.3. Hình thể trong và cấu tạo
- 2.4. Niệu đạo
 - 2.4.1. Hình thể ngoài
 - 2.4.2. Phân đoạn và liên quan
 - 2.4.3. Cấu tạo
- 2.5. Sinh lý tiết niệu
 - 2.5.1. Cơ chế tạo nước tiểu ở thận
 - 2.5.2. Chức năng của thận
 - 2.5.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu

Bài 12: Giải phẫu - Sinh lý sinh dục

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được hình thể, cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục nam.
- 1.2. Mô tả được hình thể, cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục nữ.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ quan sinh dục nam
 - 2.1.1. Tinh hoàn
 - 2.1.2. Các đường dẫn tinh
 - 2.1.3. Tuyến tiền liệt
 - 2.1.4. Dương vật
 - 2.1.5. Sinh lý sinh dục nam
- 2.2. Cơ quan sinh dục nữ
 - 2.2.1. Buồng trứng
 - 2.2.2. Vòi trứng (ống dẫn trứng)
 - 2.2.3. Tử cung (dạ con)
 - 2.2.4. Âm đạo
 - 2.2.5. Âm hộ
 - 2.2.6. Sinh lý sinh dục nữ

Bài 12: Sinh lý nội tiết, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được vị trí, hình thể, chức năng các tuyến nội tiết.
- 1.2. Nói được sự chuyển hóa và điều hòa thân nhiệt của cơ thể.

2. Nội dung

- 2.1. Tuyến nội tiết
 - 2.1.1. Tuyến yên
 - 2.1.2. Tuyến giáp
 - 2.1.3. Tuyến cận giáp trạng
 - 2.1.4. Tuyến thượng thận
- 2.2. Chuyển hóa và thân nhiệt
 - 2.2.1. Đại cương về chuyển hóa
 - 2.2.2. Thân nhiệt (nhiệt độ của cơ thể)

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học, phòng thực hành tại trường.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu.
3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, bài giảng, mô hình, tranh, phòng thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức:

Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, chỉ trên mô hình, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau.

Kiểm tra hình thể ngoài, hình thể trong và liên quan của các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình, tranh.

Kiểm tra chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể người và các hoạt động điều hòa chức năng các cơ quan đó

- Về kỹ năng:

Kiểm tra học sinh xác định được các bộ phận trong cơ thể người trên mô hình, tranh

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra học sinh liên hệ được vào cơ thể sống và áp dụng vào các môn học khác

Kiểm tra học sinh vận dụng được kiến thức đã học về giải phẫu, sinh lý áp dụng vào chẩn đoán và điều trị.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 02 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm (01 điểm lý thuyết, 01 điểm thực hành)
- Thi kết thúc học phần: Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng bậc trung cấp (Y sĩ)

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, câu hỏi bài tập, phương tiện dạy học

Đối với người học

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ học lý thuyết và 100 % số giờ thực hành
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Làm đầy đủ các bài tập về nhà

3. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ môn Giải phẫu – Trường đại học Y Hà Nội, *Giải phẫu người*, nhà xuất bản Y học, 2006

[2] Bộ Y Tế (2006), *Giải phẫu sinh lý*, Nhà xuất bản Y học

[3] Bộ Y Tế (2011), *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học

[4] Bộ môn Y học cơ sở - Trường Cao Đẳng Y tế Lạng Sơn (2008), *Giáo trình Giải phẫu - Sinh lý*, sách dùng cho đối tượng Trung cấp Y.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Vi sinh – ký sinh trùng

Mã mô đun: MĐ 08

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ, thực hành: 13 giờ, Kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được thực hiện sau khi học sinh đã học xong môn Giải phẫu – Sinh lý.
- Tính chất: Mô đun cơ sở - mô đun bắt buộc

II. Mục tiêu mô đun.

1. Kiến thức.

Mô tả được những đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo của vi sinh - ký sinh trùng

Trình bày được đặc điểm của sinh học, khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của vi sinh – ký sinh trùng

Nêu được các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh và ký sinh trùng gây nên.

Trình bày được khái niệm cơ bản về kháng nguyên, kháng thể, quá trình đáp ứng miễn dịch của cơ thể, vaccin và huyết thanh.

2. Kỹ năng:

Nhận biết được hình thể một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp.

Nhận biết được hình thể một số ký sinh trùng trứng giun đũa, giun kim, giun tóc, giun móc, ký sinh trùng sốt rét.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thể hiện được ý thức vô trùng trong thực hành chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về Vi sinh y học 1. Hình thể vi khuẩn 1.1. Cầu khuẩn (cocci) 1.2. Trục khuẩn (bacteria) 1.3. Xoắn khuẩn (Sprochaet) 2. Cấu trúc vi khuẩn 2.1. Nhân 2.2. Chất nguyên sinh (Bào tương) 2.3. Màng nguyên sinh	1	1		

	2.4. Vách 2.5. Vỏ (capsul) 2.6. Lông (flagella) 2.7. Pyli 2.8. Nha bào 3. Sinh lý của vi khuẩn 3.1. Dinh dưỡng 3.2. Chuyển hoá 3.3. Hô hấp 3.4. Sinh sản 3.5. Phát triển của vi khuẩn 4. Ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh 4.1. Yếu tố vật lý 4.2. Yếu tố hoá học 4.3. Yếu tố vi sinh vật				
2	Bài 2. Đại cương về virus 1. Đại cương virus 2. Đặc điểm sinh học cơ bản 3. Sự nhân lên của virus 4. Hậu quả của sự nhân lên 5. Phòng và điều trị nhiễm virus	1	1		
3	Bài 3. Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp 1. Tụ cầu vàng 2. Liên cầu (Streptococci) 3. Trực khuẩn thương hàn 4. Trực khuẩn lỵ (Shigella) 5. Phẩy khuẩn tả (Vibrio cholerae) 6. Trực khuẩn uốn ván 7. Trực khuẩn lao 8. Xoắn khuẩn giang mai	6	2	4	
4	Bài 4. Một số virus gây bệnh thường gặp 1. Virus Bại liệt (Poliovirus) 2. Virus Đại (Rabies virus) 3. Virus Viêm gan B 4. Virus Sốt xuất huyết (Dengue virus) 5. Virus Viêm não Nhật Bản 6. Virus HIV	2	2		
5	Bài 5. Đại cương về Ký sinh trùng y học 1. Hiện tượng ký sinh, ký sinh trùng, vật chủ và chu kỳ. 2. Đặc điểm của ký sinh trùng	1	1		

	3. Phân loại ký sinh trùng 4. Ký sinh và bệnh ký sinh trùng 5. Chẩn đoán bệnh ký sinh trùng 6. Điều trị bệnh ký sinh trùng 7. Dịch tễ học				
6	Bài 6. Ký sinh trùng sốt rét 1. Phân loại hình thể ký sinh trùng sốt rét 2. Chu kỳ 3. Bệnh sốt rét 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Dịch tễ học 7. Phòng chống	4	1	3	
7	Bài 7. Giun đũa, giun tóc, giun kim, giun móc, giun chỉ 1. Giun đũa 1.1. Hình thể 1.2. Chu kỳ. 1.3. Dịch tễ học 1.4. Tác hại 1.5. Chẩn đoán 1.6. Phòng bệnh 2. Giun móc 2.1. Hình thể 2.2. Chu kỳ 2.3. Dịch tễ học 2.4. Tác hại 2.5. Chẩn đoán 2.6. Điều trị 2.7. Phòng bệnh 3. Giun tóc 3.1. Hình thể 3.2. Chu kỳ 3.3. Dịch tễ học 3.4. Tác hại 3.5. Chẩn đoán 3.6. Điều trị 3.7. Phòng bệnh 4. Giun kim 4.1. Hình thể 4.2. Chu kỳ	7	2	4	1

	4.3. Dịch tễ học 4.4. Tác hại 4.5. Chẩn đoán 4.6. Điều trị 4.7. Phòng bệnh 5. Giun chỉ 5.1. Hình thể 5.2. Chu kỳ 5.3. Dịch tễ học 5.4. Bệnh học 5.5. Chẩn đoán 5.6. Điều trị 5.7. Phòng bệnh				
8	Bài 8. A míp, trùng roi, trùng lông 1. Amíp (<i>Entamoeba Histolytica</i>) 1.1. Hình thể 1.2. Chu kỳ 1.3. Tác hại 1.4. Dịch tễ học 1.5. Phòng bệnh 2. Trùng roi (<i>Trichomonas Vaginalis</i>) 2.1. Hình thể 2.2. Chu kỳ 2.3. Phương thức ký sinh 2.4. Bệnh học 2.5. Xét nghiệm 2.6. Điều trị 2.7. Phòng bệnh 3. Trùng lông (mao trùng) 3.1. Hình thể 3.2. Cấu tạo 3.3. Chu kỳ 3.4. Sinh sản 3.5. Bệnh học 3.6. Xét nghiệm 3.7. Điều trị 3.8. Phòng bệnh	2	2		
9	Bài 9. Sán lá, sán dây 1. Sán lá nhỏ ở gan 1.1. Hình thể 1.2. Chu kỳ:	3	1	2	

	1.3. Dịch tễ học 1.4. Bệnh học 1.5. Chẩn đoán 1.6. Điều trị 1.7. Phòng bệnh 2. Sán lá phổi 2.1. Hình thể 2.2. Chu kỳ 2.3. Dịch tễ học 2.4. Bệnh học 2.5. Chẩn đoán 2.6. Điều trị: 2.7. Phòng bệnh 3. Sán lá ruột 3.1. Hình thể 3.1. Chu kỳ 3.2. Dịch tễ học 3.3. Bệnh học 3.4. Chẩn đoán 3.5. Điều trị 3.6. Phòng bệnh 4. Sán dây 4.1. Hình thể 4.2. Chu kỳ 4.3. Dịch tễ 4.4. Tác hại 4.5. Chẩn đoán 4.6. Điều trị 4.7. Phòng bệnh				
10	Bài 10. Đại cương về miễn dịch và ứng dụng trong y học 1. Định nghĩa miễn dịch 2. Kháng nguyên 2.1. Định nghĩa 2.2. Điều kiện sinh miễn dịch của kháng nguyên 2.3. Các thành phần của kháng nguyên vi sinh vật 3. Kháng thể 3.1. Định nghĩa 3.2. Các loại kháng thể	3	2		1

4. Phân loại miễn dịch 5. Các hệ thống miễn dịch của cơ thể 5.1. Hệ thống miễn dịch không đặc hiệu (miễn dịch tự nhiên) 5.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu: (miễn dịch thu được) 6. Ứng dụng trong y học: 6.1. Vaccin 6.2. Huyết thanh				
Cộng	30	15	13	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về Vi sinh y học

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được 3 loại hình thể, kích thước của vi khuẩn.
- 1.2. Mô tả được cấu trúc cơ bản của tế bào vi khuẩn.
- 1.3. Trình bày được sự chuyển hoá, hô hấp, sinh sản và phát triển của vi khuẩn.
- 1.4. Nói được các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến vi khuẩn.

2. Nội dung

- 2.1. Hình thể vi khuẩn
 - 2.1.1. Cầu khuẩn (cocci)
 - 2.1.2. Trục khuẩn (bacteria)
 - 2.1.3. Xoắn khuẩn (Sprochaet)
- 2.2. Cấu trúc vi khuẩn
 - 2.2.1. Nhân
 - 2.2.2. Chất nguyên sinh (Bào tương)
 - 2.2.3. Màng nguyên sinh (màng bào tương)
 - 2.2.4. Vách
 - 2.2.5. Vỏ (capsul)
 - 2.2.6. Lông (flagella)
 - 2.2.7. Pyli
 - 2.2.8. Nha bào
- 2.3. Sinh lý của vi khuẩn
 - 2.3.1. Dinh dưỡng
 - 2.3.2. Chuyển hoá
 - 2.3.3. Hô hấp
 - 2.3.4. Sinh sản
 - 2.3.5. Phát triển của vi khuẩn
- 2.4. Ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh

- 2.4.1. Yếu tố vật lý
- 2.4.2. Yếu tố hoá học
- 2.4.3. Yếu tố vi sinh vật

Bài 2: Đại cương về vi rus

Thời gian: 1 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Phân tích được đặc điểm cấu trúc của hạt virus.
 - 1.2. Trình bày sự nhân lên, hậu quả của sự nhân lên của virus trong tế bào sống cảm thụ.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương virus
 - 2.2. Đặc điểm sinh học cơ bản
 - 2.3. Sự nhân lên của virus
 - 2.4. Hậu quả của sự nhân lên
 - 2.5. Phòng và điều trị nhiễm virus

Bài 3: Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp

Thời gian: 6 giờ

- 1. Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phòng và điều trị một số vi khuẩn gây bệnh.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Tụ cầu vàng
 - 2.2. Liên cầu (Streptococci)
 - 2.3. Trực khuẩn thương hàn (Salmonella)
 - 2.4. Trực khuẩn lỵ (Shigella)
 - 2.5. Phẩy khuẩn tả (Vibrio cholerae)
 - 2.6. Trực khuẩn uốn ván (Clostridium tetani)
 - 2.7. Trực khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis)
 - 2.8. Xoắn khuẩn giang mai (Treponema pallidum)

Bài 4: Một số vi rus gây bệnh thường gặp

Thời gian: 2 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh.
 - 1.2. Chẩn đoán được vi sinh cách phòng và điều trị một số vi rus gây bệnh thường gặp.
- 1. Nội dung
 - 2.1. Virus Bại liệt (Poliovirus)
 - 2.2. Virus Đại (Rabies virus)

- 2.3. Virus Viêm gan B (Hepatitis B virus - HBV)
- 2.4. Virus Sốt xuất huyết (Dengue virus)
- 2.5. Virus Viêm não Nhật Bản (Japaneses encephalitis virus - JEV)
- 2.6. Virus HIV (Human Immunodephiciency Virus)

Bài 5: Đại cương về ký sinh trùng y học

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nói được định nghĩa ký sinh trùng, khái niệm các loại ký sinh trùng và vật chủ.
- 1.2. Trình bày đặc điểm hình thể và cấu tạo cơ quan.
- 1.3. Trình bày phân loại, bệnh học, dịch tễ học, phòng chống ký sinh trùng.

2. Nội dung

- 2.1. Hiện tượng ký sinh, ký sinh trùng, vật chủ và chu kỳ.
- 2.2. Đặc điểm của ký sinh trùng
- 2.3. Phân loại ký sinh trùng
- 2.4. Ký sinh và bệnh ký sinh trùng
- 2.5. Chẩn đoán bệnh ký sinh trùng
- 2.6. Điều trị bệnh ký sinh trùng
- 2.7. Dịch tễ học
- 2.8. Phòng chống

Bài 6: Ký sinh trùng sốt rét

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân loại được hình thể, chu kỳ, phương thức nhiễm bệnh của ký sinh trùng sốt rét.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán cách điều trị bệnh sốt rét.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại hình thể ký sinh trùng sốt rét
- 2.2. Chu kỳ
- 2.3. Bệnh sốt rét
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Điều trị
- 2.6. Dịch tễ học
- 2.7. Phòng chống

Bài 7: Giun đũa, giun tóc, giun kim, giun móc, giun chỉ

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày hình thể, chu kỳ, dịch tễ học giun đũa, móc, tóc, kim, chỉ.
- 1.2. Trình bày tác hại, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh giun: đũa, móc, tóc, kim, chỉ.

2. Nội dung

- 2.1. Giun đũa
 - 2.1.1. Hình thể
 - 2.1.2. Chu kỳ.
 - 2.1.3. Dịch tễ học
 - 2.1.4. Tác hại
 - 2.1.5. Chẩn đoán
 - 2.1.6. Phòng bệnh
- 2.2. Giun móc
 - 2.2.1. Hình thể
 - 2.2.2. Chu kỳ
 - 2.2.3. Dịch tễ học
 - 2.2.4. Tác hại
 - 2.2.5. Chẩn đoán
 - 2.2.6. Điều trị
 - 2.2.7. Phòng bệnh
- 2.3. Giun tóc
 - 2.3.1. Hình thể
 - 2.3.2. Chu kỳ
 - 2.3.3. Dịch tễ học
 - 2.3.4. Tác hại
 - 2.3.5. Chẩn đoán
 - 2.3.6. Điều trị
 - 2.3.7. Phòng bệnh
- 2.4. Giun kim
 - 2.4.1. Hình thể
 - 2.4.2. Chu kỳ
 - 2.4.3. Dịch tễ học
 - 2.4.4. Tác hại
 - 2.4.5. Chẩn đoán
 - 2.4.6. Điều trị
 - 2.4.7. Phòng bệnh
- 2.5. Giun chỉ
 - 2.5.1. Hình thể
 - 2.5.2. Chu kỳ

- 2.5.3. Dịch tế học
- 2.5.4. Bệnh học
- 2.5.5. Chẩn đoán
- 2.5.6. Điều trị
- 2.5.7. Phòng bệnh

Bài 8: A míp, trùng roi, trùng lông

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày hình thể, chu kỳ, dịch tế học Amip, trùng roi, trùng lông.
 - 1.2. Nói được cách phòng bệnh Amip, trùng roi, trùng lông.
2. Nội dung
 - 2.1. Amíp (*Entamoeba Histolytica*)
 - 2.1.1. Hình thể
 - 2.1.2. Chu kỳ
 - 2.1.3. Tác hại
 - 2.1.4. Dịch tế học
 - 2.1.5. Phòng bệnh
 - 2.2. Trùng roi (*Trichomonas Vaginalis*)
 - 2.2.1. Hình thể
 - 2.2.2. Chu kỳ
 - 2.2.3. Phương thức ký sinh
 - 2.2.4. Bệnh học
 - 2.2.5. Xét nghiệm
 - 2.2.6. Điều trị
 - 2.2.7. Phòng bệnh
 - 2.3. Trùng lông (mao trùng) – *Banlantiidum coli*
 - 2.3.1. Hình thể
 - 2.3.2. Cấu tạo
 - 2.3.3. Chu kỳ
 - 2.3.4. Sinh sản
 - 2.3.5. Bệnh học
 - 2.3.6. Xét nghiệm
 - 2.3.7. Điều trị
 - 2.3.7. Phòng bệnh

Bài 9: Sán lá, sán dây

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được hình thể, chu kỳ, dịch tễ học, bệnh học sán lá và sán dây.
 - 1.2. Nói được cách chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh sán lá và sán dây.
2. Nội dung
 - 2.1. Sán lá nhỏ ở gan (*Clonorchis sinensis*)
 - 2.1.1. Hình thể
 - 2.1.2. Chu kỳ:
 - 2.1.3. Dịch tễ học
 - 2.1.4. Bệnh học
 - 2.1.5. Chẩn đoán
 - 2.1.6. Điều trị
 - 2.1.7. Phòng bệnh
 - 2.2. Sán lá phổi
 - 2.2.1. Hình thể
 - 2.2.2. Chu kỳ
 - 2.2.3. Dịch tễ học
 - 2.2.4. Bệnh học
 - 2.2.5. Chẩn đoán
 - 2.2.6. Điều trị:
 - 2.2.7. Phòng bệnh
 - 2.3. Sán lá ruột
 - 2.3.1. Hình thể
 - 2.3.2. Chu kỳ
 - 2.3.3. Dịch tễ học
 - 2.3.4. Bệnh học
 - 2.3.5. Chẩn đoán
 - 2.3.6. Điều trị:
 - 2.3.7. Phòng bệnh
 - 2.4. Sán dây
 - 2.4.1. Hình thể
 - 2.4.2. Chu kỳ
 - 2.4.3. Dịch tễ học
 - 2.4.4. Bệnh học
 - 2.4.5. Chẩn đoán
 - 2.4.6. Điều trị:
 - 2.4.7. Phòng bệnh

Bài 10: Đại cương về miễn dịch và ứng dụng trong y học

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa kháng nguyên và kháng thể.
- 1.2. Trình bày cách phân loại và 2 hệ thống miễn dịch bảo vệ cơ thể.
- 1.3. Trình bày được nguyên lý, nguyên tắc sử dụng, tiêu chuẩn và lịch tiêm các loại vaccin .
- 1.4. Trình bày được nguyên lý, nguyên tắc sử dụng của huyết thanh.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa miễn dịch
- 2.2. Kháng nguyên
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Điều kiện sinh miễn dịch của kháng nguyên
 - 2.2.3. Các thành phần của kháng nguyên vi sinh vật
- 2.3. Kháng thể
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Các loại kháng thể
- 2.4. Phân loại miễn dịch
- 2.5. Các hệ thống miễn dịch của cơ thể
 - 2.5.1. Hệ thống miễn dịch không đặc hiệu (miễn dịch tự nhiên)
 - 2.5.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu: (miễn dịch thu được)
- 2.6. Ứng dụng trong y học:
 - 2.6.1. Vaccin
 - 2.6.2. Huyết thanh

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học, phòng thực hành vi sinh – ký sinh trùng.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, bài giảng, mô hình, tranh, tiêu bản mẫu.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về Kiến thức:

Đánh giá thông qua học sinh mô tả được những đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo của vi sinh - ký sinh trùng

Đặc điểm của sinh học, khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của vi sinh – ký sinh trùng

Phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh và ký sinh trùng gây nên

Khái niệm cơ bản về kháng nguyên, kháng thể, quá trình đáp ứng miễn dịch của cơ thể, vaccin và huyết thanh.

- Về kỹ năng:

Nhận biết được hình thể một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp.

Nhận biết được hình thể một số ký sinh trùng trứng giun đũa, giun kim, giun tóc, giun móc, ký sinh trùng sốt rét

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện được ý thức vô trùng trong thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm (01 điểm lý thuyết, 01 điểm thực hành)

- Thi kết thúc học phần: Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm

- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Giảng dạy cho trình độ trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Lý thuyết: Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên...

+ Thực hành: Cầm tay chỉ việc, làm mẫu...

- Đối với Học sinh:

+ Tham dự tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

+ Đọc tài liệu trước khi đến lớp

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Y tế (2007). *Ký sinh trùng*, Nhà xuất bản Y học

[2] Trường Đại học Y Hà Nội (2000), *Bài giảng Vi sinh Y học*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Trường Cao Đẳng Y Tế - Bộ môn Y học cơ sở (2009), *Giáo trình Vi sinh – Ký sinh trùng*, sách dùng cho đối tượng Trung cấp Y.

[4] Vụ khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2010), *Vi sinh – Ký sinh trùng*, sách dùng cho các trường trung học Y tế, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên môđun: Dược lý

Mã môđun: MĐ 09

Thời gian thực hiện môđun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Được bố trí học kỳ I
- Tính chất: Là mô đun cơ sở bắt buộc

II. Mục tiêu mô đun:

1- Về kiến thức:

Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc và tác dụng của thuốc trong cơ thể.

Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn và cách sử dụng các thuốc thiết yếu.

2- Về kỹ năng:

Nhận biết, hướng dẫn sử dụng đúng các dạng thuốc thường dùng và quản lý thuốc đúng quy chế trong phạm vi được phân công.

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác khi dùng thuốc.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về dược lý 1. Khái niệm 1.1. Dược lý 1.2. Thuốc 1.3. Thuốc thiết yếu 2. Dạng thuốc 2.1. Khái niệm 2.2. Các dạng thuốc và cách dùng 3. Tác dụng của thuốc 3.1. Khái niệm 3.2. Các cách (kiểu) tác dụng của thuốc 3.3. Yếu tố quyết định (ảnh hưởng) đến tác dụng của thuốc 4. Sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa và thải trừ của thuốc. 4.1. Sự hấp thu thuốc 4.2. Phân phối thuốc	3	3		

	4.3. Chuyển hóa thuốc 4.4. Sự thải trừ của thuốc				
2	Bài 2. Quy chế dược 1. Khái niệm 1.1. Thuốc gây nghiện 1.2. Thuốc hướng tâm thần 2. Quy định về sổ sách, bảo quản thuốc 2.1. Quy định về sổ sách 2.2. Quy định về bảo quản thuốc 3. Đơn thuốc 3.1. Khái niệm 3.2. Quy định đơn thuốc 4. Quy định mẫu đơn thuốc. 4.1. Khái niệm 4.2. Quy định về nội dung của nhãn thuốc thành phẩm	4	2	2	
3	Bài 3. Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật 1. Khái niệm và nguyên tắc sử dụng thuốc. 1.1. Khái niệm 1.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc 2. Phân loại 2.1. Thuốc an thần kinh 2.2. Thuốc ngủ 2.3. Thuốc chống co giật 3. Cách sử dụng thuốc	3	2	1	
4	Bài 4. Thuốc gây tê, gây mê 1. Thuốc gây tê 1.1. Thuốc gây tê 1.2. Thuốc gây mê 2. Phân loại thuốc gây tê, gây mê 2.1. Thuốc gây tê 2.2. Thuốc gây mê 3. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng	3	1	2	
5	Bài 5. Thuốc hạ sốt, giảm đau, kháng viêm 1. Khái niệm, nguyên tắc sử dụng thuốc 1.1. Khái niệm thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm 1.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm 2. Phân loại 2.1. Thuốc hạ sốt,	4	2	2	

	2.2. Giảm đau, 2.3. Chống viêm				
6	Bài 6. Thuốc tim mạch 1. Phân loại 1.1 Thuốc điều trị bệnh suy tim 1.2. Thuốc điều trị đau thắt ngực 1.3. Thuốc chống loạn nhịp tim 1.4. Thuốc trợ tuần hoàn và nâng huyết áp 1.5. Thuốc điều trị cao huyết áp 1.6. Thuốc tăng tuần hoàn máu não 2. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng	7	2	4	1
7	Bài 7. Thuốc chống dị ứng 1. Khái niệm 1.1. Dị ứng 1.2. Thuốc chống dị ứng 2. Phân loại 2.1. Thuốc kháng sinh Histamin tổng hợp 2.2. Thuốc dị ứng khác 3. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng	3	2	1	
8	Bài 8. Thuốc đường hô hấp 1. Thuốc chữa ho 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại thuốc 1.3. Cách sử dụng một số thuốc 2. Thuốc chữa hen 2.1. Khái niệm 2.2. Phân loại 2.3. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng 3. Thuốc chống lao 3.1. Đại cương 3.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc 3.3. Các thuốc điều trị lao 3.4. Cách sử dụng một số thuốc	4	2	2	
9	Bài 9. Thuốc đường tiêu hóa, thuốc tẩy giun sán 1. Thuốc nhuận tràng 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại 1.3. Cách sử dụng thuốc 2. Thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng 2.1. Đại cương	4	2	2	

	2.2. Phân loại 2.3. Cách sử dụng một số thuốc 3. Thuốc chữa tiêu chảy – kiết lỵ 3.1. Đại cương 3.2. Phân loại 3.3. Cách sử dụng thuốc 4. Thuốc chữa gan mật 4.1. Khái niệm 4.2. Phân loại 4.3. Cách sử dụng thuốc 5. Thuốc giun sán 5.1. Đại cương 5.2. Phân loại 5.3. Cách sử dụng một số thuốc				
10	Bài 10. Thuốc kháng sinh – sulfamid 1. Khái niệm 1.1. Thuốc kháng sinh 1.2. Sulfamid kháng sinh 2. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh 2.1. Chỉ sử dụng thuốc kháng sinh khi có nhiễm khuẩn 2.2. Phải biết lựa chọn được thuốc kháng sinh hợp lý 2.3. Sử dụng thuốc kháng sinh phải đủ liều 2.4. Sử dụng thuốc kháng sinh phải đủ thời gian 2.5. Chỉ phối hợp kháng sinh khi cần thiết 2.6. Sử dụng thuốc kháng sinh trong dự phòng hợp lý 3. Phân loại 4. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng	6	2	4	
11	Bài 11. Thuốc sát trùng – khử trùng 1. Khái niệm 2. Cách sử dụng thuốc	2	1	1	
12	Bài 12. Thuốc nội tiết và thuốc bướu cổ 1. Khái niệm 2. Phân loại 3. Nguyên tắc sử dụng thuốc 4. Cách sử dụng một số thuốc	4	2	2	
13	Bài 13. Thuốc chống Sốt rét 1. Đại cương	2	1	1	

	2. Phân loại 3. Cách sử dụng một số thuốc				
14	Bài 14. Thuốc dùng trong khoa Mắt, Tai – Mũi – Họng, Da liễu và thuốc dùng trong Sản – Phụ khoa 1. Thuốc chữa bệnh mắt 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại 1.3. Cách sử dụng thuốc 2. Thuốc chữa bệnh tai – mũi – họng 2.1. Đại cương 2.2. Phân loại 2.3. Cách sử dụng một số thuốc 3. Thuốc chữa bệnh ngoài da 3.1. Khái niệm 3.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc 3.3. Phân loại 3.4. Cách sử dụng một số thuốc 4. Thuốc dùng cho phụ nữ 4.1. Phân loại 4.2. Cách sử dụng thuốc	3	2	1	
15	Bài 15. Vitamin 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Cách sử dụng một số thuốc	4	1	2	1
16	Bài 16. Dung dịch tiêm truyền 1. Khái niệm 2. Phân loại 3. Cách sử dụng một số thuốc	2	1	1	
17	Bài 17. Thuốc chống thiếu máu 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Cách sử dụng thuốc	2	1	1	
Cộng		60	29	29	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về dược lý:

Thời gian: 3 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về môn dược lý, thuốc, thuốc thiết yếu.
- 1.2. Trình bày được khái niệm dạng thuốc, tên dạng bào chế và cách dùng các dạng thuốc công dụng.
- 1.3. Trình bày được khái niệm về tác dụng của thuốc, các tác dụng của thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
- 1.4. Trình bày được sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa và sự thải trừ của thuốc.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Dược lý
 - 2.1.2. Thuốc
 - 2.1.3. Thuốc thiết yếu
- 2.2. Dạng thuốc
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Các dạng thuốc và cách dùng
- 2.3. Tác dụng của thuốc
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Các cách (kiểu) tác dụng của thuốc
 - 2.3.3. Yếu tố quyết định (ảnh hưởng) đến tác dụng của thuốc
- 2.4. Sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa và thải trừ của thuốc.
 - 2.4.1. Sự hấp thu thuốc
 - 2.4.2. Phân phối thuốc
 - 2.4.3. Chuyển hóa thuốc
 - 2.4.4. Sự thải trừ của thuốc

Bài 2: Quy chế dược:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần.
- 1.2. Trình bày được quy định về sổ sách, bảo quản thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần.
- 1.3. Trình bày được khái niệm về đơn thuốc và những quy định về đơn thuốc
- 1.4. Trình bày được khái niệm về nhãn thuốc, nội dung của một nhãn thuốc thành phẩm quy định theo quy chế.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Thuốc gây nghiện
 - 2.1.2. Thuốc hướng tâm thần

- 2.2. Quy định về sổ sách, bảo quản thuốc
 - 2.2.1. Quy định về sổ sách
 - 2.2.2. Quy định về bảo quản thuốc
- 2.3. Đơn thuốc
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Quy định đơn thuốc
- 2.4. Quy định mẫu đơn thuốc.
 - 2.4.1. Khái niệm
 - 2.4.2. Quy định về nội dung của nhãn thuốc thành phẩm

Bài 3: Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu khái niệm, nguyên tắc sử dụng thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật.
- 1.2. Phân loại được ba nhóm thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật và kể tên thuốc đại diện cho từng nhóm.
- 1.3. Trình bày đúng cách sử dụng một số thuốc an thần gây ngủ, chống co giật thông dụng hay dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và nguyên tắc sử dụng thuốc.
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc
- 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Thuốc an thần kinh
 - 2.2.2. Thuốc ngủ
 - 2.2.3. Thuốc chống co giật
- 2.3. Cách sử dụng thuốc

Bài 4: Thuốc gây tê, gây mê:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm thuốc gây tê, gây mê
- 1.2. Phân loại được hai nhóm thuốc gây tê, gây mê và kể tên các thuốc đại diện.
- 1.3. Trình bày được đúng cách sử dụng một số thuốc gây tê, gây mê hay dùng tại cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc gây tê, gây mê
 - 2.1.1. Thuốc gây tê
 - 2.1.2. Thuốc gây mê
- 2.2. Phân loại thuốc gây tê, gây mê
 - 2.2.1. Thuốc gây tê

2.2.2. Thuốc gây mê

2.3. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng

Bài 5: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm:

Thời gian: 4 tiết

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm và nguyên tắc sử dụng thuốc
- 1.2. Phân loại được ba nhóm thuốc giảm đau và kể tên các thuốc đại diện
- 1.3. Trình bày đúng cách sử dụng một số thuốc thông dụng

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm, nguyên tắc sử dụng thuốc
 - 2.1.1. Khái niệm thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm
 - 2.1.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm
- 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Thuốc hạ sốt,
 - 2.2.2. Giảm đau,
 - 2.2.3. Chống viêm

Bài 6: Thuốc tim mạch:

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân loại được 6 nhóm thuốc chữa bệnh tim mạch và kể được tên các thuốc đại diện cho từng nhóm
- 1.2. Trình bày đúng cách sử dụng một số thuốc chữa bệnh tim mạch thông dụng

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại
 - 2.1.1. Thuốc điều trị bệnh suy tim
 - 2.1.2. Thuốc điều trị đau thắt ngực
 - 2.1.3. Thuốc chống loạn nhịp tim
 - 2.1.4. Thuốc trợ tuần hoàn và nâng huyết áp
 - 2.1.5. Thuốc điều trị cao huyết áp
 - 2.1.6. Thuốc tăng tuần hoàn máu não
- 2.2. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng

Bài 7: Thuốc chống dị ứng:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nói được khái niệm dị ứng, thuốc chống dị ứng
- 1.2. Phân loại được hai nhóm thuốc chống dị ứng và kể tên các thuốc đại diện.
- 1.3. Trình bày đúng cách sử dụng một số thuốc chống dị ứng thông dụng

- 2. Nội dung
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Dị ứng
 - 2.1.2. Thuốc chống dị ứng
 - 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Thuốc kháng sinh Histamin tổng hợp
 - 2.2.2. Thuốc dị ứng khác
 - 2.3. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng

Bài 8: Thuốc chữa bệnh đường hô hấp:

Thời gian: 4 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nói được khái niệm, phân loại, cách sử dụng thuốc chữa ho
 - 1.2. Nói được khái niệm, phân loại, cách sử dụng thuốc chữa hen
 - 1.3. Nói được khái niệm, phân loại, cách sử dụng thuốc chống lao
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Thuốc chữa ho
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Phân loại thuốc
 - 2.1.3. Cách sử dụng một số thuốc
 - 2.2. Thuốc chữa hen
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.2.3. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng
 - 2.3. Thuốc chống lao
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc
 - 2.3.3. Các thuốc điều trị lao
 - 2.3.4. Cách sử dụng một số thuốc

Bài 9: Thuốc chữa đường tiêu hóa

Thời gian: 4 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Nói được khái niệm, phân loại, cách sử dụng thuốc nhuận tràng
 - 1.2. Nói được phân loại, cách sử dụng thuốc chữa viêm loét dạ dày – tá tràng
 - 1.3. Nói được phân loại, cách sử dụng thuốc chữa tiêu chảy – kiết lỵ
 - 1.4. Trình bày được khái niệm, cách sử dụng thuốc chữa gan mật
 - 1.5. Trình bày được khái niệm, cách sử dụng thuốc chữa giun sán
- 2. Nội dung
 - 2.1. Thuốc nhuận tràng
 - 2.1.1. Khái niệm

- 2.1.2. Phân loại
- 2.1.3. Cách sử dụng thuốc
- 2.2. Thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.2.3. Cách sử dụng một số thuốc
- 2.3. Thuốc chữa tiêu chảy – kiết lỵ
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Phân loại
 - 2.3.3. Cách sử dụng thuốc
- 2.4. Thuốc chữa gan mật
 - 2.4.1. Khái niệm
 - 2.4.2. Phân loại
 - 2.4.3. Cách sử dụng thuốc
- 2.5. Thuốc giun sán
 - 2.5.1. Đại cương
 - 2.5.2. Phân loại
 - 2.5.3. Cách sử dụng một số thuốc

Bài 10: Thuốc kháng sinh và Sulfamid

Thời gian: 6 giờ

1. Mục Tiêu
 - 1.1. Nói được khái niệm thuốc kháng sinh và sulfamid
 - 1.2. Trình bày được 6 nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh
 - 1.3. Trình bày được cách phân loại kháng sinh và kể tên các thuốc đại diện
 - 1.4. Trình bày được đúng cách sử dụng một số thuốc kháng sinh thông dụng
2. Nội dung
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Thuốc kháng sinh
 - 2.1.2. Sulfamid kháng sinh
 - 2.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh
 - 2.2.1. Chỉ sử dụng thuốc kháng sinh khi có nhiễm khuẩn
 - 2.2.2. Phải biết lựa chọn được thuốc kháng sinh hợp lý
 - 2.2.3. Sử dụng thuốc kháng sinh phải đủ liều
 - 2.2.4. Sử dụng thuốc kháng sinh phải đủ thời gian
 - 2.2.5. Chỉ phối hợp kháng sinh khi cần thiết
 - 2.2.6. Sử dụng thuốc kháng sinh trong dự phòng hợp lý
 - 2.3. Phân loại
 - 2.4. Cách sử dụng một số thuốc thông dụng

Bài 11: Thuốc sát trùng - khử trùng:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm và cách sử dụng thuốc sát trùng, khử trùng

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Cách sử dụng thuốc

Bài 12: Thuốc nội tiết và thuốc chữa bệnh bướu cổ:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nói được khái niệm nội tiết và thuốc nội tiết

1.2. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc, cách sử dụng thuốc nội tiết

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Phân loại

2.3. Nguyên tắc sử dụng thuốc

2.4. Cách sử dụng một số thuốc

Bài 13: Thuốc chống sốt rét:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nói được đại cương về bệnh sốt rét

1.2. Trình bày được cách phân loại và sử dụng thuốc chống sốt rét

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.3. Cách sử dụng một số thuốc

Bài 14: Thuốc dùng cho chuyên khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nói được khái niệm, phân loại, cách sử dụng về thuốc dùng cho mắt

1.2. Nói được đại cương, phân loại, cách sử dụng về thuốc dùng cho tai-mũi – họng.

1.3. Nói được khái niệm, nguyên tắc, cách sử dụng về thuốc chữa bệnh ngoài da

1.4. Nói được khái niệm, nguyên tắc, cách sử dụng về thuốc dùng cho phụ nữ

2. Nội dung

2.1. Thuốc chữa bệnh mắt

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại

- 2.1.3. Cách sử dụng thuốc
- 2.2. Thuốc chữa bệnh tai – mũi – họng
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.2.3. Cách sử dụng một số thuốc
- 2.3. Thuốc chữa bệnh ngoài da
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc
 - 2.3.3. Phân loại
 - 2.3.4. Cách sử dụng một số thuốc
- 2.2.4. Thuốc dùng cho phụ nữ
 - 2.4.1. Phân loại
 - 2.4.2. Cách sử dụng thuốc

Bài 15: Vitamin

Thời gian: 3 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Nói được khái niệm vitamin
 - 1.2. Trình bày cách phân loại thuốc, cách sử dụng một số thuốc vitamin thông dụng
- 2. Nội dung
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Phân loại
 - 2.3. Cách sử dụng một số thuốc

Bài 16: Dung dịch truyền

Thời gian: 2 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Nói được khái niệm dung dịch truyền
 - 1.2. Trình bày được cách phân loại và sử dụng một số dịch truyền thông dụng
- 2. Nội dung
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Phân loại
 - 2.3. Cách sử dụng một số thuốc

Bài 17: Thuốc chống thiếu máu

Thời gian: 2 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Nói được đại cương về bệnh máu
 - 1.2. Trình bày được cách phân loại và sử dụng thuốc chống thiếu máu

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.3. Cách sử dụng thuốc

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học, phòng thực hành

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng, mô hình, tranh

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

Kiểm tra học sinh : Khái niệm cơ bản về thuốc và tác dụng của thuốc trong cơ thể.

Tác dụng, tác dụng không mong muốn và cách sử dụng các thuốc thiết yếu.

- Về kỹ năng:

Kiểm tra: Nhận biết, hướng dẫn sử dụng đúng các dạng thuốc thường dùng và quản lý thuốc đúng quy chế trong phạm vi được phân công.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra: Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác khi dùng thuốc.

2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra thường xuyên: Ít nhất 01 điểm

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm

- Thi kết thúc học phần: Bài thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1- Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2- Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Lý thuyết: Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên...

+ Thực tập: Cầm tay chỉ việc, làm mẫu thao tác thực hành.

- Đối với Học sinh:

+ Tham dự tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia 100% giờ học thực hành

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

+ Đọc tài liệu trước khi đến lớp và được đánh giá kết quả thực hiện.

3- Những trọng tâm cần chú ý: Học sinh phải

4- Tài liệu tham khảo:

- [1] Bộ Y tế (2002). *Dược điển Việt Nam*, xuất bản lần thứ ba, Nhà xuất bản Y học
- [2] Phạm Thiệp (2010), *Thuốc biệt dược và cách sử dụng*, Nhà xuất bản Y học
- [3] Thông tư số 45/2013/TT-BYT ngày 26/12/2013 ban hành Danh mục thuốc thiết yếu tân dược lần thứ VI
- [4] Trường Đại học Dược Hà Nội (2011), *Dược lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học
- [5] Trường Cao Đẳng Y Tế - Bộ môn Dược (2009), *Giáo trình Dược lý*, sách dùng cho hệ Trung học Y.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Vệ sinh phòng bệnh

Mã mô đun: MĐ 10

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Học Bổ trí sau khi học sinh học xong môn Điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật điều dưỡng; Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe

- Tính chất: Là môn học cơ sở bắt buộc

II. Mục tiêu mô đun:

1- Về kiến thức:

Giải thích được mối liên quan giữa môi trường – sức khỏe và biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật

Mô tả được các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng, đề xuất các biện pháp giải quyết.

2- Về kỹ năng:

Thực hiện các biện pháp cơ bản nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, đề phòng tai nạn và phòng chống dịch.

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng được kiến thức đã học, chỉ ra các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp, từ đó đề ra các biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về vệ sinh phòng bệnh 1. Khái niệm, phân loại và đặc tính chung của bệnh truyền nhiễm 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại bệnh truyền nhiễm: 1.3. Đặc tính lâm sàng chung: 2. Dịch, những hình thái dịch và điều kiện cơ bản của quá trình dịch 2.1. Dịch: 2.2. Những hình thái ổ dịch 2.3. Các điều kiện cơ bản của quá trình dịch 3. Hai yếu tố gián tiếp liên quan đến quá trình dịch	2	2		

2	Bài 2. Môi trường và sức khỏe 1. cương 2. Môi trường 3. Sức khỏe 4. Ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe 4.1. Ô nhiễm môi trường 4.2. Tác động của ô nhiễm môi trường không khí tới sức khỏe 4.3. Tác động của ô nhiễm môi trường nước đến sức khỏe 4.4. Tác động của ô nhiễm môi trường đất đến sức khỏe	3	3		
3	Bài 3. Cung cấp nước sạch 1. Đại cương 2. Vai trò của nước sạch 2.1. Tầm quan trọng của nước trong cơ thể 2.2. Nước rất cần thiết cho các nhu cầu vệ sinh cá nhân, vệ sinh nơi công cộng và các yêu cầu của sản xuất. 2.3. Nhu cầu sử dụng nước đối với con người. 3. Tiêu chuẩn một nguồn nước sạch 3.1. Tiêu chuẩn về số lượng 3.2. Tiêu chuẩn về chất lượng 3.3. Tiêu chuẩn vi sinh vật 3.4. Các vi yếu tố 3.5. Các chất độc trong nước 4. Các nguồn nước trong thiên nhiên 4.1. Nước mưa 4.2. Nước bề mặt 4.3. Nước ngầm 5. Các hình thức cung cấp nước ở các vùng 5.1. Ở vùng nông thôn đồng bằng 5.2. Ở vùng miền núi và trung du 5.3. Hình thức cung cấp nước ở vùng ven biển 5.4. Hình thức cung cấp nước ở thành phố, thị xã 6. Các biện pháp làm sạch nước 6.1. Nước bị đục 6.2. Nước có nhiều sắt	3	2		1

	6.3. Nước có mùi khó chịu 6.4. Làm giảm độ cứng của nước 6.5. Nước bị nhiễm vi khuẩn				
4	Bài 4. Xử lý chất thải 1. Đại cương 2. Chất thải 2.1. Chất thải là gì? 2.2. Phân loại chất thải 3. Tác động của chất thải đến môi trường và sức khỏe 3.1. Chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh 3.2. Chất thải là một nguồn chứa các mầm bệnh 3.3. Các bãi rác là nơi sinh sản và phát triển các loại sinh vật trung gian, đặc biệt là ruồi. 4. Các biện pháp xử lý chất thải 4.1. Vai trò của xử lý chất thải trong làm sạch môi trường và bảo vệ sức khỏe con 4.2. Các hình thức xử lý chất thải	3	3		
5	Bài 5. Phòng bệnh và diệt các côn trùng truyền bệnh 1. Đại cương 2. Một số côn trùng và sinh vật truyền bệnh thường gặp 2.1. Muỗi 2.2. Ruồi nhà 2.3. Bọ chét	2	2		
6	Bài 6. Vệ sinh cá nhân và gia đình 1. Vai trò của vệ sinh cá nhân 2. Nội dung của vệ sinh cá nhân 3. Vệ sinh thân thể và các giác quan 3.1. Giữ gìn vệ sinh da 3.2. Giữ gìn vệ sinh mắt 3.3. Giữ gìn vệ sinh răng - miệng 3.4. Giữ gìn vệ sinh tai - mũi - họng 4. Vệ sinh trang phục 5. Vệ sinh ăn uống 6. Vệ sinh trong học tập, lao động, vui chơi giải trí và trong giấc ngủ 6.1. Vệ sinh giấc ngủ	4	4		

	6.2. Vệ sinh trong học tập 6.3. Vệ sinh trong lao động 6.4. Vệ sinh trong nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí 6.5. Vệ sinh kinh nguyệt				
7	Bài 7. Vệ sinh trường học 1. Đại cương 2. Yêu cầu vệ sinh xây dựng trường học 2.1. Địa điểm xây dựng 2.2. Tiêu chuẩn diện tích 2.3. Các công trình vệ sinh trong trường học 3. Yêu cầu vệ sinh của một phòng học 4. Yêu cầu vệ sinh của phân bảng, bàn, phòng học 4.1. Bàn học 4.2. Ghế ngồi 4.3. Cách sắp xếp bàn, ghế trong phòng học 4.4. Bảng viết 5. Cặp sách 6. Bệnh học đường, nguyên nhân và biện pháp phòng tránh 6.1. Định nghĩa 6.2. Bệnh cận thị học đường 6.3. Bệnh cong vẹo cột sống	2	2		
8	Bài 8. Vệ sinh bệnh viện, trạm y tế 1. Vệ sinh bệnh viện 1.1. Đại cương 1.2. Chế độ vệ sinh ở bệnh viện 1.2.1. Quy định chung 1.2.2. Quy định cụ thể 2. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện 2.1. Mục tiêu 2.2. Nguyên tắc 2.3. Phân loại khu vực vệ sinh 3. Quy trình vệ sinh ở các khoa, phòng 3.1. Những vị trí, khu vực và dụng cụ khoa, phòng phải được làm vệ sinh 3.2. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất và các phương tiện phòng hộ cá nhân 3.3. Các bước tiến hành làm vệ sinh	2	2		

	4. Phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện 4.1. Một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện 4.2. Phương pháp khử khuẩn - tiệt khuẩn 2. Vệ sinh trạm y tế 2.1. Cơ sở hạ tầng 2.1.1. Vị trí của trạm 2.1.2. Diện tích quy định 2.1.3. Các công trình cơ bản trong trạm y tế, bao gồm: 3. Trang thiết bị trong trạm y tế 3.1. Nhân lực 3.2. Y tế thôn bản				
9	Bài 9. Vệ sinh lao động 1. Khái niệm 2. Khái niệm chung về tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp. 2.1. Yếu tố nghề nghiệp 2.2. Yếu tố tác hại nghề nghiệp 2.3. Bệnh nghề nghiệp 3. Phân loại các tác hại nghề nghiệp chủ yếu 3.1. Tác hại liên quan tới quá trình sản xuất 3.2. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến quá trình lao động 3.3. Tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh an toàn 4. Bệnh nghề nghiệp 4.1. Phân nhóm: Người ta chia bệnh nghề nghiệp thành 5 nhóm: 4.2. Một số bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở nước ta 5. Các biện pháp dự phòng các tác hại nghề nghiệp 5.1. Biện pháp kỹ thuật công nghệ 5.2. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh 5.3. Biện pháp phòng hộ cá nhân 5.4. Biện pháp tổ chức lao động khoa học 5.5. Biện pháp y tế	3	3		
10	Bài 10. Phòng chống tai nạn, thương tích 1. Định nghĩa chấn thương	3	3		

	2. Tình hình chấn thương trên thế giới 2.1. Chấn thương, một vấn đề sức khỏe toàn cầu 2.2. Các loại hình chấn thương 3. Tình hình chấn thương ở Việt Nam và các nước trong khu vực 3.1. Sự thay đổi về mô hình bệnh tật 3.2. Vấn đề chấn thương ở Việt Nam 4. Hậu quả của chấn thương 5. Kiểm soát chấn thương 5.1. Giám sát chấn thương 5.2. Phòng chống chấn thương 5.3. Chăm sóc trước nhập viện 5.4. Điều trị tại bệnh viện				
11	Bài 11. Phòng dịch, bao vây dập tắt một vụ dịch tại cộng đồng 1. Quá trình dịch 1.1. Định nghĩa 1.2. Yếu tố liên quan đến quá trình dịch 1.2.1. Yếu tố trực tiếp: 1.2.2. Yếu tố gián tiếp 1.2. Các hình thái và mức độ dịch 1.2.1. Dịch 1.2.2. Dịch địa phương 1.2.3. Đại dịch và dịch tối nguy hiểm 1.2.4. Dịch bệnh tản phát 1.2.5. Dịch theo mùa 2. Nguyên lý phòng chống dịch 2.1. Những yêu cầu cơ bản trong công tác điều tra một bệnh truyền nhiễm 2.1.1. Phân tích ban đầu 2.1.2. Khai thác và phân tích 2.1.3. Báo cáo kết quả 2.2. Biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm 2.3. Biện pháp kiểm soát và thanh toán bệnh truyền nhiễm 2.4. Biện pháp chống dịch chủ yếu 2.4.1. Nguồn truyền nhiễm 2.4.2. Đường truyền nhiễm 2.4.3. Khỏi cảm nhiễm	3	2		1

2.5. Điều tra xử lý một vụ dịch ở cộng đồng				
2.5.1. Điều tra dịch				
2.5.2. Yêu cầu điều tra một vụ dịch				
2.5.2. Các giai đoạn tiến hành điều tra một vụ dịch				
2.5.3. Nguyên tắc của công tác xử lý một vụ dịch				
Cộng	30	30		02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về vệ sinh phòng bệnh:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm, phân loại và đặc tính chung của bệnh truyền nhiễm
- 1.2. Nêu được các hình thái và điều kiện cơ bản của quá trình dịch
- 1.3. Mô tả được hai yếu tố gián tiếp liên quan đến quá trình dịch

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, phân loại và đặc tính chung của bệnh truyền nhiễm
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Phân loại bệnh truyền nhiễm:
 - 2.1.3. Đặc tính lâm sàng chung:
- 2.2. Dịch, những hình thái dịch và điều kiện cơ bản của quá trình dịch
 - 2.2.1. Dịch:
 - 2.2.2. Những hình thái ổ dịch
 - 2.2.3. Các điều kiện cơ bản của quá trình dịch
- 2.3. Hai yếu tố gián tiếp liên quan đến quá trình dịch

Bài 2: Môi trường và sức khỏe:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm về môi trường và sức khỏe.
- 1.2. Trình bày được tác động của ô nhiễm môi trường không khí đến sức khỏe con người và biện pháp đề phòng.
- 1.3. Trình bày được tác động của ô nhiễm môi trường nước đến sức khỏe con người và biện pháp đề phòng.
- 1.4. Trình bày được tác động của môi trường đất đến sức khỏe con người và nêu được các biện pháp đề phòng.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Môi trường
- 2.3. Sức khỏe
- 2.4. Ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe
 - 2.4.1. Ô nhiễm môi trường
 - 2.4.2. Tác động của ô nhiễm môi trường không khí tới sức khỏe
 - 2.4.3. Tác động của ô nhiễm môi trường nước đến sức khỏe
 - 2.4.4. Tác động của ô nhiễm môi trường đất đến sức khỏe

Bài 3: Cung cấp nước sạch:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được vai trò quan trọng của nước sạch đối với sức khỏe con người.
- 1.2. Nêu được đầy đủ các tiêu chuẩn vật lý và hoá học cho một nguồn nước sạch.
- 1.3. Trình bày được tiêu chuẩn vi sinh vật của nguồn nước sạch.
- 1.4. Kể tên các nguồn nước trong thiên nhiên.
- 1.5. Trình bày được các hình thức cung cấp nước chủ yếu và các biện pháp làm sạch nước khi bị nhiễm bẩn.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Vai trò của nước sạch
 - 2.2.1. Tầm quan trọng của nước trong cơ thể
 - 2.2.2. Nước rất cần thiết cho các nhu cầu vệ sinh cá nhân, vệ sinh nơi công cộng và các yêu cầu của sản xuất.
 - 2.2.3. Nhu cầu sử dụng nước đối với con người.
- 2.3. Tiêu chuẩn một nguồn nước sạch
 - 2.3.1. Tiêu chuẩn về số lượng
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn về chất lượng
 - 2.3.3. Tiêu chuẩn vi sinh vật
 - 2.3.4. Các vi yếu tố
 - 2.3.5. Các chất độc trong nước
- 2.4. Các nguồn nước trong thiên nhiên
 - 2.4.1. Nước mưa
 - 2.4.2. Nước bề mặt
 - 2.4.3. Nước ngầm
- 2.5. Các hình thức cung cấp nước ở các vùng
 - 2.5.1. Ở vùng nông thôn đồng bằng
 - 2.5.2. Ở vùng miền núi và trung du

- 2.5.3. Hình thức cung cấp nước ở vùng ven biển
- 2.5.4. Hình thức cung cấp nước ở thành phố, thị xã
- 2.6. Các biện pháp làm sạch nước
 - 2.6.1. Nước bị đục
 - 2.6.2. Nước có nhiều sắt
 - 2.6.3. Nước có mùi khó chịu
 - 2.6.4. Làm giảm độ cứng của nước
 - 2.6.5. Nước bị nhiễm vi khuẩn

Bài 4: Xử lý chất thải:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa và phân loại chất thải.
- 1.2. Trình bày được những tác hại của chất thải đối với sức khỏe.
- 1.3. Nêu được những hình thức xử lý phân người chủ yếu hiện nay ở nước ta.
- 1.4. Nêu được nguyên tắc của hồ tiêu hai ngăn hợp vệ sinh.
- 1.5. Nêu được nguyên tắc của hồ tiêu tự hoại.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Chất thải
 - 2.2.1. Chất thải là gì?
 - 2.2.2. Phân loại chất thải
- 2.3. Tác động của chất thải đến môi trường và sức khỏe
 - 2.3.1. Chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh
 - 2.3.2. Chất thải là một nguồn chứa các mầm bệnh
 - 2.3.3. Các bãi rác là nơi sinh sản và phát triển các loại sinh vật trung gian, đặc biệt là ruồi.
- 2.4. Các biện pháp xử lý chất thải
 - 2.4.1. Vai trò của xử lý chất thải trong làm sạch môi trường và bảo vệ sức khỏe con
 - 2.4.2. Các hình thức xử lý chất thải

Bài 5: Phòng bệnh và diệt các côn trùng truyền bệnh

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Kể được côn trùng trung gian truyền bệnh cho người.
- 1.2. Trình bày được tác hại của côn trùng trong vai trò truyền bệnh cho người.
- 1.3. Kể được các biện pháp đơn giản trong phòng và diệt các côn trùng gây bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Một số côn trùng và sinh vật truyền bệnh thường gặp

- 2.2.1. Muối
- 2.2.2. Ruồi nhà
- 2.2.3. Bọ chét

Bài 6: Vệ sinh cá nhân và gia đình

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được ý nghĩa của vệ sinh cá nhân đối với sức khỏe
- 1.2. Nêu được nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân
- 1.3. Trình bày được cách giữ gìn vệ sinh thân thể và các giác quan
- 1.4. Trình bày được cách giữ gìn vệ sinh trong ăn uống

2. Nội dung

- 2.1. Vai trò của vệ sinh cá nhân
- 2.2. Nội dung của vệ sinh cá nhân
- 2.3. Vệ sinh thân thể và các giác quan
 - 2.3.1. Giữ gìn vệ sinh da
 - 2.3.2. Giữ gìn vệ sinh mắt
 - 2.3.3. Giữ gìn vệ sinh răng - miệng
 - 2.3.4. Giữ gìn vệ sinh tai - mũi - họng
- 2.4. Vệ sinh trang phục
- 2.5. Vệ sinh ăn uống
- 2.6. Vệ sinh trong học tập, lao động, vui chơi giải trí và trong giấc ngủ
 - 2.6.1. Vệ sinh giấc ngủ
 - 2.6.2. Vệ sinh trong học tập
 - 2.6.3. Vệ sinh trong lao động
 - 2.6.4. Vệ sinh trong nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí
 - 2.6.5. Vệ sinh kinh nguyệt

Bài 7: Vệ sinh trường học:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được các tiêu chuẩn vệ sinh của môi trường trường học và lớp học.
- 1.2. Trình bày được các tiêu chuẩn vệ sinh của các phương tiện học tập
- 1.3. Nêu được những nguyên nhân và biện pháp phòng tránh các bệnh học đường

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Yêu cầu vệ sinh xây dựng trường học
 - 2.2.1. Địa điểm xây dựng
 - 2.2.2. Tiêu chuẩn diện tích
 - 2.2.3. Các công trình vệ sinh trong trường học

- 2.3. Yêu cầu vệ sinh của một phòng học
- 2.4. Yêu cầu vệ sinh của phần bảng, bàn, phòng học
 - 2.4.1. Bàn học
 - 2.4.2. Ghế ngồi
 - 2.4.3. Cách sắp xếp bàn, ghế trong phòng học
 - 2.4.4. Bảng viết
- 2.5. Cặp sách
- 2.6. Bệnh học đường, nguyên nhân và biện pháp phòng tránh
 - 2.6.1. Định nghĩa
 - 2.6.2. Bệnh cận thị học đường
 - 2.6.3. Bệnh cong vẹo cột sống

Bài 8: Vệ sinh bệnh viện, trạm y tế:

Thời gian: 2 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Kể được một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện
 - 1.2. Nêu được một số chế độ vệ sinh ở trong bệnh viện
 - 1.3. Trình bày được những công tác vệ sinh trong các khoa, phòng ở bệnh viện.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Vệ sinh bệnh viện
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Chế độ vệ sinh ở bệnh viện
 - 2.1.2.1. Quy định chung
 - 2.1.2.2. Quy định cụ thể
 - 2.2. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện
 - 2.2.1. Mục tiêu
 - 2.2.2. Nguyên tắc
 - 2.2.3. Phân loại khu vực vệ sinh
 - 2.3. Quy trình vệ sinh ở các khoa, phòng
 - 2.3.1. Những vị trí, khu vực và dụng cụ khoa, phòng phải được làm vệ sinh
 - 2.3.2. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất và các phương tiện phòng hộ cá nhân
 - 2.3.3. Các bước tiến hành làm vệ sinh
 - 2.4. Phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện
 - 2.4.1. Một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện
 - 2.4.2. Phương pháp khử khuẩn - tiệt khuẩn
 - 2.2. Vệ sinh trạm y tế
 - 2.2.1. Cơ sở hạ tầng
 - 2.2.1.1. Vị trí của trạm
 - 2.2.1.2. Diện tích quy định
 - 2.2.1.3. Các công trình cơ bản trong trạm y tế, bao gồm:
 - 2.3. Trang thiết bị trong trạm y tế

- 2.3.1. Nhân lực
- 2.3.2. Y tế thôn bản

Bài 9: Vệ sinh lao động:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm về vệ sinh lao động
- 1.2. Trình bày được yếu tố nghề nghiệp, tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp.
- 1.3. Phân loại được các tác hại nghề nghiệp
- 1.4. Trình bày được biện pháp phòng chống các tác hại nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Khái niệm chung về tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp.
 - 2.2.1. Yếu tố nghề nghiệp
 - 2.2.2. Yếu tố tác hại nghề nghiệp
 - 2.2.3. Bệnh nghề nghiệp
- 2.3. Phân loại các tác hại nghề nghiệp chủ yếu
 - 2.3.1. Tác hại liên quan tới quá trình sản xuất
 - 2.3.2. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến quá trình lao động
 - 2.3.3. Tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh an toàn
- 2.4. Bệnh nghề nghiệp
 - 2.4.1. Phân nhóm: Người ta chia bệnh nghề nghiệp thành 5 nhóm:
 - 2.4.2. Một số bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở nước ta
- 2.5. Các biện pháp dự phòng các tác hại nghề nghiệp
 - 2.5.1. Biện pháp kỹ thuật công nghệ
 - 2.5.2. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh
 - 2.5.3. Biện pháp phòng hộ cá nhân
 - 2.5.4. Biện pháp tổ chức lao động khoa học
 - 2.5.5. Biện pháp y tế

Bài 10: Phòng chống tai nạn, thương tích:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa chấn thương.
- 1.2. Trình bày được tình hình chấn thương trên thế giới và Việt Nam.
- 1.3. Trình bày được biện pháp kiểm soát chấn thương.

2. Nội dung.

- 2.1. Định nghĩa chấn thương
- 2.2. Tình hình chấn thương trên thế giới
 - 2.2.1. Chấn thương, một vấn đề sức khỏe toàn cầu

- 2.2.2. Các loại hình chấn thương
- 2.3. Tình hình chấn thương ở Việt Nam và các nước trong khu vực
 - 2.3.1. Sự thay đổi về mô hình bệnh tật
 - 2.3.2. Vấn đề chấn thương ở Việt Nam
- 2.4. Hậu quả của chấn thương
- 2.5. Kiểm soát chấn thương
 - 2.5.1. Giám sát chấn thương
 - 2.5.2. Phòng chống chấn thương
 - 2.5.3. Chăm sóc trước nhập viện
 - 2.5.4. Điều trị tại bệnh viện

Bài 11: Phòng dịch, bao vây dập tắt 1 vụ dịch tại cộng đồng:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa của quá trình dịch.
- 1.2. Trình bày được các yếu tố của quá trình dịch.
- 1.3. Trình bày được cơ chế và phân loại bệnh truyền nhiễm.
- 1.4. Trình bày được các biện pháp phòng chống dịch.
- 1.5. Trình bày được cách điều tra một vụ dịch.
- 1.6. Trình bày được các giai đoạn điều tra và xử lý một vụ dịch ở cộng đồng.

2. Nội dung

- 2.1. Quá trình dịch
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Yếu tố liên quan đến quá trình dịch
 - 2.1.2.1. Yếu tố trực tiếp: Có 3 yếu tố:
 - 2.1.2.2. Yếu tố gián tiếp: Có 2 yếu tố:
 - 2.1.2. Các hình thái và mức độ dịch
 - 2.1.2.1. Dịch
 - 2.1.2.2. Dịch địa phương
 - 2.1.2.3. Đại dịch và dịch tối nguy hiểm
 - 2.1.2.4. Dịch bệnh tản phát
 - 2.1.2.5. Dịch theo mùa
- 2.2. Nguyên lý phòng chống dịch
 - 2.2.1. Những yêu cầu cơ bản trong công tác điều tra một bệnh truyền nhiễm
 - 2.2.1.1. Phân tích ban đầu
 - 2.2.1.2. Khai thác và phân tích
 - 2.2.1.3. Báo cáo kết quả
 - 2.2.2. Biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm
 - 2.2.3. Biện pháp kiểm soát và thanh toán bệnh truyền nhiễm
 - 2.2.4. Biện pháp chống dịch chủ yếu
 - 2.2.4.1. Nguồn truyền nhiễm

- 2.2.4.2. Đường truyền nhiễm
- 2.2.4.3. Khỏi cảm nhiễm
- 2.2.5. Điều tra xử lý một vụ dịch ở cộng đồng
 - 2.2.5.1. Điều tra dịch
 - 2.2.5.2. Yêu cầu điều tra một vụ dịch
 - 2.2.5.2. Các giai đoạn tiến hành điều tra một vụ dịch
 - 2.2.5.3. Nguyên tắc của công tác xử lý một vụ dịch

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, bài giảng, mô hình, tranh
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

Kiểm tra học sinh: Giải thích mối liên quan giữa môi trường – sức khỏe và biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật

Mô tả các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng, đề xuất các biện pháp giải quyết.

2- Về kỹ năng:

Kiểm tra học sinh: Thực hiện các biện pháp cơ bản nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, đề phòng tai nạn và phòng chống dịch.

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra học sinh: Chỉ ra các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp, các biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật

2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm. Bài viết 15 phút.
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm bằng hình thức thực hiện phương pháp truyền thông, hoàn thiện bài tập được giao.
- Thi kết thúc học phần: Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1- Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2- Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học

- Đối với người học

- + Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết
- + Đọc tài liệu trước khi đến lớp
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

3- Những trọng tâm cần chú ý: Học sinh phải

+ Tham dự tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

4- Tài liệu tham khảo:

[1] Vệ sinh lao động và nghề nghiệp, Nhà xuất bản Y học (1995)

[2] Nguyễn Huy Nga (2003), *Môi trường và sức khỏe cộng đồng*, Tài liệu tập huấn nâng cao nhận thức môi trường, Cục môi trường Bộ , Tài nguyên và Môi trường.

[3] Trường Đại học Y Hà Nội (1993), *Dịch tễ Y học*, Nhà xuất bản Y học.

[4] Trường Đại học Y Hà Nội (1997), *Vệ sinh môi trường – Dịch tễ* , Nhà xuất bản Y học

[5] Hướng dẫn vệ sinh trong nhà trường, Nhà xuất bản Y học

[6] Trường Cán bộ quản lý Y tế (1999), *Sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản Y học

[7] Trường Cao Đẳng Y Tế Lạng Sơn, *Giáo trình học phần Vệ sinh phòng bệnh*

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: Kỹ năng giao tiếp – giáo dục sức khỏe

Mã môđun: MĐ11

Thời gian thực hiện môđun: 60 giờ (Lý thuyết 29 giờ, thực hành: 29 giờ, kiểm tra 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môđun:

- Vị trí: Kỹ năng giao tiếp- giáo dục sức khỏe thuộc nhóm các môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo các chuyên ngành nghề
- Tính chất: Là môn học cơ sở bắt buộc

II. Mục tiêu môđun:

1 - Về kiến thức:

Trình bày một số khái niệm cơ bản về tâm lý, tâm lý học y học.

Trình bày những kiến thức cơ bản về giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe.

2 - Về kỹ năng:

Thực hiện một số kỹ năng giao tiếp, tư vấn sức khỏe có hiệu quả.

Lập kế hoạch một buổi truyền thông – giáo dục sức khỏe.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng kiến thức về giao tiếp, tư vấn, truyền thông- giáo dục sức khỏe trong quá trình học tập và hành nghề.

III. Nội dung môđun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về tâm lý và tâm lý y học 1. Tâm lý và tâm lý học 1.1. Khái niệm về tâm lý 1.2. Khái niệm về tâm lý học 1.3. Các hiện tượng về tâm lý 1.3.1. Quá trình tâm lý 1.3.2. Trạng thái tâm lý 1.3.3. Thuộc tính tâm lý 1.4. Nhiệm vụ tâm lý học 1.5. Ý nghĩa nghiên cứu tâm lý học 2. Tâm lý học y học 2.1. Khái niệm về tâm lý học y học 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học y học 2.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tâm lý học y học 2.4. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học y học	10	6	4	

	học 2.4.1. Phương pháp quan sát 2.4.2. Phương pháp đàm thoại, nghiên cứu tiền sử, bệnh sử cá nhân 2.4.3. Phương pháp phân tích sản phẩm 2.4.4. Phương pháp thực nghiệm 2.4.5. Phương pháp trắc nghiệm 3. Đặc điểm tâm lý người bệnh và các yếu tố ảnh hưởng 3.1. Đặc điểm chung tâm lý người bệnh 3.2. Những yếu tố ảnh hưởng tâm lý người bệnh 3.2.1. Nhận thức của người bệnh về bệnh 3.2.2. Nhân cách người bệnh 3.2.3. Nhân cách cán bộ y tế 3.2.4. Môi trường xung quanh				
2	Bài 2. Khái niệm hành vi và thay đổi hành vi sức khỏe 1. Khái niệm hành vi và hành vi sức khỏe 1.1. Khái niệm hành vi 1.2. Khái niệm hành vi sức khỏe 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 3. Quá trình tác động thay đổi hành vi sức khỏe 3.1. Quá trình thay đổi hành vi 3.2. Các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi	12	4	8	
3	Bài 3. Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp 1. Khái niệm giao tiếp 2. Vai trò của giao tiếp 3. Các phương tiện và hình thức giao tiếp 3.1. Các phương tiện giao tiếp 3.2. Các hình thức giao tiếp 4. Kỹ năng giao tiếp cơ bản 4.1. Kỹ năng nói 4.2. Kỹ năng hỏi chuyện 4.3. Kỹ năng lắng nghe tích cực 4.4. Kỹ năng quan sát	12	7	4	1

	4.5. Kỹ năng thông cảm 4.6. Kỹ năng tiếp xúc thích hợp 4.7. Kỹ năng sử dụng sự im lặng 4.8. Kỹ năng thuyết phục 5. Biện pháp cơ bản để giao tiếp tốt với người bệnh 5.1. Nhận biết được những diễn biến tâm lý người bệnh 5.2. Một số yếu tố cơ bản để gây lòng tin cho người bệnh 5.3. Sử dụng liệu pháp tâm lý tác động đến người bệnh 5.4. Phối hợp các phương pháp điều trị, chăm sóc hợp lý, khoa học 6. Giao tiếp của cán bộ y tế trong một số tình huống đặc biệt 7. Giao tiếp bằng văn bản 8. Thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản 8.1. Chuẩn bị 8.2. Thực hành đóng vai tình huống				
4	Bài 4. Tư vấn sức khỏe 1. Khái niệm tư vấn sức khỏe 2. Mục đích của tư vấn 3. Nguyên tắc tư vấn sức khỏe 3.1. Chọn thời gian và địa điểm thích hợp 3.2. Xác định rõ nhu cầu tư vấn 3.3. Cung cấp thông tin cần thiết 3.4. Thảo luận lựa chọn các biện pháp thích hợp 3.5. Giữ bí mật và tôn trọng quyền riêng tư của đối tượng 3.6. Không phán xét đối tượng tư vấn 4. Các bước tư vấn 5. Thực hành tư vấn sức khỏe 5.1. Chuẩn bị 5.2. Thực hành đóng vai tình huống	8	4	4	
5	Bài 5. Truyền thông – giáo dục sức khỏe 1. Khái niệm tầm quan trọng của truyền thông – giáo dục sức khỏe 1.1. Khái niệm truyền thông 1.2. Khái niệm về giáo dục sức khỏe	8	4	4	

	1.3. Tầm quan trọng của truyền thông – giáo dục sức khỏe 2. Các phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe 2.1. Phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe trực tiếp 2.2. Phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe gián tiếp 3. Soạn thảo nội dung giáo dục sức khỏe 3.1. Nguyên tắc 3.2. Cách viết thông tin 4. Các kỹ năng của giáo dục sức khỏe 4.1. Kỹ năng làm quen 4.2. Kỹ năng quan sát 4.3. Kỹ năng lắng nghe 4.4. Kỹ năng đặt câu hỏi 4.5. Kỹ năng giải thích 4.6. Kỹ năng sử dụng tài liệu, phương tiện 4.7. Kỹ năng khuyến khích, khen ngợi 5. Thực hành các kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe 5.1. Chuẩn bị 5.2. Đóng vai tình huống				
6	Bài 6. Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Các vấn đề cơ bản để lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe 1.1. Xác định vấn đề cần truyền thông 1.2. Xác định và phân nhóm đối tượng giáo dục 1.3. Xác định mục tiêu truyền thông giáo dục sức khỏe 1.4. Chuẩn bị nội dung 1.5. Lựa chọn các phương pháp và phương tiện thích hợp 1.6. Lựa chọn thời gian và địa điểm 1.7. Đánh giá kết quả 1.8. Người thực hiện 1.9. Dự trù kinh phí cho một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe 2. Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức	10	4	5	1

	khỏe				
	2.1. Chuẩn bị				
	2.2. Tiến hành lập kế hoạch theo bảng				
Cộng		60	29	29	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về tâm lý và tâm lý y học

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được khái niệm tâm lý, tâm lý học, các hiện tượng tâm lý, nhiệm vụ và ý nghĩa của nghiên cứu tâm lý học.

1.2. Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa và phương pháp nghiên cứu tâm lý y học.

1.3. Phân tích những đặc điểm tâm lý người bệnh và các yếu tố ảnh hưởng.

2. Nội dung

2.1. Tâm lý và tâm lý học

2.1.1. Khái niệm về tâm lý

2.1.2. Khái niệm về tâm lý học

2.1.3. Các hiện tượng về tâm lý

2.1.3.1. Quá trình tâm lý

2.1.3.2. Trạng thái tâm lý

2.1.3.3. Thuộc tính tâm lý

2.1.4. Nhiệm vụ tâm lý học

2.1.5. Ý nghĩa nghiên cứu tâm lý học

2.2. Tâm lý học y học

2.2.1. Khái niệm về tâm lý học y học

2.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học y học

2.2.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tâm lý học y học

2.2.4. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học y học

2.2.4.1. Phương pháp quan sát

2.2.4.2. Phương pháp đàm thoại, nghiên cứu tiền sử, bệnh sử cá nhân

2.2.4.3. Phương pháp phân tích sản phẩm

2.2.4.4. Phương pháp thực nghiệm

2.2.4.5. Phương pháp trắc nghiệm

2.3. Đặc điểm tâm lý người bệnh và các yếu tố ảnh hưởng

2.3.1. Đặc điểm chung tâm lý người bệnh

2.3.2. Những yếu tố ảnh hưởng tâm lý người bệnh

2.3.2.1. Nhận thức của người bệnh về bệnh

2.3.2.2. Nhân cách người bệnh

2.3.2.3. Nhân cách cán bộ y tế

2.3.2.4. Môi trường xung quanh

Bài 2: Khái niệm hành vi và thay đổi hành vi sức khỏe

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được khái niệm hành vi và hành vi sức khỏe.
- 1.2. Phân tích được 5 yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe.
- 1.3. Giải thích được 5 bước tác động thay đổi hành vi con người.
- 1.4. Kể được 5 điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm hành vi và hành vi sức khỏe
 - 2.1.1. Khái niệm hành vi
 - 2.1.2. Khái niệm hành vi sức khỏe
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe
 - 2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe
 - 2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe
- 2.3. Quá trình tác động thay đổi hành vi sức khỏe
 - 2.3.1. Quá trình thay đổi hành vi
 - 2.3.2. Các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi

Bài 3: Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được khái niệm, vai trò và hình thức giao tiếp.
- 1.2. Trình bày được kỹ năng giao tiếp cơ bản.
- 1.3. Mô tả được 4 biện pháp cơ bản để giao tiếp tốt với người bệnh.
- 1.4. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp vào truyền thông – giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm giao tiếp
- 2.2. Vai trò của giao tiếp
- 2.3. Các phương tiện và hình thức giao tiếp
 - 2.3.1. Các phương tiện giao tiếp
 - 2.3.2. Các hình thức giao tiếp
- 2.4. Kỹ năng giao tiếp cơ bản
 - 2.4.1. Kỹ năng nói
 - 2.4.2. Kỹ năng hỏi chuyện (phỏng vấn)
 - 2.4.3. Kỹ năng lắng nghe tích cực
 - 2.4.4. Kỹ năng quan sát
 - 2.4.5. Kỹ năng thông cảm
 - 2.4.6. Kỹ năng tiếp xúc thích hợp
 - 2.4.7. Kỹ năng sử dụng sự im lặng
 - 2.4.8. Kỹ năng thuyết phục
- 2.5. Biện pháp cơ bản để giao tiếp tốt với người bệnh

- 2.5.1. Nhận biết được những diễn biến tâm lý người bệnh
- 2.5.2. Một số yếu tố cơ bản dễ gây lòng tin cho người bệnh
- 2.5.3. Sử dụng liệu pháp tâm lý tác động đến người bệnh
- 2.5.4. Phối hợp các phương pháp điều trị, chăm sóc hợp lý, khoa học
- 2.6. Giao tiếp của cán bộ y tế trong một số tình huống đặc biệt
- 2.7. Giao tiếp bằng văn bản
- 2.8. Thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản
- 2.8.1. Chuẩn bị
- 2.8.2. Thực hành đóng vai tình huống

Bài 4: Tư vấn sức khỏe

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm tư vấn và mục đích của tư vấn
- 1.2. Nêu được 6 nguyên tắc trong tư vấn sức khỏe
- 1.3. Mô tả được 5 bước của tư vấn sức khỏe
- 1.4. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học để tư vấn sức khỏe

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tư vấn sức khỏe
- 2.2. Mục đích của tư vấn
- 2.3. Nguyên tắc tư vấn sức khỏe
 - 2.3.1. Chọn thời gian và địa điểm thích hợp
 - 2.3.2. Xác định rõ nhu cầu tư vấn
 - 2.3.3. Cung cấp thông tin cần thiết
 - 2.3.4. Thảo luận lựa chọn các biện pháp thích hợp
 - 2.3.5. Giữ bí mật và tôn trọng quyền riêng tư của đối tượng
 - 2.3.6. Không phán xét đối tượng tư vấn
- 2.4. Các bước tư vấn
- 2.5. Thực hành tư vấn sức khỏe
 - 2.5.1. Chuẩn bị
 - 2.5.2. Thực hành đóng vai tình huống

Bài 5: Truyền thông – giáo dục sức khỏe

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- 2.1. Nêu được khái niệm, tầm quan trọng của TT – GDSK.
- 2.2. Mô tả được các phương pháp TT – GDSK.
- 2.3. Soạn thảo được nội dung TT – GDSK.
- 2.4. Thực hiện kỹ năng truyền thông – GDSK trong một số tình huống chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tầm quan trọng của truyền thông – giáo dục sức khỏe
 - 2.1.1. Khái niệm truyền thông
 - 2.1.2. Khái niệm về giáo dục sức khỏe
 - 2.1.3. Tầm quan trọng của truyền thông – giáo dục sức khỏe
- 2.2. Các phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe
 - 2.2.1. Phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe trực tiếp
 - 2.2.2. Phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe gián tiếp
- 2.3. Soạn thảo nội dung giáo dục sức khỏe
 - 2.3.1. Nguyên tắc
 - 2.3.2. Cách viết thông tin
- 2.4. Các kỹ năng của giáo dục sức khỏe
 - 2.4.1. Kỹ năng làm quen
 - 2.4.2. Kỹ năng quan sát
 - 2.4.3. Kỹ năng lắng nghe
 - 2.4.4. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 2.4.5. Kỹ năng giải thích
 - 2.4.6. Kỹ năng sử dụng tài liệu, phương tiện
 - 2.4.7. Kỹ năng khuyến khích, khen ngợi
- 2.5. Thực hành các kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe
 - 2.5.1. Chuẩn bị
 - 2.5.2. Đóng vai tình huống

Bài 6: Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được 9 vấn đề cơ bản để lập một buổi TT – GDSK.
- 1.2. Lập được kế hoạch một buổi TT – GDSK.

2. Nội dung

- 2.1. Các vấn đề cơ bản để lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.1.1. Xác định vấn đề cần truyền thông
 - 2.1.2. Xác định và phân nhóm đối tượng giáo dục
 - 2.1.3. Xác định mục tiêu truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.1.4. Chuẩn bị nội dung
 - 2.1.5. Lựa chọn các phương pháp và phương tiện thích hợp
 - 2.1.6. Lựa chọn thời gian và địa điểm
 - 2.1.7. Đánh giá kết quả
 - 2.1.8. Người thực hiện
 - 2.1.9. Dự trù kinh phí cho một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.2. Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe

2.2.1. Chuẩn bị

2.2.2. Tiến hành lập kế hoạch theo bảng

IV. Điều kiện thực hiện môđun

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học, phòng thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng, tranh ảnh, áp phích.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

Kiểm tra học sinh: Khái niệm cơ bản về tâm lý, tâm lý học y học, những kiến thức cơ bản về giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe.

- Về kỹ năng:

Kiểm tra: Kỹ năng giao tiếp, tư vấn sức khỏe . Lập kế hoạch một buổi truyền thông – giáo dục sức khỏe.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra học sinh: Vận dụng kiến thức về giao tiếp, tư vấn, truyền thông- giáo dục sức khỏe trong quá trình học tập và hành nghề.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra đầu giờ: bằng hình thức vấn đáp, sổ bài tập....
- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm (01 điểm lý thuyết, 01 điểm thực hành)
- Thi kết thúc học phần: Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện môđun

1 - Phạm vi áp dụng môđun: Giảng dạy cho trình độ trung cấp

2 - Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môđun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Lý thuyết: Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên...
 - + Thực hành: Cầm tay chỉ việc, làm mẫu...
- Đối với Học sinh:
 - + Tham dự tối thiểu 70% số giờ học lý thuyết và 100% giờ thực hành
 - + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
 - + Tích cực tham gia đóng vai
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

3 - Những trọng tâm cần chú ý:

4 - Tài liệu tham khảo:

[1] Vụ khoa học- đào tạo (2005), *Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe*, Bộ Y tế, Nhà xuất bản y học

[2] Trung tâm truyền thông - giáo dục sức khỏe (2000), *Thực hành truyền thông – giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại cộng đồng*. Bộ Y tế , Nhà xuất bản y học.

[3] Trường đại học Y khoa Thái Nguyên (2007), *Giáo dục và nâng cao sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.

[4] Trường đại học y Hà Nội , *Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Quản lý và tổ chức y tế -Y Đức

Mã mô đun: MĐ 12

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết 42 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Bố trí sau khi học sinh học xong môn Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe

- Tính chất: Mô đun cơ sở bắt buộc

II. Mục tiêu mô đun:

1 - Kiến thức:

Trình bày được hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam, các quan điểm đường lối của Đảng về công tác y tế.

Trình bày được một số khái niệm cơ bản về quản lý y tế. Chức trách quy định đối với y sỹ, lập được kế hoạch y tế, theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động y tế

Nêu được chức trách quy định đối với y sỹ, lập được kế hoạch y tế, theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động y tế.

Trình bày được khái niệm đạo đức và đạo đức y học, Các quy định về chế độ giao tiếp, quy tắc ứng xử của cán bộ viên chức, người bệnh và gia đình người bệnh trong các cơ sở khám chữa bệnh,

2 - Kỹ năng:

Thực hiện được một số kỹ năng quản lý trong chăm sóc sức khỏe ban đầu

3 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Tổ chức và điều hành được các hoạt động nhóm theo kế hoạch

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam 1. Tổ chức chung của Ngành Y tế: 2. Tổ chức theo các tuyến: 2.1. Tuyến Trung ương - Bộ Y tế: 2.1.1. Vị trí và chức năng: 2.1.2. Cơ cấu tổ chức: 2.2. Sở Y tế: 2.2.1. Vị trí và chức năng Sở Y tế: 2.2.2. Cơ cấu tổ chức: 3. Tuyến Y tế cơ sở:	2	2		
2	Bài 2. Những quan điểm đường lối cơ bản của đảng về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức	4	4		

	khỏe nhân dân trong giai đoạn hiện nay 1. Năm quan điểm chỉ đạo công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân: 1.1. Sức khỏe và con người: 1.2. Công bằng trong chăm sóc sức khỏe; 1.3. Dự phòng tích cực và chủ động: 1.4. Kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền dân tộc: 1.5. Xã hội hoá sự nghiệp CSSK: 2. Chiến lược Chăm sóc Bảo vệ sức khỏe nhân dân: 2.1. Mục tiêu chung: 2.2. Mục tiêu cụ thể: 2.2.1. Các chỉ tiêu sức khỏe cần đạt đến năm 2010: 2.2.2. Giảm tỷ lệ mắc, chết do các bệnh truyền nhiễm. 2.2.3. Nâng cao tính công bằng. 2.2.4. Tăng cường hiệu quả các hoạt động của ngành y tế : 3. Mười một giải pháp chính để thực hiện CS & BVSKND: 3.1. Về đầu tư: 3.2. Kiện toàn tổ chức: 3.3. Tăng cường công tác quản lý: 3.4. Phát triển nhân lực y tế: 3.5. Củng cố phát triển y tế cơ sở: 3.6. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe: 3.7. Khám chữa bệnh: 3.8. Phát triển y dược học cổ truyền: 3.9. Thuốc và trang thiết bị: 3.10. Phát triển khoa học công nghệ thông tin y tế: 3.11. Xã hội hoá công tác y tế:				
3	Bài 3. Đạo đức của người cán bộ y tế. 1. Khái niệm về đạo đức và đạo đức Y học: 1.1. Khái niệm về đạo đức: 1.2. Khái niệm về đạo đức y học: 2. 12 điều quy định về Y đức . 3. Những mối quan hệ trong Y đức:	4	4		

	3.1. Mối quan hệ giữa cán bộ y tế với nghề nghiệp: 3.2. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với người bệnh: 3.3. Bản phận đối với khoa học: 3.4. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với người thầy, đồng nghiệp: 3.5. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với học trò: 3.6. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với cộng đồng xã hội:				
4	Bài 4. Tổ chức và quản lý y tế 1. Y tế Quận, Huyện, Thị xã: 1.1. Khái niệm, vị trí, tính chất : 1.2. Tổ chức: 1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: 1.4. Các nội dung quản lý chính của TTYT huyện: 2. Y tế xã phường: 2.1. Tổ chức: 2.2. Biên chế: 2.3. Nhiệm vụ của y tế xã, phường: 11 2.4. Nội dung quản lý trạm Y tế:	2	2		
5	Bài 5. Tổ chức và quản lý bệnh viện 1. Tổng quan về bệnh viện: 1.1. Định nghĩa bệnh viện: 1.2. Chức năng chính của bệnh viện: 1.3. Tổ chức hệ thống bệnh viện: 1.4. Phân loại bệnh viện: 2. Chức năng nhiệm vụ của bệnh viện hạng 2.1. Cấp cứu - Khám chữa bệnh: 2.2. Đào tạo cán bộ y tế: 2.3. Nghiên cứu khoa học: 2.4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật: 2.5. Phòng bệnh: 2.6. Hợp tác quốc tế: 2.7. Quản lý kinh tế y tế: 3. Tổ chức bệnh viện đa khoa hạng 3: 3.1. Ban Giám đốc: 3.2. Các phòng chức năng: 3.3. Các khoa:	2	2		

6	Bài 6. Chức trách, chế độ qui định đối với y sỹ 1. Nhiệm vụ: 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:	2	1		1
7	Bài 7. Đại cương về quản lý y tế 1. Quản lý là gì? 2. Nguyên tắc quản lý: 2.1. Quyết định đúng: 2.2. Sử dụng tốt các nguồn lực: 2.3. Ủy quyền: 3. Chức năng và chu trình quản lý: 3.1. Chức năng quản lý: 3.2. Qui trình quản lý:	4	4		
8	Bài 8. Lập kế hoạch y tế 1. Các bước lập kế hoạch 1.1. Bước 1: Phân tích tình hình hiện tại 1.1.1. Cách thu thập thông tin, chỉ số: 1.1.2. Những chỉ số cần thu thập: 1.1.3. Phân tích vấn đề: 1.2. Bước 2: Xác định các vấn đề sức khỏe, chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên 1.2.1. Xác định vấn đề sức khỏe: dựa vào các tiêu chuẩn sau: 2.2. Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên: 3. Bước 3: Xác định mục tiêu 3.1. Định nghĩa mục tiêu: 3.2. Phương pháp viết / xây dựng mục tiêu: 4. Bước 4: Lựa chọn giải pháp / hoạt động: 4.1. Chọn giải pháp: 4.2. Hoạt động: 5. Bước 5 : Lập kế hoạch hành động 5.1. Kế hoạch hoạt động là gì? 5.2. Viết kế hoạch hoạt động theo mục tiêu:	2	2		
9	Bài 9. Theo dõi, đánh giá hoạt động y tế 1. Khái niệm về theo dõi và đánh giá: 1.1. Theo dõi: 1.2. Đánh giá: 1.3. Tại sao phải theo dõi, đánh giá: 2. Các bước lên kế hoạch theo dõi và công cụ theo dõi:	2	2		

	2.1. Các bước lên kế hoạch theo dõi: 2.2. Công cụ theo dõi: 2. Đánh giá chương trình hoạt động y tế 2.1. Các hình thức đánh giá: 2.2. Các chỉ số dùng trong đánh giá: 2.3. Các bước của qui trình đánh giá:				
10	Bài 10. Giám sát 1. Khái niệm giám sát 1.1. Giám sát là gì? 1.2. Phân biệt giữa giám sát, kiểm tra và thanh tra: 2. Tầm quan trọng của giám sát: 2.1 Đảm bảo mục tiêu hoạt động phù hợp: 2.2. Đảm bảo giải quyết được những vấn đề khó khăn gặp phải. 2.3. Giúp đỡ đồng viên: 2.4. Khuyến khích nâng cao năng lực của cán bộ y tế: 3. Nguyên tắc cơ bản của giám sát: 4. Các phương pháp và hình thức giám sát. 4.1. Phương pháp giám sát: 4.2. Các hình thức giám sát: 5. Các bước hoạt động giám sát: 5.1. Chuẩn bị cho giám sát: 5.2. Thực hiện giám sát: 5.3. Công việc sau giám sát: 6. Xây dựng công cụ giám sát: 6.1. Khái niệm bảng kiểm giám sát: 6.2. Nguyên tắc xây dựng bảng kiểm: 6.3. Cách viết một bảng kiểm giám sát:	3	3		
11	Bài 11. Truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp 1. Khái niệm, mục đích của truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp: 1.1. Khái niệm: 1.2. Quá trình trao đổi: 2. Các hình thức trao đổi, giải thích: 2.1. Trao đổi bằng lời: 2.2. Trao đổi không lời 3. Nguyên tắc trao đổi bằng lời: 3.1. Trao đổi thông tin cần chính xác	3	2		1

	3.2. Trao đổi thông tin phải đầy đủ: 3.3. Thông tin hoàn chỉnh: 3.4. Trao đổi thông tin giúp hỗ trợ kịp thời, thực hiện được: 4. Các kỹ năng trao đổi với đồng nghiệp: 4.1. Tạo những mối quan hệ tốt: 4.2. Truyền đạt rõ ràng: Cần 3 kỹ năng 4.3. Khuyến khích sự tham gia của đồng nghiệp: 4.4. Tránh định kiến và thiên kiến:				
12	Bài 12. Huy động sự tham gia của cộng đồng 1. Khái niệm về cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng 1.1. Cộng đồng là gì? 1.2. Sự tham gia của cộng đồng là gì? 1.3. Mức độ tham gia của cộng đồng: 2. Tầm quan trọng của việc tham gia của cộng đồng: 3. Các bước trong huy động cộng đồng: 4. Các đối tượng và biện pháp huy động cộng đồng: 4.1. Đối với chính quyền địa phương (Đảng uỷ, UBND): 4.2. Đối với các đoàn thể xã hội, tôn giáo: 4.3. Đối với quần chúng: 5. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia của cộng đồng: 5.1. Trình độ dân trí, phong tục tập quán, sự bảo thủ, lạc hậu của người dân: 5.2. Điều kiện địa lý, kinh tế – chính trị – xã hội của từng địa phương: 5.3. Năng lực hoạt động của trạm y tế: 5.4. Vai trò của chính quyền (UBND) và đoàn thể địa phương: 5.5. Sự quan tâm, giám sát và chỉ đạo của cơ quan y tế và lãnh đạo cấp trên:	2	2		
13	Bài 13. Làm việc theo nhóm 1. Đại cương về nhóm 1.1. Định nghĩa Nhóm: 1.2. Lý do làm việc theo nhóm: 2. Chức năng của nhóm	2	2		

	3. Sự phát triển của nhóm nhóm 3.1. Giai đoạn I: 3.2. Giai đoạn II: 3.3. Giai đoạn III: 3.4. Giai đoạn IV: 4. Tính chất của nhóm 4.1. Tính chất của nhóm: 4.2. Tính chất của nhóm hoạt động có hiệu quả: 5. Lãnh đạo nhóm có hiệu quả 5.1. Khả năng đề ra mục tiêu 5.2. Khả năng suy đoán 5.3. Khả năng giúp nhóm nhận biết về nguồn lực của họ 5.4. Khả năng khởi động và thúc đẩy 6. Hoạt động nhóm có hiệu quả 6.1. Mô tả công việc 6.2. Sử dụng các định mức và chuẩn mực. 6.3. Phối hợp các hoạt động. 6.4. Truyền thông. 6.5. Chủ trì cuộc họp. 6.6. Đào tạo huấn luyện.				
14	Bài 14. Quy định về chế độ giao tiếp trong các cơ sở khám chữa bệnh. 1. Đại cương 2. Quy định cụ thể: 2.1. Nhân viên bảo vệ: 2.2. Nhân viên y tế tại khoa khám bệnh 2.3. Nhân viên y tế tại khoa điều trị: 2.3.1. Khi người bệnh vào khoa: 2.3.2. Khi người bệnh đang điều trị tại khoa: 2.3.3. Khi cho người bệnh dùng thuốc: 2.3.4. Khi phẫu thuật và làm các thủ thuật thầy thuốc và nhân viên y tế phải: 2.3.5. Khi người bệnh ra viện, chuyển viện, thầy thuốc và nhân viên y tế phải: 2.3.6. Giao tiếp với người nhà, khách đến thăm và làm việc: 2.3.7. Giao tiếp với đồng nghiệp, thầy thuốc và nhân viên y tế phải: 3. Người bệnh và người nhà người bệnh:	2	2		

15	Bài 15. Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế 1. Quy tắc ứng xử chung 1.1. Những việc cán bộ, viên chức y tế phải làm: 1.2. Những việc cán bộ, viên chức y tế không được làm: 2. Quy tắc ứng xử với người bệnh và gia đình người bệnh 2.1. Những việc cán bộ, viên chức y tế phải làm: 2.2. Những việc cán bộ, viên chức y tế không được làm: 3. Quy tắc ứng xử với đồng nghiệp 3.1. Những việc cán bộ viên chức y tế phải làm: 3.2. Những việc cán bộ, nhân viên y tế không được làm: 4. Quy tắc ứng xử của cán bộ lãnh đạo đơn vị 4.1. Những việc cán bộ lãnh đạo đơn vị phải làm: 4.2. Những việc cná bộ lãnh đạo đơn vị không được làm:	3	3		
16	Bài 16. Kỹ năng giao tiếp với người bệnh và gia đình của họ 1. Đại cương: 1.1 . Vai trò, ý nghĩa giao tiếp: 1.2 . Giao tiếp là gì? 1.3 . Mục đích của giao tiếp: 2 . Những điểm thầy thuốc và điều dưỡng viên cần quyết định khi giao tiếp: 3 . Hướng dẫn giao tiếp với người bệnh và gia đình họ: 3.1 . Giao tiếp với người bệnh: 3.2 . Giao tiếp với gia đình người bệnh:	3	2		1
17	Bài 17. Nghệ thuật tiếp xúc với bệnh nhân 1. Đại cương: 2. Những diễn biến tâm lý của bệnh nhân khi đến khám bệnh: 3. Phòng khám đa khoa của bệnh viện: 4. Công tác chữa bệnh: 4.1. Với người thường trực:	3	3		

4.2 . Với người điều dưỡng viên tiếp nhận: 4.3. Với thầy thuốc và cán bộ điều dưỡng: 5. Vấn đề chẩn đoán, tiên lượng bệnh 6 . Biết tác động tâm lý: 7 . Sự tiếp xúc với người nhà bệnh nhân:				
Cộng	45	42		3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Hệ thống tổ chức ngành Y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu.

- 1.1. Mô tả được hệ thống tổ chức các tuyến của Ngành Y tế Việt Nam
- 1.2. Phân tích được chức năng của các tuyến.

2. Nội dung.

- 2.1. Tổ chức chung của Ngành Y tế:
- 2.2. Tổ chức theo các tuyến:
 - 2.2.1. Tuyến Trung ương - Bộ Y tế:
 - 2.2.1.1. Vị trí và chức năng:
 - 2.2.1.2. Cơ cấu tổ chức:
 - 2.2.2. Sở Y tế:
 - 2.2.2.1. Vị trí và chức năng Sở Y tế:
 - 2.2.2.2. Cơ cấu tổ chức:
- 2.3. Tuyến Y tế cơ sở:

Bài 2. Những quan điểm đường lối cơ bản của đảng về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong giai đoạn hiện nay

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được 5 quan điểm chỉ đạo công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- 1.2. Liệt kê được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Chiến lược Chăm sóc và Bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2010- 2020.
- 1.3. Trình bày được giải pháp chính để thực hiện Chiến lược Chăm sóc và Bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Nội dung.

- 2.1. Năm quan điểm chỉ đạo công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân:
 - 2.1.1. Sức khỏe và con người:
 - 2.1.2. Công bằng trong chăm sóc sức khỏe;
 - 2.1.3. Dự phòng tích cực và chủ động;
 - 2.1.4. Kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền dân tộc:

- 2.1.5. Xã hội hoá sự nghiệp CSSK:
- 2.2. Chiến lược Chăm sóc Bảo vệ sức khoẻ nhân dân:
 - 2.2.1. Mục tiêu chung:
 - 2.2.2. Mục tiêu cụ thể:
 - 2.2.2.1. Các chỉ tiêu sức khoẻ cần đạt đến năm 2020:
 - 2.2.2.2. Giảm tỷ lệ mắc, chết do các bệnh truyền nhiễm.
 - 2.2.2.3. Nâng cao tính công bằng :
 - 2.2.2.4. Tăng cường hiệu quả các hoạt động của ngành y tế :
- 2.3. Mười một giải pháp chính để thực hiện CS & BVSKND:
 - 2.3.1. Về đầu tư:
 - 2.3.2. Kiện toàn tổ chức:
 - 2.3.3. Tăng cường công tác quản lý:
 - 2.3.4. Phát triển nhân lực y tế:
 - 2.3.5. củng cố phát triển y tế cơ sở:
 - 2.3.6. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khoẻ:
 - 2.3.7. Khám chữa bệnh:
 - 2.3.8. Phát triển y dược học cổ truyền:
 - 2.3.9. Thuốc và trang thiết bị:
 - 2.3.10. Phát triển khoa học công nghệ thông tin y tế:
 - 2.3.11. Xã hội hoá công tác y tế:

Bài 3.Đạo đức của người cán bộ y tế

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các khái niệm về đạo đức và đạo đức Y học.
- 1.2. Trình bày được nội dung 12 điều quy định về Y đức.
- 1.3. Phân tích được các mối quan hệ trong Y đức

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về đạo đức và đạo đức Y học:
 - 2.1.1. Khái niệm về đạo đức:
 - 2.1.2. Khái niệm về đạo đức y học:
- 2.2. 12 điều quy định về Y đức .
- 2.3. Những mối quan hệ trong Y đức:
 - 2.3.1. Mối quan hệ giữa cán bộ y tế với nghề nghiệp:
 - 2.3.2. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với người bệnh:
 - 2.3.3. Bồn phận đối với khoa học:
 - 2.3.4. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với người thầy, đồng nghiệp:
 - 2.3.5. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với học trò:
 - 2.3.6. Mối quan hệ giữa cán bộ Y tế với cộng đồng xã hội:

Bài 4. Tổ chức và quản lý y tế cơ sở

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm của y tế cơ sở.
- 1.2. Trình bày được tổ chức biên chế của y tế cơ sở.
- 1.3. Kể được 11 nhiệm vụ của Trạm y tế cơ sở.
- 1.4. Trình bày được 5 nội dung chính trong quản lý tại trạm y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Y tế Quận, Huyện, Thị xã:
 - 2.1.1. Khái niệm, vị trí, tính chất :
 - 2.1.2. Tổ chức:
 - 2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:
 - 2.1.4. Các nội dung quản lý chính của TTYT huyện:
- 2.2. Y tế xã phường:
 - 2.2.1. Tổ chức:
 - 2.2.2. Biên chế:
 - 2.2.3. Nhiệm vụ của y tế xã, phường:
 - 2.2.4. Nội dung quản lý trạm Y tế:

Bài 5. Tổ chức và quản lý bệnh viện

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được hệ thống và mô hình tổ chức, quản lý bệnh viện và các chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện các tuyến.
- 1.2. Trình bày được 7 chức năng nhiệm vụ của bệnh viện hạng 3.
- 1.3. Trình bày được tổ chức bệnh viện hạng 3 của địa phương.

2. Nội dung

- 2.1. Tổng quan về bệnh viện:
 - 2.1.1. Định nghĩa bệnh viện:
 - 2.1.2. Chức năng chính của bệnh viện:
 - 2.1.3. Tổ chức hệ thống bệnh viện:
 - 2.1.4. Phân loại bệnh viện:
- 2.2. Chức năng nhiệm vụ của bệnh viện hạng III:
 - 2.2.1. Cấp cứu - Khám chữa bệnh:
 - 2.2.2. Đào tạo cán bộ y tế:
 - 2.2.3. Nghiên cứu khoa học:
 - 2.2.4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật:
 - 2.2.5. Phòng bệnh:
 - 2.2.6. Hợp tác quốc tế:
 - 2.2.7. Quản lý kinh tế y tế:
- 2.3. Tổ chức bệnh viện đa khoa hạng 3:

- 2.3.1. Ban Giám đốc:
- 2.3.2. Các phòng chức năng:
- 2.3.3. Các khoa:

Bài 6. Chức trách, chế độ quy định đối với y sĩ

Thời gian: 1 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Liệt kê được nhiệm vụ, chức năng của người y sĩ.
 - 1.2. Trình bày tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của người y sĩ .
 - 1.3. Trình bày được tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người y sĩ.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Nhiệm vụ:
 - 2.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:
 - 2.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

Bài 7. Đại cương về quản lý y tế

Thời gian: 2 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa quản lý và nguyên tắc quản lý theo mục tiêu.
 - 1.2. Vẽ và giải thích được chu trình quản lý.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Quản lý là gì?
 - 2.2. Nguyên tắc quản lý:
 - 2.2.1. Quyết định đúng:
 - 2.2.2. Sử dụng tốt các nguồn lực:
 - 2.2.3. Ủy quyền:
 - 2.3. Chức năng và chu trình quản lý:
 - 2.3.1. Chức năng quản lý:
 - 2.3.2. Quy trình quản lý:

Bài 8. Lập kế hoạch y tế

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Liệt kê được 5 bước trong lập kế hoạch y tế.
- 1.2. Trình bày được cách thu thập các chỉ số y tế và các ý nghĩa của chỉ số.
- 1.3. Trình bày được cách xác định các vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- 1.4. Trình bày được 5 đặc tính khi viết mục tiêu y tế.
- 1.5. Viết được kế hoạch hành động.

2. Nội dung

- 2.1. Các bước lập kế hoạch
 - 2.1.1. Bước 1: Phân tích tình hình hiện tại
 - 2.1.1.1. Cách thu thập thông tin, chỉ số:
 - 2.1.1.2. Những chỉ số cần thu thập:
 - 2.1.1.3. Phân tích vấn đề:
 - 2.1.2. Bước 2: Xác định các vấn đề sức khỏe, chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên
 - 2.1.2.1. Xác định vấn đề sức khỏe:
 - 2.1.2.2. Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên:
 - 2.1.3. Bước 3 : Xác định mục tiêu
 - 2.1.3.1. Định nghĩa mục tiêu:
 - 2.1.3.2. Phương pháp viết / xây dựng mục tiêu:
 - 2.1.4. Bước 4: Lựa chọn giải pháp / hoạt động:
 - 2.1.4.1. Chọn giải pháp:
 - 2.1.4.2. Hoạt động:
 - 2.1.5. Bước 5 : Lập kế hoạch hành động
 - 2.1.5.1. Kế hoạch hoạt động là gì?
 - 2.1.5.2. Viết kế hoạch hoạt động theo mục tiêu:

Bài 9. Theo dõi, đánh giá hoạt động y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và tầm quan trọng của việc theo dõi, đánh giá hoạt động y tế.
- 1.2. Trình bày được các bước lên kế hoạch theo dõi và công cụ theo dõi.
- 1.3. Liệt kê các tiêu chuẩn để chọn các chỉ số đánh giá.
- 1.4. Trình bày được các bước cơ bản khi đánh giá.

2. Nội dung chi tiết.

- 2.1. Khái niệm về theo dõi và đánh giá:
 - 2.1.1. Theo dõi:
 - 2.1.2. Đánh giá:
 - 2.1.3. Tại sao phải theo dõi, đánh giá:

2.2. Các bước lên kế hoạch theo dõi và công cụ theo dõi:

2.2.1. Các bước lên kế hoạch theo dõi:

2.2.2. Công cụ theo dõi:

2.3. Đánh giá chương trình hoạt động y tế

2.3.1. Các hình thức đánh giá:

2.3.2. Các chỉ số dùng trong đánh giá:

2.3.3. Các bước của qui trình đánh giá

Bài 10. Giám sát

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu.

1. Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của giám sát.

2. Trình bày được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức và các bước cơ bản trong giám sát.

3. Trình bày được nguyên tắc xây dựng bảng kiểm, dùng cho giám sát.

2. Nội dung chi tiết.

2.1. Khái niệm giám sát

2.1.1. Giám sát là gì?

2.1.2. Phân biệt giữa giám sát, kiểm tra và thanh tra:

2.2. Tầm quan trọng của giám sát:

2.2.1 Đảm bảo các mục tiêu hoạt động phù hợp:

2.2.2. Đảm bảo giải quyết được những vấn đề khó khăn gặp phải.

2.2.3. Giúp đỡ động viên:

2.2.4. Khuyến khích nâng cao năng lực của cán bộ y tế:

2.3. Nguyên tắc cơ bản của giám sát:

2.4. Các phương pháp và hình thức giám sát.

2.4.1. Phương pháp giám sát:

2.4.2. Các hình thức giám sát:

2.5. Các bước hoạt động giám sát:

2.5.1. Chuẩn bị cho giám sát:

2.5.2. Thực hiện giám sát:

2.5.3. Công việc sau giám sát:

2.6. Xây dựng công cụ giám sát:

2.6.1. Khái niệm bảng kiểm giám sát:

2.6.2. Nguyên tắc xây dựng bảng kiểm:

2.6.3. Cách viết một bảng kiểm giám sát:

Bài 11. Truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu.

1. Trình bày được khái niệm, mục đích của giao tiếp với đồng nghiệp.
2. Liệt kê được các hình thức giao tiếp, nguyên tắc giao tiếp với đồng nghiệp.
3. Trình bày được các yếu tố tác động tới giao tiếp với đồng nghiệp.
4. Trình bày được kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, mục đích của truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp:
 - 2.1.1. Khái niệm:
 - 2.1.2. Quá trình trao đổi:
- 2.2. Các hình thức trao đổi, giải thích:
 - 2.2.1. Trao đổi bằng lời:
 - 2.2.2. Trao đổi không lời (thái độ):
- 2.3. Nguyên tắc trao đổi bằng lời:
 - 2.3.1. Trao đổi thông tin cần chính xác (thông tin có thực):
 - 2.3.2. Trao đổi thông tin phải đầy đủ:
 - 2.3.3. Thông tin hoàn chỉnh:
 - 2.3.4. Trao đổi thông tin giúp hỗ trợ kịp thời, thực hiện được:
- 2.4. Các kỹ năng trao đổi với đồng nghiệp:
 - 2.4.1. Tạo những mối quan hệ tốt:
 - 2.4.2. Truyền đạt rõ ràng:
 - 2.4.3. Khuyến khích sự tham gia của đồng nghiệp:
 - 2.4.4. Tránh định kiến và thiên kiến:

Bài 12. Huy động sự tham gia của cộng đồng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu.

- 1.1. Trình bày được khái niệm cộng đồng và tầm quan trọng của sự tham gia của cộng đồng trong CSSKBĐ.
- 1.2. Trình bày được các phương pháp huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và CSSKBĐ.

2. Nội dung .

- 2.1. Khái niệm về cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng
 - 2.1.1. Cộng đồng là gì?
 - 2.1.2. Sự tham gia của cộng đồng là gì?
 - 2.1.3. Mức độ tham gia của cộng đồng:
- 2.2. Tầm quan trọng của việc tham gia của cộng đồng:
- 2.3. Các bước trong huy động cộng đồng:
- 2.4. Các đối tượng và biện pháp huy động cộng đồng:
 - 2.4.1. Đối với chính quyền địa phương (Đảng uỷ, UBND):

- 2.4.2. Đối với các đoàn thể xã hội, tôn giáo:
- 2.4.3. Đối với quần chúng:
- 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia của cộng đồng:
- 2.5.1. Trình độ dân trí, phong tục tập quán, sự bảo thủ, lạc hậu của người dân:
- 2.5.2. Điều kiện địa lý, kinh tế – chính trị – xã hội của từng địa phương:
- 2.5.3. Năng lực hoạt động của trạm y tế:
- 2.5.4. Vai trò của chính quyền (UBND) và đoàn thể địa phương:
- 2.5.5. Sự quan tâm, giám sát và chỉ đạo của cơ quan y tế và lãnh đạo cấp trên:

Bài 13. Làm việc theo nhóm

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu.

- 1.1. Nêu được lý do làm việc nhóm hiệu quả và vai trò của nhóm.
- 1.2. Mô tả được bốn giai đoạn phát triển của nhóm.
- 1.3. Trình bày được các tính chất của nhóm hoạt động có hiệu quả.
- 1.4. Trình bày được các yêu cầu cần thiết đối với lãnh đạo nhóm.
- 1.5. Nêu được các kỹ năng làm việc nhóm có hiệu quả.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về nhóm
 - 2.1.1. Định nghĩa Nhóm:
 - 2.1.2. Lý do làm việc theo nhóm:
- 2.2. Chức năng của nhóm
- 2.3. Sự phát triển của nhóm nhóm
 - 2.3.1. Giai đoạn I:
 - 2.3.2. Giai đoạn II:
 - 2.3.3. Giai đoạn III:
 - 2.3.4. Giai đoạn IV:
- 2.4. Tính chất của nhóm
 - 2.4.1. Tính chất của nhóm:
 - 2.4.2. Tính chất của nhóm hoạt động có hiệu quả:
- 2.5. Lãnh đạo nhóm có hiệu quả
 - 2.5.1. Khả năng đề ra mục tiêu
 - 2.5.2. Khả năng suy đoán
 - 2.5.3. Khả năng giúp nhóm nhận biết về nguồn lực của họ
 - 2.5.4. Khả năng khởi động và thúc đẩy
- 2.6. Hoạt động nhóm có hiệu quả
 - 2.6.1. Mô tả công việc
 - 2.6.2. Sử dụng các định mức và chuẩn mực.
 - 2.6.3. Phối hợp các hoạt động.
 - 2.6.4. Truyền thông.
 - 2.6.5. Chủ trì cuộc họp.
 - 2.6.6. Đào tạo huấn luyện.

Bài 14. Quy định về chế độ giao tiếp trong các cơ sở khám chữa bệnh

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1 .Trình bày được những quy định đối với nhân viên bảo vệ về chế độ giao tiếp trong các cơ sở khám chữa bệnh.

1.2 . Trình bày được những quy định đối với nhân viên y tế về chế độ giao tiếp trong các cơ sở khám chữa bệnh.

1.3. Trình bày được những quy định đối với người bệnh và người nhà người bệnh về chế độ giao tiếp trong các cơ sở khám chữa bệnh.

2. Nội dung chi tiết:

2.1. Đại cương

2.2. Quy định cụ thể:

2.2. 1. Nhân viên bảo vệ:

2.2.2. Nhân viên y tế tại khoa khám bệnh

2.2.3. Nhân viên y tế tại khoa điều trị:

2.2.3.1. Khi người bệnh vào khoa:

2.2.3.2. Khi người bệnh đang điều trị tại khoa:

2.2.3.3. Khi cho người bệnh dùng thuốc:

2.2.3.4 . Khi phẫu thuật và làm các thủ thuật thầy thuốc và nhân viên y tế phải:

2.2.3.5 . Khi người bệnh ra viện, chuyển viện, thầy thuốc và nhân viên y tế phải:

2.2.3.6. Giao tiếp với người nhà, khách đến thăm và làm việc:

2.2.3.7. Giao tiếp với đồng nghiệp, thầy thuốc và nhân viên y tế phải:

2.3. Người bệnh và người nhà người bệnh:

Bài 15. Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp ngành y tế

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy tắc ứng xử chung.

1.2. Trình bày được quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức y tế với người bệnh và gia đình người bệnh.

1.3. Trình bày được quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức y tế với đồng nghiệp.

1.4. Trình bày được quy tắc ứng xử của cán bộ lãnh đạo đơn vị.

2. Nội dung chi tiết:

2.1. Quy tắc ứng xử chung

2.1. 1. Những việc cán bộ, viên chức y tế phải làm:

2.1.2. Những việc cán bộ, viên chức y tế không được làm:

2.2. Quy tắc ứng xử với người bệnh và gia đình người bệnh

2.2. 1. Những việc cán bộ, viên chức y tế phải làm:

2.2.2. Những việc cán bộ, viên chức y tế không được làm:

2.3. Quy tắc ứng xử với đồng nghiệp

- 2.3. 1. Những việc cán bộ viên chức y tế phải làm:
- 2.3.2. Những việc cán bộ, nhân viên y tế không được làm:
- 2.4. Quy tắc ứng xử của cán bộ lãnh đạo đơn vị
- 2.4. 1. Những việc cán bộ lãnh đạo đơn vị phải làm:
- 2.4. 2. Những việc cán bộ lãnh đạo đơn vị không được làm:

Bài 16. Kỹ năng giao tiếp với người bệnh và gia đình của họ

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được vai trò, ý nghĩa, mục đích của giao tiếp.
- 1.2. Ứng dụng được kỹ năng giao tiếp vào công tác giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh

2. Nội dung .

- 2.1. Đại cương:
 - 2.1.1. Vai trò, ý nghĩa giao tiếp:
 - 2.1.2. Giao tiếp là gì?
 - 2.1.3. Mục đích của giao tiếp:
- 2.2. Những điểm thầy thuốc và điều dưỡng viên cần quyết định khi giao tiếp:
- 2.3. Hướng dẫn giao tiếp với người bệnh và gia đình họ:
 - 2.3.1. Giao tiếp với người bệnh:
 - 2.3.2. Giao tiếp với gia đình người bệnh

Bài 17. Nghệ thuật tiếp xúc với bệnh nhân

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được những diễn biến tâm lý của bệnh nhân khi đến khám và cách tiếp xúc với bệnh nhân.
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh, tăng cường lòng tin của bệnh nhân vào kết quả chăm sóc và điều trị.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương:
- 2.2. Những diễn biến tâm lý của bệnh nhân khi đến khám bệnh:
- 2.3. Phòng khám đa khoa của bệnh viện:
- 2.4. Công tác chữa bệnh:
 - 2.4.1. Với người thường trực:
 - 2.4.2. Với người điều dưỡng viên tiếp nhận:
 - 2.4.3. Với thầy thuốc và cán bộ điều dưỡng:
- 2.5. Vấn đề chẩn đoán, tiên lượng bệnh
- 2.6. Biết tác động tâm lý:
- 2.7. Sự tiếp xúc với người nhà bệnh nhân:

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn/ nhà xưởng: Phòng học, cơ sở thực tập
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá.

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiểm tra học sinh: Về hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam, các quan điểm đường lối của Đảng về công tác y tế, khái niệm cơ bản về quản lý y tế. Chức trách quy định đối với y sỹ, lập được kế hoạch y tế, theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động y tế, chức trách quy định đối với y sỹ, lập được kế hoạch y tế, theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động y tế.

Trình bày được khái niệm đạo đức và đạo đức y học, Các quy định về chế độ giao tiếp, quy tắc ứng xử của cán bộ viên chức, người bệnh và gia đình người bệnh trong các cơ sở khám chữa bệnh,

- Kỹ năng:

Thực hiện một số kỹ năng quản lý trong chăm sóc sức khỏe ban đầu

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Tổ chức và điều hành các hoạt động nhóm theo kế hoạch

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm. Bài viết 15 phút

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm bằng hình thức thực hiện phương pháp truyền thống, hoàn thiện bài tập được giao.

- Kiểm tra kết thúc học: Bài thi viết. Sử dụng câu hỏi thi truyền thống, câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tình huống.

- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun.

1- Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2- Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun.

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học

- Đối với người học

- + Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết
- + Đọc tài liệu trước khi đến lớp
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- + Làm đầy đủ các bài tập về nhà vào sổ bài tập

3- Những trọng tâm cần chú ý: Học sinh phải

- Tham dự tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

4- Tài liệu tham khảo:

- [1] Trường Cán bộ quản lý y tế, *Bài giảng quản lý y tế*, Nhà xuất bản Y học, 1977.
- [2] Trường Cán bộ quản lý y tế, *Bài giảng quản lý nhà nước về y tế*, Nhà xuất bản Y học, 1999.
- [3] Trường Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng quản lý và chính sách y tế*, Nhà xuất bản Y học, 2002.
- [4] Lê Ngọc Trọng, Trần Thu Thủy, Nguyễn Huy Thìn, *Quy định về y đức và tiêu chuẩn phấn đấu*, Nhà xuất bản Y học, 1999.
- [5] Bộ Y tế, *Quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu ở tuyến y tế cơ sở*, Nhà xuất bản Y học, 1990.
- [6] Giáo trình môn học Quản lý và tổ chức y tế của nhà trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng

Mã môđun: MĐ 13

Thời gian thực hiện môđun: 60 giờ (lý thuyết : 29 giờ, thực hành: 29 giờ, kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất môđun

- Vị trí: Học xong môđun Giải phẫu sinh lý, Dược
- Tính chất: Môđun chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môđun

1- Về kiến thức:

Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng

Trình bày được các bước khám thực thể

Trình bày được vai trò của điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

Mô tả được các bước trong bảng kiểm tra quy trình kỹ thuật.

Kể được tên các loại dụng cụ trong từng kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

Theo dõi, phát hiện, xử trí các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

2 - Về kỹ năng:

Học sinh vận dụng được các kiến thức trên để nhận định người bệnh, thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản, theo dõi, phát hiện và xử trí các biểu hiện bất thường trên người bệnh.

Thực hiện qui trình kỹ thuật của từng thủ thuật, kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

Nhận biết, theo dõi và xử trí được các biến cố xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.

Thực hiện tốt các kỹ năng thực hành, chăm sóc người bệnh.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh nhận thức được tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh đối với người điều dưỡng.

Thái độ niềm nở, ân cần khi tiếp nhận và chăm sóc người bệnh.

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.

Có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp trong công việc.

Có tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh trong quá trình chăm sóc.

III. Nội dung môđun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh 1. Định nghĩa 2. Vai trò của người điều dưỡng 3. Công việc cụ thể của người điều dưỡng 3.1. Công việc chính 3.2. Nhiệm vụ cụ thể	1	1		
2	Bài 2: Nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh và kỹ thuật đưa thức ăn vào cơ thể 1. Yêu cầu của một khẩu phần ăn 1.1. Nhu cầu về năng lượng 1.2. Nhu cầu về các chất hữu cơ 1.2.1. Nhu cầu Gluxid 1.2.2. Nhu cầu lipid 1.2.3. Nhu cầu Protid 1.3. Nhu cầu về các chất vô cơ 1.3.1. Nhu cầu về nước 1.3.2. Nhu cầu về chất khoáng 1.3.3. Nhu cầu về vitamin 2. Chế độ ăn bệnh lý 2.1. Chế độ ăn hạn chế chất sợi xơ 2.2. Chế độ ăn hạn chế chất béo 2.3. Chế độ ăn hạn chế muối 2.4. Chế độ ăn tăng Protid 2.5. Chế độ ăn giảm Protid 3. Cho người bệnh ăn thông thường 3.1. Áp dụng 3.2. Chuẩn bị dụng cụ 3.3. Chuẩn bị người bệnh 3.4. Kỹ thuật tiến hành	2	2		
3	Bài 3: Nhận định thể chất và sức khỏe 1. Quy trình nhận định thực thể 1.1. Các yêu cầu nhận định thực thể. 1.2. Quy trình nhận định thực thể. 1.2.1. Chuẩn bị PK, dụng cụ 1.2.2. Chuẩn bị người điều dưỡng 1.2.3. Chuẩn bị người bệnh	2	2		

	1.2.4. Kỹ thuật tiến hành 1.2.5. Thu dọn dụng cụ. 2. Khám các cơ quan bộ phận 2.1. Khám toàn trạng 2.2. Khám da niêm mạc 2.3. Khám tuần hoàn 2.4. Khám hô hấp 2.5. Khám tiêu hóa 2.6. Khám thận tiết niệu 2.7. Khám các cơ quan khác: thần kinh, mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng... 2.8. Những điểm lưu ý khi thăm khám người bệnh				
4	Bài 4. Chăm sóc người bệnh trước mổ và sau mổ 1. Chăm sóc người bệnh trước mổ 1.1. Chăm sóc người bệnh trước mổ kế hoạch 1.1.1. Chuẩn bị tinh thần cho người bệnh 1.1.2. Chuẩn bị thể chất cho người bệnh 1.2. Chuẩn bị người bệnh mổ cấp cứu 1.2.1. Theo dõi sát bệnh nhân 1.2.2. Làm các xét nghiệm cơ bản 1.2.3. Hoàn thành thủ tục cần thiết 1.2.4. Chuyển bệnh nhân lên phòng mổ 2. Chăm sóc bệnh nhân sau mổ 2.1. Chăm sóc bệnh nhân 24h đầu sau mổ 2.2. Chăm sóc bệnh nhân những ngày sau	1	1		
5	Bài 5. Các tư thế trong điều trị 1. Tư thế nằm ngửa thẳng 1.1. Áp dụng 1.2. Không áp dụng 1.3. Tiến hành 2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp nghiêng về một bên 2.1. Áp dụng 2.2. Không áp dụng 2.3. Tiến hành 3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao 3.1. Áp dụng 3.2. Không áp dụng	1	1		

	3.3. Tiến hành 4. Tư thế nửa nằm nửa ngồi 4.1. Áp dụng 4.2. Không áp dụng 4.3. Tiến hành 5. Tư thế nằm sấp 5.1. Áp dụng 5.2. Không áp dụng 5.3. Tiến hành 6. Tư thế nằm nghiêng phải, nghiêng trái 6.1. Áp dụng 6.2. Không áp dụng 6.3 Tiến hành				
6	Bài 6: Hồ sơ bệnh án 1. Tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh 2. Lập hồ sơ bệnh án 2.1. Các loại giấy tờ trong hồ sơ người bệnh 2.2. Quy định về sắp xếp giấy tờ 3. Quy định về bảo quản hồ sơ người bệnh	1	1		
7	Bài 7: Khử khuẩn, tiệt khuẩn 1. Khử khuẩn: 1.1. Định nghĩa 1.2. Các phương pháp khử khuẩn. 1.2.1. Làm sạch 1.2.2. Khử khuẩn bằng nhiệt 1.2.3. Khử khuẩn bằng hóa học 1.3. Nguyên tắc lựa chọn hóa chất khử khuẩn dùng trong bệnh viện 2. Tiệt khuẩn: 2.1. Định nghĩa: 2.2. Các phương pháp tiệt khuẩn 2.2.1. Hấp ướt 2.2.2. Sấy khô 2.2.3. Dùng hóa chất 2.3. Vệ sinh đôi tay(rửa tay thường quy) 2.3.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 2.3.2. Chuẩn bị dụng cụ 2.3.3. Tiến hành	1	1		
8	Bài 8. Kỹ thuật lấy mạch, nhiệt độ, nhịp thở, huyết áp.	6	2	4	

1. Kỹ thuật lấy mạch: 1.1. Định nghĩa 1.2. Tần số mạch bình thường ở các lứa tuổi 1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến tần số mạch 1.4. Tính chất của mạch 1.5. Quy tắc chung khi theo dõi mạch 1.2. Quy trình kỹ thuật 1.2.1. Chuẩn bị người bệnh 1.2.2. Chuẩn bị người điều dưỡng 1.2.3. Chuẩn bị dụng cụ 1.2.4. Kỹ thuật tiến hành 2. Kỹ thuật đếm nhịp thở 2.1. Định nghĩa 2.2. Tần số nhịp thở bình thường ở các lứa tuổi 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến trung tâm hô hấp 2.4. Những thay đổi về nhịp thở 2.5. Quy tắc chung khi theo dõi nhịp thở 2.6. Quy trình kỹ thuật 2.6.1. Chuẩn bị người bệnh 2.6.2. Chuẩn bị người điều dưỡng 2.6.3. Chuẩn bị dụng cụ 2.6.4. Kỹ thuật tiến hành 3. Kỹ thuật đo nhiệt độ 3.1. Nhiệt độ bình thường 3.2. Nhiệt độ bất thường 3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt 3.4. Quy tắc chung khi theo dõi nhiệt độ 3.5. Quy trình kỹ thuật 3.5.1. Chuẩn bị người bệnh 3.5.2. Chuẩn bị người điều dưỡng 3.5.3. Chuẩn bị dụng cụ 3.5.4. Kỹ thuật tiến hành 4. Kỹ thuật đo huyết áp. 4.1. Định nghĩa 4.2. Trị số huyết áp 4.3. Giới hạn bình thường và cách ghi chép				
---	--	--	--	--

	4.4. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp 4.5. Quy tắc chung đo huyết áp 4.6. Quy trình kỹ thuật 4.6.1. Chuẩn bị người bệnh 4.6.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 4.6.2. Chuẩn bị dụng cụ 4.6.3. Kỹ thuật tiến hành				
9	Bài 9. Kỹ thuật dùng thuốc cho người bệnh. 1. Nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc 2. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc 2.1. Các trường hợp áp dụng, không áp dụng cho người bệnh uống thuốc 2.1.1. Các trường hợp áp dụng 2.1.2. Các trường hợp không áp dụng 2.2. Những điều cần biết khi cho người bệnh uống thuốc 2.3. Quy trình kỹ thuật 2.3.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 2.3.2. Chuẩn bị dụng cụ 2.3.3. Chuẩn bị người bệnh 2.3.4. Kỹ thuật tiến hành 3. Kỹ thuật tiên trong da 3.1. Định nghĩa 3.2. Chỉ định, chống chỉ định tiên trong da 3.3. Vị trí, góc độ tiêm 3.4. Các tai biến và cách xử lý 3.5. Quy trình kỹ thuật 3.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 3.5.2. Chuẩn bị dụng cụ 3.5.3. Chuẩn bị người bệnh 3.5.4. Kỹ thuật tiến hành 4. Kỹ thuật tiêm dưới da 4.1. Định nghĩa 4.2. Chỉ định, chống chỉ định 4.3. Vị trí, góc độ tiêm 4.4. Các tai biến và cách xử lý 4.5. Quy trình kỹ thuật 4.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 4.5.2. Chuẩn bị dụng cụ	4	4		

	4.5.3. Chuẩn bị người bệnh 4.5.4. Kỹ thuật tiến hành 5. Kỹ thuật tiêm bắp thịt 5.1. Định nghĩa 5.2. Chỉ định, chống chỉ định 5.3. Vị trí, góc độ tiêm 5.4. Các tai biến và cách xử lý 5.5. Quy trình kỹ thuật 5.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 5.5.2. Chuẩn bị dụng cụ 5.5.3. Chuẩn bị người bệnh 5.5.5. Kỹ thuật tiến hành 6. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch 6.1. Định nghĩa 6.2. Chỉ định, chống chỉ định 6.3. Vị trí, góc độ tiêm 6.4. Các tai biến và cách xử lý 6.5. Quy trình kỹ thuật 6.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 6.5.2. Chuẩn bị dụng cụ 6.5.3. Chuẩn bị người bệnh 6.5.4. Kỹ thuật tiến hành				
10	Bài 10. Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu 1. Kỹ thuật truyền dịch 1.1. Định nghĩa 1.2. Chỉ định, chống chỉ định truyền dịch 1.2.1. Các loại dung dịch thường dùng 1.2.2. Vị trí, góc độ truyền dịch 1.3. Các tai biến và cách xử lý 1.4. Quy trình kỹ thuật. 1.4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 1.4.2. Chuẩn bị dụng cụ 1.4.3. Chuẩn bị người bệnh 1.4.4. Kỹ thuật tiến hành 2. Kỹ thuật truyền máu 2.1. Sinh lý máu 2.2. Các loại chế phẩm của máu 2.3. Mục đích truyền máu 2.4. Chỉ định truyền máu 2.5. Chống chỉ định truyền máu 2.6. Nguyên tắc truyền máu	6	2	3	

	2.7. Các tai biến và cách xử lý 2.8. Quy trình kỹ thuật 2.8.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 2.8.2. Chuẩn bị dụng cụ 2.8.3. Chuẩn bị người bệnh 2.8.4. Kỹ thuật tiến hành				
11	Bài 11. Kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh 1. Kỹ thuật chườm nóng. 1.1. Các trường hợp áp dụng. không áp dụng chườm lạnh 1.1. 1. Các trường hợp áp dụng 1.1.2. Các trường hợp không áp dụng 1.2. Quy trình kỹ thuật 1.2.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 1.2.2. Chuẩn bị dụng cụ 1.2.3. Chuẩn bị người bệnh 1.4. Kỹ thuật tiến hành 2. Kỹ thuật chườm nóng 2.1. Các trường hợp áp dụng. không áp dụng chườm lạnh 2.1. Các trường hợp áp dụng 2.2. Các trường hợp không áp dụng 2.2. Quy trình kỹ thuật 2.2.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 2.2.2. Chuẩn bị dụng cụ 2.2.3. Chuẩn bị người bệnh 2.2.4. Kỹ thuật tiến hành	2	1	1	
12	Bài 12. Kỹ thuật thắt tháo 1. Sơ lược về giải phẫu ruột 2. Các trường hợp áp dụng thắt tháo 3. Các trường hợp không áp dụng thắt tháo 4. Những điểm lưu ý khi thắt tháo cho người bệnh 5. Quy trình kỹ thuật 5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 5.2. Chuẩn bị dụng cụ 5.3. Chuẩn bị người bệnh 5.4. Kỹ thuật tiến hành	2	1	1	
13	Bài 13. Kỹ thuật đặt ống thông dạ dày 1. Mục đích của việc đặt ống thông dạ dày 2. Chỉ định đặt ống thông dạ dày	4	2	2	

	3. Chống chỉ định đặt ống thông dạ dày 4. Các tai biến 5. Quy trình kỹ thuật 5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 5.2. Chuẩn bị dụng cụ 5.3. Chuẩn bị người bệnh 5.4. Kỹ thuật tiến hành				
14	Bài 14. Kỹ thuật hút đờm dãi 1. Mục đích của hút đờm dãi 2. Chỉ định chống chỉ định hút đờm dãi 3. Nguyên tắc chung khi hút đờm dãi 4. Quy trình kỹ thuật 4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 4.2. Chuẩn bị dụng cụ 4.3. Chuẩn bị người bệnh 4.4. Kỹ thuật tiến hành	4	2	2	
15	Bài 15. Kỹ thuật thở ôxy 1. Định nghĩa 2. Các nguyên nhân làm cho người bệnh thiếu ôxy 3. Các dấu hiệu nhận biết người bệnh thiếu ôxy 4. Nguyên tắc khi cho người bệnh thở ôxy 5. Quy trình kỹ thuật. 5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 5.2. Chuẩn bị dụng cụ 5.3. Chuẩn bị người bệnh 5.4. Kỹ thuật tiến hành	4	2	2	
16	Bài 16. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương 1. Mục đích. 2. Các trường hợp áp dụng thay băng rửa vết thương 3. Nguyên tắc khi thay băng rửa vết thương 4. Quy trình kỹ thuật 4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 4.2. Chuẩn bị dụng cụ 4.3. Chuẩn bị người bệnh 4.4. Kỹ thuật tiến hành		2	2	
17	Bài 17. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	4	2	2	

	1. Tầm quan trọng của lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm 2. Vai trò của người điều dưỡng trong lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm 3. Các loại bệnh phẩm 4. Quy trình kỹ thuật. 4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng 4.2. Chuẩn bị dụng cụ 4.3. Chuẩn bị người bệnh 4.4. Kỹ thuật tiến hành.				
	Cộng	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày định nghĩa, vai trò của điều dưỡng trong công tác chăm sóc người bệnh
- 1.2. Trình bày công việc cụ thể của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Vai trò của người điều dưỡng
- 2.3. Công việc cụ thể của người điều dưỡng
 - 2.3.1. Công việc chính
 - 2.3.2. Nhiệm vụ cụ thể

Bài 2: Nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh và kỹ thuật đưa thức ăn vào cơ thể

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được yêu cầu cần thiết của một khẩu phần ăn
- 1.2. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định chế độ ăn hạn chế sợi, xơ, chất béo, protid, muối
- 1.3. Nêu cách tiến hành cho người bệnh ăn thông thường

2. Nội dung:

- 2.1. Yêu cầu của một khẩu phần ăn
 - 2.1.1. Nhu cầu về năng lượng
 - 2.1.2. Nhu cầu về các chất hữu cơ
 - 2.1.2.1. Nhu cầu Glucid
 - 2.1.2.2. Nhu cầu lipid
 - 2.1.2.3. Nhu cầu Protid
 - 2.1.3. Nhu cầu về các chất vô cơ

- 2.1.3.1. Nhu cầu về nước
- 2.1.3.2. Nhu cầu về chất khoáng
- 2.1.3.3. Nhu cầu về vitamin
- 2.2. Chế độ ăn bệnh lý
 - 2.2.1. Chế độ ăn hạn chế chất sợi xơ
 - 2.2.2. chế độ ăn hạn chế chất béo
 - 2.2.3. chế độ ăn hạn chế muối
 - 2.2.4. chế độ ăn tăng Protid
 - 2.2.5. chế độ ăn giảm Protid
- 2.3. Cho người bệnh ăn thông thường
 - 2.3.1. Áp dụng
 - 2.3.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.3.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.3.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 3: Nhận định thể chất và sức khỏe

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được các yêu cầu nhận định thực thể
 - 1.2. Trình bày được các bước trong nhận định thực thể
 - 1.3. Nêu được những điểm lưu ý khi thăm khám người bệnh
 - 1.4. Nêu được các đặc điểm khi thăm khám các cơ quan bộ phận.
2. Nội dung:
 - 2.1. Quy trình nhận định thực thể
 - 2.1.1. Các yêu cầu nhận định thực thể.
 - 2.1.2. Quy trình nhận định thực thể.
 - 2.1.2.1. Chuẩn bị PK, dụng cụ
 - 2.1.2.2. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.1.2.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.1.2.4. Kỹ thuật tiến hành
 - 2.1.2.5. Thu dọn dụng cụ.
 - 2.2. Khám các cơ quan bộ phận
 - 2.2.1. Khám toàn trạng
 - 2.2.2. Khám da niêm mạc
 - 2.2.3. Khám tuần hoàn
 - 2.2.4. Khám hô hấp
 - 2.2.5. Khám tiêu hóa
 - 2.2.6. Khám thận tiết niệu
 - 2.2.7. Khám các cơ quan khác: thần kinh, mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng...
 - 2.2.8. Những điểm lưu ý khi thăm khám người bệnh

Bài 4. Chăm sóc người bệnh trước mổ và sau mổ

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được công việc chăm sóc bệnh nhân trước mổ
- 1.2. Trình bày được cách chăm sóc bệnh nhân sau mổ

2. Nội dung:

1. Chăm sóc người bệnh trước mổ
 - 1.1. Chăm sóc người bệnh trước mổ kế hoạch
 - 1.1.1. Chuẩn bị tinh thần cho người bệnh
 - 1.1.2. Chuẩn bị thể chất cho người bệnh
 - 1.2. Chuẩn bị người bệnh mổ cấp cứu
 - 1.2.1. Theo dõi sát bệnh nhân
 - 1.2.2. Làm các xét nghiệm cơ bản
 - 1.2.3. Hoàn thành thủ tục cần thiết
 - 1.2.4. Chuyển bệnh nhân lên phòng mổ
2. Chăm sóc bệnh nhân sau mổ
 - 2.1. Chăm sóc bệnh nhân 24h đầu sau mổ
 - 2.2. Chăm sóc bệnh nhân những ngày sau

Bài 5. Các tư thế trong điều trị

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Liệt kê đúng đủ các tư thế trong điều trị
- 1.2. Nêu được các trường hợp áp dụng, không áp dụng của từng tư thế
- 1.3. Nói được cách tiến hành các tư thế trong điều trị

2. Nội dung:

- 2.1. Tư thế nằm ngửa thẳng
 - 2.1.1. Áp dụng
 - 2.1.2. Không áp dụng
 - 2.1.3. Tiến hành
- 2.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp nghiêng về một bên
 - 2.2.1. Áp dụng
 - 2.2.2. Không áp dụng
 - 2.2.3. Tiến hành
- 2.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao
 - 2.3.1. Áp dụng
 - 2.3.2. Không áp dụng
 - 2.3.3. Tiến hành
- 2.4. Tư thế nửa nằm nửa ngồi
 - 2.4.1. Áp dụng
 - 2.4.2. Không áp dụng

- 2.4.3. Tiến hành
- 2.5. Tư thế nằm sấp
 - 2.5.1. Áp dụng
 - 2.5.2. Không áp dụng
 - 2.5.3. Tiến hành
- 2.6. Tư thế nằm nghiêng phải, nghiêng trái
 - 2.6.1. Áp dụng
 - 2.6.2. Không áp dụng
 - 2.6.3 Tiến hành

Bài 6: Hồ sơ bệnh án

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh
 - 1.2. Kể được các loại giấy tờ và sắp xếp giấy tờ có trong hồ sơ người bệnh
 - 1.3. Nêu được quy định về bảo quản hồ sơ người bệnh
2. Nội dung:
 - 2.1. Tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh
 - 2.2. Lập hồ sơ bệnh án
 - 2.2.1. Các loại giấy tờ trong hồ sơ người bệnh
 - 2.2.2. Quy định về sắp xếp giấy tờ
 - 2.3. Quy định về bảo quản hồ sơ người bệnh

Bài 7: Khử khuẩn, tiết khuẩn

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiết khuẩn
 - 1.2. Nêu được các phương pháp khử khuẩn, tiết khuẩn
 - 1.3. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn hóa chất dùng trong bệnh viện
 - 1.4. Trình bày được quy trình rửa tay thường quy
2. Nội dung:
 - 2.1. Khử khuẩn:
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Các phương pháp khử khuẩn.
 - 2.1.2.1. Làm sạch
 - 2.1.2.2. Khử khuẩn bằng nhiệt
 - 2.1.2.3. Khử khuẩn bằng hóa học
 - 2.1.3. Nguyên tắc lựa chọn hóa chất khử khuẩn dùng trong bệnh viện
 - 2.2. Tiết khuẩn:
 - 2.2.1. Định nghĩa:
 - 2.2.2. Các phương pháp tiết khuẩn
 - 2.2.2.1. Hấp ướt

- 2.2.2.2. Sấy khô
- 2.2.2.3. Dùng hóa chất
- 2.2.3. Vệ sinh đôi tay (rửa tay thường quy)
 - 2.2.3.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.2.3.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.2.3.3. Tiến hành

Bài 8. Kỹ thuật lấy mạch, nhiệt độ, nhịp thở, huyết áp.

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu.

- 1.1. Nêu được các định nghĩa dấu hiệu sinh tồn
- 1.2. Nêu được các chỉ số bình thường và bất thường của dấu hiệu sinh tồn
- 1.3. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến dấu hiệu sinh tồn
- 1.4. Trình bày được từng quy trình đo dấu hiệu sinh tồn

2. Nội dung.

- 2.1. Kỹ thuật lấy mạch:
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Tần số mạch bình thường ở các lứa tuổi
 - 2.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến tần số mạch
 - 2.1.4. Tính chất của mạch
 - 2.1.5. Quy tắc chung khi theo dõi mạch
 - 2.1.2. Quy trình kỹ thuật
 - 2.1.2.1. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.1.2.2. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.1.2.3. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.1.2.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.2. Kỹ thuật đếm nhịp thở
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Tần số nhịp thở bình thường ở các lứa tuổi
 - 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến trung tâm hô hấp
 - 2.2.4. Những thay đổi về nhịp thở
 - 2.2.5. Quy tắc chung khi theo dõi nhịp thở
 - 2.2.6. Quy trình kỹ thuật
 - 2.2.6.1. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.2.6.2. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.2.6.3. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.2.6.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.3. Kỹ thuật đo nhiệt độ
 - 2.3.1. Nhiệt độ bình thường
 - 2.3.2. Nhiệt độ bất thường

- 2.3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt
- 2.3.4. Quy tắc chung khi theo dõi nhiệt độ
- 2.3.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.3.5.1. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.3.5.2. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.3.5.3. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.3.5.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.4. Kỹ thuật đo huyết áp.
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Trị số huyết áp
 - 2.4.3. Giới hạn bình thường và cách ghi chép
 - 2.4.4. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp
 - 2.4.5. Quy tắc chung đo huyết áp
 - 2.4.6. Quy trình kỹ thuật
 - 2.4.6.1. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.4.6.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.4.6.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.4.6.3. Kỹ thuật tiến hành

Bài 9. Kỹ thuật dùng thuốc cho người bệnh.

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- 1. Trình bày được nguyên tắc chung khi dùng thuốc cho người bệnh
- 2. Nêu được chỉ định, chống chỉ định khi cho người bệnh dùng thuốc
- 3. Nêu được các tai biến và cách xử trí khi cho người bệnh dùng thuốc
- 4. Trình bày được các quy trình khi dùng thuốc cho người bệnh theo các đường

uống, tiêm

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc
- 2.2. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc
 - 2.2.1. Các trường hợp áp dụng, không áp dụng cho người bệnh uống thuốc
 - 2.2.1.1. Các trường hợp áp dụng
 - 2.2.1.2. Các trường hợp không áp dụng
 - 2.2.2. Những điều cần biết khi cho người bệnh uống thuốc
 - 2.2.3. Quy trình kỹ thuật
 - 2.2.3.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.2.3.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.2.3.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.2.3.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.3. Kỹ thuật tiêm trong da
 - 2.3.1. Định nghĩa

- 2.3.2. Chỉ định, chống chỉ định tiên trong da
- 2.3.3. Vị trí, góc độ tiêm
- 2.3.4. Các tai biến và cách xử lý
- 2.3.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.3.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.3.5.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.3.5.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.3.5.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.4. Kỹ thuật tiêm dưới da
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Chỉ định, chống chỉ định
 - 2.4.3. Vị trí, góc độ tiêm
 - 2.4.4. Các tai biến và cách xử lý
 - 2.4.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.4.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.4.5.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.4.5.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.4.5.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.5. Kỹ thuật tiêm bắp thịt
 - 2.5.1. Định nghĩa
 - 2.5.2. Chỉ định, chống chỉ định
 - 2.5.3. Vị trí, góc độ tiêm
 - 2.5.4. Các tai biến và cách xử lý
 - 2.5.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.5.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.5.5.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.5.5.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.5.5.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.6. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch
 - 2.6.1. Định nghĩa
 - 2.6.2. Chỉ định, chống chỉ định
 - 2.6.3. Vị trí, góc độ tiêm
 - 2.6.4. Các tai biến và cách xử lý
 - 2.6.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.6.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.6.5.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.6.5.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.6.5.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 10. Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định, quy trình truyền dịch,
- 1.2. Nêu được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định, quy trình truyền máu,

2. Nội dung:

- 2.1. Kỹ thuật truyền dịch
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Chỉ định, chống chỉ định truyền dịch
 - 2.1.2.1. Các loại dung dịch thường dùng
 - 2.1.2.2. Vị trí, góc độ truyền dịch
 - 2.1.3. Các tai biến và cách xử lý
 - 2.1.4. Quy trình kỹ thuật.
 - 2.1.4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.1.4.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.1.4.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.1.4.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.2. Kỹ thuật truyền máu
 - 2.2.1. Sinh lý máu
 - 2.2.2. Các loại chế phẩm của máu
 - 2.2.3. Mục đích truyền máu
 - 2.2.4. Chỉ định truyền máu
 - 2.2.5. Chống chỉ định truyền máu
 - 2.2.6. Nguyên tắc truyền máu
 - 2.2.7. Các tai biến và cách xử lý
 - 2.2.8. Quy trình kỹ thuật
 - 2.2.8.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.2.8.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.2.8.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.2.8.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 11. Kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được các trường hợp áp dụng, không áp dụng chườm nóng, chườm lạnh
- 1.2. Trình bày được quy trình kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh

2. Nội dung:

- 2.1. Kỹ thuật chườm nóng.
 - 2.1.1. Các trường hợp áp dụng. không áp dụng chườm lạnh
 - 2.1.1. 1. Các trường hợp áp dụng

- 2.1.1.2. Các trường hợp không áp dụng
- 2.1.2. Quy trình kỹ thuật
 - 2.1.2.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.1.2.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.1.2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.1.4. Kỹ thuật tiến hành
- 2.2. Kỹ thuật chườm nóng
 - 2.2.1. Các trường hợp áp dụng, không áp dụng chườm lạnh
- 2.2.1. Các trường hợp áp dụng
 - 2.2.2. Các trường hợp không áp dụng
- 2.2.2. Quy trình kỹ thuật
 - 2.2.2.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.2.2.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.2.2.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.2.2.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 12. Kỹ thuật thụt tháo

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được sơ lược giải phẫu ruột
 - 1.2. Nêu các trường hợp áp dụng, không áp dụng của thụt tháo
 - 1.3. Nêu được những điểm lưu ý khi thụt tháo cho người bệnh
 - 1.4. Trình bày được quy trình kỹ thuật thụt tháo cho người bệnh
2. Nội dung:
 - 2.1. Sơ lược về giải phẫu ruột
 - 2.2. Các trường hợp áp dụng thụt tháo
 - 2.3. Các trường hợp không áp dụng thụt tháo
 - 2.4. Những điểm lưu ý khi thụt tháo cho người bệnh
 - 2.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.5.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.5.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.5.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 13. Kỹ thuật đặt ống thông dạ dày

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được mục đích của đặt ống thông dạ dày
 - 1.2. Nêu được chỉ định chống chỉ định của đặt ống thông dạ dày
 - 1.3. Nêu được các tai biến khi đặt ống thông dạ dày

- 1.4. Trình bày được quy trình kỹ thuật đặt ống thông dạ dày
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Mục đích của việc đặt ống thông dạ dày
 - 2.2. Chỉ định đặt ống thông dạ dày
 - 2.3. Chống chỉ định đặt ống thông dạ dày
 - 2.4. Các tai biến
 - 2.5. Quy trình kỹ thuật
 - 2.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.5.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.5.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.5.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 14. Kỹ thuật hút đờm rãi

Thời gian: 04 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được mục đích của hút đờm rãi
 - 1.2. Nêu được chỉ định , chống chỉ định của hút đờm rãi
 - 1.3. Nêu được nguyên tắc chung khi hút đờm rãi
 - 1.4. Trình bày được quy trình kỹ thuật hút đờm rãi cho người bệnh
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Mục đích của hút đờm rãi
 - 2.2. Chỉ định chống chỉ định hút đờm rãi
 - 2.3. Nguyên tắc chung khi hút đờm rãi
 - 2.4. Quy trình kỹ thuật
 - 2.4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.4.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.4.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.4.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 15. Kỹ thuật thở ôxy

Thời gian: 04 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được các nguyên nhân thiếu ôxy
 - 1.2. Nêu được các dấu hiệu nhận biết người bệnh thiếu ôxy
 - 1.3. Nêu được các nguyên tắc khi cho người bệnh thở ôxy
 - 1.4. Trình bày được quy trình kỹ thuật thở ôxy
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Các nguyên nhân làm cho người bệnh thiếu ôxy
 - 2.3. Các dấu hiệu nhận biết người bệnh thiếu ôxy
 - 2.4. Nguyên tắc khi cho người bệnh thở ôxy

- 2.5. Quy trình kỹ thuật.
- 2.5.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
- 2.5.2. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 16. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương

Thời gian: 04 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được các mục đích thay băng rửa vết thương
 - 1.2. Nêu được các trường hợp áp dụng thay băng rửa vết thương
 - 1.3. Nêu được nguyên tắc thay băng rửa vết thương
 - 1.4. Trình bày được quy trình thay băng rửa vết thương
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Mục đích.
 - 2.2. Các trường hợp áp dụng thay băng rửa vết thương
 - 2.3. Nguyên tắc khi thay băng rửa vết thương
 - 2.4. Quy trình kỹ thuật
 - 2.4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.4.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.4.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.4.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 17. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm

Thời gian: 04 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được tầm quan trọng của lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm
 - 1.2. Nêu được vai trò của điều dưỡng trong lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm
 - 1.3. Nêu được các loại bệnh phẩm
 - 1.4. Trình bày được quy trình kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Tầm quan trọng của lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm
 - 2.2. Vai trò của người điều dưỡng trong lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm
 - 2.3. Các loại bệnh phẩm
 - 2.4. Quy trình kỹ thuật.
 - 2.4.1. Chuẩn bị người điều dưỡng
 - 2.4.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.4.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.4.4. Kỹ thuật tiến hành

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Giảng đường, phòng thực hành bộ môn điều dưỡng.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu projector, các mô hình học tập.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tập bài giảng điều dưỡng cơ bản – kỹ thuật điều dưỡng lưu hành nội bộ năm 2017 Trường Cao đẳng y tế Lạng Sơn.
 - Tài liệu tham khảo ĐDCSI Bộ y tế, ĐHĐD Nam Định, ĐH Y- Dược Thái Nguyên.
 - Các quy trình, các mô hình học tập, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

- Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng
- Trình bày được các bước khám thực thể
- Trình bày được vai trò của điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Mô tả được các bước trong bảng kiểm tra quy trình kỹ thuật.
- Kể được tên các loại dụng cụ trong từng kỹ thuật chăm sóc người bệnh.
- Theo dõi, phát hiện, xử trí các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

- Về kỹ năng:

Học sinh vận dụng được các kiến thức trên để nhận định người bệnh, thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản, theo dõi, phát hiện và xử trí các biểu hiện bất thường trên người bệnh.

Thực hiện qui trình kỹ thuật của từng thủ thuật, kỹ thuật chăm sóc người bệnh. Nhận biết, theo dõi và xử trí được các biến cố xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.

Thực hiện tốt các kỹ năng thực hành, chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh nhận thức được tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh đối với người điều dưỡng.

Thái độ niềm nở, ân cần khi tiếp nhận và chăm sóc người bệnh.

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.

Có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp trong công việc.

Có tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh trong quá trình chăm sóc.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm bằng hình thức kiểm tra Tests, thực hiện thao tác kỹ thuật chăm sóc người bệnh mô hình

- Thi kết thúc học phần: Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm và thực hiện kỹ thuật trên mô hình

- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1- Phạm vi áp dụng mô đun: Học sinh ngành Y sỹ

2- Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, câu hỏi, phương tiện dạy học. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực

Đối với người học

- Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết và 100 % giờ thực hành

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Làm đầy đủ các bài tập về nhà vào sổ bài tập

3- Những trọng tâm cần chú ý.

4- Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Y tế (2007), *Điều Dưỡng Cơ Bản I*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

[2] Bộ Y tế (2012), *Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

[3] Bộ Y tế (2011), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập 1*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

[4] Giáo trình Điều dưỡng cơ sở I (2012), Bộ môn Điều Dưỡng, Trường Cao Đẳng Y tế Lạng Sơn.

[5] Giáo trình Điều dưỡng cơ sở, tập 1 (2012), Khoa Điều Dưỡng. Trường Đại Học Điều Dưỡng Nam Định.

[6] Giáo trình Điều dưỡng cơ sở I (2015), Bộ môn Điều Dưỡng. Trường Cao Đẳng Y Thái Nguyên.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh Nội khoa

Mã môn học: MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Bố trí sau khi học sinh học xong môn y học cơ sở
- Tính chất môn học: môn học chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức:

Trình bày được triệu chứng và hội chứng chính để phát hiện bệnh sớm và xử trí được những bệnh nội khoa thông thường ở tuyến cơ sở, gửi kịp thời những trường hợp vượt quá khả năng lên tuyến trên.

2. Kỹ năng:

Tuyên truyền, giáo dục được cho nhân dân biết cách phòng bệnh và chữa một số bệnh nội khoa thông thường.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành thăm khám và điều trị

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
	Chương 1. CẤP CỨU				
1	Bài 1. Dị ứng Pencilin 1. Khái niệm. 2. Điều kiện xuất hiện tai biến. 2.1. Loại thuốc. 2.2. Cách dùng. 2.3. Liều lượng thuốc 2.4. Tiền sử bệnh. 3. Triệu chứng 3.1. Trường hợp nặng 3.2. Trường hợp nhẹ 4. Xử trí. 4.1. Trường hợp nặng 4.2. Trường hợp nhẹ 5. Cách phòng	1	1		

2	Bài 2. Dị ứng thức ăn 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 2.1. Trường hợp nhẹ 2.2. Trường hợp nặng: 3. Điều trị 3.1. Trường hợp nhẹ 3.2. Trường hợp nặng 4. Phòng bệnh	1	1		
3	Bài 3. Ngộ độc rượu 2. Triệu chứng 2.1. Giai đoạn đầu: 2.2. Giai đoạn hôn mê: 3. Xử trí: 3.1. Đa số các trường hợp nhẹ: 3.2. Trường hợp nặng, hôn mê: 4. Tác hại của rượu	1	1		
4	Bài 4. Phù phổi cấp 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Các bệnh tim mạch 2.2. Các bệnh thận 2.3. Ngộ độc cấp 2.4. Nhiễm vi khuẩn, virus 2.5. Một số nguyên nhân khác 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Xử trí 4.1. Đối với phù phổi cấp huyết động 4.2. Đối với phù phổi cấp tổn thương	1	1		
5	Bài 5. Xuất huyết tiêu hóa 1. Đại cương: 2. Nguyên nhân: 2.1. Nguyên nhân tại ống tiêu hoá: 2.2. Nguyên nhân ở ngoài ống tiêu hoá: 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng: 3.2. Cận lâm sàng: 4. Các mức độ của chảy máu tiêu hoá. 5. Xử trí	2	2		

6	Bài 6. Một số cấp cứu thường gặp: Say nắng, điện giật, rắn cắn, đuối nước, ong đốt 1. Say nắng 2. Rắn cắn 3. Điện giật 4. Đuối nước 5. Ong đốt	3	3		
	Chương 2. HÔ HẤP				
7	Bài 7. Thăm khám bộ máy hô hấp 1. Các triệu chứng cơ năng 1.1. Ho. 1.2. Khạc đờm 1.3. Khó thở 1.4. Đau ngực : 1.5. Các dấu hiệu toàn thân 2. Khám thực thể 2.1. Khám toàn thân 2.2. Khám phổi	4	4		
8	Bài 8. Viêm phế quản cấp 1. Định nghĩa : 2. Nguyên nhân. 3. Triệu chứng 3.1 Lâm sàng 3.2 Cận lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng. 4.1. Tiến triển: 4.2. Biến chứng 5. Chẩn đoán. 5.1. Chẩn đoán phân biệt. 5.2. Chẩn đoán xác định 6. Điều trị. 6.1. Chế độ nghỉ ngơi, ăn uống 6.2 Chế độ thuốc: 7. Phòng bệnh.	2	2		
9	Bài 9. Hen phế quản 1. Định nghĩa và phân loại: 1.1. Định nghĩa: 1.2. Phân loại: 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng . 3.1. Triệu chứng lâm sàng cơn hen điển hình:	2	2		

	3.2. Cận lâm sàng: 4. Biểu chứng 5. Điều trị: 5.1. Trong cơn hen 5.2. Ngoài cơn hen 6. Phòng cơn hen tái phát				
10	Bài 10. Viêm phổi 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân gây bệnh 3. Triệu chứng của viêm phổi 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Tiến triển và biểu chứng của viêm phổi 4.1. Tiến triển 4.2. Biểu chứng 5. Chẩn đoán. 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 6.1. Chế độ nghỉ ngơi. 6.2. Chế độ thuốc.	3	2		1
	Chương 3. TUẦN HOÀN				
11	Bài 11. Thăm khám bộ máy tuần hoàn 1. Triệu chứng cơ năng 1.1 Đau ngực: 1.2 Khó thở : 1.3. Hồi hộp trống ngực: 1.4. Phù : 1.5. Ho: 1.6. Ngất: 1.7. Một số biểu hiện khác: 2. Khám thực thể hệ tuần hoàn 2.1. Khám toàn trạng 2.2. Khám mạch máu 2.3. Tim 3. Khám cận lâm sàng	4	4		
12	Bài 12. Cơn đau thắt ngực 1. Đại cương. 2. Nguyên nhân gây đau thắt ngực 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng	1	1		

	3.2. Cận lâm sàng 4. Điều trị 4.1. Nội khoa 4.2. Điều trị ngoại khoa				
13	Bài 13. Tăng huyết áp 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Tăng huyết áp nguyên phát: 2.2. Tăng huyết áp thứ phát 2.3. Một số yếu tố thuận lợi: 3. Triệu chứng 3.1. Cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 4. Chẩn đoán. 4.1. Chẩn đoán phân biệt 4.2. Chẩn đoán xác định 5. Các giai đoạn tăng huyết áp 6. Tiến triển, biến chứng. 7. Điều trị 7.1 Chế độ sinh hoạt 7.2. Thuốc	2	2		
14	Bài 14. Suy tim 1. Định nghĩa. 2. Nguyên nhân 2.1. Gây suy tim trái 2.2. Gây suy tim phải. 2.3. Gây suy tim toàn bộ. 3. Triệu chứng 3.1. Suy tim trái 3.2. Suy tim phải 3.3. Suy tim toàn bộ: 4. Phân giai đoạn suy tim 4.1. Suy tim giai đoạn I 4.2. Suy tim giai đoạn II 4.3. Suy tim giai đoạn III 4.4. Suy tim giai đoạn IV 5. Điều trị suy tim 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị cụ thể	2	2		
	Chương 4. TIÊU HÓA				
15	Bài 15. Thăm khám bộ máy tiêu hóa	4	4		

	1. Triệu chứng cơ năng 2. Khám thực thể 2.1. Khám phần tiêu hoá trên . 2. 2. Khám tiêu hoá giữa Nhìn.- Sờ.- Gõ.- Nghe 2. 3. Khám tiêu hoá dưới phương pháp cận lâm sàng.				
16	Bài 16. Hội chứng vàng da 1. Khái niệm, phân loại vàng da 1.1.Khái niệm. 1.2. Phân loại 2. Cách khám vàng da 2.1. Quan sát vàng da 2.2. Biểu hiện toàn thân 2.3. Triệu chứng thực thể 2.4 Cận lâm sàng 3. Nguyên nhân. 3.1. Do tan máu. 3.2. Do bệnh gan mật	1	1		
17	Bài 17. Hội chứng cổ chướng 1. Đại cương 2. Cách khám cổ trướng 2.1. Nhìn 2.2. Sờ: 2.3.Gõ: . 2.4. Chọc dò 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Nguyên nhân 4.1. Cổ trướng dịch thấm. 4.2. Cổ trướng dịch tiết. 4.3. Nguyên nhân đặc biệt khác.	2	2		
18	Bài 18. Xơ gan 1. Đại cương. 2. Nguyên nhân thường gặp của xơ gan 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Điều trị 5.1. Chế độ nghỉ ngơi, ăn uống 5.2 Chế độ thuốc	2	2		

19	Bài 19. Loét dạ dày - tá tràng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân. 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1 Chẩn đoán xác định 4.2 Chẩn đoán phân biệt 5. Biến chứng. 6. Điều trị 6.1. Điều trị nội khoa. 6.2. Điều trị ngoại khoa.	3	2		1
	Chương 5. TIẾT NIỆU				
20	Bài 20. Thăm khám bộ máy tiết niệu 1. Triệu chứng cơ năng của bộ máy tiết niệu 1.1. Đau bụng thận 1.2. Thay đổi về nước tiểu: 2. Triệu chứng toàn thân. 3. Khám thực thể bộ máy tiết niệu: 3.1. Khám thận: 3.2. Khám các điểm niệu quản 3.3. Khám bàng quang 3.4. Khám niệu đạo 3.5. Khám tuyến tiền liệt 4. Khám cận lâm sàng nghiệm pháp 3 cốc: 4.2. Phát hiện Protein niệu bằng phương pháp định tính.	2	2		
21	Bài 21. Viêm cầu thận cấp 1. Đại cương. 2. Nguyên nhân. 3. Triệu chứng. 3.1. Triệu chứng toàn thân 3.2. Triệu chứng cơ năng: 3.3. Triệu chứng thực thể: 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng. 4. Chẩn đoán 4.1 Chẩn đoán xác định 4.2 Chẩn đoán phân biệt 5. Tiến triển. 6. Điều trị:	2	2		

	6.1 Giai đoạn cấp tính: 6.2 Sau giai đoạn cấp: 7. Phòng bệnh:				
22	Bài 22. Suy thận cấp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân: 2.1. Nguyên nhân trước thận 2.2. Nguyên nhân tại thận: 2.3. Nguyên nhân sau thận: 3. Triệu chứng lâm sàng. 3.1. Giai đoạn khởi đầu: 3.2. Giai đoạn thiếu niệu hoặc vô niệu: 3.3. Giai đoạn đái trở lại: 3.4. Giai đoạn hồi phục 4. Điều trị. 4.1. Giai đoạn khởi đầu: 4.2. Giai đoạn thiếu niệu hoặc vô niệu:	2	2		
	Chương 6. THẦN KINH				
23	Bài 23. Thăm khám bộ máy thần kinh 1. Đại cương. 2. Khám lâm sàng hệ thần kinh. 2.1 Khám vận động 2.2. Khám phản xạ 2.3. Khám cảm giác, dinh dưỡng và cơ tròn. 2.4. Khám 12 đôi dây thần kinh sọ não. 3. Các phương pháp cận lâm sàng và khám chuyên khoa: 3.1. Xét nghiệm dịch não tủy: 3.2 Xquang: 3.3 Điện não đồ: 3.4. Khám chuyên khoa:	3	3		
24	Bài 24. Hội chứng hôn mê 1. Đại cương 2. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng. 2.1. Phân chia hôn mê theo triệu chứng lâm sàng: 2.2. Đánh giá theo thang điểm Glasgow: 3. Nguyên nhân hôn mê. 3.1. Hôn mê có triệu chứng thần kinh chỉ điểm. 3.2. Hôn mê không có triệu chứng thần kinh	1	1		

	chỉ điểm. 4. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê. 4.1. Đảm bảo lưu thông đường thở 4.2. Đảm bảo dinh dưỡng. 4.3. Chống loét, mẫn mưng. 4.4. Theo dõi và chuyển tuyến trên kịp thời				
25	Bài 25. Hội chứng liệt nửa người 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng liệt nửa người. 2.1. Khi bệnh nhân hôn mê 2.2 Khi bệnh nhân tỉnh táo 3. Nguyên nhân liệt nửa người 3.1. Liệt nửa người kèm theo hôn mê 3.2. Liệt nửa người khi bệnh nhân tỉnh: 4. Điều trị và chăm sóc bệnh nhân liệt nửa người.	1	1		
26	Bài 26. Suy nhược thần kinh 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Triệu chứng thần kinh 2.2. Triệu chứng tinh thần 2.3. Rối loạn thần kinh thực vật 3. Nguyên nhân 4. Điều trị 4.1. Chế độ nghỉ ngơi 4.2. Điều trị nguyên nhân Điều trị triệu chứng	1	1		
27	Bài 27. Hội chứng đau dây thần kinh hông 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Triệu chứng Xquang: 4. Tiến triển 5. Điều trị: 5.1. Điều trị nội khoa 5.2. Điều trị ngoại khoa	1	1		

	Chương 7. CÁC BỆNH NỘI KHOA KHÁC				
28	Bài 28. Bệnh đái tháo đường 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân: 2.1. Nguyên nhân do tụy 2.2. Nguyên nhân ngoài tụy 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán. 4.1. Chẩn đoán phân biệt. 4.2. Chẩn đoán xác định. 5. Biến chứng 6. Điều trị 6.1. Chế độ nghỉ ngơi, ăn uống 6.2. Thuốc	2	2		
29	Bài 29. Hội chứng thiếu máu 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân: 2.1. Do mất máu 2.2. Do hủy hoại hồng cầu quá nhiều 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Điều trị 4.1. Điều trị triệu chứng. 4.2. Điều trị nguyên nhân 5. Phòng bệnh	1	1		
30	Bài 30. Viêm khớp dạng thấp 1. Đại cương: 2. Triệu chứng: 2.1. Lâm sàng: 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng: 3. Tiến triển, biến chứng. 4. Điều trị: 4.1. Điều trị nội khoa: 4.2. Điều trị ngoại khoa:	3	2		1
	Tổng số	60	57		03

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. CẤP CỨU

Bài 1. Dị ứng Penicilin

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được triệu chứng của dị ứng Penicilin.
- 1.2. Cách xử trí ban đầu của dị ứng Penicilin.
- 1.3. Giáo dục mọi người không được dùng thuốc bừa bãi và phải thử phản ứng trước khi dùng thuốc.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm.
- 2.2. Điều kiện xuất hiện tai biến.
 - 2.2.1. Loại thuốc.
 - 2.2.2. Cách dùng.
 - 2.2.3. Liều lượng thuốc
 - 2.2.4. Tiền sử bệnh.
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Trường hợp nặng (sốc phản vệ hay sốc quá mẫn).
 - 2.3.2. Trường hợp nhẹ
- 2.4. Xử trí.
 - 2.4.1. Trường hợp nặng
 - 2.4.1.1. Xử trí tại chỗ:
 - 2.4.1.2. Ở nơi có điều kiện kỹ thuật
 - 2.4.2. Trường hợp nhẹ
- 2.5. Cách phòng

Bài 2. Dị ứng thức ăn

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng của dị ứng thức ăn.
- 1.2. Trình bày được cách xử trí, cách phòng dị ứng thức ăn

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Trường hợp nhẹ
 - 2.2.2. Trường hợp nặng:
- 2.3. Điều trị
 - 2.3.1. Trường hợp nhẹ
 - 2.3.2. Trường hợp nặng
- 2.4. Phòng bệnh

Bài 3. Ngộ độc rượu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của từng loại ngộ độc rượu.
- 1.2. Xử trí được ngộ độc rượu tại tuyến y tế cơ sở.
- 1.3. Giáo dục nhân nhân biết được tác hại của rượu.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương:
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Giai đoạn đầu:
 - 2.2.2. Giai đoạn hôn mê:
- 2.3. Xử trí:
 - 2.3.1. Đa số các trường hợp nhẹ:
 - 2.3.2. Trường hợp nặng, hôn mê:
- 2.4. Tác hại của rượu

Bài 4. Phù phổi cấp

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân của phù phổi cấp.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, cách xử trí cơn phù phổi cấp

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Các bệnh tim mạch
 - 2.2.2. Các bệnh thận
 - 2.2.3. Ngộ độc cấp
 - 2.2.4. Nhiễm vi khuẩn, virus
 - 2.2.5. Một số nguyên nhân khác
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.1.1. Trường hợp điển hình
 - 2.3.1.2. Trường hợp không điển hình
 - 2.3.2. Cận lâm sàng
- 2.4. Xử trí
 - 2.4.1. Đối với phù phổi cấp huyết động
 - 2.4.2. Đối với phù phổi cấp tổn thương

Bài 5. Xuất huyết tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng của xuất huyết tiêu hóa.
 - 1.2. Trình bày được các mức độ, cách xử trí xuất huyết tiêu hóa.
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương:
 - 2.2. Nguyên nhân:
 - 2.2.1. Nguyên nhân tại ống tiêu hoá:
 - 2.2.2. Nguyên nhân ở ngoài ống tiêu hoá:
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng:
 - 2.3.2. Cận lâm sàng:
 - 2.4. Các mức độ của chảy máu tiêu hoá.
 - 2.5. Xử trí

Bài 6. Một số cấp cứu thường gặp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của: say nắng, điện giật, rắn cắn, đuối nước, ong đốt
 - 1.2. Xử trí được nạn nhân tại chỗ và chuyển lên tuyến trên kịp thời những trường hợp quá khả năng.
 - 1.3. Giáo dục nhân nhân cách phòng tránh.
2. Nội dung
 - 2.1. Say nắng.
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Triệu chứng:
 - 2.1.2.1. Trường hợp nhẹ:
 - 2.1.2.2. Trường hợp nặng:
 - 2.1.3. Xử trí
 - 2.1.3.1. Xử trí ban đầu.
 - 2.1.3.2. Tại bệnh viện
 - 2.2. Điện giật
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.2.1. Tổn thương tại chỗ:
 - 2.2.2.2. Tổn thương toàn thân:
 - 2.2.3. Xử trí:
 - 2.2.3.1. Đưa nạn nhân ra ngay khỏi dòng điện:
 - 2.2.3.2. Tiến hành hồi sức:

- 2.3. Rắn cắn
- 2.4. Đuối nước
- 2.5. Ong đốt

Chương 2. HÔ HẤP

Bài 7. Thăm khám bộ máy hô hấp

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Khai thác được các triệu chứng cơ năng của bộ máy hô hấp.

1.2. Trình bày được cách thăm khám bộ máy hô hấp có trình tự và đúng phương pháp .

2. Nội dung

2.1. Các triệu chứng cơ năng

2.1.1. Ho.

2.1.2. Khạc đờm

2.1.3. Khó thở

2.1.4. Đau ngực :

2.1.5. Các dấu hiệu toàn thân

2.2. Khám thực thể

2.2.1. Khám toàn thân

2.2.2. Khám phổi

Bài 8. Viêm phế quản cấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày các triệu chứng của viêm phế quản cấp.

1.2. Điều trị viêm phế quản cấp tại tuyến y tế cơ sở.

1.3. Hướng dẫn được nhân dân các biện pháp phòng bệnh viêm phế quản cấp

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa :

2.2. Nguyên nhân.

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Lâm sàng

2.3.2. Cận lâm sàng

2.4. Tiến triển và biến chứng.

2.4.1. Tiến triển:

2.4.2. Biến chứng

2.5. Chẩn đoán

2.5.1. Chẩn đoán phân biệt

2.5.2. Chẩn đoán xác định

2.6. Điều trị.

- 2.6.1. Chế độ nghỉ ngơi, ăn uống
- 2.6.2 Chế độ thuốc:
- 2.7. Phòng bệnh.

Bài 9. Hen phế quản

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, các triệu chứng của hen phế quản.
- 1.2. Điều trị hen phế quản tại tuyến y tế cơ sở.
- 1.3. Hướng dẫn được nhân dân các biện pháp phòng bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa và phân loại:
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Phân loại:
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng .
 - 2.3.1. Triệu chứng lâm sàng cơn hen điển hình:
 - 2.3.2. Cận lâm sàng:
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Điều trị:
 - 2.5.1. Trong cơn hen
 - 2.5.2. Ngoài cơn hen
- 2.6. Phòng cơn hen tái phát

Bài 10. Viêm phổi

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, các triệu chứng của viêm phổi.
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, biến chứng của viêm phổi.
- 1.3. Điều trị được bệnh viêm phổi tại tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân gây bệnh
- 2.3. Triệu chứng của viêm phổi
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng của viêm phổi
 - 2.4.1. Tiến triển
 - 2.4.2. Biến chứng
- 2.5. Chẩn đoán.
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định

- 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Điều trị
- 2.6.1. Chế độ nghỉ ngơi.
- 2.6.2. Chế độ thuốc.

Chương 3. TUẦN HOÀN

Bài 11. Thăm khám bộ máy tuần hoàn

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Khai thác được các triệu chứng cơ năng của bộ máy tuần hoàn.
 - 1.2. Thăm khám được bộ máy tuần hoàn có trình tự và đúng phương pháp .
 - 1.3. Nghe được tiếng tim bình thường và phát hiện được tiếng bệnh lý của bộ máy tuần hoàn.
2. Nội dung
 - 2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.1.1 Đau ngực:
 - 2.1.2 Khó thở :
 - 2.1.3. Hồi hộp trống ngực:
 - 2.1.4. Phù :
 - 2.1.5. Ho:
 - 2.1.6. Ngất:
 - 2.1.7. Một số biểu hiện khác:
 - 2.2. Khám thực thể hệ tuần hoàn
 - 2.2.1. Khám toàn trạng
 - 2.2.2. Khám mạch máu
 - 2.2.3. Tim
 - 2.3. Khám cận lâm sàng

Bài 12. Cơ đau thắt ngực

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân cơn đau thắt ngực.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng và cách điều trị bệnh nhân đau thắt ngực.
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương.
 - 2.2. Nguyên nhân gây đau thắt ngực
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng
 - 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Nội khoa
 - 2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 13. Tăng huyết áp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân, các triệu chứng của tăng huyết áp.
- 1.2. Trình bày được các giai đoạn, biến chứng của tăng huyết áp.
- 1.3. Điều trị tăng huyết áp tại tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Tăng huyết áp nguyên phát:
 - 2.2.2. Tăng huyết áp thứ phát
 - 2.2.3. Một số yếu tố thuận lợi:
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Cơ năng
 - 2.3.2. Triệu chứng thực thể
- 2.4. Chẩn đoán.
 - 2.4.1. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.4.2. Chẩn đoán xác định
- 2.5. Các giai đoạn tăng huyết áp
- 2.6. Tiến triển, biến chứng.
- 2.7. Điều trị
 - 2.7.1. Chế độ sinh hoạt
 - 2.7.2. Thuốc

Bài 14. Suy tim

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, các triệu chứng của suy tim.
- 1.2. Điều trị suy tim tại tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa.
- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Gây suy tim trái
 - 2.2.2. Gây suy tim phải.
 - 2.2.3. Gây suy tim toàn bộ.
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Suy tim trái
 - 2.3.2. Suy tim phải
 - 2.3.3. Suy tim toàn bộ:
- 2.4. Phân giai đoạn suy tim
 - 2.4.1. Suy tim giai đoạn I
 - 2.4.2. Suy tim giai đoạn II

- 2.4.3. Suy tim giai đoạn III
- 2.4.4. Suy tim giai đoạn IV
- 2.5. Điều trị suy tim
- 2.5.1. Nguyên tắc điều trị
- 2.5.2. Điều trị cụ thể

Chương 4. TIÊU HÓA

Bài 15. Thăm khám bộ máy tiêu hóa

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được các triệu chứng cơ năng của bộ máy tiêu hóa.
 - 1.2. Thăm khám có trình tự và đúng phương pháp bộ máy tiêu hóa.
2. Nội dung
 - 2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2. Khám thực thể
 - 2.2.1. Khám phần tiêu hoá trên .
 - 2.2. 2. Khám tiêu hoá giữa
Nhìn.- Sờ.- Gõ.- Nghe
 - 2.2. 3. Khám tiêu hoá dưới
 - 2.3. Các phương pháp cận lâm sàng.

Bài 16. Hội chứng vàng da

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Thăm khám và phát hiện được bệnh nhân vàng da trên lâm sàng.
 - 1.2. Trình bày được các nguyên nhân chính của vàng da.
2. Nội dung
 - 2.1. Khái niệm, phân loại vàng da
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.2. Cách khám vàng da
 - 2.2.1. Quan sát vàng da
 - 2.2.2 Biểu hiện toàn thân kèm theo.
 - 2.2.3. Triệu chứng thực thể kèm theo.
 - 2.2.4 Cận lâm sàng
 - 2.3. Nguyên nhân.
 - 2.3.1. Do tan máu.
 - 2.3.2. Do bệnh gan mật

Bài 17. Hội chứng cổ chướng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cách phát hiện cổ trướng trên lâm sàng.
- 1.2. Phân loại nguyên nhân để xử trí ban đầu và gửi lên tuyến trên kịp thời.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Cách khám cổ trướng
 - 2.2.1. Nhìn
 - 2.2.2. Sờ:
 - 2.2.3. Gõ: .
 - 2.2.4. Chọc dò
- 2.3. Chẩn đoán phân biệt
- 2.4. Nguyên nhân
 - 2.4.1. Cổ trướng dịch thấm.
 - 2.4.2. Cổ trướng dịch tiết.
 - 2.4.3. Các nguyên nhân đặc biệt khác.

Bài 18. Xơ gan

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các nguyên nhân thường gặp của xơ gan.
- 1.2. Trình bày được các triệu chứng của xơ gan.
- 1.3. Theo dõi quản lý được bệnh nhân xơ gan tại nhà.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Nguyên nhân thường gặp của xơ gan
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng
- 2.5. Điều trị
 - 2.5.1. Chế độ nghỉ ngơi, ăn uống
 - 2.5.2 Chế độ thuốc

Bài 19. Loét dạ dày - tá tràng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, các triệu chứng của loét dạ dày, tá tràng.
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán và biến chứng loét dạ dày, tá tràng.
- 1.3. Trình bày cách điều trị loét dạ dày, tá tràng tại tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân.
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1 Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2 Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Biến chứng.
- 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Điều trị nội khoa.
 - 2.6.2. Điều trị ngoại khoa.

Chương 5. TIẾT NIỆU

Bài 20. Thăm khám bộ máy tiết niệu

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Khai thác được triệu chứng cơ năng và toàn thân của bộ máy tiết niệu.
- 1.2. Tiến hành thăm khám thực thể bộ máy tiết niệu có trình tự và đúng phương pháp.
- 1.3. Làm được một số nghiệm pháp đơn giản và đọc được kết quả xét nghiệm thông thường.

2. Nội dung

- 2.1. Triệu chứng cơ năng của bộ máy tiết niệu
 - 2.1.1. Đau bụng thận
 - 2.1.2. Thay đổi về nước tiểu:
- 2.2. Triệu chứng toàn thân.
- 2.3. Khám thực thể bộ máy tiết niệu:
 - 2.3.1. Khám thận:
 - 2.3.2. Khám các điểm niệu quản
 - 2.3.3. Khám bàng quang
 - 2.3.4. Khám niệu đạo
 - 2.3.5. Khám tuyến tiền liệt
- 2.4. Khám cận lâm sàng
 - 2.4.1. Nghiệm pháp 3 cốc:
 - 2.4.2. Phát hiện Protein niệu bằng phương pháp định tính.

Bài 21. Viêm cầu thận cấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán bệnh viêm cầu thận cấp.

1.2. Trình bày được cách điều trị, cách phòng bệnh viêm cầu thận cấp ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.2. Nguyên nhân.

2.3. Triệu chứng.

2.3.1. Triệu chứng toàn thân

2.3.2. Triệu chứng cơ năng:

2.3.3. Triệu chứng thực thể:

2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng.

2.4. Chẩn đoán

2.4.1 Chẩn đoán xác định

2.4.2 Chẩn đoán phân biệt

2.5. Tiến triển.

2.6. Điều trị:

2.6.1 Giai đoạn cấp tính:

2.6.2 Sau giai đoạn cấp:

2.7. Phòng bệnh:

Bài 22. Suy thận cấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng của suy thận cấp.

1.2. Trình bày hướng điều trị bệnh suy thận cấp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân:

2.2.1. Nguyên nhân trước thận

2.2.2. Nguyên nhân tại thận:

2.2.3. Nguyên nhân sau thận:

2.3. Triệu chứng lâm sàng.

2.3.1. Giai đoạn khởi đầu:

2.3.2. Giai đoạn thiếu niệu hoặc vô niệu:

2.3.3. Giai đoạn đái trở lại:

2.3.4. Giai đoạn hồi phục

2.4. Điều trị.

2.4.1. Giai đoạn khởi đầu:

2.4.2. Giai đoạn thiếu niệu hoặc vô niệu:

Chương 6. THẦN KINH

Bài 23. Thăm khám bộ máy thần kinh

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Khai thác được các triệu chứng, tiền sử, các dấu hiệu ban đầu của bệnh nhân thần kinh.

1.2. Thăm khám lâm sàng có trình tự hệ thần kinh.

1.3. Trình bày được các phương pháp khám cận lâm sàng và khám chuyên khoa một bệnh nhân mắc bệnh hệ thần kinh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.2. Khám lâm sàng hệ thần kinh.

2.2.1. Khám vận động

2.2.2. Khám phản xạ

2.2.3. Khám cảm giác, dinh dưỡng và cơ tròn.

2.2.4. Khám 12 đôi dây thần kinh sọ não.

2.3. Các phương pháp cận lâm sàng và khám chuyên khoa:

2.3.1. Xét nghiệm dịch não tủy:

2.3.2. Xquang:

2.3.3. Điện não đồ:

2.3.4. Khám chuyên khoa:

Bài 24. Hội chứng hôn mê

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân và các mức độ hôn mê trên lâm sàng.

1.2. Cách xử trí tại tuyến y tế cơ sở và chuyển lên tuyến trên kịp thời.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng.

2.2.1. Phân chia hôn mê theo triệu chứng lâm sàng:

2.2.2. Đánh giá theo thang điểm Glasgow:

2.3. Nguyên nhân hôn mê.

2.3.1. Hôn mê có triệu chứng thần kinh chỉ điểm.

2.3.2. Hôn mê không có triệu chứng thần kinh chỉ điểm.

2.4. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê.

2.4.1. Đảm bảo lưu thông đường thở

2.4.2. Đảm bảo dinh dưỡng.

2.4.3. Chống loét, mảng mục.

2.4.4. Theo dõi và chuyển tuyến trên kịp thời

Bài 25. Hội chứng liệt nửa người

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày triệu chứng, nguyên nhân của liệt nửa người.
 - 1.2. Cách xử trí tại tuyến y tế cơ sở và chuyển lên tuyến trên kịp thời
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng liệt nửa người.
 - 2.2.1. Khi bệnh nhân hôn mê
 - 2.2.2 Khi bệnh nhân tỉnh táo
 - 2.3. Nguyên nhân liệt nửa người
 - 2.3.1. Liệt nửa người kèm theo hôn mê
 - 2.3.2. Liệt nửa người khi bệnh nhân tỉnh:
 - 2.4. Điều trị và chăm sóc bệnh nhân liệt nửa người.

Bài 26. Suy nhược thần kinh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng của suy nhược thần kinh.
 - 1.2. Trình bày được cách điều trị suy nhược thần kinh.
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Triệu chứng thần kinh
 - 2.2.2. Triệu chứng tinh thần
 - 2.2.3. Rối loạn thần kinh thực vật
 - 2.3. Nguyên nhân
 - 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Chế độ nghỉ ngơi
 - 2.4.2. Điều trị nguyên nhân
 - 2.4.3. Điều trị triệu chứng

Bài 27. Hội chứng đau dây thần kinh hông

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của đau dây thần kinh hông.
 - 1.2. Trình bày được cách điều trị bệnh đau dây thần kinh hông.
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Triệu chứng

- 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
- 2.3.2. Triệu chứng thực thể
- 2.3.3. Triệu chứng Xquang:
- 2.4. Tiến triển
- 2.5. Điều trị:
- 2.5.1. Điều trị nội khoa
- 2.5.2. Điều trị ngoại khoa

Chương 7. CÁC BỆNH NỘI KHOA KHÁC

Bài 28. Bệnh đái tháo đường

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân của đái tháo đường.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng, các biến chứng của đái tháo đường.
 - 1.3. Cách điều trị và hướng dẫn bệnh nhân điều trị ngoại trú tại nhà.
2. Nội dung
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Nguyên nhân:
 - 2.2.1. Nguyên nhân do tụy
 - 2.2.2. Nguyên nhân ngoài tụy
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng
 - 2.4. Chẩn đoán.
 - 2.4.1. Chẩn đoán phân biệt.
 - 4.2. Chẩn đoán xác định.
 - 2.5. Biến chứng
 - 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Chế độ nghỉ ngơi, ăn uống
 - 2.6.2. Thuốc

Bài 29. Hội chứng thiếu máu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân của thiếu máu.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng, cách phòng thiếu máu.
2. Nội dung
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Nguyên nhân:
 - 2.2.1. Do mất máu
 - 2.2.2. Do hủy hoại hồng cầu quá nhiều

- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Điều trị triệu chứng.
 - 2.4.2. Điều trị nguyên nhân
- 2.5. Phòng bệnh

Bài 30. Viêm khớp dạng thấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được triệu chứng, tiến triển bệnh viêm khớp dạng thấp.
 - 1.2. Cách điều trị và hướng dẫn bệnh nhân điều trị ngoại trú tại nhà.
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương:
 - 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Lâm sàng:
 - 2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng:
 - 2.3. Tiến triển, biến chứng.
 - 2.4. Điều trị:
 - 2.4.1. Điều trị nội khoa:
 - 2.4.2. Điều trị ngoại khoa:

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, bài giảng,
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Kiểm tra về cách khám, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở tuyến cơ sở và tình huống gửi kịp thời những trường hợp vượt quá khả năng lên tuyến trên.
 - Kỹ năng: Kiểm tra về tuyên truyền giáo dục được cách phòng bệnh của các bệnh nội khoa thường gặp trong nhân dân, góp phần trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kiểm tra về tính thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành thăm khám và điều trị.
2. Phương pháp đánh giá
 - Thường xuyên: 02 bài theo phương pháp vấn đáp, thăm khám trên giả làm người bệnh
 - Định kỳ: 02 bài theo phương pháp trắc nghiệm
 - Thi kết thúc học phần: 01 bài theo phương pháp trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1- Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2- Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học, áp dụng phương pháp tích cực

- Đối với người học

+ Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết

+ Đọc tài liệu trước khi đến lớp

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

3- Những trọng tâm cần chú ý: Học sinh phải

- Tham dự tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

4-Tài liệu tham khảo

[1] 2008, *Bài giảng bệnh học nội khoa tập I, II*. NXBYH. Hà Nội

[2] 2011, *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh nội khoa*. NXBYH

[3] 2007, *Nội khoa cơ sở tập I, tập II*. NXBYH. Hà Nội

[4] 2001, *Hồi sức cấp cứu tập I, II*. NXBYH. Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh học ngoại

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết 57 giờ; kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Sau khi học xong môn học cơ sở
- Tính chất môn học: Môn học chuyên ngành bắt buộc.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học học sinh phải:

1 - Kiến thức:

Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, tiến triển và biến chứng các bệnh ngoại khoa thường gặp.

Nêu được nhưng nguyên tắc xử trí ban đầu cơ bản của các bệnh ngoại khoa thường gặp ở tuyến cơ sở.

2 - Kỹ năng:

Học sinh vận dụng được kiến thức để khám và phát hiện, chẩn đoán và xử trí được một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

Vận dụng kiến thức, kỹ năng về ngoại bệnh học để tham gia các hoạt động bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

3 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc, nắm chắc kiến thức y học cơ sở để áp dụng và khám và chuẩn đoán bệnh.

Có tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Chương I. CẤP CỨU CHẤN THƯỜNG Bài 1. Vết thương phần mềm 1. Đặc điểm của vết thương phần mềm 1.1. Triệu chứng 1.2. Triệu chứng toàn thân 1.3. Tại vết thương 2. Tiến triển và biến chứng 2.1. Sốc 2.2. Nhiễm khuẩn 3. Xử trí Sơ cứu ở tuyến y tế cơ sở....	1	1		
2	Bài 2. Vết thương mạch máu 1. Giải phẫu bệnh 1.1. Động mạch đứt hoàn toàn	1	1		

	1.2. Động mạch đứt không hoàn toàn 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Chảy máu ra ngoài 2.2. Chảy máu trong các động mạch ở nội tạng bị đứt chảy vào trong ổ bụng hay phổi 2.3. Bộc máu 3. Tiến triển và biến chứng 3.1. Thiếu máu 3.2. Nhiễm khuẩn 3.3. Hoại thư chi 3.4. Phồng động mạch 4. Xử trí				
3	Bài 3. Vết thương ngực 1. Đại cương 1.1. Vết thương thành ngực 1.2. Vết thương thấu ngực 2. Triệu chứng 2.1. Vết thương thành ngực đơn thuần 2.2. Vết thương thấu ngực 2.3. Vết thương ngực kín 2.4. Vết thương ngực mở 2.5. Vết thương ngực có van 3. Biến chứng 3.1. Viêm mủ màng phổi 3.2. Dị vật lồng ngực 3.3. Máu màng phổi đông 4. Xử trí ở tuyến cơ sở	1	1		
4	Bài 4. Chấn thương não kín 1. Triệu chứng và các thể lâm sàng 1.1. Chấn động não 1.2. Giập não 1.3. Khối máu tụ trong sọ 1.4. Vỡ xương sọ 2. Tiên lượng 3. Xử trí	1	1		
5	Bài 5. Vết thương sọ não hở 1. Triệu chứng 1.1. Người bệnh đến sớm 1.2. Người bệnh đến muộn 2. Biến chứng và di chứng	1	1		

	2.1. Viêm màng não mủ 2.2. Áp xe não 2.3. Động kinh 3. Xử trí 3.1. Việc nên làm 3.2. Việc không được làm				
6	Bài 6: Vết thương bụng 1. Nguyên nhân 2. Phân loại vết thương 2.1. Vết thương thành bụng đơn thuần 2.2. Vết thương thủng màng bụng 2.3. Vết thương phối hợp 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Bệnh nhân đến sớm 3.1.1. Triệu chứng toàn thân 3.1.2. Triệu chứng cơ năng 3.1.3. Triệu chứng thực thể 3.2. Bệnh nhân đến muộn 3.2.1. Hội chứng chảy máu trong 3.2.2 Hội chứng viêm màng bụng 4. Xử trí	1	1		
7	Bài 7. Chấn thương bụng 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 2.2.1. Nhìn 2.2.2. Sờ 2.2.3. Gõ 2.2.4. Thăm khám 3. Xử trí	1	1		
8	Bài 8. Chấn thương thận 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Bao thận 2.2. Nhu mô thận 2.3. Cuống thận 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.1.1. Sốc 3.1.2. Đau	1	1		

	3.1.3. Đái máu 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Diễn biến 6. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở				
9	Bài 9: Chấn thương niệu đạo 1. Chấn thương niệu đạo trước 1.1. Đại cương 1.2. Giải phẫu bệnh 1.2.1. phần di động 1.2.2. phần cố định 1.2. Triệu chứng lâm sàng 1.2.1. Triệu chứng cơ năng 1.2.2. Triệu chứng thực thể 1.3. Biến chứng 1.4. Xử trí tuyến y tế cơ sở 2. Chấn thương niệu đạo sau 2.1. Đại cương 2.2. Triệu chứng 2.2.1. Triệu chứng toàn thân 2.2.2. Triệu chứng thực thể 2.2.3. X.quang 2.3. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở	1	1		
10	Chương 2. CẤP CỨU BỤNG Bài 10. Viêm ruột thừa cấp 1. Đại cương về viêm ruột thừa. 2. Nguyên nhân. 2.1. Do nhiễm khuẩn 2.2. Do giun đũa 2.3. Do co thắt mạch máu. 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng Toàn thân 3.2. Triệu chứng Cơ năng 3.3. Triệu chứng Thực thể 3.4. Xét nghiệm 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Biến chứng 5.1. Viêm màng bụng	2	1		1

	5.2. Áp xe ruột thừa 5.3. Đám quánh ruột thừa. 6. Xử trí				
11	Bài 11. Thủng dạ dày 1. Nguyên nhân. 1.1. Nguyên nhân chủ yếu 1.2. Nguyên nhân ít gặp 1.3. Điều kiện thuận lợi 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Vị trí 2.2. Lỗ thủng, kích thước 2.3. Tình trạng ổ bụng 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng Toàn thân 3.2. Triệu chứng Cơ năng 3.3. Triệu chứng Thực thể 3.4. X.quang 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Biến chứng 6. Xử trí	1	1		
12	Bài 12. Tắc ruột 1. Đại cương 2. Nguyên nhân. 2.1. Tắc ruột cơ học 2.1.1. Tắc ruột do nút bít 2.1.2. Tắc ruột do bị thắt 2.2. Tắc ruột cơ năng 2.2.1. Do liệt ruột 2.2.2. Do co thắt 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng Toàn thân 3.2. Triệu chứng Cơ năng 3.3. Triệu chứng Thực thể 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán nguyên nhân 4.3. Chẩn đoán xác định 5. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở	1	1		

13	Bài 13: Lồng ruột cấp tính ở trẻ em 1. Triệu chứng 1.1. Triệu chứng cơ năng 1.1.1. Đau bụng giữ dội, đột ngột 1.1.2. Nôn 1.1.3. Ỉa ra máu 1.2. Triệu chứng thực thể 2. Chẩn đoán 2.1. Chẩn đoán xác định 2.2. Chẩn đoán phân biệt 3. Tiến triển 4. Xử trí	1	1		
14	Bài 14. Thoát vị bẹn nghẹt 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.1.1. Đau 3.1.2 . Nôn 3.1.3. Bí trung đại tiện. 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Xử trí	1	1		
15	Bài 15. Viêm màng bụng 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Các loại vi khuẩn thường gặp 2.2. Đường xâm nhập và gây bệnh của vi khuẩn 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Diễn biến 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt	1	1		

	6. Xử trí ở tuyến cơ sở 6.1. Nên 6.2. Không nên				
16	Chương 3. NHIỄM TRÙNG NGOẠI KHOA Bài 16. Nhiễm khuẩn ngoại khoa 1. Đại cương 1.1. Cách gây bệnh của vi khuẩn trong cơ thể và sức đề kháng của cơ thể 1.2. Cách gây bệnh của vi khuẩn trong cơ thể 1.3. Sức đề kháng tại chỗ 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Triệu chứng tại chỗ 2.2. Triệu chứng toàn thân 2.3. Triệu chứng cận lâm sàng 3. Chẩn đoán nhiễm khuẩn ngoại khoa 4. Xử trí nhiễm khuẩn ngoại khoa 4.1. Nâng cao thể trạng cho bệnh nhân 4.2. Điều trị tại chỗ 4.3. Sử dụng kháng sinh 5. Dự phòng	2	2		
17	Bài 17. Viêm cơ 1. Đại cương 2. Định nghĩa 3. Nguyên nhân 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Viêm 1 bắp cơ 4.2. Viêm nhiều bắp cơ 5. Diễn biến 6. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở	1	1		
18	Bài 18. Áp xe nóng – Áp xe lạnh 1. Áp xe nóng 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.2.1. Giai đoạn đầu 1.2.2. Giai đoạn sau 1.3. Chẩn đoán 1.4. Xử trí 1.4.1. Giai đoạn đầu	1	1		

	1.4.2. Giai đoạn có mủ. 2. Áp xe lạnh 2.1. Nguyên nhân 2.2. Giải phẫu bệnh 2.3. Triệu chứng 2.3.1. Toàn thân 2.3.2. Tại chỗ 2.4. Tiến triển 2.5. Xử trí				
19	Bài 19. Đinh nhọt 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Giai đoạn đầu 2.2. Giai đoạn sau 3. Tiến triển 4. Xử trí 4.1. Giai đoạn xung huyết 4.2. Giai đoạn có mủ	1	1		
20	Bài 20. Chín mé 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Chín mé nông 3.2. Chín mé dưới da 3.3. Chín mé có viêm xương kèm theo 3.4. Viêm bao hoạt dịch do chín mé 3.5. Chín mé nhiễm khuẩn 4. Xử trí 4.1. Nguyên tắc 4.2. Xử trí từng trường hợp 5. Phòng bệnh	1	1		
21	Bài 21. Viêm tấy bàn tay 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Viêm tấy không tế bào 2.2. Viêm tấy bao hoạt dịch 3. Xử trí 3.1. Viêm tấy giai đoạn đầu chưa có mủ 3.2. Viêm tấy giai đoạn hóa mủ.	1	1		

22	Bài 22. Viêm xương 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Giải phẫu bệnh 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Triệu chứng toàn thân 4.2. Triệu chứng tại chỗ 4.3. Xét nghiệm 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Xử trí	1	1		
23	Bài 23. Hoại thư sinh hơi 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Nguyên nhân chính 2.2. Điều kiện thuận lợi 3. Giải phẫu bệnh 3.1. Viêm hoại thư tế bào 3.2. Viêm hoại thư cơ 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Loại tổn thương viêm hoại thư tế bào 4.1.1. Triệu chứng toàn thân 4.1.2. Triệu chứng cơ năng 4.1.3. Triệu chứng thực thể 4.2. Loại tổn thương viêm hoại thư cơ 4.2.1. Triệu chứng toàn thân 4.2.2. Triệu chứng cơ năng 4.2.3. Triệu chứng thực thể 4.3. Xét nghiệm 5. Phòng bệnh và xử trí ở tuyến y tế cơ sở	1	1		
24	Chương IV. BỆNH NGOẠI KHOA THƯỜNG GẶP Bài 24: Đại cương về các cấp cứu ngoại khoa vùng bụng 1. Đại cương 2. Cách phân chia vùng bụng 2.1. Hai đường thẳng ngang 2.2. Hai đường thẳng dọc	2	1		1

	3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân 3.4. Triệu chứng xét nghiệm 4. Xử trí ở tuyến cơ sở 4.1. Không làm 4.2. Cần làm				
25	Bài 25: Hẹp môn vị 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.1.1. Đau 2.1.2. Nôn 2.2. Triệu chứng toàn thân 2.3. Triệu chứng thực thể 2.4. Cận lâm sàng 3. Xử trí	1	1		
26	Bài 26: Thoát vị bẹn 1. Đại cương 2. Nhắc lại giải phẫu 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân 4. Biến chứng 4.1. Thoát vị bẹn nghẹt 4.2. Chấn thương thoát vị 4.3. Không đẩy lên được 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 5.2.1. U nang thờng tinh 5.2.2. Tràn dịch màng tinh hoàn 6. Xử trí	1	1		
27	Bài 27. Tắc ống mật chủ sỏi 1. Nguyên nhân 1.1. Nhiễm khuẩn đường mật 1.2. Ký sinh trùng 1.3. Rối loạn chuyển hóa 1.4. Do ứ trệ mật	1	1		

	2. Triệu chứng 2.1 Triệu chứng cơ năng 2.1.1. Đau 2.1.2. Sốt 2.1.3. Vàng da và niêm mạc 2.1.4. Các triệu chứng khác kèm theo 2.2. Triệu chứng toàn thân 2.3. Triệu chứng thực thể 2.4. Xét nghiệm 2.5. Tiến triển và biến chứng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Xử trí và phòng bệnh 4.1. Phòng bệnh 4.2. Xử trí ở tuyến cơ sở				
28	Bài 28. Áp xe gan 1. Nguyên nhân 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Thời kỳ viêm gan lan rộng 2.2. Thời kỳ tạo mũ 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng toàn thân 3.2. Triệu chứng cơ năng 3.3. Triệu chứng thực thể 3.4. Triệu chứng xét nghiệm 4. Biến chứng 4.1. Ổ áp xe vỡ qua cơ hoành vào màng phổi 4.2. Ổ áp xe gan vỡ vào phổi – màng phổi 4.3. Gây ra áp xe phổi 4.4. Gây viêm vàng tim có mũ 4.5. Vỡ vào ổ bụng 4.6. Vỡ vào các tạng lân cận 4.7. Vỡ ra ngoài thành bụng 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 6.1. Ổ cơ sở	1	1		

	6.2. Ổ tuyến trên				
29	Bài 29. Trĩ – Rò hậu môn 1. Trĩ 1.1. Triệu chứng 1.1.1. Triệu chứng cơ năng 1.1.2. Triệu chứng thực thể 1.3. Điều trị và phòng bệnh ở cơ sở 2. Rò hậu môn 2.1. Triệu chứng 2.2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2.2. Triệu chứng thực thể 2.2.3. Khám toàn thân 2.4. Xử trí và phòng bệnh 2.4.1. Điều trị tích cực các ổ áp xe nóng hoặc áp lạnh quanh hậu môn 2.4.2. Vệ sinh sạch sẽ sau mỗi lần đi ngoài 2.4.3. Khi phát hiện rò hậu môn chỉ có điều trị bằng ngoại khoa 2.4.4. Gửi bệnh nhân lên tuyến trên để điều trị	1	1		
30	Bài 30. Sỏi thận 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Nguyên nhân tại chỗ 2.2. Nguyên nhân toàn thân 3. Giải phẫu bệnh 3. Số lượng sỏi 3.2. Vị trí sỏi 3.3. Nhu mô thận 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng cơ năng 4.2. Triệu chứng thực thể 4.3. Triệu chứng cận lâm sàng 5. Biến chứng 5.1. Viêm bể thận 5.2. Viêm tủy quanh thận 5.3. Thận ứ mủ 5.4. Vô niệu 6. Điều trị 6.1. Điều trị nội	1	1		

	6.2. Điều trị ngoại 7. Phòng bệnh				
31	Bài 31. Sỏi Bàng quang 1. Nguyên nhân 1.1. Sỏi nguyên phát 1.2. Sỏi thứ phát 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Hòn sỏi 2.2. Bàng quang 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Xét nghiệm 4. Biến chứng 5. Xử trí	1	1		
32	Bài 32. Hẹp bao quy đầu 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 3.1. Hẹp bao quy đầu 3.2. Đái khó, tạo sỏi 3.3. Nhiễm khuẩn 3.4. Ung thư dương vật 4. Xử trí 4.1. Hẹp bao quy đầu 4.2. Hẹp bao quy đầu nghẹt	1	1		
33	Bài 33. Bong gân 1. Giải phẫu bệnh 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Bong gân nhẹ 2.2. Bong gân nặng 3. Tiến triển 3.1. Nhẹ 3.2. Nặng 4. Xử trí 4.1. Bong gân nhẹ 4.2. Bong gân nặng	1	1		
34	Bài 34. Đại cương sai khớp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân sai khớp 2.1. Cấu tạo của khớp gồm	1	1		

	2.2. Mức độ sai khớp 3. Sai khớp vai 3.1. Nguyên nhân 3.2. Triệu chứng 4. Sai khớp khuỷu 4.1. Nguyên nhân 4.2. Triệu chứng 5. Sai khớp háng 6. Xử trí sai khớp chung 6.1. Giảm đau 6.2. Bất động 6.3. Chuyển đi				
35	Bài 35: Đại cương gãy xương 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 2. Giải phẫu 2.1. Phân loại tổn thương 2.2. Tổn thương xương 2.3. Gãy phức tạp 2.4. Tổn thương phần mềm 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng toàn thân 3.2. Triệu chứng cơ năng 3.3. Triệu chứng thực thể 3.4. Cận lâm sàng 4. Biến chứng 5. Xử trí gãy xương ở tuyến y tế cơ sở	1	1		
36	Bài 36. Gãy cột sống 1. Nguyên nhân 2. Giải phẫu và sinh lý bệnh 2.1. Sinh lý bệnh 2.2. Giải phẫu bệnh 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Gãy cột sống không liệt tủy 3.1.1. Đau 3.1.2. Giảm cơ năng 3.1.3. Biến dạng 3.2. Gãy cột sống có liệt tủy 3.2.1. Triệu chứng về thần kinh 3.2.2. Triệu chứng gãy xương	1	1		

	3.2.3. Triệu chứng toàn thân 3.3. Cận lâm sàng 4. Xử trí				
37	Bài 37. Gãy thân xương đùi 1. Giải phẫu bệnh 1.1. Đường gãy 1.2. Di lệch 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Triệu chứng toàn thân 2.2. Triệu chứng cơ năng 2.3. Triệu chứng thực thể 2.4. Cận lâm sàng 3. Biến chứng 3.1. Biến chứng ngay 3.2. Biến chứng sau 3.3. .Biến chứng muộn 4. Xử trí	1	1		
38	Bài 38. Gãy hai xương cẳng chân 1. Đại cương 2. Giải phẫu 2.1. Đường gãy 2.2. Di lệch 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Cận lâm sàng 4. Biến chứng 4.1. Biến chứng sớm 4.2. Biến chứng sau 4.3. Biến chứng muộn 5. Xử trí ở tuyến cơ sở	2	2		
39	Bài 39. Gãy thân xương cẳng tay 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Đường gãy 2.2. Di lệch 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Cận lâm sàng	1	1		

	4. Biến chứng 5. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở				
40	Bài 40. Gãy thân hai xương cẳng tay 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Đường gãy 2.2. Di lệch 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Cận lâm sàng 4. Biến chứng 5. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở	1	1		
41	Bài 41. Gãy đầu dưới xương quay kiểu Pouteau –Colles 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Nguyên nhân trực tiếp 2.2. Nguyên nhân gián tiếp 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 4. Xử trí	1	1		
	Tổng số	60	57		3

2. Nội dung chi tiết:

Chương I. CẤP CỨU CHẤN THƯƠNG

Bài 1. Vết thương phần mềm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được những đặc điểm của vết thương phần mềm
2. Xử trí đúng vết thương phần mềm..

2. Nội dung.

- 2.1. Đặc điểm của vết thương phần mềm
 - 2.1.1. Triệu chứng
 - 2.1.2. Triệu chứng toàn thân
 - 2.1.3. Tại vết thương
- 2.2. Tiến triển và biến chứng
 - 2.2.1. Sốc

2.2.2.Nhiễm khuẩn

2. 3. Xử trí Sơ cứu ở tuyến y tế cơ sở....

Bài 2. Vết thương mạch máu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được các triệu chứng lâm sàng của vết thương động mạch
2. Xử trí được bước đầu vết thương động mạch và tĩnh mạch ở tuyến cơ sở

2. Nội dung

2.1.Giải phẫu bệnh

2,1.1. Động mạch đứt hoàn toàn

2.1.2. Động mạch đứt không hoàn toàn

2.2.Triệu chứng lâm sàng

2.2.1.Chảy máu ra ngoài

2.2.2.Chảy máu trong các động mạch ở nội tạng bị đứt chảy vào trong ổ bụng hay phổi

2.2.3.Bọc máu

2.3.Tiến triển và biến chứng

2.3.1.Thiếu máu

2.3.2. Nhiễm khuẩn

2.3.3. Hoại thư chi

2.3.4. Phòng động mạch

2.4. Xử trí

Bài 3. Vết thương ngực

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được cách phân loại vết thương lồng ngực
2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của vết thương ngực kín, ngực hở và ngực có van
3. Xử trí bước đầu các loại vết thương ngực ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1.Vết thương thành ngực

2.1.2.Vết thương thấu ngực

2.2.Triệu chứng

2.2.1.Vết thương thành ngực đơn thuần

2.2.2.Vết thương thấu ngực

2.2.3.Vết thương ngực kín

2.2.4.Vết thương ngực hở

2.2.5.Vết thương ngực có van

- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Viêm mủ màng phổi
 - 2.3.2. Dị vật lồng ngực
 - 2.3.3. Máu màng phổi đông
- 2.4. Xử trí ở tuyến cơ sở

Bài 4. Chấn thương sọ kín

Thời gian: 01 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của chấn thương sọ kín.
 - 2. Nêu được các nguyên tắc vận chuyển nạn nhân bị chấn thương sọ kín
- 2. Nội dung
 - 2.1. Triệu chứng và các thể lâm sàng
 - 2.1.1. Chấn động não
 - 2.1.2. Giập não
 - 2.1.3. Khối máu tụ trong sọ
 - 2.1.4. Vỡ xương sọ
 - 2.2. Tiên lượng (bảng điểm Glasgow)
 - 2.3. Xử trí

Bài 5. Vết thương sọ não hở

Thời gian: 01 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của chấn thương sọ não hở.
 - 2. Trình bày được các nguyên tắc sơ cứu vết thương sọ não hở ở tuyến y tế cơ sở.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Triệu chứng
 - 2.1.1. Người bệnh đến sớm
 - 2.1.2. Người bệnh đến muộn
 - 2.2. Biến chứng và di chứng
 - 2.2.1. Viêm màng não mủ
 - 2.2.2. Áp xe não
 - 2.2.3. Động kinh
 - 2.3. Xử trí
 - 2.3.1. Việc nên làm
 - 2.3.2. Việc không được làm

Bài 6: Vết thương bụng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu.

1. Kể được 3 cách phân loại vết thương bụng
2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của vết thương bụng đến sớm và đến muộn
3. Xử trí được bước đầu vết thương bụng ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Phân loại vết thương
 - 2.2.1. Vết thương thành bụng đơn thuần
 - 2.2.2. Vết thương thủng màng bụng
 - 2.2.3. Vết thương phối hợp
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Bệnh nhân đến sớm
 - 2.3.1.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.1.2. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.1.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.2. Bệnh nhân đến muộn
 - 2.3.2.1. Hội chứng chảy máu trong
 - 2.3.2.2. Hội chứng viêm màng bụng
- 2.4. Xử trí

Bài 7. Chấn thương bụng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được triệu chứng của chấn thương bụng
2. Xử trí chấn thương bụng ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.2.1. Nhìn
 - 2.2.2.2. Sờ
 - 2.2.2.3. Gõ
 - 2.2.2.4. Thăm khám
- 2.3. Xử trí

Bài 8. Chấn thương thận

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng của chấn thương thận
2. Xử trí bước đầu chấn thương thận ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Giải phẫu bệnh
 - 2.2.1. Bao thận
 - 2.2.2. Nhu mô thận
 - 2.2.3. Cuống thận
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.1.1. Sốc
 - 2.3.1.2. Đau
 - 2.3.1.3. Đái máu
 - 2.3.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Diễn biến
- 2.6. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Bài 9: Chấn thương niệu đạo

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Phân biệt được chấn thương niệu đạo trước và chấn thương niệu đạo sau
2. Kể được các nguyên nhân gây chấn thương niệu đạo
3. Mô tả các triệu chứng của chấn thương niệu đạo trước và niệu đạo sau
4. Xử trí bước đầu chấn thương niệu đạo ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Chấn thương niệu đạo trước
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Giải phẫu bệnh
 - 2.1.2.1. phần di động
 - 2.1.2.2. phần cố định
 - 2.1.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.1.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.1.3. Biến chứng
 - 2.1.4. Xử trí tuyến y tế cơ sở
- 2.2. Chấn thương niệu đạo sau

- 2.2.1.Đại cương
- 2.2.2.Triệu chứng
 - 2.2.2.1.Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.2.2.Triệu chứng thực thể
 - 2.2.2.3. X.quang
- 2.2.3. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Chương 2. CẤP CỨU BỤNG

Bài 10.Viêm ruột thừa cấp

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của viêm ruột thừa cấp.
2. Nêu các biến chứng nguy hiểm của viêm ruột thừa cấp.
3. Xử trí bước đầu viêm ruột thừa cấp ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về viêm ruột thừa.
- 2.2. Nguyên nhân.
 - 2.2.1. Do nhiễm khuẩn
 - 2.2.2. Do giun đũa
 - 2.2.3. Do co thắt mạch máu.
- 2.3.Triệu chứng
 - 2.3.1.Triệu chứng Toàn thân
 - 2.3.2.Triệu chứng Cơ năng
 - 2.3.3.Triệu chứng Thực thể
 - 2.3.4.Xét nghiệm
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Biến chứng
 - 2.5.1.Viêm màng bụng
 - 2.5.2.Áp xe ruột thừa
 - 2.5.3. Đám quánh ruột thừa.
- 2.6. Xử trí

Bài 11. Thủng dạ dày

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của thủng dạ dày
2. Nêu các biến chứng nguy hiểm của thủng dạ dày
3. Xử trí bước đầu thủng dạ dày ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân.
 - 2.1.1. Nguyên nhân chủ yếu
 - 2.1.2. Nguyên nhân ít gặp
 - 2.1.3. Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Giải phẫu bệnh
 - 2.2.1. Vị trí
 - 2.2.2. Lỗ thủng, kích thước
 - 2.2.3. Tình trạng ổ bụng
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng Toàn thân
 - 2.3.2. Triệu chứng Cơ năng
 - 2.3.3. Triệu chứng Thực thể
 - 2.3.4. X.quang
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Biến chứng
- 2.6. Xử trí

Bài 12. Tắc ruột

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Kể được các nguyên nhân gây tắc ruột
- 2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của tắc ruột
- 3. Xử trí bước đầu tắc ruột ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân.
 - 2.2.1. Tắc ruột cơ học
 - 2.2.1.1. Tắc ruột do nút bít
 - 2.2.1.2. Tắc ruột do bị thắt
 - 2.2.2. Tắc ruột cơ năng
 - 2.2.2.1. Do liệt ruột
 - 2.2.2.2. Do co thắt
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Triệu chứng Toàn thân
 - 2.3.2. Triệu chứng Cơ năng
 - 2.3.3. Triệu chứng Thực thể
 - 2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán

- 2.4.1.Chẩn đoán xác định
- 2.4.2. Chẩn đoán nguyên nhân
- 2.4.3.Chẩn đoán xác định
- 2.5.Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Bài 13: Lòng ruột cấp tính ở trẻ em

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của lòng ruột ở trẻ còn bú
- 2. Mô tả được tiến triển của lòng ruột cấp
- 3. Xử trí lòng ruột cấp ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Triệu chứng
 - 2.1.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.1.1.2. Đau bụng giữ dội, đột ngột
 - 2.1.1.2. Nôn
 - 2.1.1.3. Ỉa ra máu
 - 2.1.2. Triệu chứng thực thể
- 2.2. Chẩn đoán
 - 2.2.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.2.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.3. Tiến triển
- 2.4. Xử trí

Bài 14. Thoát vị bẹn nghẹt

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của thoát vị bẹn nghẹt
- 2. Xử trí ban đầu thoát vị bẹn nghẹt ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Giải phẫu bệnh
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1.Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.2.Triệu chứng thực thể
 - 2.3.3.Triệu chứng toàn thân
- 2. 4. Chẩn đoán
 - 2.4.1.Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2.Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Xử trí

Bài 15. Viêm màng bụng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể tên được các nguyên nhân gây viêm màng bụng
2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của viêm màng bụng
3. Xử trí viêm màng bụng ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Các loại vi khuẩn thường gặp
 - 2.2.2. Đường xâm nhập và gây bệnh của vi khuẩn
3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.3. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4. Diễn biến
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Xử trí ở tuyến cơ sở
 - 2.6.1. Nên
 - 2.6.2. Không nên

Chương 3 . NHIỄM TRÙNG NGOẠI KHOA

Bài 16. Nhiễm khuẩn ngoại khoa

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn.
2. Trình bày được cách gây bệnh của vi khuẩn và sức đề kháng của cơ thể mà phòng bệnh
3. Xử trí được ban đầu nhiễm khuẩn ngoại khoa
4. Hướng dẫn được thân nhân và gia đình hợp tác với thầy thuốc trong quá trình điều trị

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Cách gây bệnh của vi khuẩn trong cơ thể và sức đề kháng của cơ thể
 - 2.1.2. Cách gây bệnh của vi khuẩn trong cơ thể
 - 2.1.3. Sức đề kháng tại chỗ
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Triệu chứng tại chỗ

- 2.2.2. Triệu chứng toàn thân
- 2.2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.3. Chẩn đoán nhiễm khuẩn ngoại khoa
- 2.4. Xử trí nhiễm khuẩn ngoại khoa
 - 2.4.1. Nâng cao thể trạng cho bệnh nhân
 - 2.4.2. Điều trị tại chỗ
 - 2.4.3. Sử dụng kháng sinh
- 2.5. Dự phòng

Bài 17. Viêm cơ

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Kể được các triệu chứng lâm sàng của viêm cơ
 2. Xử trí viêm cơ ở tuyến y tế cơ sở
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Định nghĩa
 - 2.3. Nguyên nhân
 - 2.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1. Viêm 1 bắp cơ
 - 2.4.2. Viêm nhiều bắp cơ
 - 2.5. Diễn biến
 - 2.6. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Bài 18. Áp xe nóng – Áp xe lạnh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Mô tả được nguyên nhân, triệu chứng của áp xe nóng- áp xe lạnh
 2. Xử trí áp xe nóng – áp xe lạnh ở tuyến y tế cơ sở
2. Nội dung
 - 2.1. Áp xe nóng
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.2.1. Giai đoạn đầu
 - 2.1.2.2. Giai đoạn sau
 - 2.1.3. Chẩn đoán
 - 2.1.4. Xử trí
 - 2.1.4.1. Giai đoạn đầu
 - 2.1.4.2. Giai đoạn có mủ.
 - 2.2. Áp xe lạnh
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Giải phẫu bệnh

- 2.2.3. Triệu chứng
- 2.2.3.1. Toàn thân
- 2.2.3.2. Tại chỗ
- 2.2.4. Tiến triển
- 2.2.5. Xử trí

Bài 19. Đỉnh nhọt

Thời gian: 01 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1. Mô tả được triệu chứng lâm sàng của đỉnh nhọt
 - 2. Xử lý được đỉnh nhọt ở tuyến y tế cơ sở
- 2. Nội dung
 - 2.1. Nguyên nhân
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Giai đoạn đầu
 - 2.2.2. Giai đoạn sau
 - 2.3. Tiến triển
 - 2.4. Xử trí
 - 2.4.1. Giai đoạn xung huyết
 - 2.4.2. Giai đoạn có mủ

Bài 20. Chín mé

Thời gian: 01 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1. Kể được các nguyên nhân của chín mé
 - 2. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của chín mé
 - 3. Xử trí được chín mé ở tuyến y tế cơ sở
- 2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Chín mé nông
 - 2.3.2. Chín mé dưới da
 - 2.3.3. Chín mé có viêm xương kèm theo
 - 2.3.4. Viêm bao hoạt dịch do chín mé
 - 2.3.5. Chín mé nhiễm khuẩn
 - 2.4. Xử trí
 - 2.4.1. Nguyên tắc
 - 2.4.2. Xử trí từng trường hợp
 - 2.5. Phòng bệnh

Bài 21. Viêm tấy bàn tay

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của viêm tấy bàn tay
 2. Xử trí viêm tấy bàn tay ở tuyến y tế cơ sở
2. Nội dung
 1. Đại cương
 2. Nguyên nhân
 - 2.1. Viêm tấy không tế bào
 - 2.2. Viêm tấy bao hoạt dịch
 3. Xử trí
 - 3.1. Viêm tấy giai đoạn đầu chưa có mủ
 - 3.2. Viêm tấy giai đoạn hóa mủ.

Bài 22. Viêm xương

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Kể được triệu chứng lâm sàng của viêm xương tủy xương
 2. Xử trí ban đầu viêm xương tủy xương ở tuyến y tế cơ sở
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Giải phẫu bệnh
 - 2.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.4.2. Triệu chứng tại chỗ
 - 2.4.3. Xét nghiệm
 - 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.5. Xử trí

Bài 23. Hoại thư sinh hơi

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Kể được các nguyên nhân và điều kiện thuận lợi dẫn đến hoại thư để biết cách phòng tránh
 2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và nguy cơ trầm trọng của hoại thư sinh hơi để xử trí kịp thời ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Nguyên nhân chính
 - 2.2.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.3. Giải phẫu bệnh
 - 2.3.1. Viêm hoại thư tế bào
 - 2.3.2. Viêm hoại thư cơ
- 2.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1. Loại tổn thương viêm hoại thư tế bào
 - 2.4.1.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.4.1.2. Triệu chứng cơ năng
 - 2.4.1.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.4.2. Loại tổn thương viêm hoại thư cơ
 - 2.4.2.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.4.2.2. Triệu chứng cơ năng
 - 2.4.2.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.4.3. Xét nghiệm
- 2.5. Phòng bệnh và xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Chương IV. BỆNH NGOẠI KHOA THƯỜNG GẶP

Bài 24: Đại cương về các cấp cứu ngoại khoa vùng bụng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả và vẽ được định khu vùng bụng.
- 1.2. Kể được một số bệnh thường gặp trong cấp cứu ngoại khoa vùng bụng
- 1.3. Mô tả được một số triệu chứng trong quá trình thăm khám
- 1.4. Xử trí bước đầu cấp cứu ngoại khoa vùng bụng ở cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Cách phân chia vùng bụng
 - 2.2.1. Hai đường thẳng ngang
 - 2.2.2. Hai đường thẳng dọc
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.3. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.4. Triệu chứng xét nghiệm
- 2.4. Xử trí ở tuyến cơ sở
 - 2.4.1. Không làm
 - 2.4.2. Cần làm

Bài 25: Hẹp môn vị

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được các nguyên nhân dẫn đến hẹp môn vị
2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của hẹp môn vị
3. Xử trí ban đầu hẹp môn vị ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.1.1. Đau
 - 2.2.1.2. Nôn
 - 2.2.2. Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.4. Cận lâm sàng
- 2.3. Xử trí

Bài 26: Thoát vị bẹn

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được triệu chứng lâm sàng của thoát vị bẹn
2. Trình bày được cách xử trí của thoát vị bẹn

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nhắc lại giải phẫu
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.3. Triệu chứng toàn thân
- 2.4. Biến chứng
 - 2.4.1. Thoát vị bẹn nghẹt
 - 2.4.2. Chấn thương thoát vị
 - 2.4.3. Không đẩy lên được
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.5.2.1. U nang thờng tinh
 - 2.5.2.2. Tràn dịch màng tinh hoàn
- 2.6. Xử trí

Bài 27. Tắc ống mật chủ sỏi

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được các nguyên nhân chủ yếu gây sỏi ống mật chủ
2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của sỏi ống mật chủ
3. Cách đề phòng và xử trí sỏi ống mật chủ ở y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Nhiễm khuẩn đường mật
 - 2.1.2. Ký sinh trùng
 - 2.1.3. Rối loạn chuyển hóa
 - 2.1.4. Do ứ trệ mật
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1 Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.1.1. Đau
 - 2.2.1.2. Sốt
 - 2.2.1.3. Vàng da và niêm mạc
 - 2.2.1.4. Các triệu chứng khác kèm theo
 - 2.2.2. Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.4. Xét nghiệm
 - 2.2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.3.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.4. Xử trí và phòng bệnh
 - 2.4.1. Phòng bệnh
 - 2.4.2. Xử trí ở tuyến cơ sở

Bài 28. Áp xe gan

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Kể các nguyên nhân gây ra áp xe gan
- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng của áp gan do amip
- 1.3. Trình bày biến chứng của áp xe gan do amip
- 1.4. Xử trí, phòng bệnh áp xe gan ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Giải phẫu bệnh
 - 2.2.1. Thời kỳ viêm gan lan rộng
 - 2.2.2. Thời kỳ tạo mủ
- 2.3. Triệu chứng

- 2.3.1. Triệu chứng toàn thân
- 2.3.2. Triệu chứng cơ năng
- 2.3.3. Triệu chứng thực thể
- 2.3.4. Triệu chứng xét nghiệm
- 2.4. Biến chứng
 - 2.4.1. Ổ áp xe vỡ qua cơ hoành vào màng phổi
 - 2.4.2. Ổ áp xe gan vỡ vào phổi – màng phổi
 - 2.4.3. Gây ra áp xe phổi
 - 2.4.4. Gây viêm vàng tim có mũ
 - 2.4.5. Vỡ vào ổ bụng
 - 2.4.6. Vỡ vào các tạng lân cận
 - 2.4.7. Vỡ ra ngoài thành bụng
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Ở cơ sở
 - 2.6.2. Ở tuyến trên

Bài 29. Trĩ – Rò hậu môn

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Trình bày được triệu chứng của bệnh trĩ và rò hậu môn
 2. Trình bày biện pháp đề phòng và điều trị trĩ – rò hậu môn ở cơ sở y tế
2. Nội dung
 1. Trĩ
 - 1.1. Triệu chứng
 - 1.1.1. Triệu chứng cơ năng
 - 1.1.2. Triệu chứng thực thể
 - 1.3. Điều trị và phòng bệnh ở cơ sở
 2. Rò hậu môn
 - 2.1. Triệu chứng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.3. Khám toàn thân
 - 2.4. Xử trí và phòng bệnh
 - 2.4.1. Điều trị tích cực các ổ áp xe nóng hoặc áp lạnh quanh hậu môn
 - 2.4.2. Vệ sinh sạch sẽ sau mỗi lần đi ngoài
 - 2.4.3. Khi phát hiện rò hậu môn chỉ có điều trị bằng ngoại khoa
 - 2.4.4. Gửi bệnh nhân lên tuyến trên để điều trị

Bài 30. Sỏi thận

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Kể được các nguyên nhân của sỏi thận
 - 1.2. Mô tả được triệu chứng lâm sàng của sỏi thận
 - 1.3. Kể được các cách điều trị sỏi thận
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Nguyên nhân tại chỗ
 - 2.2.2. Nguyên nhân toàn thân
 - 2.3. Giải phẫu bệnh
 - 2.3.1. Số lượng sỏi
 - 2.3.2. Vị trí sỏi
 - 2.3.3. Nhu mô thận
 - 2.4. Triệu chứng
 - 2.4.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.4.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.4.3. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.5. Biến chứng
 - 2.5.1. Viêm bể thận
 - 2.5.2. Viêm tủy quanh thận
 - 2.5.3. Thận ứ mủ
 - 2.5.4. Vô niệu
 - 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Điều trị nội
 - 2.6.2. Điều trị ngoại
 - 2.7. Phòng bệnh

Bài 31. Sỏi Bàng quang

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của sỏi bàng quang
 - 1.2. Thực hiện cách xử trí sỏi bàng quang
2. Nội dung
 - 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Sỏi nguyên phát
 - 2.1.2. Sỏi thứ phát
 - 2.2. Giải phẫu bệnh
 - 2.2.1. Hòn sỏi
 - 2.2.2. Bàng quang

- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.3. Xét nghiệm
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Xử trí

Bài 32. Hẹp bao quy đầu

Thời gian: 01 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1. Kể được các triệu chứng lâm sàng của hẹp bao quy đầu
 - 2. Mô tả được các triệu chứng của hẹp bao quy đầu và cách xử trí
- 2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Hẹp bao quy đầu
 - 2.3.2. Đái khó, tạo sỏi
 - 2.3.3. Nhiễm khuẩn
 - 2.3.4. Ung thư dương vật
 - 2.4. Xử trí
 - 2.4.1. Hẹp bao quy đầu
 - 2.4.2. Hẹp bao quy đầu nghẹt

Bài 33. Bong gân

Thời gian: 01 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1. Kể được các triệu chứng lâm sàng của bong gân nhẹ và nặng
 - 2. Xử trí được bong gân ở tuyến y tế cơ sở
- 2. Nội dung
 - 2.1. Giải phẫu bệnh
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Bong gân nhẹ
 - 2.2.2. Bong gân nặng
 - 2.3. Tiến triển
 - 2.3.1. Nhẹ
 - 2.3.2. Nặng
 - 2.4. Xử trí
 - 2.4.1. Bong gân nhẹ
 - 2.4.2. Bong gân nặng

Bài 34. Đại cương sai khớp

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng của sai khớp vai, khuỷu, háng
2. Thực hiện cách xử trí sai khớp chung ở y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân sai khớp
 - 2.2.1. Cấu tạo của khớp gồm
 - 2.2.2. Mức độ sai khớp
- 2.3. Sai khớp vai
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2. Triệu chứng
- 2.4. Sai khớp khuỷu
 - 2.4.1. Nguyên nhân
 - 2.4.2. Triệu chứng
- 2.5. Sai khớp háng
- 2.6. Xử trí sai khớp chung
 - 2.6.1. Giảm đau
 - 2.6.2. Bất động
 - 2.6.3. Chuyển đi

Bài 35: Đại cương gãy xương

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được ba nguyên nhân của gãy xương
2. Trình bày được triệu chứng chứng lâm sàng gãy xương
3. Kể được 3 biến chứng của gãy xương
4. Xử trí gãy xương ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.2. Giải phẫu
 - 2.2.1. Phân loại tổn thương
 - 2.2.2. Tổn thương xương
 - 2.2.3. Gãy phức tạp
 - 2.2.4. Tổn thương phần mềm
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.2. Triệu chứng cơ năng

- 2.3.3. Triệu chứng thực thể
- 2.3.4. Cận lâm sàng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Xử trí gãy xương ở tuyến y tế cơ sở

Bài 36. Gãy cột sống

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được các nguyên nhân gây gãy cột sống
- 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng gãy cột sống
- 3. Sơ cứu ban đầu ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Giải phẫu và sinh lý bệnh
 - 2.2.1. Sinh lý bệnh
 - 2.2.2. Giải phẫu bệnh
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Gãy cột sống không liệt tủy
 - 2.3.1.1. Đau
 - 2.3.1.2. Giảm cơ năng
 - 2.3.1.3. Biến dạng
 - 2.3.2. Gãy cột sống có liệt tủy
 - 2.3.2.1. Triệu chứng về thần kinh
 - 2.3.2.2. Triệu chứng gãy xương
 - 2.3.2.3. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Xử trí

Bài 37. Gãy thân xương đùi

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng
- 2. Trình bày được 3 biến chứng sớm
- 3. Xử trí được gãy thân xương đùi

2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu bệnh
 - 2.1.1. Đường gãy
 - 2.1.2. Di lệch
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.2. Triệu chứng cơ năng

- 2.2.3. Triệu chứng thực thể
- 2.2.4. Cận lâm sàng
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Biến chứng ngay
 - 2.3.2. Biến chứng sau
 - 2.3.3. Biến chứng muộn
- 2.4. Xử trí

Bài 38. Gãy hai xương cẳng chân

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu
 1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng
 2. Trình bày được 3 biến chứng sớm
 3. Xử trí được gãy hai xương cẳng chân
2. Nội dung
 - 2.1. Giải phẫu bệnh
 - 2.1.1. Đường gãy
 - 2.1.2. Di lệch
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.2. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.4. Cận lâm sàng
 - 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Biến chứng ngay
 - 2.3.2. Biến chứng sau
 - 2.3.3. Biến chứng muộn
 - 2.4. Xử trí

Bài 39. Gãy thân xương cánh tay

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Trình bày được triệu chứng của gãy thân xương cánh tay
 2. Xử trí ban đầu được gãy thân xương cánh tay ở tuyến y tế cơ sở
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Giải phẫu bệnh
 - 2.2.1. Đường gãy
 - 2.2.2. Di lệch
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng

- 2.3.2. Triệu chứng thực thể
- 2.3.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Bài 40. Gãy thân hai xương cẳng tay

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 1. Trình bày được triệu chứng của gãy hai xương cẳng tay
 2. Xử trí ban đầu được gãy hai xương cẳng tay ở tuyến y tế cơ sở
2. Nội dung
 1. Đại cương
 2. Giải phẫu bệnh
 - 2.1. Đường gãy
 - 2.2. Di lệch
 3. Triệu chứng
 - 3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 3.2. Triệu chứng thực thể
 - 3.3. Cận lâm sàng
 4. Biến chứng
 5. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Bài 41. Gãy đầu dưới xương quay kiểu Pouteau –Colles

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của gãy đầu dưới xương quay kiểu Pouteau – Colles
 - 1.2. Xử trí ban đầu gãy đầu dưới xương quay kiểu Pouteau – Colles ở tuyến y tế cơ sở
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Nguyên nhân trực tiếp
 - 2.2.2. Nguyên nhân gián tiếp
 - 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.4. Xử trí

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính xách tay.
3. Học liệu, học cụ: Giáo trình, bài giảng, ảnh tư liệu

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiểm tra về: Triệu chứng lâm sàng, tiến triển và biến chứng các bệnh ngoại khoa thường gặp. Nguyên tắc xử trí ban đầu cơ bản của các bệnh ngoại khoa thường gặp ở tuyến cơ sở.

- Kỹ năng:

Học sinh vận dụng được kiến thức để khám và phát hiện, chẩn đoán và xử trí được một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

Vận dụng kiến thức, kỹ năng về ngoại bệnh học để tham gia các hoạt động bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc, nắm chắc kiến thức y học cơ sở để áp dụng và khám và chuẩn đoán bệnh.

Có tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh

2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết, trắc nghiệm 15 phút.
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết trắc nghiệm 45 phút/bài
- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp ngành Y sỹ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học. Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực. Phối hợp phương pháp thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu.

- Đối với người học

- + Tham dự tối thiểu 70% số giờ học lý thuyết
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Bệnh học Ngoại khoa, sách dùng cho đối tượng trung học, Nhà xuất bản Y học 2008.

[2] Bài giảng Bệnh học Ngoại khoa, tập 1, Nhà xuất bản Y học, 2008.

[3] Bài giảng Bệnh học Ngoại khoa, tập 2, Nhà xuất bản Y học, 2008.

[4] Giáo trình môn học do nhà trường biên soạn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: Sức khỏe sinh sản

Mã môđun: MĐ 16

Thời gian thực hiện môđun: 90 giờ (Lý thuyết 58 giờ, thực hành 29 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môđun:

- Vị trí: Mô đun sức khỏe sinh sản thuộc học phần chuyên môn nghề
- Tính chất: Mô đun chuyên môn bắt buộc.

II. Mục tiêu môđun:

1- Về kiến thức:

Khám, đánh giá và tiên lượng được một ca đẻ thường. Trên cơ sở có khả năng xác định được các nguy cơ sản khoa có thể xảy ra.

Chẩn đoán được các bệnh phụ khoa thông thường và lựa chọn phương pháp xử trí ban đầu tại cơ sở

2- Về kỹ năng:

Đánh giá được tình hình dân số tại địa phương, dân số Việt nam và dân số thế giới, tuyên truyền quần chúng nhân dân thực hiện mục tiêu chiến lược về công tác dân số ở Việt Nam.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tuyên truyền, vận động các cặp vợ chồng thực hiện áp dụng các biện pháp tránh thai có hiệu quả.

III. Nội dung môđun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Mục tiêu môn học sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình 1. Định nghĩa sức khỏe sinh sản 2. Nội dung của sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình 3. Mục tiêu của sức khỏe sinh sản và	2	2		

	kế hoạch hoá gia đình 3.1. Mục tiêu của kế hoạch hóa gia đình: 3.2. Mục tiêu về tình dục và giới 3.3. Mục tiêu về vị thành niên 3.4. Mục tiêu về AIDS				
2	Bài 1. Giải phẫu, sinh lý bộ phận sinh dục nữ 1. Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ 1.1. Âm hộ 1.2. Âm đạo 1.2.1. Chức năng 1.2.2. Cấu tạo 1.3. Tầng sinh môn 1.4. Tử cung 1.4.1. Chức năng 1.4.2. Hình thể và cấu trúc 1.4.3. Vị trí và liên quan 1.4.4. Các phương tiện giữ tử cung tại chỗ 1.5. Buồng trứng 1.5.1. Chức năng 1.5.2. Hình thể và vị trí 1.5.3. Liên quan 1.6. Ống dẫn trứng (vòi trứng) 1.6.1. Chức năng 1.6.2. Hình thể và cấu trúc 2. Sinh lý sinh dục nữ 2.1. Chu kỳ kinh nguyệt và hoạt động của buồng trứng 2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng	6	4	2	

	2.3- Các thay đổi khác trong chu kỳ kinh nguyệt				
3	Bài 2. Cách khám thai, dấu hiệu chẩn đoán, chăm sóc và quản lý thai nghén 1. Mục đích của khám thai và cách khám thai định kỳ 1.1. Mục đích của mỗi lần khám thai 1.2. Các bước thực hành khám thai 2. Dấu hiệu chẩn đoán thai nghén 2.1. Dấu hiệu chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi đầu 2.2. Dấu hiệu chẩn đoán thai nghén sau 4 tháng rưỡi 3. Chăm sóc và quản lý thai phụ trong quá trình mang thai 3.1. Nội dung chăm sóc 3.2. Quản lý thai nghén	8	4	4	
4	Bài 3. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai và cơ chế đẻ ngôi chỏm 1. Định nghĩa, phân loại ngôi, thế, kiểu thế và độ lọt của ngôi thai 1.1. Ngôi thai 1.2. Thế và kiểu thế của thai 1.3. Độ lọt của ngôi thai 2. Chẩn đoán các loại ngôi thai, thế và kiểu thế của thai trên lâm sàng 3. Cơ chế đẻ ngôi chỏm 3.1. Kiểu chằm chậu trái trước 3.1. Kiểu chằm chậu trái trước	7	4	3	
5	Bài 4. Dấu hiệu chuyển dạ, theo dõi và chăm sóc sản phụ khi chuyển dạ 1. Các giai đoạn và dấu hiệu của chuyển dạ	8	3	5	

	1.1. Các giai đoạn của chuyển dạ 1.2. Dấu hiệu chuyển dạ đẻ 2. Theo dõi thai phụ khi chuyển dạ 2.1. Theo dõi các dấu hiệu sinh tồn 2.2. Theo dõi cơn co tử cung 2.3. Theo dõi tim thai 2.4. Theo dõi sự xoá mở cổ tử cung 2.5. Theo dõi ngôi và độ lọt của ngôi 2.6. Theo dõi ối 3. Chăm sóc thai phụ khi chuyển dạ 3.1. Tinh thần 3.2. Ăn uống: 3.3. Vận động 3.4. Vệ sinh				
6	Bài 5. Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh những ngày sau đẻ. 1. Chăm sóc bà mẹ sau đẻ 1.1. Những hiện tượng sinh lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ 1.2. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ thời kỳ sau đẻ 1.3. Các biến cố dễ gặp trong thời kỳ sau đẻ. 2. Chăm sóc trẻ sơ sinh sau đẻ 2.1. Đặc điểm sơ sinh sau đẻ 2.2. Các nguy cơ thường gặp 2.3. Chăm sóc sơ sinh sau đẻ	6	2	4	
7	Bài 6. Suy thai và cách hồi sức ngạt sơ sinh 1. Suy thai 1.1. Định nghĩa: 1.2. Nguyên nhân suy thai	6	2	3	1

	1.3. Triệu chứng 1.4. Xử trí suy thai 2. Ngạt sơ sinh 2.1. Định nghĩa 2.2. Cách đánh giá trẻ sơ sinh ngạt ngay sau đẻ bằng chỉ số Áp-ga 2.3. Cách hồi sức ngạt sơ sinh 2.4. Chăm sóc sơ sinh sau hồi sức ngạt				
8	Bài 7. Đại cương đẻ khó 1. Nguyên nhân đẻ khó 1.1. Đẻ khó do khung xương chậu 1.2. Đẻ khó do thai 1.3. Đẻ khó do rối loạn cơ co tử cung 1.4. Đẻ khó do phần phụ của thai 1.5. Đẻ khó do phần mềm người mẹ: 1.6. Đẻ khó do bệnh lý của người mẹ 2. Chẩn đoán các nguyên nhân gây đẻ khó 2.1. Đẻ khó do khung xương chậu 2.2. Đẻ khó do thai 2.3. Đẻ khó do rối loạn cơ co tử cung 2.4. Đẻ khó do phần phụ của thai 2.5. Đẻ khó do phần mềm người mẹ 3. Xử trí 3.1. Tại tuyến y tế cơ: 3.2. Tại tuyến có phẫu thuật	3	3		
9	Bài 8. Chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ 1. Rách tầng sinh môn 1.1. Nguyên nhân 1.2. Phân độ rách tầng sinh môn	4	2	2	

	1.3. Chẩn đoán rách tầng sinh môn 1.4. Xử trí rách tầng sinh môn 2. Rách âm hộ 2.1. Rách vùng tiền đình 2.2. Rách thành bên 3. Rách âm đạo 3.1. Nguyên nhân, phân loại 3.2. Chẩn đoán rách âm đạo 3.3. Xử trí rách âm đạo 4. Rách cổ tử cung 4.1. Nguyên nhân 4.2. Vị trí rách 4.3. Chẩn đoán rách cổ tử cung 4.4. Xử trí rách cổ tử cung 5. Đề phòng chấn thương đường sinh dục 5.1. Đề phòng rách tầng sinh môn 5.2. Đề phòng rách âm hộ 5.3. Đề phòng rách âm đạo 5.4. Đề phòng rách cổ tử cung				
10	Bài 9. Sảy thai - thai chết lưu 1. Sảy thai 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng 1.4. Xử trí 2. Thai chết lưu 2.1. Định nghĩa 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng 2.4. Xử trí	2	2		

11	Bài 10. Chửa ngoài tử cung 1. Định nghĩa, phân loại, nguyên nhân chửa ngoài tử cung 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 2.1. Chửa ngoài tử cung chưa vỡ 2.2. Chửa ngoài tử cung vỡ 2.3. Thở huyết tụ thành nang	2	2		
12	Bài 11. Rau tiền đạo 1. Định nghĩa, phân loại, nguyên nhân 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Nguyên nhân 2. Chẩn đoán rau tiền đạo 2.1. Chẩn đoán xác định 2.2. Chẩn đoán phân biệt 3. Thái độ xử trí đối với rau tiền đạo 3.1. Rau tiền đạo còn chưa chuyển dạ 3.2. Rau tiền đạo đang chuyển dạ	2	2		
13	Bài 12. Dọa và vỡ tử cung 1. Nguyên nhân, triệu chứng của dọa vỡ và vỡ tử cung 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 2. Chẩn đoán 2.1. Chẩn đoán xác định 2.2. Chẩn đoán phân biệt 3. Xử trí và dự phòng 3.1. Xử trí và dự phòng	2	2		

	3.1. Xử trí 4.2. Dự phòng				
14	Bài 13. Hội chứng nôn nặng, tăng huyết áp, tiền sản giật và sản giật. 1. Tăng huyết áp , tiền sản giật và sản giật do thai nghén 1.1. Tăng huyết áp do thai nghén 1.2. Tiền sản giật (TSG) 1.3. Sản giật (SG): 2. Biểu chứng của tiền sản giật và sản giật 2.1. Cho mẹ: 2.2. Cho con 3. Chẩn đoán phân biệt 3. Xử trí 3.1. Với tăng huyết áp do thai nghén 3.2. Với tiền sản giật và sản giật 4. Phòng bệnh	4	2	2	
15	Bài 14. Uốn ván rốn 1. Triệu chứng lâm sàng: 2. Xử trí uốn ván sơ sinh 3. Dự phòng uốn ván sơ sinh	2	2		
16	Bài 15. Nhiễm khuẩn sau đẻ 1. Nguyên nhân 1.1. Tác nhân gây bệnh 1.2. Nguyên nhân 1.3. Yếu tố thuận lợi 2. Triệu chứng và xử trí 2.1. Viêm âm hộ, tầng sinh môn, âm đạo, cổ tử cung 2.2. Viêm tử cung	3	2		1

	2.3. Viêm phần phụ 2.4. Viêm phúc mạc 2.5. Viêm tắc tĩnh mạch chi 2.6. Nhiễm khuẩn huyết 3. Phòng bệnh				
17	Bài 16. Chảy máu trong thời kỳ sổ rau và sau đẻ 1. Sốt rau, sốt màng 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Xử trí 2. Đờ tử cung 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng lâm sàng 2.3. Thái độ xử trí 3. Rau cài răng lược 3.1. Định nghĩa và phân loại 3.2. Chẩn đoán 4. Lộn tử cung 4.1. Nguyên nhân 4.2. Triệu chứng 4.3. Điều trị 5. Các nguyên nhân chảy máu khác 6. Dự phòng	2	2		
18	Bài 17. Khám phụ khoa 2.1. Khám phụ khoa 2.1.1. Chuẩn bị 2.1.1. Dụng cụ 2.1.2. Khách hàng 2.1.3. Thầy thuốc 2.1.2. Cách khám phụ khoa	2	2		

	2.2.1. Quan sát âm hộ, âm đạo 2.2.2. Khám bằng mỏ vịt 2.2.3. Kết hợp tay trong tay ngoài 2.2. Các bệnh phụ khoa thường gặp 2.2.1. Nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường tình dục 2.2.2. Rối loạn kinh nguyệt 2.2.3. Các khối u đường sinh dục				
19	Bài 18. Viêm âm hộ, viêm âm đạo 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 2.1. Viêm âm hộ âm đạo do nấm 2.2. Viêm âm hộ âm đạo do trùng roi 2.3. Viêm âm hộ âm đạo do tạp khuẩn 2.4. Viêm âm hộ âm đạo do nguyên nhân khác 3. Điều trị và phòng bệnh 3.1. Điều trị 3.2. Phòng bệnh	2	2		
20	Bài 19. Vô kinh, thống kinh, rong kinh 1. Vô kinh 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Điều trị 2. Thống kinh 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Điều trị 3. Rong kinh 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân	2	2		

	1.3. Điều trị				
21	Bài 20. Ung thư vú - Ung thư tử cung 1. Ung thư vú 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Xử trí 2. Ung thư niêm mạc tử cung 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Hướng điều trị 3. Ung thư cổ tử cung 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Hướng điều trị	2	2		
22	Bài 21. Vệ sinh phụ nữ ở các lứa tuổi, vệ sinh kinh nguyệt. 1. Giáo dục vệ sinh cho phụ nữ nói chung 1.1. Vệ sinh thân thể và bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày 1.2. Vệ sinh kinh nguyệt 1.3. Vệ sinh tình dục 2. Giáo dục vệ sinh phụ nữ cụ thể cho từng lứa tuổi 2.1. Tuổi vị thành niên 2.2. Phụ nữ tuổi sinh sản 2.3. Phụ nữ trong thời kỳ thai nghén 2.4. Phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ 2.5. Phụ nữ tuổi mãn kinh	2	2		
23	Bài 22. Đại cương về dân số học 1. Một số khái niệm về dân số học	3	2		1

	1.1. Dân số 1.2. Quy mô dân số 1.3. Cơ cấu dân số 1.4. Sự gia tăng dân số 1.5. Một số khái niệm khác 2. Tình hình dân số trên thế giới và Việt Nam 2.1. Tình hình dân số trên thế giới 2.2. Tình hình dân số Việt Nam 3. Ảnh hưởng của sự gia tăng dân số 3.1. Sức khỏe con người 3.2. Phát triển kinh tế 3.3. An ninh trật tự 3.4. Môi trường 3.5. Ảnh hưởng khác 4. Mục tiêu chiến lược của công tác dân số				
24	Bài 23. Các Biện pháp tránh thai 1. Các biện pháp tránh thai hiện đại 1.1. Bao cao su 1.2. Dụng cụ tránh thai trong tử cung 1.3. Thuốc tránh thai 1.4. Triệt sản 2. Các biện pháp tránh thai truyền thống 2.1. Tránh xa ngày phóng noãn 2.2. Xuất tinh ngoài âm đạo 2.3. Theo dõi dịch nhầy cổ tử cung 2.4. Cho bú vô kinh	8	4	4	
	Cộng	90	58	29	3

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu: Mục tiêu môn học sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nói được định nghĩa về sức khỏe sinh sản
- 1.2. Kể được 10 nội dung của sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình
- 1.3. Trình bày được 4 mục tiêu của sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa sức khỏe sinh sản
- 2.2. Nội dung của sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình
- 2.3. Mục tiêu của sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình
 - 2.3.1. Mục tiêu của kế hoạch hóa gia đình:
 - 2.3.2. Mục tiêu về tình dục và giới
 - 2.3.3. Mục tiêu về vị thành niên
 - 2.3.4. Mục tiêu về AIDS

Bài 1. Giải phẫu, sinh lý bộ phận sinh dục nữ

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được cấu tạo các thành phần của bộ phận sinh dục nữ.
- 1.2. Trình bày được hoạt động nội tiết có chu kỳ của buồng trứng và kinh nguyệt.

2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ
 - 2.1.1. Âm hộ
 - 2.1.2. Âm đạo
 - 2.1.2.1. Chức năng
 - 2.1.2.2. Cấu tạo
 - 2.1.3. Tầng sinh môn
 - 2.1.4. Tử cung
 - 2.1.4.1. Chức năng
 - 2.1.4.2. Hình thể và cấu trúc

- 2.1.4.3. Vị trí và liên quan
- 2.1.4.4. Các phương tiện giữ tử cung tại chỗ
- 2.1.5. Buồng trứng
 - 2.1.5.1. Chức năng
 - 2.1.5.2. Hình thể và vị trí
 - 2.1.5.3. Liên quan
- 2.1.6. Ống dẫn trứng (vòi trứng)
 - 2.1.6.1. Chức năng
 - 2.1.6.2. Hình thể và cấu trúc
- 2.2. Sinh lý sinh dục nữ
 - 2.2.1. Chu kỳ kinh nguyệt và hoạt động của buồng trứng
 - 2.2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng
 - 2.2.3- Các thay đổi khác trong chu kỳ kinh nguyệt

Bài 2. Cách khám thai, dấu hiệu chẩn đoán, chăm sóc và quản lý thai nghén

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Kể được mục đích khám thai và mô tả được 9 bước khám thai định kỳ.
- 1.2. Mô tả được các dấu hiệu chẩn đoán thai nghén , tính được tuổi thai và dự kiến được ngày sinh cho thai phụ.
- 1.3. Trình bày được cách chăm sóc và quản lý thai phụ trong thời gian mang thai

2. Nội dung

- 2.1. Mục đích của khám thai và cách khám thai định kỳ
 - 2.1.1. Mục đích của mỗi lần khám thai
 - 2.1.2. Các bước thực hành khám thai
- 2.2. Dấu hiệu chẩn đoán thai nghén
 - 2.2.1. Dấu hiệu chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi đầu
 - 2.2.2. Dấu hiệu chẩn đoán thai nghén sau 4 tháng rưỡi
- 2.3. Chăm sóc và quản lý thai phụ trong quá trình mang thai
 - 2.3.1. Nội dung chăm sóc
 - 2.3.2. Quản lý thai nghén

Bài 3. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai và cơ chế đẻ ngôi chỏm

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, các loại ngôi, thế, kiểu thế và độ lọt của ngôi
- 1.2. Trình bày được cách chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế và độ lọt của ngôi
- 1.3. Mô tả được cơ chế đẻ ngôi chỏm

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, các loại ngôi, thế, kiểu thế và độ lọt của ngôi thai
 - 2.1.1. Ngôi thai
 - 2.1.2. Thế và kiểu thế của thai
 - 2.1.3. Độ lọt của ngôi thai
- 2.2. Chẩn đoán các loại ngôi thai, thế và kiểu thế của thai trên lâm sàng
- 2.3. Cơ chế đẻ ngôi chỏm

Bài 4. Dấu hiệu chuyển dạ, theo dõi và chăm sóc sản phụ khi chuyển dạ

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được 3 giai đoạn và các dấu hiệu của chuyển dạ.
- 1.2. Nêu được các công việc theo dõi trong chuyển dạ.
- 1.3. Trình bày được các nội dung chăm sóc thai phụ khi chuyển dạ

2. Nội dung

- 2.1. Các giai đoạn và dấu hiệu của chuyển dạ
 - 2.1.1. Các giai đoạn của chuyển dạ
 - 2.1.2. Dấu hiệu chuyển dạ đẻ
- 2.2. Theo dõi thai phụ khi chuyển dạ
 - 2.2.1. Theo dõi các dấu hiệu sinh tồn
 - 2.2.2. Theo dõi cơn co tử cung
 - 2.2.3. Theo dõi tim thai
 - 2.2.4. Theo dõi sự xoá mở cổ tử cung
 - 2.2.5. Theo dõi ngôi và độ lọt của ngôi
 - 2.2.6. Theo dõi ối

2.3. Chăm sóc thai phụ khi chuyển dạ

2.3.1. Tinh thần

2.3.2. Ăn uống:

2.3.3. Vận động

2.3.4. Vệ sinh

Bài 5. Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được những hiện tượng sinh lý, theo dõi, chăm sóc và các biến cố thường gặp của bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ.

2. Trình bày được đặc điểm sơ sinh, các nguy cơ và chăm sóc sơ sinh sau đẻ

2. Nội dung

2.1. Chăm sóc bà mẹ sau đẻ

2.1.1. Những hiện tượng sinh lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ

2.1.2. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ thời kỳ sau đẻ

2.1.3. Các biến cố thường gặp của bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ

2.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh sau đẻ

2.2.1. Đặc điểm sơ sinh sau đẻ

2.2.2. Các nguy cơ thường gặp

2.2.3. Chăm sóc sơ sinh sau đẻ

Bài 6. Suy thai và cách hồi sức ngạt sơ sinh

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và xử trí suy thai.

2. Trình bày được định nghĩa , đánh giá ngạt, cách hồi sức ngạt và chăm sóc sơ sinh sau hồi sức ngạt

2. Nội dung

2.1. Suy thai

1.1. Định nghĩa:

1.2. Nguyên nhân

- 1.3. Triệu chứng
- 1.4. Xử trí
- 2.2. Ngạt sơ sinh
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Cách đánh giá ngạt bằng chỉ số Áp-ga
 - 2.2.3. Cách hồi sức ngạt sơ sinh
 - 2.2.4. Chăm sóc sơ sinh sau hồi sức ngạt

Bài 7. Đại cương về đẻ khó

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Kể được các nguyên nhân gây đẻ khó.
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán các nguyên nhân gây đẻ khó.
- 1.3. Trình bày được cách xử trí các nguyên nhân gây đẻ khó.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân đẻ khó
 - 2.1.1. Đẻ khó do khung xương chậu
 - 2.1.2. Đẻ khó do thai
 - 2.1.3. Đẻ khó do rối loạn cơ cơ tử cung
 - 2.1.4. Đẻ khó do phần phụ của thai
 - 2.1.5. Đẻ khó do phần mềm người mẹ:
 - 2.1.6. Đẻ khó do bệnh lý của người mẹ
- 2.2. Chẩn đoán các nguyên nhân gây đẻ khó
 - 2.2.1. Đẻ khó do khung xương chậu
 - 2.2.2. Đẻ khó do thai
 - 2.2.3. Đẻ khó do rối loạn cơ cơ tử cung
 - 2.2.4. Đẻ khó do phần phụ của thai
 - 2.2.5. Đẻ khó do phần mềm người mẹ
- 2.3. Xử trí
 - 2.3.1. Tại tuyến y tế cơ:
 - 2.3.2. Tại tuyến có phẫu thuật

Bài 8. Chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, phân loại, chẩn đoán và xử trí rách tầng sinh môn, rách âm hộ, rách âm đạo và rách cổ tử cung trong cuộc đẻ.
2. Nêu được các biện pháp đề phòng chấn thương đường sinh dục.

2. Nội dung

2.1. Rách tầng sinh môn

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Phân độ rách tầng sinh môn

2.1.3. Chẩn đoán rách tầng sinh môn

2.1.4. Xử trí rách tầng sinh môn

2.2. Rách âm hộ

2.2.1. Rách vùng tiền đình

2.2.2. Rách thành bên

2.3. Rách âm đạo

2.3.1. Nguyên nhân, phân loại

2.3.2. Chẩn đoán rách âm đạo

2.3.3. Xử trí rách âm đạo

2.4. Rách cổ tử cung

2.4.1. Nguyên nhân

2.4.2. Vị trí rách

2.4.3. Chẩn đoán rách cổ tử cung

2.4.4. Xử trí rách cổ tử cung

2.5. Đề phòng chấn thương đường sinh dục

2.5.1. Đề phòng rách tầng sinh môn

2.5.2. Đề phòng rách âm hộ

2.5.3. Đề phòng rách âm đạo

2.5.4. Đề phòng rách cổ tử cung

Bài 10. Sảy thai – thai chết lưu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và xử trí sảy thai
2. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và xử trí thai chết lưu

2. Nội dung

2.1. Sảy thai

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Xử trí

2.2. Thai chết lưu

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Xử trí

Bài 10. Chửa ngoài tử cung

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, phân loại và nguyên nhân chửa ngoài tử cung
- 1.2. Trình bày được triệu chứng chẩn đoán và xử trí chửa ngoài tử cung.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, phân loại, nguyên nhân chửa ngoài tử cung

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.1. Chửa ngoài tử cung chưa vỡ

2.2. Chửa ngoài tử cung vỡ

2.3. Thở huyết tụ thành nang

2.3. Chẩn đoán

- 2.3.1. Chẩn đoán xác định
- 2.3.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.4. Xử trí
- 2.2.1. Chữa ngoài tử cung chưa vỡ
- 2.2. Chữa ngoài tử cung vỡ
- 2.3. Thở huyết tụ thành nang

Bài 11. Rau tiền đạo

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, nguyên nhân, phân loại rau tiền đạo.
- 1.2. Mô tả được triệu chứng chẩn đoán rau tiền đạo.
- 1.3. Trình bày được thái độ xử trí rau tiền đạo.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân, phân loại
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Chẩn đoán rau tiền đạo
 - 2.2.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.2.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.3. Thái độ xử trí đối rau tiền đạo
 - 2.3.1. Rau tiền đạo chưa chuyển dạ
 - 2.3.2. Rau tiền đạo đang chuyển dạ

Bài 13. Dọa vỡ và vỡ tử cung

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của dọa vỡ và vỡ tử cung
- 1.2. Nêu được chẩn đoán dọa vỡ và vỡ tử cung

1.3. Trình bày được cách xử trí và dự phòng dọa vỡ và vỡ tử cung

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân, triệu chứng của dọa vỡ và vỡ tử cung

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.2. Chẩn đoán

2.2.1. Chẩn đoán xác định

2.2.2. Chẩn đoán phân biệt

2.3. Xử trí và dự phòng

2.3.1. Xử trí

2.4.2. Dự phòng

Bài 13. Hội chứng nôn nặng, tăng huyết áp, tiền sản giật và sản giật

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được triệu chứng của hội chứng tăng huyết áp , tiền sản giật và sản giật do thai nghén.

1.2. Kể được các bệnh lý phân biệt với tăng huyết áp, tiền sản giật và sản giật.

1.3. Nêu được cách xử trí, phòng bệnh tăng huyết áp, tiền sản giật và sản giật.

2. Nội dung

2.1. Tăng huyết áp, tiền sản giật và sản giật do thai nghén

2.1.1. Tăng huyết áp do thai nghén

2.1.2. Tiền sản giật (TSG)

2.1.3. Sản giật (SG):

2.2. Biểu chứng của tiền sản giật và sản giật

2.2.1. Cho mẹ:

2.2.2. Cho con

2.3. Chẩn đoán phân biệt

2.3. Xử trí

2.3.1. Với tăng huyết áp do thai nghén

2.3.2. Với tiền sản giật và sản giật

2.4. Phòng bệnh

Bài 14. Uốn ván rốn

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được triệu chứng uốn ván sơ sinh.

1.2. Trình bày được cách xử trí uốn ván sơ sinh.

1.3. Nêu được cách dự phòng uốn ván sơ sinh.

2. Nội dung

2.1. Triệu chứng lâm sàng:

2.2. Xử trí uốn ván sơ sinh

2.3. Dự phòng uốn ván sơ sinh

Bài 15. Nhiễm khuẩn sau đẻ

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được nguyên nhân gây nhiễm khuẩn sau đẻ

1.2. Trình bày được triệu chứng, xử trí và cách phòng nhiễm khuẩn sau đẻ

2. Nội dung

2. 1. Nguyên nhân

2.1.1. Tác nhân gây bệnh

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Yếu tố thuận lợi

2.2. Triệu chứng và xử trí

2.2.1. Viêm âm hộ, tầng sinh môn, âm đạo, cổ tử cung

2.2.2. Viêm tử cung

2.2.3. Viêm phần phụ

2.2.4. Viêm phúc mạc

2.2.5. Viêm tắc tĩnh mạch chi

2.2.6. Nhiễm khuẩn huyết

3. Phòng bệnh

Bài 16. Chảy máu trong thời kỳ sổ rau và sau đẻ

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, xử trí chảy máu trong thời kỳ sổ rau và sau đẻ.

1.2. Nêu cách dự phòng chảy máu trong thời kỳ sổ rau và sau đẻ.

2. Nội dung

2. 1. Sốt rau, sót màng

2. 1.1. Nguyên nhân

2. 1.2. Triệu chứng

2. 1.3. Xử trí

2. 2. Đờ tử cung

2. 2.1. Nguyên nhân

2. 2.2. Triệu chứng lâm sàng

2. 2.3. Thái độ xử trí

2. 3. Rau cài răng lược

2. 3.1. Định nghĩa và phân loại

2. 3.2. Chẩn đoán

2. 4. Lộn tử cung

2. 4.1. Nguyên nhân

2. 4.2. Triệu chứng

2. 4.3. Điều trị

2. 5. Các nguyên nhân chảy máu khác

2. 6. Dự phòng

Bài 17. Khám phụ khoa

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các công việc chuẩn bị và cách khám phụ khoa

1.2. Kể được các bệnh phụ khoa thường gặp

2. Nội dung

2.1. Khám phụ khoa

2.1.1. Chuẩn bị

2.1.1. Dụng cụ

2.1.2. Khách hàng

2.1.3. Thầy thuốc

2.1.2. Cách khám phụ khoa

2.2.1. Quan sát âm hộ, âm đạo

2.2.2. Khám bằng mỏ vịt

2.2.3. Kết hợp tay trong tay ngoài

2.2. Các bệnh phụ khoa thường gặp

2.2.1. Nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường tình dục

2.2.2. Rối loạn kinh nguyệt

2.2.3. Các khối u đường sinh dục

Bài 18. Viêm âm hộ, viêm âm đạo

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được nguyên nhân của viêm âm hộ, âm đạo

1.2. Mô tả được triệu chứng của viêm âm hộ, âm đạo

1.3. Trình bày được cách điều trị và phòng bệnh của viêm âm hộ, âm đạo

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.1. Tác nhân gây bệnh

2.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Viêm âm hộ âm đạo do nấm

2.2.2. Viêm âm hộ âm đạo do trùng roi

2.2.3. Viêm âm hộ âm đạo do tạp khuẩn

2.2.4. Viêm âm hộ âm đạo do nguyên nhân khác

2.3. Điều trị và phòng bệnh

2.3.1. Điều trị

2.3.2. Phòng bệnh

Bài 19. Vô kinh, thống kinh, rong kinh

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và điều trị vô kinh
- 1.2. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và điều trị thống kinh
- 1.3. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và điều trị rong kinh

2. Nội dung

2.1. Vô kinh

- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.1.3. Điều trị

2.2. Thống kinh

- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.1.3. Điều trị

2.3. Rong kinh

- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.1.3. Điều trị

Bài 20. Ung thư vú – ung thư tử cung

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và hướng điều trị ung thư vú
- 1.2. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và hướng điều trị ung thư niêm mạc tử cung
- 1.3. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và hướng điều trị ung thư cổ tử cung.

2. Nội dung

- 2.1. Ung thư vú
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Hướng điều trị
- 2.2. Ung thư niêm mạc tử cung
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Hướng điều trị
- 2.3. Ung thư cổ tử cung
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Hướng điều trị

Bài 21. Vệ sinh phụ nữ ở các lứa tuổi, vệ sinh kinh nguyệt

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Tư vấn giáo dục đầy đủ chế độ vệ sinh phụ nữ nói chung.
- 1.2. Tư vấn giáo dục đầy đủ chế độ vệ sinh phụ nữ cho từng lứa tuổi

2. Nội dung

- 2.1. Giáo dục vệ sinh cho phụ nữ nói chung
 - 2.1.1. Vệ sinh thân thể và bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày
 - 2.1.2. Vệ sinh kinh nguyệt
 - 2.1.3. Vệ sinh tình dục
- 2.2. Giáo dục vệ sinh phụ nữ cụ thể cho từng lứa tuổi
 - 2.2.1. Tuổi vị thành niên
 - 2.2.2. Phụ nữ tuổi sinh sản
 - 2.2.3. Phụ nữ trong thời kỳ thai nghén
 - 2.2.4. Phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ
 - 2.2.5. Phụ nữ tuổi mãn kinh

Bài 22. Đại cương về dân số học

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm về dân số học
- 1.2. Nói được tình hình dân số trên thế giới và Việt Nam
- 1.3. Trình bày được ảnh hưởng của sự gia tăng dân số và ở Việt Nam
- 1.4. Nói được mục tiêu chiến lược của công tác dân số

2. Nội dung

2. 1. Một số khái niệm về dân số học
 - 2.1.1. Dân số
 - 2.1.2. Quy mô dân số
 - 2.1.3. Cơ cấu dân số
 - 2.1.4. Sự gia tăng dân số
 - 2.1.5. Một số khái niệm khác
- 2.2. Tình hình dân số trên thế giới và Việt Nam
 - 2.2.1. Tình hình dân số trên thế giới
 - 2.2.2. Tình hình dân số Việt Nam
- 2.3. Ảnh hưởng của sự gia tăng dân số trên thế giới và ở Việt Nam
 - 2.3.1. Sức khỏe con người
 - 2.3.2. Phát triển kinh tế
 - 2.3.3. An ninh trật tự
 - 2.3.4. Môi trường
 - 2.3.5. Ảnh hưởng khác
- 2.4. Mục tiêu chiến lược của công tác dân số

Bài 23. Các biện pháp tránh thai

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được cơ chế, chỉ định, chống chỉ định, ưu điểm, nhược điểm, cách sử dụng và tác dụng phụ của các biện pháp tránh thai hiện đại.
- 1.2. Nêu được cơ chế, chỉ định, chống chỉ định, ưu điểm, nhược điểm, cách áp dụng của các biện pháp tránh thai truyền thống.

2. Nội dung

2.1. Các biện pháp tránh thai hiện đại

2.1.1. Bao cao su

2.1.2. Dụng cụ tránh thai trong tử cung

2.1.3. Thuốc tránh thai

2.1.4. Triệt sản

2. 2. Các biện pháp tránh thai truyền thống

2.2.1. Tránh xa ngày phóng noãn

2.2.2. Xuất tinh ngoài âm đạo

2.2.3. Theo dõi dịch nhầy cổ tử cung

2.2.4. Cho bú vô kinh

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn / nhà xưởng: Phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính xác tay.

3. Học liệu, học cụ: Giáo trình, bài giảng, ảnh tư liệu

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Khám, đánh giá và tiên lượng được một ca đẻ thường. Trên cơ sở có khả năng xác định được các nguy cơ sản khoa có thể xảy ra.

2. Chẩn đoán được các bệnh phụ khoa thông thường và lựa chọn phương pháp xử trí ban đầu tại cơ sở

3. Đánh giá được tình hình dân số tại địa phương, dân số Việt nam và dân số thế giới, tuyên truyền quần chúng nhân dân thực hiện mục tiêu chiến lược về công tác dân số ở Việt Nam.

- Kỹ năng: Tuyên truyền, vận động các cặp vợ chồng thực hiện áp dụng các biện pháp tránh thai có hiệu quả.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kiểm tra ý thức học tập và trong thực hành chuyên môn của học sinh.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 02 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết, trắc nghiệm 15 phút.

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết trắc nghiệm 45 phút/bài
- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.
- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sức khỏe sinh sản

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên
 - + Phát vấn
 - + Tổ chức thảo luận nhóm
 - + Nghiên cứu tình huống
- Đối với học sinh:
 - + Đọc tài liệu trước khi đến lớp
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện
 - + Luyện tập bài thực hành

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Học sinh phải:

- + Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết.
- + Tham dự 100% số giờ học thực hành.
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra, thi hết học phần

4. Tài liệu tham khảo:

1 - Giáo trình “Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình”. Giáo trình lưu hành nội bộ trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn.

2 - Bộ Y tế (2009), *Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản*. Hà Nội 2009

3 - Bộ Y tế (2014) "*Quy trình chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ , trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ* " (Ban hành kèm theo quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ Y tế)

4 - Đại học Y Hà Nội (2007) "*Bài giảng Sản phụ khoa*", Nhà xuất bản Y học Hà Nội

5 - Sản phụ khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội 2005

6 . Sức khỏe sinh sản. Nhà xuất bản Y học Hà Nội 2001

7. Tài liệu huấn luyện'*Hộ sinh trung học* Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 2005.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Sức khỏe trẻ em

Mã môn học: MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (lý thuyết: 57 giờ, kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học xong môn học Giải phẫu sinh lý, Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng, Bệnh nội khoa

- Tính chất: Môn học bắt buộc.

II. Mục tiêu môn học.

1- Về kiến thức:

Trình bày được những đặc điểm cơ bản về hình thể, chức năng các cơ quan, sinh lý của cơ thể trẻ qua các thời kì phát triển của trẻ.

Trình bày được nguyên nhân gây bệnh, yếu tố thuận lợi của một số bệnh thường gặp ở trẻ em qua các thời kỳ.

Mô tả được các triệu chứng, phát hiện và chẩn đoán bệnh và đưa ra được hướng điều trị, một số phương pháp phòng một số bệnh thông thường ở trẻ em.

2 - Về kỹ năng:

Khám phát hiện, xử trí được một số mặt bệnh thường gặp ở trẻ em.

Phát hiện ra được các dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ em để huyền tuyến trên.

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Vận dụng kiến thức và kỹ năng về sức khỏe trẻ em để tham gia các hoạt động bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại cộng đồng

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1. Đặc Điểm Giải phẫu sinh lý hệ Da, Cơ, Xương, Hô hấp, Tuần hoàn, Máu, Tiêu hóa, Tiết niệu và Hệ thần kinh. 1. Da trẻ em 1.1. Đặc điểm cấu tạo 1.2. Đặc điểm sinh lý 2. Hệ cơ trẻ em	4	4		

	3. Hệ xương trẻ em 3.1. Đặc điểm cấu tạo 3.2. Đặc điểm một số xương 4. Hệ hô hấp 4.1. Đặc điểm giải phẫu 4.2. Đặc điểm sinh lý 5. Đặc điểm tuần hoàn trẻ em 5.1. Vòng tuần hoàn nhau thai và sau đẻ 5.2. Tim 5.3. Mạch trẻ em 5.4. Huyết áp động mạch 6. Hệ tiêu hóa trẻ em 6.1. Miệng 6.2. Thực quản 6.3. Dạ dày 6.4. Ruột 6.5. Gan 6.6. Phân 7. Hệ tiết niệu 8. Hệ máu trẻ em. 8.1. Hồng cầu 8.2. Huyết sắc tố 8.3. Bạch cầu 8.3.1. Số lượng 8.3.2. Công thức bạch cầu 8.4. Tiểu cầu 9. Hệ thần kinh 9.1. Đặc điểm giải phẫu 9.2. Đặc điểm sinh lý				
2	Bài 2. Các thời kỳ tuổi trẻ 1. Thời kỳ phát triển trong tử cung 1.1. Giới hạn	3	3		

	1.2. Đặc điểm sinh lý 1.3. Đặc điểm bệnh lý 1.4. Phòng bệnh 2. Thời kì sơ sinh 2.1. Giới hạn 2.2. Đặc điểm sinh lý 2.3. Đặc điểm bệnh lý 2.4. Phòng bệnh 3. Thời kì bú mẹ 3.1. Giới hạn 3.2. Đặc điểm sinh lý 3.3. Đặc điểm bệnh lý 3.4. Phòng bệnh 4. Thời kì răng sữa 4.1. Giới hạn 4.2. Đặc điểm sinh lý 4.3. Đặc điểm bệnh lý 4.4. Phòng bệnh 5. Thời kì niên thiếu 5.1. Giới hạn 5.2. Đặc điểm sinh lý 5.3. Đặc điểm bệnh lý 5.4. Phòng bệnh 6. Thời kì dậy thì 6.1. Giới hạn 6.2. Đặc điểm sinh lý 6.3. Đặc điểm bệnh lý 6.4. Phòng bệnh				
3	Bài 3. Sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em 1. Sự phát triển thể chất trẻ em 1.1. Cân nặng	3	3		

	1.1.1. Trẻ mới đẻ đủ tháng 1.1.2. Trong năm đầu 1.1.3. Trẻ trên 1 tuổi 1.2. Chiều cao 1.2.1 .Trẻ mới đẻ đủ tháng 1.2.2. Trong năm đầu 1.2.3. Trẻ trên một tuổi 1.3. Vòng đầu 1.4 .Vòng ngực 1.5. Vòng cánh tay 1.6. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em 1.6.1. Những yếu tố bên trong cơ thể 1.6.2. Những yếu tố bên ngoài cơ thể 2. Sự phát triển tinh thần, vận động trẻ em. 2.1. Quá trình phát triển tinh thần , vận động trẻ em 2.2. Những điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển tinh thần vận động				
4	Bài 4. Chương trình tiêm chủng mở rộng 1. Một số định hướng phát triển công tác TCMR giai đoạn 2006 – 2010 và 2015 2. Mục đích của tiêm chủng 3. Lịch tiêm chủng do chương trình TCMR đề ra 3.1. Lịch tiêm chủng cho trẻ 3.2. Lịch tiêm chủng cho phụ nữ 4. Thực hiện tiêm chủng 4.1. Chuẩn bị cho một buổi tiêm chủng 4.2. Tiến hành tiêm chủng 5. Chống chỉ định tiêm chủng, tai biến và các phản ứng phụ có thể xảy ra sau tiêm chủng 5.1. Chống chỉ định tiêm chủng	4	4		

	5.2. Tai biến và các phản ứng phụ 6. Bảo quản Vacxin				
5	Bài 5. Nguyên tắc sử dụng thuốc cho trẻ em. 1. Đại cương 2. Ảnh hưởng của tuổi đến quá trình dược động học của thuốc 2.1. Hấp thụ 2.1.1. Đường uống 2.1.2. Tiêm bắp 2.1.3. Đường trực tràng 2.1.4. Qua da và niêm mạc 2.2. Sự phân bố thuốc 2.3. Chuyển hóa thuốc 2.4. Bài tiết thuốc qua thận 3. Ảnh hưởng của tuổi đến dược lực học của thuốc 4. Liều lượng thuốc cho trẻ 5. Một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ 5.1. Lựa chọn thuốc 5.2. Đường dùng thuốc 5.3. Kê đơn thuốc	2	2		
6	Bài 6. Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng và cách chăm sóc 1. Trẻ sơ sinh đủ tháng 1.1. Định nghĩa 1.2. Đặc điểm hình thể 1.3. Đặc điểm sinh lý 1.4. Chăm sóc 2. Trẻ sơ sinh thiếu tháng 2.1. Định nghĩa 2.2. Nguyên nhân 2.3. Đặc điểm hình thể	4	3		1

	2.4 .Đặc điểm sinh lý 2.5. Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng 2.5.1. Nguyên tắc 2.5.2. Chăm sóc cụ thể 2.5.3. Phòng bệnh				
7	Bài 7. Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh 1. Tóm tắt quá trình chuyển hóa của Bilirubin trong cơ thể 2. Hội chứng vàng da do tăng Bilirubin trực tiếp 2.1. Nguyên nhân tại đường mật 2.2. Bệnh về gan 3. Hội chứng vàng da do tăng bilirubin gián tiếp 3.1. Nguyên nhân 3.1.1. Do sản xuất quá nhiều 3.1.2. Do thiếu hoặc rối loạn chức phận các men kết hợp 3.2. Hậu quả của hội chứng vàng da tăng bilirubin gián tiếp 3.3. Điều trị hội chứng vàng da do tăng bilirubin gián tiếp 3.3.1 Ánh sáng liệu pháp 3.3.2 Thay máu	3	3		
8	Bài 8. Viêm miệng 1. Viêm miệng do nấm 1.1. Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi 1.2. Triệu chứng 1.3. Điều trị 2. Viêm miệng đỏ 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Điều trị 3. Viêm miệng có mụn rộp	1	1		

	3.1. Nguyên nhân 3.2. Triệu chứng 3.3. Điều trị 4. Viêm miệng hoại thư 4.1. Nguyên nhân 4.2. Triệu chứng 4.3. Điều trị				
9	Bài 9. Viêm rốn thường, uốn ván rốn 1. Viêm rốn thường 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng 1.4. Điều trị 1.5. Phòng bệnh 2. Uốn ván rốn 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán xác định 2.4. Điều trị 2.4.1. Chăm sóc 2.4.2. Dùng thuốc 2.4.3. Chống cơn ngừng thở 2.5. Phòng bệnh	2	2		
10	Bài 10. Sữa mẹ và nuôi con bằng sữa mẹ 1. Giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc cho con bú 1.1. Sữa mẹ có đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển cơ thể trẻ trong 6 tháng đầu 1.2. Sữa mẹ có tính kháng khuẩn, chống dị ứng 1.3. Thuận tiện, đỡ tốn kém 1.4. Tăng cường mối quan hệ tình cảm mẹ con	3	3		

	1.5. Bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và tạo điều kiện tốt cho việc thực hiện sinh đẻ có kế hoạch 2. Bảo vệ nguồn sữa mẹ 2.1 .Chăm sóc hai bầu vú 2.2. Đảm bảo dinh dưỡng 2.3. Chế độ lao động hợp lý, sinh hoạt điều độ, tinh thần thoải mái 2.4. Xây dựng cho bà mẹ có niềm tin đủ sữa nuôi con 2.5. Cho trẻ bú thường xuyên cả ngày lẫn đêm, tránh ứ đọng sữa 3. Cách cho con bú 3.1. Đảm bảo cho trẻ bú có hiệu quả 3.2 .Thời gian một bữa bú 4. Thời gian cai sữa cho trẻ				
11	Bài 11. Chế độ dinh dưỡng cho trẻ 1. Ăn bổ sung (ăn dặm, ăn sam) 1.1. Thức ăn bổ sung 1.2. Chế độ ăn của trẻ 1.3. Cách cho trẻ ăn 2. Chế độ ăn nhân tạo 2.1. Các loại sữa dùng cho trẻ ăn nhân tạo 2.1.1. Sữa bò 2.1.2. Sữa trâu và sữa dê 2.1.3. Sữa đậu nành 2.2. Cách cho trẻ dưới một tuổi ăn nhân tạo 2.2.1. Chế độ ăn 2.2.2. Kỹ thuật cho trẻ ăn	3	3		
12	Bài 12. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em 1. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng 1.1.Mục tiêu chương trình	3	2		1

	1.2. Các nội dung triển khai tại tuyến y tế cơ sở 2. Bệnh suy dinh dưỡng 2.1. Khái niệm 2.2. Tác hại 2.3. Nguyên nhân 2.3.1. Nuôi dưỡng kém 2.3.2. Nhiễm khuẩn 2.3.3. Yếu tố thuận lợi 2.4. Phân loại suy dinh dưỡng 2.4.1. Phân loại theo mức độ suy dinh dưỡng 2.4.2. Phân loại dựa vào hai chỉ tiêu cân nặng so với chiều cao và chiều cao so với tuổi 2.5. Triệu chứng lâm sàng 2.5.1. Suy dinh dưỡng độ I 2.5.2. Suy dinh dưỡng độ II 2.5.3. Suy dinh dưỡng độ III 2.6. Xét nghiệm 2.7. Điều trị 2.7.1. Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ và vừa 2.7.2. Trẻ suy dinh dưỡng nặng 2.8. Phòng bệnh				
13	Bài 13. Hội chứng nôn, trớ - táo bón 1. Hội chứng nôn trớ 1.1. Lâm sàng 1.2. Chẩn đoán nguyên nhân 1.2.1. Theo tuổi 1.2.2. Dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa 1.2. Nôn triệu chứng 1.2.4. Rối loạn thần kinh thực vật 1.3. Điều trị 2. Hội chứng táo bón	1	1		

	2.1. Lâm sàng 2.2. Chẩn đoán nguyên nhân 2.2.1. Do rối loạn chức năng đường tiêu hóa 2.2.. Do dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa 2.3 . Điều trị				
14	Bài 14 Chương trình phòng chống tiêu chảy trẻ em 1. Đại cương 2. Mục tiêu của chương trình 3. Nội dung triển khai tại y tế cơ sở 4. Bệnh tiêu chảy 4.1. Định nghĩa 4.2. Nguyên nhân 4.2.1. Do nhiễm khuẩn 4.2.2. Do chế độ ăn sai lầm về số lượng và chất lượng 4.2.3. Do biến chứng của một số bệnh 4.3. Sinh lý bệnh 4.3.1 .Sinh lý trao đổi nước bình thường ở ruột 4.3.2.Cơ chế tiêu chảy 4.4 .Tác hại của bệnh tiêu chảy 4.5 .Triệu chứng và phân loại 4.5.1. Triệu chứng chính 4.5.2. Phân loại tiêu chảy 5. Điều trị 5.1. Không mất nước 5.1.1. Nguyên tắc 1 5.1.2. Nguyên tắc 2 5.1.3. Nguyên tắc 3 5.1.4. Nguyên tắc 4 5.2. Có mất nước 5.3. Mất nước nặng	3	3		

	5.4. Chế độ dinh dưỡng đối với trẻ tiêu chảy kéo dài 5.5. Sử dụng thuốc 6. Phòng bệnh				
15	Bài 15. Bệnh giun ở trẻ em 1. Giun đũa 1.1. Triệu chứng 1.2. Chẩn đoán 1.3. Điều trị 2. Giun kim 2.1. Triệu chứng 2.2. Điều trị 3. Giun móc 3.1. Giai đoạn xâm nhập 3.2. Giai đoạn toàn phát 3.. Cận lâm sàng 3.4. Điều trị 4. Phòng bệnh	1	1		
16	Bài 16 .Viêm phế quản phổi 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Biến chứng 4. Chẩn đoán 5. Tiến triển 6. Điều trị 6.1. Nguyên tắc chung 6.2. Điều trị cụ thể 7. Phòng bệnh	2	2		
17	Bài 17 Chương trình phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 1. Chương trình phòng chống nh.iễm khuẩn	3	3		

	hô hấp cấp (ARI) 1.1. Đại cương 1.2. Mục tiêu của chương trình 1.3. Biện pháp thực hiện mục tiêu 1.4. Các nội dung hoạt động chính 2. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 2.1. Nguyên nhân 2.2 .Dấu hiệu chính và phân loại 2.2.1. Các dấu hiệu chính 2.2.2 .Phân loại NKHHCT theo mức độ nặng nhẹ 3. Xử trí: tùy theo phân loại 3.1. Trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi 3.1.1 .Bệnh rất nặng 3.1.2 .Viêm phổi nặng 3.1.3. Viêm phổi 3.1.4. Không viêm phổi, ho hoặc cảm lạnh 3.2 . Trẻ dưới 2 tháng 3.2.1. Bệnh rất nặng 3.2.2. Viêm phổi nặng 3.2.3. Không viêm phổi, ho hoặc cảm lạnh 3.3. Xử trí các vấn đề ở tai, họng 3.4. Thuốc dùng cho trẻ 4. Phòng bệnh				
18	Bài 18. Hội chứng xuất huyết 1. Cơ chế đông máu và cầm máu 1.1. Giai đoạn thành mạch 1.2. Giai đoạn tiêu cầu thực sự 1.3. Giai đoạn đông máu thực sự 1.4. Giai đoạn sau đông máu 2. Nguyên nhân 2.1. Do tổn thương thành mạch 2.2. Do nguyên nhân tiêu cầu	3	3		

	2.3. Do nguyên nhân huyết tương 2.4. Do nguyên nhân phối hợp 3. Ban xuất huyết dị ứng Schonlein – Henoch 4. Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch 5. Bệnh Hemophilia				
19	Bài 19. Viêm cầu thận cấp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Thời kì khởi phát 3.2. Thời kì toàn phát 3.2.1. Triệu chứng lâm sàng 3.2.2 . Xét nghiệm 4. Thể lâm sàng 4.1. Thể nhẹ hoặc tiềm tàng 4.2 .Thể tăng huyết áp 4.3. Thể đái máu 4.4. Thể vô niệu 5. Tiến triển và biến chứng 5.1. Tiến triển 5.2. Biến chứng 6. Chẩn đoán 6.1 Chẩn đoán xác định 6.2. Chẩn đoán phân biệt 7. Điều trị 7.1. Nghỉ ngơi 7.2 .Chế độ ăn uống 7.3 .Thuốc 7.4 .Điều trị các biến chứng 8. Phòng bệnh 8.1. Phòng mắc bệnh	3	3		

	8.2. Phòng tái phát				
20	Bài 20. Hội chứng thận hư tiên phát đơn thuần 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Thời kỳ khởi phát 3.2. Thời kỳ toàn phát 4. Xét nghiệm 5. Tiến triển và biến chứng 5.1. Tiến triển 5.2. Biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị	3	2		1
21	Bài 21. Nhiễm khuẩn tiết niệu 1.Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Do vi khuẩn 2.2. Điều kiện thuận lợi 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng lâm sàng 3.1.1. Nhiễm khuẩn tiết niệu có triệu chứng 3.1.2. Nhiễm khuẩn tiết niệu tiềm tàng hay vi khuẩn niệu không triệu chứng 3.2 .Triệu chứng xét nghiệm 3.2.1. Máu 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 5.1. Nếu kết quả cấy nước tiểu dương tính 5.2. Nếu xét nghiệm vi khuẩn niệu dương tính 5.3.Trường hợp vi khuẩn niệu không có triệu chứng	2	2		

22	Bài 22. Hội chứng co giật 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Tổn thương thực thể tại não và màng não 2.2. Rối loạn chức năng não 2.2.1. Co giật do sốt cao 2.2.2. Co giật do hạ calci máu 2.2.3. Co giật do hạ đường huyết 2.2.4. Co giật do tăng hoặc hạ Natri máu 2.2.5. Co giật do ngộ độc thức ăn, thuốc 2.2.6. Co giật do cơn tăng huyết áp 2.2.7. Co giật do thiếu vitamin B6 2.3. Bệnh động kinh 3. Hình thái lâm sàng 3.1. Thể đầy đủ 3.2. Thể không đầy đủ 3.3. Cơn vắng trí 3.4. Co giật nội tạng 4. Điều trị 4.1. Xử trí khi trẻ bị co giật 4.2. Điều trị sốt cao co giật đơn thuần 4.3. Điều trị sốt cao co giật phức hợp 4.4. Điều trị bệnh động kinh 4.5. Tùy theo nguyên nhân khác điều trị theo nguyên nhân	2	2		
23	Bài 23 Xuất huyết não - Màng não ở trẻ em 1. Nguyên nhân 1.1. Túi phồng động mạch 1.2. Dị dạng động tĩnh mạch 1.3. Các nguyên nhân khác 2. Xuất huyết phân theo lứa tuổi 2.1. Xuất huyết não – màng não ở trẻ 1 – 6	2	2		

tháng tuổi				
2.1.1. Nguyên nhân				
2.1.2. Vị trí xuất huyết				
2.1.3. Lâm sàng				
2.1.4. Chẩn đoán				
2.1.5. Điều trị				
2.1.6. Tiên lượng				
2.1.7. Dự phòng				
2.2 Xuất huyết não ở trẻ lớn				
2.2.1. Nguyên nhân				
2.2.2. Lâm sàng				
2.2.3 .Chẩn đoán				
2.2.4. Điều trị				
2.2.5. Tiên lượng				
Tổng	60	57		3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Đặc Điểm Giải phẫu sinh lý hệ Da, Cơ, Xương, Hô Hấp, Tuần hoàn, Máu, Tiêu hóa, Tiết niệu và Hệ thần kinh.

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu.

1. Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý các hệ da, cơ, xương, hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu, hệ máu và hệ thần kinh của trẻ em.

2. Vận dụng được những đặc điểm giải phẫu và đặc điểm sinh lý vào công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em.

2. Nội dung.

2.1. Da trẻ em

2.1.1. Đặc điểm cấu tạo

2.1.2. Đặc điểm sinh lý

2.2. Hệ cơ trẻ em

2.3. Hệ xương trẻ em

2.3.1. Đặc điểm cấu tạo

2.3.2. Đặc điểm một số xương

- 2.4. Hệ hô hấp
 - 2.4.1. Đặc điểm giải phẫu
 - 2.4.2. Đặc điểm sinh lý
- 2.5. Đặc điểm tuần hoàn trẻ em
 - 2.5.1. Vòng tuần hoàn nhau thai và sau đẻ
 - 2.5.2. Tim
 - 2.5.3. Mạch trẻ em
 - 2.5.4. Huyết áp động mạch
- 2.6. Hệ tiêu hóa trẻ em
 - 2.6.1. Miệng
 - 2.6.2. Thực quản
 - 2.6.3. Dạ dày
 - 2.6.4. Ruột
 - 2.6.5. Gan
 - 2.6.6. Phân
- 2.7. Hệ tiết niệu
- 2.8. Hệ máu trẻ em.
 - 2.8.1. Hồng cầu
 - 2.8.2. Huyết sắc tố
 - 2.8.3. Bạch cầu
 - 2.8.3.1. Số lượng
 - 2.8.3.2. Công thức bạch cầu
 - 2.8.4. Tiểu cầu
- 2.9. Hệ thần kinh
 - 2.9.1. Đặc điểm giải phẫu
 - 2.9.2. Đặc điểm sinh lý

Bài 2. Các thời kỳ tuổi trẻ

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu.

Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách phòng bệnh trẻ em qua 6 thời kỳ tuổi trẻ.

2. Nội dung.

2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung

2.1.1. Giới hạn

2.1.2. Đặc điểm sinh lý

2.1.3. Đặc điểm bệnh lý

2.1.4. Phòng bệnh

2.2. Thời kì sơ sinh

2.2.1. Giới hạn

2.2.2. Đặc điểm sinh lý

2.2.3. Đặc điểm bệnh lý

2.2.4. Phòng bệnh

2.3. Thời kì bú mẹ

2.3.1. Giới hạn

2.3.2. Đặc điểm sinh lý

2.3.3. Đặc điểm bệnh lý

2.3.4. Phòng bệnh

2.4. Thời kì răng sữa

2.4.1. Giới hạn

2.4.2. Đặc điểm sinh lý

2.4.3. Đặc điểm bệnh lý

2.4.4. Phòng bệnh

2.5. Thời kì niên thiếu

2.5.1. Giới hạn

2.5.2. Đặc điểm sinh lý

2.5.3. Đặc điểm bệnh lý

2.5.4. Phòng bệnh

2.6. Thời kì dậy thì

2.6.1. Giới hạn

2.6.2. Đặc điểm sinh lý

2.6.3. Đặc điểm bệnh lý

2.6.4. Phòng bệnh

Bài 3. Sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu.

1. Trình bày được các chỉ số đánh giá sự phát triển thể chất trẻ em.
2. Nêu được các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em.
3. Trình bày được đặc điểm sự phát triển tinh thần, vận động trẻ em theo từng lứa tuổi.
4. Kể được các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển tinh thần, vận động trẻ em.

2. Nội dung.

2.1. Sự phát triển thể chất trẻ em

2.1.1. Cân nặng

2.1.1.1. Trẻ mới đẻ đủ tháng

2.1.1.2. Trong năm đầu

2.1.1.3. Trẻ trên 1 tuổi

2.1.2. Chiều cao

2.1.2.1. Trẻ mới đẻ đủ tháng

2.1.2.2. Trong năm đầu

2.1.2.3. Trẻ trên một tuổi

2.1.3. Vòng đầu

2.1.4. Vòng ngực

2.1.5. Vòng cánh tay

2.1.6. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em

2.1.6.1. Những yếu tố bên trong cơ thể

2.1.6.2. Những yếu tố bên ngoài cơ thể

2.2. Sự phát triển tinh thần, vận động trẻ em.

2.2.1. Quá trình phát triển tinh thần , vận động trẻ em

2.2.2. Những điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển tinh thần vận động

Bài 4. Chương trình tiêm chủng mở rộng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được mục đích của tiêm chủng.
- 1.2. Trình bày được lịch tiêm chủng cho trẻ, cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ.
- 1.3. Trình bày được các bước chuẩn bị, tiến hành tiêm chủng, chống chỉ định tiêm chủng và các tai biến, phản ứng sau khi tiêm chủng.
- 1.4. Nêu được cách bảo quản vacxin.

2. Nội dung

- 2.1. Một số định hướng phát triển công tác TCMR giai đoạn 2006 – 2010 và 2015
- 2.2. Mục đích của tiêm chủng
- 2.3. Lịch tiêm chủng do chương trình TCMR đề ra
 - 2.3.1 Lịch tiêm chủng cho trẻ
 - 2.3.2 Lịch tiêm chủng cho phụ nữ
- 2.4. Thực hiện tiêm chủng
 - 2.4.1 Chuẩn bị cho một buổi tiêm chủng
 - 2.4.2. Tiến hành tiêm chủng
- 2.5. Chống chỉ định tiêm chủng, tai biến và các phản ứng phụ có thể xảy ra sau tiêm chủng
 - 2.5.1 Chống chỉ định tiêm chủng
 - 2.5.2 Tai biến và các phản ứng phụ
- 2.6. Bảo quản Vacxin

Bài 5. Nguyên tắc sử dụng thuốc cho trẻ em.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được ảnh hưởng của tuổi đến quá trình dược động học và dược lực học của thuốc.
2. Nêu được cách xác định liều lượng thuốc và một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ em.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Ảnh hưởng của tuổi đến quá trình dược động học của thuốc

2.2.1. Hấp thụ

2.2.1.1 Đường uống

2.2.1.2. Tiêm bắp

2.2.1.3. Đường trực tràng

2.2.1.4 .Qua da và niêm mạc

2.2.2. Sự phân bố thuốc

2.2.3.Chuyển hóa thuốc

2.2.4.Bài tiết thuốc qua thận

2.3. Ảnh hưởng của tuổi đến dược lực học của thuốc

2.4. Liều lượng thuốc cho trẻ

2.5. Một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ

2.5.1. Lựa chọn thuốc

2.5.2. Đường dùng thuốc

2.5.3. Kê đơn thuốc

Bài 6. Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng và cách chăm sóc

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được đặc điểm hình thể và một số đặc điểm sinh lý của trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng.

2. Nêu được cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng thiếu tháng.

2. Nội dung

2.1. Trẻ sơ sinh đủ tháng

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2 Đặc điểm hình thể

2.1.3. Đặc điểm sinh lý

2.1.4. Chăm sóc

2.2. Trẻ sơ sinh thiếu tháng

2.2.1. Định nghĩa

- 2.2.2. Nguyên nhân
- 2.2.3. Đặc điểm hình thể
- 2.2.4. Đặc điểm sinh lý
- 2.2.5. Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng
 - 2.2.5.1. Nguyên tắc
 - 2.2.5.2. Chăm sóc cụ thể
 - 2.2.5.3. Phòng bệnh

Bài 7. Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị hội chứng vàng da tăng bilirubin trực tiếp ở trẻ em.
2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, hậu quả, điều trị hội chứng vàng da tăng bilirubin gián tiếp ở trẻ em.

2. Nội dung

- 2.1. Tóm tắt quá trình chuyển hóa của Bilirubin trong cơ thể
- 2.2. Hội chứng vàng da do tăng Bilirubin trực tiếp
 - 2.2.1. Nguyên nhân tại đường mật
 - 2.2.2. Bệnh về gan
- 2.3. Hội chứng vàng da do tăng bilirubin gián tiếp
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.1.1. Do sản xuất quá nhiều
 - 2.3.1.2. Do thiếu hoặc rối loạn chức phận các men kết hợp
 - 2.3.2. Hậu quả của hội chứng vàng da tăng bilirubin gián tiếp
 - 2.3.3. Điều trị hội chứng vàng da do tăng bilirubin gián tiếp
 - 2.3.3.1. Ánh sáng liệu pháp
 - 2.3.3.2. Thay máu

Bài 8. Viêm miệng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, điều trị các bệnh viêm miệng ở trẻ em.

2. Nội dung

2.1. Viêm miệng do nấm

2.1.1. Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Điều trị

2.2. Viêm miệng đỏ

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Điều trị

2.3. Viêm miệng có mụn rộp

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Điều trị

2.4. Viêm miệng hoại thư

2.4.1. Nguyên nhân

2.4.2. Triệu chứng

2.4.3. Điều trị

Bài 9. Viêm rốn thường, uốn ván rốn

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, điều trị, phòng bệnh viêm rốn thường.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh uốn ván rốn.

2. Nội dung

2.1. Viêm rốn thường

2.1.2. Nguyên nhân

- 2.1.3. Triệu chứng
- 2.1.4. Điều trị
- 2.1.5. Phòng bệnh
- 2.2. Uốn ván rốn
 - 2.2.1 Nguyên nhân
 - 2.2.2 Triệu chứng
 - 2.2.3 Chẩn đoán xác định
 - 2.2.4 .Điều trị
 - 2.2.4.1.Chăm sóc
 - 2.2.4.2. Dùng thuốc
 - 2.2.4.3. Chống con ngừng thở
 - 2.2.5. Phòng bệnh

Bài 10. Sữa mẹ và nuôi con bằng sữa mẹ

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được các giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc cho con bú.
2. Trình bày được các biện pháp bảo vệ nguồn sữa mẹ, cách cho trẻ bú đúng

2. Nội dung

- 2.1. Giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc cho con bú
 - 2.1.1 Sữa mẹ có đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển cơ thể trẻ trong 6 tháng đầu
 - 2.1.2. Sữa mẹ có tính kháng khuẩn, chống dị ứng
 - 2.1.3 .Thuận tiện, đỡ tốn kém
 - 2.1.4 .Tăng cường mối quan hệ tình cảm mẹ con
 - 2.1.5 .Bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và tạo điều kiện tốt cho việc thực hiện sinh đẻ có kế hoạch
- 2.2. Bảo vệ nguồn sữa mẹ
 - 2.2.1 .Chăm sóc hai bầu vú
 - 2.2.2. Đảm bảo dinh dưỡng
 - 2.2.3. Chế độ lao động hợp lý, sinh hoạt điều độ, tinh thần thoải mái
 - 2.2.4. Xây dựng cho bà mẹ có niềm tin đủ sữa nuôi con
 - 2.2.5. Cho trẻ bú thường xuyên cả ngày lẫn đêm, tránh ứ đọng sữa

- 2.3. Cách cho con bú
 - 2.3.1. Đảm bảo cho trẻ bú có hiệu quả
 - 2.3.2. Thời gian một bữa bú
- 2.3. Thời gian cai sữa cho trẻ

Bài 11. Chế độ dinh dưỡng cho trẻ

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được chế độ ăn và cách cho trẻ ăn bổ sung.
- 2. Trình bày được các loại sữa và cách cho trẻ dưới một tuổi ăn nhân tạo.

2. Nội dung

- 2.1. Ăn bổ sung (ăn dặm, ăn sam)
 - 2.1.1. Thức ăn bổ sung
 - 2.1.2. Chế độ ăn của trẻ
 - 2.1.3. Cách cho trẻ ăn
- 2.2. Chế độ ăn nhân tạo
 - 2.2.1. Các loại sữa dùng cho trẻ ăn nhân tạo
 - 2.2.1.1. Sữa bò
 - 2.2.1.2. Sữa trâu và sữa dê
 - 2.2.1.3. Sữa đậu nành
 - 2.2.2. Cách cho trẻ dưới một tuổi ăn nhân tạo
 - 2.2.2.1. Chế độ ăn
 - 2.2.2.2. Kỹ thuật cho trẻ ăn

Bài 12. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được các mục tiêu và chiến lược triển khai chương trình phòng chống SDDTE tại tuyến y tế cơ sở.
- 1.2. Nêu được tác hại, nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây suy dinh dưỡng ở trẻ em.
- 1.3. Trình bày được cách phân loại và triệu chứng, điều trị suy dinh dưỡng của trẻ em.
- 1.4. Trình bày được các biện pháp phòng bệnh SDD trẻ em.

2. Nội dung.

2.1. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng

2.1.1. Mục tiêu chương trình

2.1.2. Các nội dung triển khai tại tuyến y tế cơ sở

2.2. Bệnh suy dinh dưỡng

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Tác hại

2.2.3. Nguyên nhân

2.2.3.1. Nuôi dưỡng kém

2.2.3.2. Nhiễm khuẩn

2.2.3.3. Yếu tố thuận lợi

2.2.4. Phân loại suy dinh dưỡng

2.2.4.1. Phân loại theo mức độ suy dinh dưỡng

2.2.4.2. Phân loại dựa vào hai chỉ tiêu cân nặng so với chiều cao và chiều cao so với tuổi

2.2.5. Triệu chứng lâm sàng

2.2.5.1. Suy dinh dưỡng độ I

2.2.5.2. Suy dinh dưỡng độ II

2.2.5.3. Suy dinh dưỡng độ III

2.2.6. Xét nghiệm

2.2.7. Điều trị

2.2.7.1. Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ và vừa

2.2.7.2. Trẻ suy dinh dưỡng nặng

2.2.8. Phòng bệnh

Bài 13. Hội chứng nôn, trớ - táo bón

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được định nghĩa nguyên nhân gây nôn trớ và táo bón ở trẻ em.

1.2. Trình bày được kế hoạch chăm sóc trẻ bị nôn trớ, táo bón.

2. Nội dung

2.1. Hội chứng nôn trớ

2.1.1. Lâm sàng

- 2.1.2. Chẩn đoán nguyên nhân
 - 2.1.2.1. Theo tuổi
 - 2.1.2.2. Dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa
 - 2.1.2.. Nôn triệu chứng
 - 2.1.2.4. Rối loạn thần kinh thực vật
- 2.1.3. Điều trị
- 2.2. Hội chứng táo bón
 - 2.2.1. Lâm sàng
 - 2.2.2. Chẩn đoán nguyên nhân
 - 2.2.2.1. Do rối loạn chức năng đường tiêu hóa
 - 2.2.2.. Do dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa
 - 2.2.3 . Điều trị

Bài 14. Chương trình phòng chống tiêu chảy trẻ em

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các mục tiêu và nội dung chính của chương trình CDD.
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ.
- 1.3. Trình bày triệu chứng của bệnh tiêu chảy và cách phân loại mất nước.
- 1.4. Trình bày được phác đồ điều trị tiêu chảy và các biện pháp phòng bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Mục tiêu của chương trình
- 2.3. Nội dung triển khai tại y tế cơ sở
- 2.4. Bệnh tiêu chảy
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Nguyên nhân
 - 2.4.2.1. Do nhiễm khuẩn
 - 2.4.2.2. Do chế độ ăn sai lầm về số lượng và chất lượng
 - 2.4.2.3. Do biến chứng của một số bệnh
 - 2.4.3. Sinh lý bệnh
 - 2.4.3.1 .Sinh lý trao đổi nước bình thường ở ruột

- 2.4.3.2. Cơ chế tiêu chảy
- 2.4.4. Tác hại của bệnh tiêu chảy
- 2.4.5. Triệu chứng và phân loại
 - 2.4.5.1. Triệu chứng chính
 - 2.4.5.2. Phân loại tiêu chảy
- 2.5. Điều trị
 - 2.5.1. Không mất nước
 - 2.5.1.1. Nguyên tắc 1
 - 2.5.1.2. Nguyên tắc 2
 - 2.5.1.3. Nguyên tắc 3
 - 2.5.1.4. Nguyên tắc 4
 - 2.5.2. Có mất nước
 - 2.5.3. Mất nước nặng
 - 2.5.4. Chế độ dinh dưỡng đối với trẻ tiêu chảy kéo dài
 - 2.5.5. Sử dụng thuốc
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 15. Bệnh giun ở trẻ em

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được triệu chứng của nhiễm giun ở trẻ em.
- 1.2. Trình bày được phác đồ điều trị và biện pháp phòng bệnh giun ở trẻ em.

2. Nội dung

- 2.1. Giun đũa
 - 2.1.1. Triệu chứng
 - 2.1.2. Chẩn đoán
 - 2.1.3. Điều trị
- 2.2. Giun kim
 - 2.2.1. Triệu chứng
 - 2.2.2. Điều trị
- 2.3. Giun móc
 - 2.3.1. Giai đoạn xâm nhập

2.3.2. Giai đoạn toàn phát

2.3.. Cận lâm sàng

2.3.4. Điều trị

2.4. Phòng bệnh

Bài 16 .Viêm phế quản phổi

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng viêm phế quản phổi.

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm phế quản phổi.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Lâm sàng

2.2.2. Cận lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Tiến triển

2.6. Điều trị

2.6.1. Nguyên tắc chung

2.6.2. Điều trị cụ thể

2.7. Phòng bệnh

Bài 17. Chương trình phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được mục tiêu, biện pháp thực hiện mục tiêu và các nội dung hoạt động chính của chương trình phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp (NKHHCT).

1.2. Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng, phân loại và cách xử trí NKHHCT ở trẻ em.

1.3. Nêu được các biện pháp phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Chương trình phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI)

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Mục tiêu của chương trình

2.1.3. Biện pháp thực hiện mục tiêu

2.1.4. Các nội dung hoạt động chính

2.2. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Dấu hiệu chính và phân loại

2.2.2.1. Các dấu hiệu chính

2.2.2.2. Phân loại NKHHCT theo mức độ nặng nhẹ

2.3. Xử trí: tùy theo phân loại

2.3.1. Trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi

2.3.1.1. Bệnh rất nặng

2.3.1.2. Viêm phổi nặng

2.3.1.3. Viêm phổi

2.3.1.4. Không viêm phổi, ho hoặc cảm lạnh

2.3.2. Trẻ dưới 2 tháng

2.3.2.1. Bệnh rất nặng

2.3.2.2. Viêm phổi nặng

2.3.2.3. Không viêm phổi, ho hoặc cảm lạnh

2.3.3. Xử trí các vấn đề ở tai, họng

2.3.4. Thuốc dùng cho trẻ

2.4. Phòng bệnh

Bài 18 Hội chứng xuất huyết

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được tóm tắt cơ chế đông máu và cầm máu.

1.2. Trình bày được nguyên nhân xuất huyết ở trẻ em.

1.3. Trình bày được triệu chứng, điều trị bệnh Schonlein – Henoch, xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch, bệnh Hemophilia.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ chế đông máu và cầm máu
 - 2.1.1 Giai đoạn thành mạch
 - 2.1.2 Giai đoạn tiêu cầu thực sự
 - 2.1.3 Giai đoạn đông máu thực sự
 - 2.1.4 Giai đoạn sau đông máu
- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1 Do tổn thương thành mạch
 - 2.2.2 Do nguyên nhân tiêu cầu
 - 2.2.3 Do nguyên nhân huyết tương
 - 2.2.4. Do nguyên nhân phối hợp
- 2.3. Ban xuất huyết dị ứng Schonlein – Henoch
- 2.4. Xuất huyết giảm tiêu cầu miễn dịch
- 2.5. Bệnh Hemophilia

Bài 19. Viêm cầu thận cấp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng, thể lâm sàng, tiến triển và biến chứng của bệnh VCTC.
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh VCTC.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Thời kì khởi phát
 - 2.3.2. Thời kì toàn phát
 - 2.3.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.2.2 . Xét nghiệm
- 2.4. Thể lâm sàng
 - 2.4.1. Thể nhẹ hoặc tiềm tàng
 - 2.4.2 .Thể tăng huyết áp
 - 2.4.3. Thể đái máu

- 2.4.4. Thể vô niệu
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
 - 2.5.1. Tiến triển
 - 2.5.2. Biến chứng
- 2.6. Chẩn đoán
 - 2.6.1 Chẩn đoán xác định
 - 2.6.2 Chẩn đoán phân biệt
- 2.7. Điều trị
 - 2.7.1. Nghỉ ngơi
 - 2.7.2 .Chế độ ăn uống
 - 2.7.3 .Thuốc
 - 2.7.4 .Điều trị các biến chứng
- 2.8. Phòng bệnh
 - 2.8.1. Phòng mắc bệnh
 - 2.8.2. Phòng tái phát

Bài 20. Hội chứng thận hư tiên phát đơn thuần

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của hội chứng thận hư tiên phát đơn thuần.
2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị hội chứng thận hư tiên phát đơn thuần.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Thời kỳ khởi phát
 - 2.3.2. Thời kỳ toàn phát
- 2.4. Xét nghiệm
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
 - 2.5.1. Tiến triển
 - 2.5.2. Biến chứng
- 2.6. Chẩn đoán
- 2.7. Điều trị

Bài 21. Nhiễm khuẩn tiết niệu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của nhiễm khuẩn tiết niệu.
2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị bệnh nhi nhiễm khuẩn tiết niệu

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Do vi khuẩn

2.2.2. Điều kiện thuận lợi

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1.1. Nhiễm khuẩn tiết niệu có triệu chứng

2.3.1.2. Nhiễm khuẩn tiết niệu tiềm tàng hay vi khuẩn niệu không triệu chứng

2.3.2. Triệu chứng xét nghiệm

2.3.2.1 Máu

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.5.1. Nếu kết quả cấy nước tiểu dương tính

2.5.2. Nếu xét nghiệm vi khuẩn niệu dương tính

2.5.3. Trường hợp vi khuẩn niệu không có triệu chứng

Bài 22. Hội chứng co giật

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Liệt kê được các nguyên nhân gây co giật ở trẻ em.
- 1.2. Trình bày được các thể lâm sàng của cơn giật.
- 1.3. Nêu được cách điều trị trẻ co giật.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Tổn thương thực thể tại não và màng não

- 2.2.2. Rối loạn chức năng não
 - 2.2.2.1. Co giật do sốt cao
 - 2.2.2.2. Co giật do hạ calci máu
 - 2.2.2.3. Co giật do hạ đường huyết
 - 2.2.2.4. Co giật do tăng hoặc hạ Natri máu
 - 2.2.2.5. Co giật do ngộ độc thức ăn, thuốc
 - 2.2.2.6. Co giật do cơn tăng huyết áp
 - 2.2.2.7. Co giật do thiếu vitamin B6
- 2.2.3. Bệnh động kinh
- 2.3. Hình thái lâm sàng
 - 2.3.1. Thể đầy đủ
 - 2.3.2. Thể không đầy đủ
 - 2.3.3. Cơn vắng trí
 - 2.3.4. Co giật nội tạng
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Xử trí khi trẻ bị co giật
 - 2.4.2. Điều trị sốt cao co giật đơn thuần
 - 2.4.3. Điều trị sốt cao co giật phức hợp
 - 2.4.4. Điều trị bệnh động kinh
 - 2.4.5. Tùy theo nguyên nhân khác điều trị theo nguyên nhân

Bài 23. Xuất huyết não - Màng não ở trẻ em

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được nguyên nhân gây xuất huyết não, màng não ở trẻ em.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị xuất huyết não, màng não trẻ em theo từng nhóm tuổi.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Túi phồng động mạch
 - 2.1.2. Dị dạng động tĩnh mạch
 - 2.1.3. Các nguyên nhân khác
- 2.2. Xuất huyết phân theo lứa tuổi

2.2.1. Xuất huyết não – màng não ở trẻ 1 – 6 tháng tuổi

2.2.1.1. Nguyên nhân

2.2.1.2. Vị trí xuất huyết

2.2.1.3. Lâm sàng

2.2.1.4. Chẩn đoán

2.2.1.5. Điều trị

2.2.1.6. Tiên lượng

2.2.1.7. Dự phòng

2.2.2 Xuất huyết não ở trẻ lớn

2.2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2.2. Lâm sàng

2.2.2.3. Chẩn đoán

2.2.2.4. Điều trị

2.2.2.5. Tiên lượng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: Phòng học
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính xác tay.
3. Học liệu, học cụ: Giáo trình, bài giảng, ảnh tư liệu

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

-Về kiến thức:

Trình bày được những đặc điểm cơ bản về hình thể, chức năng các cơ quan, sinh lý của cơ thể trẻ qua các thời kì phát triển của trẻ.

Trình bày được nguyên nhân gây bệnh, yếu tố thuận lợi của một số bệnh thường gặp ở trẻ em qua các thời kỳ.

Mô tả được các triệu chứng, phát hiện và chẩn đoán bệnh và đưa ra được hướng điều trị, một số phương pháp phòng một số bệnh thông thường ở trẻ em.

- Về kỹ năng:

Khám phát hiện được một số mặt bệnh thường gặp ở trẻ em.

Phát hiện ra được các dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ em.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Vận dụng kiến thức và kỹ năng về sức khỏe trẻ em để tham gia các hoạt động bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại cộng đồng

2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm, kiểm tra viết trắc nghiệm 15 phút
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm, kiểm tra viết trắc nghiệm 45 phút/bài
- Thi kết thúc học phần: 1 điểm. Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.
- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp ngành Y sỹ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học
- Đối với người học
 - + Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết
 - + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

3. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Công Khanh (2001), *Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ môn Nhi - Trường Đại học Y khoa Hà Nội (2009), *Bài giảng Nhi khoa tập I, II*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Bộ Môn Sức Khỏe Sinh Sản - Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn (2013), *Giáo trình Sức khỏe trẻ em*, lưu hành nội bộ.

[4] Bộ y tế (2009), *Tài liệu hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em (Ban hành kèm theo Quyết định số 4121/QĐ-BYT ngày 28/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh truyền nhiễm – xã hội

Mã môn học: MH 18

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất, môn học:

- Vị trí: Sau khi học xong môn học: Bệnh Nội khoa, thực tập lâm sàng bệnh nội khoa, bệnh ngoại khoa, thực tập lâm sàng bệnh ngoại khoa, Sức khỏe sinh sản, thực tập lâm sàng sản - phụ khoa, sức khỏe trẻ em, thực tập nhi khoa

- Tính chất: Môn học bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1- Về kiến thức:

Giải thích được quá trình nhiễm khuẩn, các đặc điểm của bệnh truyền nhiễm, quá trình dịch, cách điều tra bao vây và dập tắt dịch

Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và cách đề phòng các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp.

2- Về kỹ năng:

Vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Quản lý, theo dõi, chăm sóc được những người mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội tại cơ sở y tế, tại nhà.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

ST T	Tên chương, mục, tên bài học	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Quá trình nhiễm khuẩn, tính chất và phân loại bệnh truyền nhiễm 1. Quá trình nhiễm khuẩn 1.1. Định nghĩa 1.2. Mối liên quan giữa mầm bệnh và vật chủ 2. Tính chất bệnh truyền nhiễm 2.1. Tính đặc hiệu	2	2		

	2.2. Tính lây truyền 2.3. Tính chu kỳ 2.3.1. Thời kỳ ủ bệnh (nung bệnh) 2.3.2. Thời kỳ khởi phát. 2.3.3. Thời kỳ toàn phát. 2.3.4. Thời kỳ lui bệnh. 2.4. Tính phát sinh miễn dịch đặc hiệu 3. Phân loại bệnh truyền nhiễm. 3.1. Nhóm bệnh truyền theo đường hô hấp. 3.2. Nhóm bệnh truyền theo đường tiêu hoá 3.3. Nhóm bệnh truyền qua đường máu 3.4. Nhóm bệnh truyền theo đường da và niêm mạc				
2	Bài 2: Quá trình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh 1. Quá trình dịch 1.1. Khái niệm. 1.2. Nguồn truyền nhiễm 1.2.1. Người ốm (người bệnh) 1.2.2. Người lành mang mầm bệnh 1.2.3. Súc vật 1.3. Các yếu tố truyền nhiễm 2. Các biện pháp điều tra bao vây dập tắt ổ dịch 2.1. Các hình thái và mức độ dịch 2.2. Phương pháp, kỹ thuật điều tra khi có dịch 2.2.1. Điều tra dịch 2.2.2. Các yêu cầu điều tra một vụ dịch: 10 yêu cầu 2.3. Các biện pháp xử lý ổ dịch 2.3.1. Biện pháp đối với người bệnh 2.3.2. Người lành mang mầm bệnh,	2	2		

	2.3.3. Người tiếp xúc với nguồn bệnh. 2.3.4. Nguồn lây là súc vật. 2.3.5. Ngoại cảnh. 2.3.6. Bảo vệ khỏi cảm thụ				
3	Bài 3: Cách ly và điều trị toàn diện người bệnh truyền nhiễm tại nhà và tại trạm y tế xã phường 1. Các nguyên tắc chăm sóc người bệnh truyền nhiễm 1.1. Khai báo, cách ly 1.1.1. Khai báo 1.1.2. Cách ly 1.2. Biện pháp dự phòng, bắt buộc với nhân viên y tế khi chăm sóc 1.2.1. Trong giờ làm việc 1.2.2. Trong giờ nghỉ ngơi 1.3. Tẩy uế 1.3.1. Tẩy uế đề phòng 1.3.2. Tẩy uế tức khắc 1.3.3. Tẩy uế cuối cùng: 2. Điều trị người bệnh truyền nhiễm	2	2		
4	Bài 4: Bệnh thương hàn 1. Đại cương 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khỏi cảm thụ 2. Triệu chứng 2.1. Thời kỳ ủ bệnh: 2.2. Thời kỳ khởi phát 2.3. Thời kỳ toàn phát 2.4. Thời kỳ lui bệnh	2	2		

	3. Biến chứng 3.1. Các biến chứng tiêu hoá 3.1.1. Xuất huyết tiêu hóa: 3.1.2. Thủng ruột 3.1.3. Viêm miệng lợi 3.1.4. Thương hàn đại tràng 3.2. Các biến chứng gan mật 3.3. Các biến chứng tim mạch 3.4. Các biến chứng hệ thần kinh 3.5. Các biến chứng khác 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt. 5. Điều trị 5.1. Kháng sinh: 5.2. Điều trị triệu chứng 5.4. Chế độ ăn 5.4. Điều trị các biến chứng 6. Phòng bệnh				
5	Bài 5: Bệnh tả 1. Định nghĩa – dịch tễ 1.1. Định nghĩa 1.2. Đặc điểm dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ 2. Triệu chứng 2.1. Thời kỳ ủ bệnh: 2.2. Thời kỳ khởi phát 2.3. Thời kỳ toàn phát 2.4. Thời kỳ lui bệnh 3. Các thể lâm sàng	2	2		

	3.1. Thể nhẹ 3.2. Thể tối cấp 3.3. Thể tả khô 3.4. Thể xuất huyết 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt. 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc: 5.2. Điều trị cụ thể 5.3. Phân loại điều trị 5.4. Tiêu chuẩn ra viện 6. Phòng bệnh				
6	Bài 6. Bệnh lý trực khuẩn và lý amibe 1. Lý trực khuẩn 1.1. Đại cương– dịch tễ 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Đặc điểm dịch tễ 1.2. Triệu chứng 1.2 .1. Thời kỳ ủ bệnh: 1.2 .2. Thời kỳ khởi phát 1.2.3. Thời kỳ toàn phát 1.2. 4. Thời kỳ lui bệnh 1.3. Biến chứng 1.3.1. Biến chứng sớm 1.3.2. Biến chứng muộn 1.4. Chẩn đoán 1.4.1. Chẩn đoán xác định 1.4.2. Chẩn đoán phân biệt. 1,5. Điều trị 1.5.1. Bù nước và điện giải 1.5.2. Kháng sinh	2	2		

	1.5.3. Điều trị triệu chứng 1.6. Phòng bệnh 2. Lỵ amib 2.1. Định nghĩa 2.2. Đặc điểm dịch tễ 2.3. Triệu chứng 2.3.1. Lỵ amibe cấp 2.3.1. Lỵ amibe cấp 2.3.2. Lỵ amibe mạn 2.4. Các thể lâm sàng 2.5. Biến chứng 2.5.1. Thủng ruột 2.5.2. Xuất huyết tiêu hóa: 2.5.3. Lòng ruột 2.5.4. Viêm ruột thừa do amibe 2.6. Chẩn đoán 2.6.1. Chẩn đoán xác định 2.6.2. Chẩn đoán phân biệt. 2.7. Điều trị 2.7.1. Nguyên tắc 2.7.2. Điều trị cụ thể 2.7.3. Điều trị triệu chứng 2.8. Phòng bệnh				
7	Bài 7: Nhiễm khuẩn và nhiễm độc thức ăn do Salmonella và tụ cầu 1. Đại cương 2. Nhiễm khuẩn nhiễm độc thức ăn do Salmonella 2.1. Nguyên nhân 2.2. Dịch tễ 2.2.1. Nguồn bệnh 2.2.2. Đường lây 2.2.3. Khỏi cảm thụ	2	2		

	2. 3. Triệu chứng 2.3.1. Thời kỳ nung bệnh: 2.3.2. Thể bệnh khác nhau 2.3.3. Tiến triển: 2.4. Biến chứng 2.5. Chẩn đoán 2.5.1. Chẩn đoán xác định 2.5.2.. Chẩn đoán phân biệt 2.6. Điều trị 2.6.1. Nguyên tắc 2.6.2. Điều trị nguyên nhân 2.7. Phòng bệnh 3. Nhiễm độc do thức ăn có ngoại độc tố tụ cầu 3.1. Dịch tễ 3.1.1. Nguồn bệnh 3.1.2. Đường lây 3.1.3. Khó khăn cảm thụ 3.2. Triệu chứng 3.2.1. Thời kỳ nung bệnh: 3.2.2. Thời kỳ khởi phát: 3.2.3. Thời kỳ toàn phát 3.3. Xét nghiệm 3.4. Chẩn đoán 3.4.1. Chẩn đoán xác định 3.4.2. Chẩn đoán phân biệt 3.5. Điều trị 3.6. Phòng bệnh				
8	Bài 8: Bệnh viêm gan do virus 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ	2	2		

	1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ 2. Triệu chứng 2.1. Thời kỳ ủ bệnh 2.2. Thời kỳ khởi phát(tiền vàng da) 2.3. Thời kỳ toàn phát 2.4. Thời kỳ lui bệnh 3. Các thể lâm sàng 3.1. Thể không vàng da và niêm mạc 3.2. Thể vàng da kéo dài 3.3. Thể teo gan vàng cấp 3.4. Thể viêm gan mạn 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị: 5.1. Chế độ nghỉ ngơi 5.2. Chế độ ăn uống 5.3. Thể thông thường 5.4. Thể nặng 5.5. Thể mãn tính 6. Phòng bệnh				
9	Bài 9: Bệnh sốt bại liệt 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ 2. Triệu chứng 2.1. Sốt bại liệt thể tủy sống	2	1		1

	2.2. Thê hành tủy 2.3. Thê tủy sống – hành tủy 3. Biến chứng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị: 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Thời kỳ khởi phát 5.3. Thời kỳ liệt 5.4. Thời kỳ phục hồi di chứng 6. Phòng bệnh				
10	Bài 10: Bệnh cúm 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ 2. Triệu chứng 2.1. Bệnh cúm thông thường 2.1.1. Thời kỳ ủ bệnh 2.1.2. Thời kỳ khởi phát) 2.1.3. Thời kỳ toàn phát 2.1.4. Thời kỳ lui bệnh 2.2. Bệnh cúm nặng 2.2.1. Thê ác tính 2.2.2. Thê ngạt 3. Biến chứng 3.1. Biến chứng vùng tai, mũi, họng 3.2. Biến chứng đường hô hấp 3.3. Viêm màng não mủ	2	2		

	3.4. Nhiễm trùng huyết 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị: 6. Phòng bệnh				
11	Bài 11: Bệnh sởi và Rubella 1. Bệnh sởi 1.1. Đại cương 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ: 1. 3. Triệu chứng. 1. 3. 1. Thời kỳ ủ bệnh: 1.3.2. Thời kỳ khởi phát: 1.3. 3. Thời kỳ toàn phát: 1.3.4. Thời kỳ lui bệnh 1. 4 Biến chứng: 1.4.1. Đường hô hấp 1.4.2 Biến chứng thần kinh 1.4. 3. Biến chứng tiêu hoá 1.4.4. Biến chứng ở mắt 1.5. Chẩn đoán. 1.5.1. Chẩn đoán xác định 1.5.2. Chẩn đoán phân biệt 1.6. Điều trị 1. 7. Phòng bệnh 2. Bệnh Rubella 2.1. Dịch tễ học 2.1.1. Nguồn bệnh 2.1.2. Đường truyền nhiễm	2	2		

	2.1.3. Khối cảm thụ: 2.2. Triệu chứng. 2.2. 1. Thời kỳ ủ bệnh: 2.2.2. Thời kỳ khởi phát: 2.2. 3. Thời kỳ toàn phát: 2.2.4. Thời kỳ lui bệnh 2.3. Biến chứng: 2.4. Chẩn đoán 2.4.1. Chẩn đoán xác định 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh				
12	Bài 12: Bệnh thủy đậu 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khối cảm thụ: 2. Triệu chứng. 2. 1. Thời kỳ ủ bệnh: 2.2. Thời kỳ khởi phát: 2. 3. Thời kỳ toàn phát 2.4. Thời kỳ lui bệnh 3. Biến chứng: 3.1. Bội nhiễm da 3.2. Viêm phổi do bội nhiễm 3.3. Viêm não 3.4. Hội chứng Reye 3.5. Dị tật bẩm sinh 3.6. Viêm gan 4. Chẩn đoán.	2	2		

	4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 6. Phòng bệnh				
13	Bài 13: Bệnh Quai bị 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ: 2. Triệu chứng. 2.1. Viêm tuyến nước bọt mang tai 2.1.1. Thời kỳ nung bệnh: 2.1.2. Thời kỳ khởi phát 2.1. 3. Thời kỳ toàn phát: 2.1.4. Thời kỳ lui bệnh 2.2. Các biểu hiện ngoài tuyến mang tai. 2.2.1. Viêm tinh hoàn: 2.2.2. Tổn thương thần kinh: 2.2.3. Viêm tụy cấp 2.2.4. Biểu hiện ở các cơ quan khác: 3. Chẩn đoán. 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 4.1. Viêm tuyến nước bọt: 4.2. Viêm tinh hoàn: 4.3. Viêm não-màng não 4.4. Viêm tụy: 5. Phòng bệnh 5.1. Tạo miễn dịch chủ động:	2	2		

	5.2. Tạo miễn dịch thụ động.				
14	Bài 14: Bệnh Bạch hầu 1. Đại cương 2. Dịch tễ 2.1. Nguồn bệnh 2.2. Đường truyền nhiễm 2.3. Khởi cảm thụ: 3. Triệu chứng. 3.1. Bạch hầu họng 3.1. 1. Thời kỳ ủ bệnh: 3.1.2. Thời kỳ khởi phát: 3.1. 3. Thời kỳ toàn phát: 3.1.4. Diễn biến 3.2. Bạch hầu ác tính 3.2.1. Thời kỳ khởi phát 3.2.2. Thời kỳ toàn phát 3.2.3. Diễn biến 3.3. Bạch hầu thanh quản 3.3.1. Giai đoạn khàn tiếng 3.3.2. Giai đoạn khó thở 3.3.3. Giai đoạn ngạt thở 4. Biến chứng: 4.1. Tim mạch 4.2. Thần kinh 4.3. Các biến chứng khác 5. Chẩn đoán. 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 6.1. Nguyên tắc 6.2. Điều trị cụ thể 6.3. Điều trị hỗ trợ	2	2		

	7. Phòng bệnh				
15	Bài 15: Bệnh ho gà 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ: 2. Triệu chứng. 2.1. Thời kỳ ủ bệnh: 2.2. Thời kỳ khởi phát: 2.3. Thời kỳ toàn phát: 2.4. Thời kỳ lui bệnh 3. Biến chứng: 3.1. Hô hấp 3.2. Thần kinh 3.3. Biến chứng cơ học 4. Chẩn đoán. 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Kháng sinh 5.2. Huyết thanh 5.3. Điều trị triệu chứng và dinh dưỡng 6. Phòng bệnh	2	2		
16	Bài 16: Bệnh viêm màng não mủ thành dịch 1. Đại cương 2. Dịch tễ 2.1. Nguồn bệnh 2.2. Đường truyền nhiễm 2.3. Khởi cảm thụ: 3. Triệu chứng.	2	2		

	3.1. Thể viêm mũi họng 3.2. Thể viêm màng não điển hình 3.2. 1. Thời kỳ ủ bệnh: 3.2.2. Thời kỳ khởi phát: 3.2.3. Thời kỳ toàn phát: 3.2.4. Thời kỳ lui bệnh 4. Biến chứng: 4.1. Giác quan 4.2. Thần kinh – tinh thần 5. Chẩn đoán. 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 6.1. Kháng sinh 6.2. Điều trị triệu chứng 6.3. Chế độ chăm sóc 7. Phòng bệnh				
17	Bài 17. Bệnh sốt Dengue xuất huyết 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khởi cảm thụ: 2. Triệu chứng. 2.1. Sốt Dengue 2.1.1. Thời kỳ nung bệnh: 2.1.2. Thời kỳ khởi phát: 2.1.3. Thời kỳ toàn phát 2.2. Sốt xuất huyết Dengue 2.2.1. Lâm sàng sốt xuất huyết Dengue không Shock:	3	2		1

	2.2.2. Sốt xuất huyết Dengue có Shock. 2.2.3. Tiến triển: 3. Chẩn đoán sốt xuất huyết dengue 3.1. Chẩn đoán lâm sàng: 3.2. Cận lâm sàng: 3.3. Phân độ lâm sàng: 3.4. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 4.1. Điều trị bệnh sốt Dengue và SXH. Dengue không Shock (độ 1, 2) 4.2. Dengue xuất huyết có shock 5. Phòng bệnh 5.1. Quản lý môi trường: 5.2. Bảo vệ cá nhân 5.3. Phòng chống bằng biện pháp sinh học 5.4. Biện pháp sử dụng hoá chất				
18	Bài 18: Bệnh viêm não Nhật Bản B 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.2.1. Nguồn bệnh 1.2.2. Đường truyền nhiễm 1.2.3. Khó khăn cảm thụ: 2. Triệu chứng. 2.1. Thời kỳ nung bệnh: 2.2. Thời kỳ khởi phát: 2.3. Thời kỳ toàn phát 2.4. Diễn biến 2.4.1. Tối cấp 2.4.2. Cấp: 3. Biến chứng và di chứng muộn 4. Chẩn đoán	2	2		

	4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 6. Phòng bệnh 6.1. Giám sát vật chủ trung gian 6.2. Tiêm phòng bằng vacxin				
19	Bài 19: Bệnh uốn ván 1. Đại cương 2. Dịch tễ 2.1. Nguồn bệnh 2.2. Đường truyền nhiễm 2.3. Khởi cảm thụ: 3. Triệu chứng. 3.1. Thời kỳ nung bệnh: 3.2. Thời kỳ khởi phát: 3.3. Thời kỳ toàn phát 3.4. Thời kỳ lui bệnh 4. Biến chứng 4.1. Hô hấp 4.2. Tim mạch 4.3. Tiêu hoá: 4.4. Biến chứng bội nhiễm 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 6.1. Các thuốc điều trị: 6.2. Chăm sóc và điều trị triệu chứng 7. Phòng bệnh 7.1. Phòng bệnh chủ động: 7.2. Phòng bệnh thụ động sau khi bị thương:	2	2		
20	Bài 20: Bệnh dại	2	2		

	1. Đại cương 2. Dịch tễ 2.1. Nguồn bệnh 2.2. Đường truyền nhiễm 2.3. Khởi cảm thụ: 3. Triệu chứng. 3.1. Thời kỳ nung bệnh: 3.2. Thời kỳ khởi phát: 3.3. Thời kỳ toàn phát 3.4. Thời kỳ lui bệnh 4. Biến chứng thần kinh sau tiêm phòng dại 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 6.1. Điều trị tại chỗ vết thương sau khi bị xúc vật cắn 6.2. Điều trị huyết thanh kháng dại(Serum anti rabies) 6.3. Tiêm vacxin 6.4. Điều trị bệnh nhân khi đã lên cơn dại 7. Phòng bệnh				
21	Bài 21: Bệnh Letospira 1. Đại cương 2. Dịch tễ 2.1. Nguồn bệnh 2.2. Đường truyền nhiễm 2.3. Khởi cảm thụ: 3. Triệu chứng. 3.1. Thời kỳ nung bệnh: 3.2. Thời kỳ khởi phát: 3.3. Thời kỳ toàn phát 3.4. Thời kỳ lui bệnh	2	2		

	4. Biện chứng 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 6.1. Điều trị đặc hiệu 6.2. Điều trị hỗ trợ 7. Phòng bệnh				
22	Bài 22: Bệnh AIDS 1. Tình hình nhiễm HIV trên thế giới và Việt Nam. Lạng Sơn 1.1. Trên thế giới 1.2. Ở Việt Nam. 1.3. Ở Lạng sơn 2. Định nghĩa 3. Dịch tễ 3.1. Nguồn bệnh. 3.2. Đường lây. 3.2.1. Lây truyền theo đường tình dục. 3.2.2. Lây truyền qua đường máu 3.2.3. Lây truyền từ mẹ sang con. 3.2.4. Những phương thức không lây. 4. Phân giai đoạn theo lâm sàng 4.1. Giai đoạn nhiễm HIV cấp 4.2. Giai đoạn nhiễm trùng không triệu chứng. Kéo dài 2 đến 8 năm hoặc lâu hơn. 4. 3. Giai đoạn biểu hiện lâm sàng. 5. Phân giai đoạn theo miễn dịch 6. Chẩn đoán. 6.1. Chẩn đoán người bị nhiễm HIV 6.2. Chẩn đoán giai đoạn AIDS 7. Điều trị. 7.1. Điều trị chống Virus HIV:	4	4		

	7.1.1. Các nhóm thuốc ARV được sử dụng tại Việt Nam 7.1.2. Tiêu chuẩn bắt đầu điều trị 7.1.3. Các phác đồ điều trị ARV bậc một 7.2. Điều trị phục hồi miễn dịch: ít hiệu quả, đắt tiền 7.3. Điều trị nhiễm trùng cơ hội. 8. Các biện pháp phòng chống. 8.1. Phòng chống lây qua đường tình dục 8.2. Phòng chống lây qua đường máu 8.3. Phòng lây qua tiêm chích và dụng cụ y tế 8.4. Phòng chống lây lan qua: Cho tinh dịch và ghép cơ quan 8.5. Ngăn chặn lây nhiễm chu sinh từ mẹ sang con 8.6. Làm giảm tác động tiêu cực của nhiễm HIV trên cá nhân và cộng đồng 8.7. Phòng nhiễm HIV trong nhân viên y tế				
23	Bài 23: Bệnh sốt rét 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Mầm bệnh 2. Chu kỳ phát triển của ký sinh trùng sốt rét 2.1. Chu kỳ vô tính 2.1.1. Thời kỳ phát triển trong gan: 2.1.2. Thời kỳ phát triển trong hồng cầu 2.2 Chu kỳ hữu tính trên muỗi 3. Dịch tễ. 3.1. Nguồn bệnh 3.2. Phương thức truyền bệnh 3.3. Khỏi cảm thụ 4. Bệnh sinh học 4.1. Con sốt rét	4	4		

	4.2. Thiếu máu 4.3. Lách to, gan to 4.4. Miễn dịch: 5. Lâm sàng sốt rét 5.1. Sốt rét tiên phát 5.2. Lâm sàng sốt rét sơ nhiễm: 5.3. Sốt rét con: 5.4. Sốt rét tái phát: 5.5. Sốt rét nặng và có biến chứng 5.6. Các thể sốt rét 5.6.1. Sốt rét tái nhiễm: 5.6.2. Sốt rét bẩm sinh: 5.6.3. Sốt rét ở trẻ em: 5.6.4. Sốt rét và thai nghén 5.6.5. Sốt rét do truyền máu: 6. Các biến chứng và hậu quả của sốt rét 7. Chẩn đoán sốt rét 7.1 Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị. 8.1 Điều trị sốt rét thường 8.2 Điều trị sốt rét nặng và biến chứng: 8.3. Liều lượng thuốc 9. Phòng bệnh				
24	Bài 24: Bệnh lao 1. Tình hình bệnh lao 1.1. Tình hình bệnh lao trên thế giới 1.2. Tình hình bệnh lao ở Việt Nam 2. Chiến lược chống lao hiện nay và đường lối chiến lược của chương trình chống lao Quốc gia 2.1. Chiến lược chống lao toàn cầu 2.2. Đường lối chiến lược của CTCLQG	5	4		1

	3. Chẩn đoán bệnh lao 3.1. Chẩn đoán lao phổi 3.1.1. Dịch tễ 3.1.2. Lâm sàng 3.1.3. Cận lâm sàng 3.1.4. Chẩn đoán xác định 3.1.5. Chẩn đoán phân biệt 3.2. Chẩn đoán lao ngoài phổi 3.2.1. Lao hạch 3.2.2. Lao kê. 3.2.3. Tràn dịch màng phổi do lao 3.2.4. Tràn dịch màng bụng do lao 3.2.5. Lao màng não. 3.2.6. Lao cột sống 4. Điều trị 4.1. Nguyên tắc điều trị 4.2. Nguyên tắc quản lý 4.3. Chỉ định và phác đồ điều trị 4.3.1. Các thuốc chống lao thiết yếu 4.3.2. Chỉ định và phác đồ điều trị 4.4. Liều lượng thuốc 4.5. Quản lý điều trị 4.6. Theo dõi điều trị 5. Phòng bệnh lao 5.1. Giảm nguy cơ nhiễm lao 5.2. Giảm nguy cơ chuyển từ nhiễm lao sang bệnh lao 5.3. Thực hiện phòng lây nhiễm trong cơ sở y tế				
25	Bài 25: Bệnh lậu 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 2.1. Nguồn bệnh	2	2		

	2.2. Đường lây 2.3. Khởi cảm thụ 3. Triệu chứng 3.1. Bệnh lậu ở nam giới 3.1.1. Lậu cấp tính 3.1. 2. Lậu mạn tính 3.1. 3. Biến chứng 3.1.4. Xét nghiệm 3.1.5. Chẩn đoán 3.2. Bệnh lậu ở nữ 3.2.1. Lậu cấp 3.2.2. Lậu mạn 3.2.3. Biến chứng 3.2.4. Xét nghiệm 3.2.5.Chẩn đoán 3.3. Lậu mắt trẻ sơ sinh 4. Điều trị 5. Phòng ngừa.				
26	Bài 26: Bệnh Giang mai 1. Dịch tễ học 1.1. Nguồn bệnh 1.2. Đường lây truyền 1.3. Khởi cảm thụ 2. Triệu chứng 2.1. Giang mai mắc phải 2.1.1. Giang mai thời kỳ thứ nhất 2.1.2. Giang mai thời kỳ thứ 2 2.1.3. Giang mai thời kỳ thứ 3 2.2. Giang mai bẩm sinh 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt	2	1		1

4. Điều trị				
4.1. Giang mai sớm (Giai đoạn đầu)				
4.2. Giang mai muộn (biến chứng)				
5. Phòng ngừa bệnh giang mai				
Cộng	60	58		3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Quá trình nhiễm khuẩn, tính chất và phân loại bệnh truyền nhiễm

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa, mối liên quan giữa mầm bệnh và vật chủ của quá trình nhiễm khuẩn

1.2. Trình bày được bốn tính chất bệnh truyền nhiễm

1.3. Trình bày được 4 đường lây truyền của bệnh truyền nhiễm

2. Nội dung

2.1. Quá trình nhiễm khuẩn

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mối liên quan giữa mầm bệnh và vật chủ

2.2. Tính chất bệnh truyền nhiễm

2.2.1. Tính đặc hiệu

2.2.2. Tính lây truyền

2.2.3. Tính chu kỳ

2.2.3.1. Thời kỳ ủ bệnh (nung bệnh)

2.2.3.2. Thời kỳ khởi phát.

2.2.3.3. Thời kỳ toàn phát.

2.2.3.4. Thời kỳ lui bệnh.

2.2.4. Tính phát sinh miễn dịch đặc hiệu

2.3. Phân loại bệnh truyền nhiễm.

2.3.1. Nhóm bệnh truyền theo đường hô hấp.

2.3.2. Nhóm bệnh truyền theo đường tiêu hoá

2.3.3. Nhóm bệnh truyền qua đường máu

2.3.4. Nhóm bệnh truyền theo đường da và niêm mạc

Bài 2: Quá trình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm, nguồn truyền nhiễm, các yếu tố truyền nhiễm của quá trình dịch

1.2. Trình bày được các biện pháp điều tra bao vây dập tắt dịch

2. Nội dung

2.1. Quá trình dịch

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Nguồn truyền nhiễm

2.1.2.1. Người ốm (người bệnh)

2.1.2.2. Người lành mang mầm bệnh

2.1.2.3. Súc vật

2.1.3. Các yếu tố truyền nhiễm

2.2. Các biện pháp điều tra bao vây dập tắt ổ dịch

2.2.1. Các hình thái và mức độ dịch

2.2.2. Phương pháp, kỹ thuật điều tra khi có dịch

2.2.2.1. Điều tra dịch

2.2.2.2. Các yêu cầu điều tra một vụ dịch: 10 yêu cầu

2.2.3. Các biện pháp xử lý ổ dịch

2.2.3.1. Biện pháp đối với người bệnh

2.2.3.2. Người lành mang mầm bệnh,

2.2.3.3. Người tiếp xúc với nguồn bệnh.

2.2.3.4. Nguồn lây là súc vật.

2.2.3.5. Ngoại cảnh.

2.2.3.6. Bảo vệ khối cảm thụ

Bài 3: Cách ly và điều trị toàn diện người bệnh truyền nhiễm tại nhà và tại trạm y tế xã phường

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các nguyên tắc chăm sóc người bệnh truyền nhiễm tại nhà và tại trạm Y tế xã phường

2. Nói được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm

2. Nội dung

2.1. Các nguyên tắc chăm sóc người bệnh truyền nhiễm

2.1.1. Khai báo, cách ly

2.1.1.1. Khai báo

2.1.1.2. Cách ly

2.1.2. Biện pháp dự phòng, bắt buộc với nhân viên y tế khi chăm sóc

2.1.2.1. Trong giờ làm việc

2.1.2.2. Trong giờ nghỉ ngơi

2.1.3. Tẩy uế

2.1.3.1. Tẩy uế đề phòng

2.1.3.2. Tẩy uế tức khắc

2.1.3.3. Tẩy uế cuối cùng:

2.2. Điều trị người bệnh truyền nhiễm

Bài 4: Bệnh thương hàn

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh thương hàn

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh thương hàn

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm dịch tễ

2.1.2.1. Nguồn bệnh

2.1.2.2. Đường truyền nhiễm

2.1.2.3. Khởi cảm thụ

2.2. Triệu chứng

2.2 .1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.2 .2. Thời kỳ khởi phát

2.2.3. Thời kỳ toàn phát

2.2. 4. Thời kỳ lui bệnh

2.3. Biến chứng

- 2.3.1. Các biến chứng tiêu hoá
 - 2.3.1.1. Xuất huyết tiêu hóa: Khoảng 15%
 - 2.3.1.2. Thủng ruột
 - 2.3.1.3. Viêm miệng lợi
 - 2.3.1.4. Thương hàn đại tràng
- 2.3.2. Các biến chứng gan mật
- 2.3.3. Các biến chứng tim mạch
- 2.3.4. Các biến chứng hệ thần kinh
- 2.3.5. Các biến chứng khác
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt.
- 2.5. Điều trị
 - 2.5.1. Kháng sinh:
 - 2.5.2. Điều trị triệu chứng
 - 2.5.4. Chế độ ăn
 - 2.5.4. Điều trị các biến chứng
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 5: Bệnh tả

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh tả
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh tả

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa – dịch tễ
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Đặc điểm dịch tễ
 - 2.1.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.1.2.3. Khởi cảm thụ
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Thời kỳ ủ bệnh:

- 2.2 .2. Thời kỳ khởi phát
- 2.2.3. Thời kỳ toàn phát
- 2.2. 4. Thời kỳ lui bệnh
- 2.3. Các thể lâm sàng
- 2.3.1. Thể nhẹ
- 2.3.2. Thể tối cấp
- 2.3.3. Thể tả khô
- 2.3.4. Thể xuất huyết
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.4.1. Chẩn đoán xác định
- 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt.
- 2.5. Điều trị
- 2.5.1. Nguyên tắc:
- 2.5.2. Điều trị cụ thể
- 2.5.3. Phân loại điều trị
- 2.5.4. Tiêu chuẩn ra viện
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 6. Bệnh lý trực khuẩn và lý amibe

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh lý trực khuẩn và lý amibe
2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh lý trực khuẩn và lý amibe

2. Nội dung

- 2.1. Lý trực khuẩn
 - 2.1.1. Đại cương— dịch tễ
 - 2.1.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.1.2. Đặc điểm dịch tễ
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.2 .1. Thời kỳ ủ bệnh:
 - 2.1.2 .2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.1.2.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.1.2.4. Thời kỳ lui bệnh

- 2.1.3. Biến chứng
 - 2.1.3.1. Biến chứng sớm
 - 2.1.3.2. Biến chứng muộn
- 2.1.4. Chẩn đoán
 - 2.1.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.1.4.2. Chẩn đoán phân biệt.
- 2.1.5. Điều trị
 - 2.1.5.1. Bù nước và điện giải
 - 2.1.5.2. Kháng sinh
 - 2.1.5.3. Điều trị triệu chứng
- 2.1.6. Phòng bệnh
- 2.2. Lỵ amib
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Đặc điểm dịch tễ
 - 2.2.3. Triệu chứng
 - 2.2.3.1. Lỵ amibe cấp
 - 2.2.3.1. Lỵ amibe cấp
 - 2.2.3.2. Lỵ amibe mạn
 - 2.2.4. Các thể lâm sàng
 - 2.2.5. Biến chứng
 - 2.2.5.1. Thủng ruột
 - 2.2.5.2. Xuất huyết tiêu hóa:
 - 2.2.5.3. Lồng ruột
 - 2.2.5.4. Viêm ruột thừa do amibe
 - 2.2.6. Chẩn đoán
 - 2.2.6.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.2.6.2. Chẩn đoán phân biệt.
 - 2.2.7. Điều trị
 - 2.2.7.1. Nguyên tắc
 - 2.2.7.2. Điều trị cụ thể
 - 2.2.7.3. Điều trị triệu chứng
 - 2.2.8. Phòng bệnh

Bài 7: Nhiễm khuẩn và nhiễm độc thức ăn do Salmonella và tụ cầu

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh nhiễm khuẩn thức ăn do Salmonella
2. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh nhiễm độc thức ăn do Tụ cầu

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nhiễm khuẩn nhiễm độc thức ăn do Salmonella

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Dịch tễ

2.2.2.1. Nguồn bệnh

2.2.2.2. Đường lây

2.2.2.3. Khởi cảm thụ

2.2. 3. Triệu chứng

2.2.3.1. Thời kỳ nung bệnh: 12 -36 giờ

2.2.3.2. Bệnh thường xuất hiện đột ngột, có nhiều thể bệnh khác nhau

2.2.3.3. Tiến triển:

2.2.4. Biến chứng

2.2.5. Chẩn đoán

2.2.5.1. Chẩn đoán xác định

2.2.5.2. Chẩn đoán phân biệt

2.2.6. Điều trị

2.2.6.1. Nguyên tắc

2.2.6.2. Điều trị nguyên nhân

2.2.7. Phòng bệnh

2.3. Nhiễm độc do thức ăn có ngoại độc tố tụ cầu

2.3.1. Dịch tễ

2.3.1.1. Nguồn bệnh

2.3.1.2. Đường lây

2.3.1.3. Khởi cảm thụ

- 2.3.2. Triệu chứng
 - 2.3.2.1. Thời kỳ nung bệnh:
 - 2.3.2.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.3.2.3. Thời kỳ toàn phát
- 2.3.3. Xét nghiệm
- 2.3.4. Chẩn đoán
 - 2.2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.3.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.3.5. Điều trị
- 2.3.6. Phòng bệnh

Bài 8: Bệnh viêm gan do virus

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh viêm gan do virus
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm gan do virus

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Dịch tễ
 - 2.1.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.1.2.3. Khởi cảm thụ
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Thời kỳ ủ bệnh
 - 2.2.2. Thời kỳ khởi phát(tiền vàng da)
 - 2.2.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.2.4. Thời kỳ lui bệnh
- 2.3. Các thể lâm sàng
 - 2.3.1. Thể không vàng da và niêm mạc
 - 2.3.2. Thể vàng da kéo dài
 - 2.3.3. Thể teo gan vàng cấp

- 2.3.4. Thể viêm gan mạn
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Điều trị:
 - 2.5.1. Chế độ nghỉ ngơi
 - 2.5.2. Chế độ ăn uống
 - 2.5.3. Thể thông thường
 - 2.5.4. Thể nặng
 - 2.5.5. Thể mãn tính
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 9: Bệnh sốt bại liệt

Thời gian : 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng sốt bại liệt
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh sốt bại liệt

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Dịch tễ
 - 2.1.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.1.2.3. Khởi cảm thụ
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Sốt bại liệt thể tủy sống
 - 2.2.2. Thể hành tủy
 - 2.2.3. Thể tủy sống – hành tủy
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

- 2.5. Điều trị:
 - 5.5.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ liệt
 - 2.5.4. Thời kỳ phục hồi di chứng
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 10: Bệnh cúm

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh cúm
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cúm

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Dịch tễ
 - 2.1.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.1.2.3. Khởi cảm thụ
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Bệnh cúm thông thường
 - 2.2.1.1. Thời kỳ ủ bệnh
 - 2.2.1.2. Thời kỳ khởi phát (tiền vàng da)
 - 2.2.1.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.2.1.4. Thời kỳ lui bệnh
 - 2.2.2. Bệnh cúm nặng
 - 2.2.2.1. Thể ác tính
 - 2.2.2.2. Thể ngạt
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Biến chứng vùng tai, mũi, họng
 - 2.3.2. Biến chứng đường hô hấp
 - 2.3.3. Viêm màng não mủ

- 2.3.4. Nhiễm trùng huyết
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Điều trị:
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 11: Bệnh sởi và Rubella

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng của bệnh sởi và Rubella
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh sởi và Rubella

2. Nội dung

- 2.1. Bệnh sởi
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Dịch tễ
 - 2.1.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.1.2.3. Khởi cảm thụ:
 - 2.1.3. Triệu chứng.
 - 2.1.3.1. Thời kỳ ủ bệnh: Trung bình 12 - 14 ngày
 - 2.1.3.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.1.3.3. Thời kỳ toàn phát: (phát ban)
 - 2.1.3.4. Thời kỳ lui bệnh
 - 2.1.4. Biến chứng: Thường do bội nhiễm
 - 2.1.4.1. Đường hô hấp
 - 2.1.4.2. Biến chứng thần kinh
 - 2.1.4.3. Biến chứng tiêu hoá
 - 2.1.4.4. Biến chứng ở mắt
 - 2.1.5. Chẩn đoán.
 - 2.1.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.1.5.2. Chẩn đoán phân biệt

- 2.1.6. Điều trị
- 2.1. 7. Phòng bệnh
- 2.2. Bệnh Rubella
 - 2.2.1. Dịch tễ học
 - 2.2.1.1. Nguồn bệnh
 - 2.2.1.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.2.1.3. Khởi cảm thụ:
 - 2.2.2. Triệu chứng.
 - 2.2.2. 1. Thời kỳ ủ bệnh: Trung bình 12 - 14 ngày
 - 2.2.2.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.2.2. 3. Thời kỳ toàn phát: (phát ban)
 - 2.2.2.4. Thời kỳ lui bệnh
 - 2.2.3. Biến chứng:
 - 2.2.4. Chẩn đoán
 - 2.2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.2.5. Điều trị
 - 2.2.6. Phòng bệnh

Bài 12: Bệnh thủy đậu

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh thủy đậu
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh thủy đậu

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Dịch tễ
 - 2.1.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.1.2.3. Khởi cảm thụ:
 - 2.2. Triệu chứng.

- 2.2. 1. Thời kỳ ủ bệnh:
- 2.2.2. Thời kỳ khởi phát:
- 2.2. 3. Thời kỳ toàn phát:
- 2.2.4. Thời kỳ lui bệnh
- 2.3. Biến chứng:
- 2.3.1. Bội nhiễm da
- 2.3.2. Viêm phổi do bội nhiễm
- 2.3.3. Viêm não
- 2.3.4. Hội chứng Reye
- 2.3.5. Dị tật bẩm sinh
- 2.3.6. Viêm gan
- 2.4. Chẩn đoán.
- 2.4.1. Chẩn đoán xác định
- 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Điều trị
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 13: Bệnh Quai bị

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng bệnh Quai bị
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh Quai bị

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Dịch tễ
 - 2.1.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.1.2.3. Khối cảm thụ
- 2.2. Triệu chứng.
 - 2.1. Viêm tuyến nước bọt mang tai
 - 2.2.1.1. Thời kỳ nung bệnh

- 2.2.1.2. Thời kỳ khởi phát
- 2.2.1. 3. Thời kỳ toàn phát
- 2.2.1.4. Thời kỳ lui bệnh
- 2.2.2. Các biểu hiện ngoài tuyến mang tai.
 - 2.2.2.1. Viêm tinh hoàn
 - 2.2.2.2. Tổn thương thần kinh
 - 2.2.2.3. Viêm tụy cấp
 - 2.2.2.4. Biểu hiện ở các cơ quan khác
- 2.3. Chẩn đoán.
 - 2.3.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.3.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Viêm tuyến nước bọt
 - 2.4.2. Viêm tinh hoàn
 - 2.4.3. Viêm não-màng não
 - 2.4.4. Viêm tụy:
- 2.5. Phòng bệnh
 - 2.5.1. Tạo miễn dịch chủ động
 - 2.5.2. Tạo miễn dịch thụ động.

Bài 14: Bệnh Bạch hầu

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng của bệnh bạch hầu
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bạch hầu

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Dịch tễ
 - 2.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.2.3. Khỏi cảm thụ:
- 2.3. Triệu chứng.

- 2.3.1. Bạch hầu họng
 - 2.3.1.1. Thời kỳ ủ bệnh:
 - 2.3.1.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.3.1.3. Thời kỳ toàn phát:
 - 2.3.1.4. Diễn biến
- 2.3.2. Bạch hầu ác tính
 - 2.3.2.1. Thời kỳ khởi phát
 - 2.3.2.2. Thời kỳ toàn phát
 - 2.3.2.3. Diễn biến
- 2.3.3. Bạch hầu thanh quản
 - 2.3.3.1. Giai đoạn khàn tiếng
 - 2.3.3.2. Giai đoạn khó thở
 - 2.3.3.3. Giai đoạn ngạt thở
- 2.4. Biến chứng:
 - 2.4.1. Tim mạch
 - 2.4.2. Thần kinh
 - 2.4.3. Các biến chứng khác
- 2.5. Chẩn đoán.
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Nguyên tắc
 - 2.6.2. Điều trị cụ thể
 - 2.6.3. Điều trị hỗ trợ
- 2.7. Phòng bệnh

Bài 15: Bệnh ho gà

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh ho gà
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh ho gà

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Dịch tễ

2.1.2.1. Nguồn bệnh

2.1.2.2. Đường truyền nhiễm

2.1.2.3. Khởi cảm thụ:

2.2. Triệu chứng.

2.2.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.2.2. Thời kỳ khởi phát:

2.2.3. Thời kỳ toàn phát:

2.2.4. Thời kỳ lui bệnh

2.3. Biến chứng:

2.3.1. Hô hấp

2.3.2. Thần kinh

2.3.3. Biến chứng cơ học

2.4. Chẩn đoán.

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Điều trị

2.5.1. Kháng sinh

2.5.2. Huyết thanh

2.5.3. Điều trị triệu chứng và dinh dưỡng

2.6. Phòng bệnh

Bài 16: Bệnh viêm màng não mủ thành dịch

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh viêm màng não mủ thành dịch

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm màng não mủ thành dịch

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Dịch tễ

2.2.1. Nguồn bệnh

2.2.2. Đường truyền nhiễm

2.2.3. Khởi cảm thụ:

2.3. Triệu chứng.

2.3.1. Thể viêm mũi họng

2.3.2. Thể viêm màng não điển hình

2.3.2. 1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.3.2.2. Thời kỳ khởi phát:

2.3.2.3. Thời kỳ toàn phát:

2.3.2.4. Thời kỳ lui bệnh

2.4. Biến chứng:

2.4.1. Giác quan

2.4.2. Thần kinh – tinh thần

2.5. Chẩn đoán.

2.5.1. Chẩn đoán xác định

2.5.2. Chẩn đoán phân biệt

2.6. Điều trị

2.6.1. Kháng sinh

2.6.2. Điều trị triệu chứng

2.6.3. Chế độ chăm sóc

2.7. Phòng bệnh

Bài 17. Bệnh sốt Dengue xuất huyết

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng bệnh sốt dengue xuất huyết

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh sốt dengue xuất huyết

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Dịch tễ

2.1.2.1. Nguồn bệnh

2.1.2.2. Đường truyền nhiễm

2.1.2.3. Khởi cảm thụ:

2.2. Triệu chứng.

2.2.1. Sốt Dengue (Dengue cổ điển)

2.2.1.1. Thời kỳ nung bệnh: Từ 3 đến 15 ngày

2.2.1.2. Thời kỳ khởi phát:

2.2.1.3. Thời kỳ toàn phát

2.2.2. Sốt xuất huyết Dengue

2.2.2.1. Lâm sàng sốt xuất huyết Dengue không Shock:

2.2.2.2. Sốt xuất huyết Dengue có Shock.

2.2.2.3. Tiến triển:

2.3. Chẩn đoán sốt xuất huyết dengue

2.3.1. Chẩn đoán lâm sàng:

2.3.2. Cận lâm sàng:

2.3.3. Phân độ lâm sàng:

2.3.4. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Điều trị

2.4. 1. Điều trị bệnh sốt Dengue và SXH. Dengue không Shock (độ 1, 2)

2.4.2. Dengue xuất huyết có shock

2.5. Phòng bệnh

2.5.1. Quản lý môi trường:

2.5.2. Bảo vệ cá nhân

2.5.3. Phòng chống bằng biện pháp sinh học

2.5.4. Biện pháp sử dụng hoá chất

Bài 18: Bệnh viêm não Nhật Bản B

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh viêm não Nhật Bản B

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm não Nhật Bản B

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Dịch tễ

2.1.2.1. Nguồn bệnh

2.1.2.2. Đường truyền nhiễm

2.1.2.3. Khởi cảm thụ:

2.2. Triệu chứng.

2.2.1. Thời kỳ nung bệnh:

2.2.2. Thời kỳ khởi phát:

2.2.3. Thời kỳ toàn phát

2.2.4. Diễn biến

2.2.4.1. Tối cấp

2.2.4.2. Cấp:

2.3. Biến chứng và di chứng muộn

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

2.6.1. Giám sát vật chủ trung gian

2.6.2. Tiêm phòng bằng vacxin

Bài 19. Bệnh uốn ván

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh uốn ván
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh uốn ván

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Dịch tễ
 - 2.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.2.3. Khỏi cảm thụ:
- 2.3. Triệu chứng.
 - 2.3.1. Thời kỳ nung bệnh:
 - 2.3.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.3.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.3.4. Thời kỳ lui bệnh
- 2.4. Biến chứng
 - 2.4.1. Hô hấp
 - 2.4.2. Tim mạch
 - 2.4.3. Tiêu hoá:
 - 2.4.4. Biến chứng bội nhiễm
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Các thuốc điều trị:
 - 2.6.2. Chăm sóc và điều trị triệu chứng
- 2.7. Phòng bệnh
 - 2.7.1. Phòng bệnh chủ động:
 - 2.7.2. Phòng bệnh thụ động sau khi bị thương:

Bài 20. Bệnh dại

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh dại
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh dại

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Dịch tễ
 - 2.2.1. Nguồn bệnh
 - 2.2.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.2.3. Khó khăn cảm thụ:
- 2.3. Triệu chứng.
 - 2.3.1. Thời kỳ ủ bệnh:
 - 2.3.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.3.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.3.4. Thời kỳ lui bệnh
- 2.4. Biến chứng thần kinh sau tiêm phòng dại
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Điều trị tại chỗ vết thương sau khi bị xúc vật cắn
 - 2.6.2. Điều trị huyết thanh kháng dại(Serum anti rabies)
 - 2.6.3. Tiêm vacxin
 - 2.6.4. Điều trị bệnh nhân khi đã lên cơn dại
- 2.7. Phòng bệnh

Bài 21: Bệnh Letospira

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh Letospira
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh Letospira

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Dịch tễ

2.2.1. Nguồn bệnh

2.2.2. Đường truyền nhiễm

2.2.3. Khởi cảm thụ:

2.3. Triệu chứng.

2.3.1. Thời kỳ nung bệnh:

2.3.2. Thời kỳ khởi phát:

2.3.3. Thời kỳ toàn phát

2.3.4. Thời kỳ lui bệnh

2.4. Biến chứng

2.5. Chẩn đoán

2.5.1. Chẩn đoán xác định

2.5.2. Chẩn đoán phân biệt

2.6. Điều trị

2.6.1. Điều trị đặc hiệu

2.6.2. Điều trị hỗ trợ

2.7. Phòng bệnh

Bài 22: Bệnh AIDS

Thời gian : 04 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, phân giai đoạn theo lâm sàng và miễn dịch, bệnh AIDS

1.2. Trình bày được cách chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bệnh AIDS

2. Nội dung

1.1. Tình hình nhiễm HIV trên thế giới và Việt Nam. Lạng Sơn

1.1.1. Trên thế giới

1.1.2. Ở Việt Nam.

1.1.3. Ở Lạng sơn

2.2. Định nghĩa

2.3. Dịch tễ

- 2.3.1. Nguồn bệnh.
- 2.3.2. Đường lây.
 - 2.3.2.1. Lây truyền theo đường tình dục.
 - 2.3.2.2. Lây truyền qua đường máu (nguy cơ cao tới 90%)
 - 2.3.2.3. Lây truyền từ mẹ sang con.
 - 2.3.2.4. Những phương thức không lây.
- 2.4. Phân giai đoạn theo lâm sàng
 - 2.4.1. Giai đoạn nhiễm HIV cấp
 - 2.4.2. Giai đoạn nhiễm trùng không triệu chứng.
 - 2.4. 3. Giai đoạn biểu hiện lâm sàng.
- 2.5. Phân giai đoạn theo miễn dịch
- 2.6. Chẩn đoán.
 - 2.6.1. Chẩn đoán người bị nhiễm HIV
 - 2.6.2. Chẩn đoán giai đoạn AIDS
- 2.7. Điều trị.
 - 2.7.1. Điều trị chống Virus HIV
 - 2.7.1.1. Các nhóm thuốc ARV được sử dụng tại Việt Nam
 - 2.7.1.2. Tiêu chuẩn bắt đầu điều trị
 - 2.7.1.3. Các phác đồ điều trị ARV bậc một
 - 2.7.2. Điều trị phục hồi miễn dịch: ít hiệu quả, đắt tiền
 - 2.7.3. Điều trị nhiễm trùng cơ hội.
- 2.8. Các biện pháp phòng chống.
 - 2.8.1. Phòng chống lây qua đường tình dục (ưu tiên số 1)
 - 2.8.2. Phòng chống lây qua đường máu
 - 2.8.3. Phòng lây qua tiêm chích và dụng cụ y tế
 - 2.8.4. Phòng chống lây lan qua: Cho tinh dịch và ghép cơ quan
 - 2.8.5. Ngăn chặn lây nhiễm chu sinh từ mẹ sang con
 - 2.8.6. Làm giảm tác động tiêu cực của nhiễm HIV trên cá nhân và cộng đồng
 - 2.8.7. Phòng nhiễm HIV trong nhân viên y tế

Bài 23: Bệnh sốt rét

Thời gian : 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, chu kỳ phát triển của ký sinh trùng sốt rét.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng sốt rét
- 1.3. Trình bày được các biến chứng - hậu quả, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh sốt rét.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Mầm bệnh
- 2.2. Chu kỳ phát triển của ký sinh trùng sốt rét
 - 2.2.1. Chu kỳ vô tính
 - 2.2.1.1. Thời kỳ phát triển trong gan:
 - 2.2.1.2. Thời kỳ phát triển trong hồng cầu
 - 2.2.2 Chu kỳ hữu tính trên muỗi
- 2.3. Dịch tễ.
 - 2.3.1. Nguồn bệnh
 - 2.3.2. Phương thức truyền bệnh
 - 2.3.3. Khỏi cảm thụ
- 2.4. Bệnh sinh học
 - 2.4.1. Con sốt rét
 - 2.4.2. Thiếu máu
 - 2.4.3. Lách to, gan to
 - 2.4.4. Miễn dịch:
- 2.5. Lâm sàng sốt rét
 - 2.5.1. Sốt rét tiên phát
 - 2.5.2. Lâm sàng sốt rét sơ nhiễm:
 - 2.5.3. Sốt rét cơn:
 - 2.5.4. Sốt rét tái phát:
 - 2.5.5. Sốt rét nặng và có biến chứng
 - 2.5.6. Các thể sốt rét

- 2.5.6.1. Sốt rét tái nhiễm:
- 2.5.6.2. Sốt rét bẩm sinh:
- 2.5.6.3. Sốt rét ở trẻ em:
- 2.5.6.4. Sốt rét và thai nghén
- 2.5.6.5. Sốt rét do truyền máu:
- 2.6. Các biến chứng và hậu quả của sốt rét
- 2.7. Chẩn đoán sốt rét
 - 2.7.1 Chẩn đoán xác định
 - 2.7.2 Chẩn đoán phân biệt
- 2.8. Điều trị.
 - 2.8.1 Điều trị sốt rét thường
 - 2.8.2 Điều trị sốt rét nặng và biến chứng:
 - 2.8.3. Liều lượng thuốc
- 2.9. Phòng bệnh

Bài 24 : Bệnh lao

Thời gian : 04 giờ

1.Mục tiêu

- 1.1. Nêu được chiến lược chống lao hiện nay và đường lối chiến lược của chương trình chống lao Quốc gia
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, cách chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh lao

2. Nội dung

- 1.1.Tình hình bệnh lao
 - 1.1.1. Tình hình bệnh lao trên thế giới
 - 1.1.2. Tình hình bệnh lao ở Việt Nam
- 2.2. Chiến lược chống lao hiện nay và đường lối chiến lược của chương trình chống lao Quốc gia
 - 2.2.1. Chiến lược chống lao toàn cầu
 - 2.2.2. Đường lối chiến lược của CTCLQG
- 2.3. Chẩn đoán bệnh lao
 - 2.3.1. Chẩn đoán lao phổi
 - 2.3.1.1. Dịch tễ
 - 2.3.1.2. Lâm sàng
 - 2.3.1.3. Cận lâm sàng

- 2.3.1.4. Chẩn đoán xác định
- 2.3.1.5. Chẩn đoán phân biệt
- 2.3.2. Chẩn đoán lao ngoài phổi
 - 2.3.2.1. Lao hạch
 - 2.3.2.2. Lao kê.
 - 2.3.2.3. Tràn dịch màng phổi do lao
 - 2.3.2.4. Tràn dịch màng bụng do lao
 - 2.3.2.5. Lao màng não.
 - 2.3.2.6. Lao cột sống
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.4.2. Nguyên tắc quản lý
 - 2.4.3. Chỉ định và phác đồ điều trị
 - 2.4.3.1. Các thuốc chống lao thiết yếu
 - 2.4.3.2. Chỉ định và phác đồ điều trị
 - 2.4.4. Liều lượng thuốc
 - 2.4.5. Quản lý điều trị
 - 2.4.6. Theo dõi điều trị
- 2.5. Phòng bệnh lao
 - 2.5.1. Giảm nguy cơ nhiễm lao
 - 2.5.2. Giảm nguy cơ chuyển từ nhiễm lao sang bệnh lao
 - 2.5.3. Thực hiện phòng lây nhiễm trong cơ sở y tế

Bài 25: Bệnh lậu

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, biến chứng bệnh lậu
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh lậu

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Dịch tễ học
 - 2.2.1. Nguồn bệnh

- 2.2.2. Đường lây
- 2.2.3. Khối cảm thụ
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Bệnh lậu ở nam giới
 - 2.3.1.1. Lậu cấp tính
 - 2.3.1. 2. Lậu mạn tính
 - 2.3.1. 3. Biến chứng
 - 2.3.1.4. Xét nghiệm
 - 2.3.1.5. Chẩn đoán
 - 2.3.2. Bệnh lậu ở nữ
 - 2.3.2.1. Lậu cấp
 - 2.3.2.2. Lậu mạn(50 - 80%).
 - 2.3.2.3. Biến chứng
 - 2.3.2.4. Xét nghiệm
 - 2.3.2.5.Chẩn đoán
 - 2.3.3. Lậu mắt trẻ sơ sinh
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Phòng ngừa.

Bài 26: Bệnh Giang mai

Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, bệnh giang mai
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh giang mai

2. Nội dung

- 2.1. Dịch tễ học
 - 2.1.1. Nguồn bệnh
 - 2.1.2. Đường lây truyền
 - 2.1.3. Khối cảm thụ
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Giang mai mắc phải
 - 2.2.1.1. Giang mai thời kỳ thứ nhất

- 2.2.1.2. Giang mai thời kỳ thứ 2
- 2.2.1.3. Giang mai thời kỳ thứ 3
- 2.2.2. Giang mai bẩm sinh
- 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.3.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Giang mai sớm(Giai đoạn đầu)
 - 2.4.2. Giang mai muộn (biến chứng)
- 2.5. Phòng ngừa bệnh giang mai

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn: Phòng học
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính...
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phần bảng....
- 4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và các phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Giải thích được quá trình nhiễm khuẩn, các đặc điểm của bệnh truyền nhiễm, quá trình dịch, cách điều tra bao vây và dập tắt dịch

Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và cách đề phòng các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp.

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm : Quản lý, theo dõi, chăm sóc được những người mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội tại cơ sở y tế, tại nhà.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết, trắc nghiệm 15 phút.

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết trắc nghiệm 45 phút/bài

- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.

- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học
 - Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học
 - Đối với người học
 - + Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết
 - + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện
3. Tài liệu tham khảo
 - [1] Bộ môn truyền nhiễm - Học viện Quân Y (1999), *Bệnh học truyền nhiễm*, nhà xuất bản y học.
 - [2] Bộ môn truyền nhiễm - Trường đại học Y Hà Nội (1999), *Bệnh học truyền nhiễm*, nhà xuất bản y học.
 - [3] Cục Quân Y (1998), *Chẩn đoán và điều trị bệnh truyền nhiễm*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
 - [4] Quyết định 4178, BYT ngày 30/10/2007, *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh tả*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y tế công cộng

Mã môn học: MH 19

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi học xong môn Dược lý, bệnh học Nội, Ngoại, Sản, Nhi
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành, môn học bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức

- Mô tả được đặc điểm của một người khỏe mạnh và cộng đồng khỏe mạnh.
- Tìm hiểu cộng đồng, phát hiện được các vấn đề sức khỏe tại cộng đồng.

2. Về kỹ năng:

Lập được kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

3. Về năng lực, tự chủ và trách nhiệm

Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

S TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Một cộng đồng khỏe mạnh 1. Các đặc điểm của một cộng đồng khỏe mạnh 1.1. Khái niệm cộng đồng. 1.2 . Sức khỏe 1.3. Y tế cộng đồng / sức khỏe cộng đồng 1.4. Chăm sóc sức khỏe 2. Các nguyên nhân của sức khỏe và bệnh tật 2.1. Các nguyên nhân có liên quan với cá nhân 2.2. Các nguyên nhân liên quan với các vật sống khác 2.3. Các nguyên nhân liên quan với môi trường 2.4. Các nguyên nhân liên quan với nền văn hoá	2	2		
2	Bài 2. Dân số và sức khỏe 1. Sự phát triển dân số trên thế giới và ở Việt Nam 1.1. Sự phát triển dân số trên thế giới 1.2. Sự phát triển dân số ở Việt Nam 2. Công thức tính toán trong dân số học	2	2		

	2.1. Công thức tính mức sinh 2.2. Công thức tính mức chết 2.3. Công thức tính mức chuyển cư: 2.4. Công thức tính sự gia tăng dân số 3. Chất lượng dân số 3.1. Quy mô dân số 3.2. Dân số già, dân số trẻ 3.3. Tuổi thọ 3.4. Tỷ số giới tính 4. Cơ cấu dân số 4.1. Cơ cấu dân số theo giới tính 4.2. Cơ cấu dân số theo độ tuổi 4.3. Tháp dân số 4.4. Cơ cấu dân số theo tình trạng hôn nhân 4.5. Cơ cấu dân số theo lãnh thổ, khu vực 5. Mối quan hệ giữa phát triển dân số và chất lượng cuộc sống 5.1. Khái niệm chất lượng cuộc sống 5.2. Các chỉ số của chất lượng cuộc sống 5.3. Mối liên quan của phát triển dân số và chất lượng cuộc sống 6. Ảnh hưởng của phát triển dân số đến chỉ số sức khỏe				
3	Bài 3. Dịch tễ học cộng đồng 1. Một số khái niệm dịch tễ học 1.1. Dịch tễ học truyền nhiễm 1.2. Dịch tễ học cộng đồng 2. Các giai đoạn nghiên cứu trong dịch tễ học. 2.1. Dịch tễ học mô tả 2.2. Dịch tễ học phân tích 2.3. Dịch tễ học can thiệp 2.4. Dịch tễ học đánh giá 3. Đo lường dịch tễ học 3.1. Số mới mắc 3.2. Số hiện mắc 3.3. Các chỉ số đo lường trong dịch tễ học 4. Các yếu tố tác nhân, nguyên nhân và nguy cơ trong dịch tễ học 4.1. Yếu tố tác nhân 4.2. Yếu tố nguyên nhân 4.3. Yếu tố nguy cơ	2	2		

	5. Các thời kỳ (giai đoạn) của một bệnh 5.1. Thời kỳ tiền lâm sàng 5.2. Thời kỳ lâm sàng của bệnh 6. Các biện pháp dự phòng 6.1. Dự phòng cấp I 6.2. Dự phòng cấp II 6.3. Dự phòng cấp III				
4	Bài 4. Chẩn đoán cộng đồng 1. Các khái niệm liên quan 1.1. Cộng đồng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1.2. Vấn đề sức khỏe cộng đồng 2. Chẩn đoán cộng đồng - phát hiện vấn đề sức khỏe cộng đồng 2.1. Chẩn đoán cộng đồng 2.2. Sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng 3. Các bước trong chẩn đoán cộng đồng 3.1. Thu thập các chỉ số 3.2. Những chỉ số cần thu thập 3.3. Xác định vấn đề sức khỏe: 3.4. Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên 4. Cách viết một chẩn đoán cộng đồng	4	3		1
5	Bài 5. Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe tại gia đình 1. Lượng giá nhu cầu điều dưỡng cộng đồng 1.1. Khái niệm về lượng giá nhu cầu điều dưỡng 1.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng: 1.3. Xác định nhu cầu điều dưỡng 1.4. Chẩn đoán chăm sóc: 2. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại gia đình 2.1. Kế hoạch chăm sóc cho cá nhân người bệnh: 2.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho cá nhân người bệnh tại gia đình	4	4		
6	Bài 6. Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng 1. Lượng giá nhu cầu điều dưỡng cộng đồng 1.1. Khái niệm về lượng giá nhu cầu điều dưỡng 1.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng	4	4		

	1.3. Xác định nhu cầu điều dưỡng: 1.4. Chẩn đoán chăm sóc: 2. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng 2.1. Bước 1: Thu thập những thông tin, chỉ số y tế. 2.2. Bước 2: Xác định vấn đề sức khỏe, lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. 2.3. Bước 3: Xác định mục tiêu 4. Bước 4: Lựa chọn giải pháp / hoạt động 4.1. Chọn giải pháp 4.2. Hoạt động: 5. Bước 5: Lập kế hoạch hành động 5.1. Kế hoạch hoạt động là gì? 5.2. Viết kế hoạch hoạt động theo mục tiêu				
7	Bài 7. Đánh giá 1. Định nghĩa đánh giá 2. Lý do phải đánh giá. 3. Phân loại đánh giá 4. Các bước cơ bản của đánh giá 4.1. Xác định các vấn đề cần đánh giá 4.2. Thực hiện đánh giá(Thu thập số liệu) 4.3. Phân tích số liệu, viết báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá.	2	2		
8	Bài 8. Tư vấn một số bệnh tại nhà 1. Khái niệm tư vấn sức khỏe 2. Mục đích của tư vấn 3. Nguyên tắc tư vấn 3.1. Chọn thời gian và địa điểm thích hợp 3.2. Xác định rõ nhu cầu tư vấn 3.3. Cung cấp đủ thông tin cần thiết 3.4. Thảo luận lựa chọn các biện pháp thích hợp. 3.5. Giữ bí mật và tôn trọng điều riêng tư của đối tượng 3.6. Không phán xét đối tượng tư vấn. 4. Quy trình tư vấn 4.1. Bước 1. Tạo mối quan hệ tốt với đối tượng 4.2. Bước 2. Xác định nhu cầu của đối tượng tư vấn 4.3. Bước 3. Giúp đối tượng xác định các lựa chọn	3	2		1

	4.4. Bước 4. Giúp đối tượng lựa chọn và thực hiện giải pháp thích hợp nhất 4.5. Bước 5. Giúp đối tượng lập kế hoạch thực hiện 5. Thực hành tư vấn sức khỏe				
9	Bài 9. Điều tra sức khỏe 1. Các loại điều tra 1.1. Điều tra tổng hợp 1.2. Điều tra điểm – Điều tra dịch vụ y tế 1.3. Khảo sát mẫu – Điều tra số hiện mắc bệnh 2. Mẫu điều tra – cỡ mẫu và chọn mẫu 2.1. Bảng chọn cỡ mẫu và bảng lấy mẫu ngẫu nhiên 2.2. Chọn mẫu điều tra 2.3. Mẫu không sai lệch và sai lệch. 3. Quy trình thực hiện điều tra	2	2		
10	Bài 10. Sàng lọc sức khỏe 1. Khái niệm về sàng lọc sức khỏe 2. Phân biệt sàng lọc và chẩn đoán 2.1. Chẩn đoán 2.2. Sàng lọc 3. Kỹ thuật sàng lọc 3.1. Một số sàng lọc thông thường tại cộng đồng 3.2. Độ chính xác của kiểm tra sàng lọc 4. Biện pháp nâng cao tính trùng lặp của sàng lọc 5. Chất lượng trắc nghiệm sàng lọc 5.1. Dương tính giả và âm tính giả 5.2. Chất lượng quan trọng của một mẫu trắc nghiệm sàng lọc tốt. 6. Ứng dụng sàng lọc sức khỏe	2	2		
11	Bài 11. Quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế 1. Sổ sách ở trạm y tế 1.1. Hồ sơ sức khỏe 1.2. Nội dung 1.3. Ý nghĩa 1.4. Mục đích 2. Biểu mẫu báo cáo y tế xã: 2.1. Báo cáo dân số và sinh tử: 2.2. Bảo vệ sức khỏe trẻ em: 2.3. Bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em:	3	3		

2.4. Hoạt động khám chữa bệnh: 2.5. Hoạt động phòng bệnh: 2.6. Dịch bệnh lây và các bệnh quan trọng: 2.7. Cơ sở vật chất, ngân s, ch y tế và c, n bộ y tế xã phường. 3. Vai trò của hồ sơ sức khoẻ trong việc quản lý sức khoẻ tại trạm y tế cơ sở 3.1. Theo dõi người bệnh 3.2. Tìm hiểu tình hình sức khoẻ và bệnh tật của cộng đồng: 3.3. Phát hiện nhanh chóng sự xuất hiện một bệnh dịch: 3.4. Đánh giá tính hình sử dụng trạm y tế dựa trên khả năng đáp ứng của trạm y tế với cộng đồng: 3.5. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:				
Tổng cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Một cộng đồng khoẻ mạnh

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được các đặc điểm của một người khoẻ mạnh và một cộng đồng khoẻ mạnh.

1.2. Mô tả được vai trò của cán bộ y tế trong việc giúp cộng đồng khoẻ mạnh.

1.3. Mô tả được các nguyên nhân của sức khoẻ và bệnh tật có liên quan với cá nhân, với các sự việc khác, với môi trường và với văn hoá.

1.4. Giải thích lợi ích của việc xem xét tổng quát trước khi quyết định các nguyên nhân của sức khoẻ hoặc bệnh tật.

2. Nội dung

1. Các đặc điểm của một cộng đồng khoẻ mạnh

1.1. Khái niệm cộng đồng.

1.2. Sức khoẻ

1.2.1. Định nghĩa sức khoẻ của Tổ chức Y tế thế giới (WHO):

1.2.2. Khái niệm sức khoẻ toàn diện:

1.3. Y tế cộng đồng / sức khoẻ cộng đồng

1.4. Chăm sóc sức khoẻ

2. Các nguyên nhân của sức khoẻ và bệnh tật

2.1. Các nguyên nhân có liên quan với cá nhân

2.2. Các nguyên nhân liên quan với các vật sống khác

- 2.3. Các nguyên nhân liên quan với môi trường
- 2.4. Các nguyên nhân liên quan với nền văn hoá

Bài 2: Dân số và sức khỏe

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số công thức tính toán sử dụng trong dân số học.
- 1.2. Phân tích được các chỉ tiêu chất lượng dân số. Vẽ và phân tích được các kiểu tháp dân số.
- 1.3. Phân tích được các mối quan hệ giữa phát triển dân số và chất lượng cuộc sống.
- 1.4. Trình bày được sự ảnh hưởng của phát triển dân số tới các chỉ số sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Sự phát triển dân số trên thế giới và ở Việt Nam
 - 2.1.1. Sự phát triển dân số trên thế giới
 - 2.1.2. Sự phát triển dân số ở Việt Nam
- 2.2. Công thức tính toán trong dân số học
 - 2.2.1. Công thức tính mức sinh
 - 2.2.1.1. Tỷ suất sinh thô:
 - 2.2.1.2. Tỷ suất sinh chung:
 - 2.2.1.3. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi:
 - 2.2.1.4. Mức sinh thay thế:
 - 2.2.2. Công thức tính mức chết
 - 2.2.2.1. Tỷ suất chết thô:
 - 2.2.2.2. Tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi:
 - 2.2.2.3. Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi:
 - 2.2.2.4. Tỷ suất tử vong người mẹ:
 - 2.2.3. Công thức tính mức chuyển cư:
 - 2.2.3.1. Tỷ suất chuyển cư thuần túy (tỷ suất chuyển cư thực):
 - 2.2.3.2. Tỷ suất nhập cư:
 - 2.2.3.3. Tỷ suất xuất cư:
- 2.2.4. Công thức tính sự gia tăng dân số
 - 2.2.4.1. Tỷ suất tăng dân số tự nhiên:
 - 2.2.4.2. Tỷ suất gia tăng dân số:
 - 2.2.4.3. Thời gian tăng dân số gấp 2:
 - 2.2.4.4. Công thức tính dân số hàng năm:
- 2.3. Chất lượng dân số
 - 2.3.1. Quy mô dân số
 - 2.3.2. Dân số già, dân số trẻ
 - 2.3.3. Tuổi thọ
 - 2.3.4. Tỷ số giới tính

- 2.4. Cơ cấu dân số
 - 2.4.1. Cơ cấu dân số theo giới tính
 - 2.4.2. Cơ cấu dân số theo độ tuổi
 - 2.4.3. Tháp dân số
 - 2.4.4. Cơ cấu dân số theo tình trạng hôn nhân
 - 2.4.5. Cơ cấu dân số theo lãnh thổ, khu vực
- 2.5. Mối quan hệ giữa phát triển dân số và chất lượng cuộc sống
 - 2.5.1. Khái niệm chất lượng cuộc sống
 - 2.5.2. Các chỉ số của chất lượng cuộc sống
 - 2.5.3. Mối liên quan của phát triển dân số và chất lượng cuộc sống
- 2.6. Ảnh hưởng của phát triển dân số đến chỉ số sức khỏe

Bài 3: Dịch tễ học cộng đồng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm dịch tễ học cộng đồng.
- 1.2. Phân tích được 4 giai đoạn nghiên cứu trong dịch tễ học.
- 1.3. Phân biệt được các yếu tố tác nhân, nguyên nhân và nguy cơ trong dịch tễ học.
- 1.4. Trình bày được các biện pháp dự phòng trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

2. Nội dung :

- 2.1. Một số khái niệm dịch tễ học
 - 2.1.1. Dịch tễ học truyền nhiễm
 - 2.1.2. Dịch tễ học cộng đồng
- 2.2. Các giai đoạn nghiên cứu trong dịch tễ học.
 - 2.2.1. Dịch tễ học mô tả
 - 2.2.2. Dịch tễ học phân tích
 - 2.2.3. Dịch tễ học can thiệp
 - 2.2.4. Dịch tễ học đánh giá
- 2.3. Đo lường dịch tễ học
 - 2.3.1. Số mới mắc
 - 2.3.2. Số hiện mắc
 - 2.3.3. Các chỉ số đo lường trong dịch tễ học
 - 2.3.3.1. Tỷ suất
 - 2.3.3.2 Tỷ lệ
 - 2.3.3. 3. Tỷ số
- 2.4. Các yếu tố tác nhân, nguyên nhân và nguy cơ trong dịch tễ học
 - 2.4.1. Yếu tố tác nhân
 - 2.4.2. Yếu tố nguyên nhân
 - 2.4.3. Yếu tố nguy cơ

2.5. Các thời kỳ (giai đoạn) của một bệnh

2.5.1. Thời kỳ tiền lâm sàng

2.5.2. Thời kỳ lâm sàng của bệnh

2.6. Các biện pháp dự phòng

2.6.1. Dự phòng cấp I

2.6.2. Dự phòng cấp II

2.6.3. Dự phòng cấp III

Bài 4: Chẩn đoán cộng đồng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm cộng đồng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và sự khác biệt giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng.

1.2. Mô tả được 3 bước và những loại chỉ số chính cần để chẩn đoán cộng đồng.

1.3. Sử dụng được các chỉ số để xác định vấn đề sức khỏe.

1.4. Viết được một chẩn đoán cộng đồng dựa trên số liệu thu thập được ở địa phương.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm liên quan

2.1.1. Cộng đồng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

2.1.2. Vấn đề sức khỏe cộng đồng

2.2. Chẩn đoán cộng đồng - phát hiện vấn đề sức khỏe cộng đồng

2.2.1. Chẩn đoán cộng đồng

2.2.2. Sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng

2.3. Các bước trong chẩn đoán cộng đồng

2.3.1. Thu thập các chỉ số

2.3.2. Những chỉ số cần thu thập

2.3.3. Xác định vấn đề sức khỏe:

2.3.4. Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên

2.4. Cách viết một chẩn đoán cộng đồng

Bài 5: Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại gia đình

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm và mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng tại cộng đồng.

1.2. Mô tả được cách lượng giá nhu cầu điều dưỡng cho cá nhân tại gia đình.

1.3. Xây dựng được kế hoạch chăm sóc cho cá nhân tại gia đình.

2. Nội dung

2.1. Lượng giá nhu cầu điều dưỡng cộng đồng

2.1.1. Khái niệm về lượng giá nhu cầu điều dưỡng

2.1.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng:

- 2.1.3. Xác định nhu cầu điều dưỡng
 - 2.1.3.1. Với cá nhân người bệnh:
 - 2.1.3.2. Với gia đình và cộng đồng:
- 2.1.4. Chẩn đoán chăm sóc:
- 2.2. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại gia đình
 - 2.2.1. Kế hoạch chăm sóc cho cá nhân người bệnh:
 - 2.2.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho cá nhân người bệnh tại gia đình

Bài 6: Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm và mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng tại cộng đồng.
- 1.2. Mô tả được cách lượng giá nhu cầu điều dưỡng cho cộng đồng.
- 1.3. Phân biệt được chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán điều trị và chẩn đoán cộng đồng.
- 1.4. Xây dựng được kế hoạch chăm sóc cho cộng đồng.

2. Nội dung.

- 2.1. Lượng giá nhu cầu điều dưỡng cộng đồng
 - 2.1.1. Khái niệm về lượng giá nhu cầu điều dưỡng
 - 2.1.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng
 - 2.1.3. Xác định nhu cầu điều dưỡng:
 - 2.1.3.1. Với cá nhân người bệnh:
 - 2.1.3.2. Với gia đình và cộng đồng:
 - 2.1.4. Chẩn đoán chăm sóc:
- 2.2. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng
 - 2.2.1. Bước 1: Thu thập những thông tin, chỉ số y tế.
 - 2.2.2. Bước 2: Xác định vấn đề sức khỏe, lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên.
 - 2.2.3. Bước 3: Xác định mục tiêu
 - 2.2.4. Bước 4: Lựa chọn giải pháp / hoạt động
 - 2.2.4.1. Chọn giải pháp
 - 2.2.4.2. Hoạt động:
 - 2.2.5. Bước 5: Lập kế hoạch hành động
 - 2.2.5.1. Kế hoạch hoạt động là gì?
 - 2.2.5.2. Viết kế hoạch hoạt động theo mục tiêu.

Bài 7: Đánh giá

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, lý do phải đánh giá và phân loại đánh giá.
- 1.2. Mô tả được các phương pháp thu thập thông tin thực hiện trong đánh giá.
- 1.3. Liệt kê các tiêu chuẩn để chọn các chỉ số đánh giá.
- 1.4. Trình bày được các bước cơ bản khi đánh giá.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa đánh giá
- 2.2. Lý do phải đánh giá:
- 2.3. Phân loại đánh giá
- 2.4. Các bước cơ bản của đánh giá
 - 2.4.1. Xác định các vấn đề cần đánh giá
 - 2.4.2. Thực hiện đánh giá (Thu thập số liệu)
 - 2.4.3. Phân tích số liệu, viết báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá.

Bài 8: Tư vấn một số bệnh tại nhà

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu.

- 1.1. Trình bày được khái niệm tư vấn và 3 mục đích của tư vấn trong nâng cao, bảo vệ, và chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- 1.2. Trình bày được 6 nguyên tắc trong tư vấn sức khỏe.
- 1.3. Mô tả được 5 bước của tư vấn sức khỏe.
- 1.4. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện tư vấn sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tư vấn sức khỏe
- 2.2. Mục đích của tư vấn
- 2.3. Nguyên tắc tư vấn
 - 2.3.1. Chọn thời gian và địa điểm thích hợp
 - 2.3.2. Xác định rõ nhu cầu tư vấn
 - 2.3.3. Cung cấp đủ thông tin cần thiết
 - 2.3.4. Thảo luận lựa chọn các biện pháp thích hợp.
 - 2.3.5. Giữ bí mật và tôn trọng điều riêng tư của đối tượng
 - 2.3.6. Không phán xét đối tượng tư vấn.
- 2.4. Quy trình tư vấn
 - 2.4.1. Bước 1. Tạo mối quan hệ tốt với đối tượng
 - 2.4.2. Bước 2. Xác định nhu cầu của đối tượng tư vấn
 - 2.4.3. Bước 3. Giúp đối tượng xác định các lựa chọn
 - 2.4.4. Bước 4. Giúp đối tượng lựa chọn và thực hiện giải pháp thích hợp nhất
 - 2.4.5. Bước 5. Giúp đối tượng lập kế hoạch thực hiện

Bài 9: Điều tra sức khỏe

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các loại điều tra sức khỏe tại cộng đồng.
- 1.2. Mô tả được cách chọn mẫu để điều tra.
- 1.3. Nêu được các bước (quy trình) trong thực hiện điều tra sức khỏe cộng đồng.

2. Nội dung

- 2.1. Các loại điều tra
 - 2.1.1. Điều tra tổng hợp
 - 2.1.2. Điều tra điểm – Điều tra dịch vụ y tế
 - 2.1.3. Khảo sát mẫu – Điều tra số hiện mắc bệnh
- 2.2. Mẫu điều tra – cỡ mẫu và chọn mẫu
 - 2.2.1. Bảng chọn cỡ mẫu và bảng lấy mẫu ngẫu nhiên
 - 2.2.2. Chọn mẫu điều tra
 - 2.2.3. Mẫu không sai lệch và sai lệch.
- 2.3. Quy trình thực hiện điều tra

Bài 10: Sàng lọc sức khỏe

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được khái niệm về sàng lọc sức khỏe.
- 1.2. Phân biệt được sự khác nhau giữa chẩn đoán và sàng lọc.
- 1.3. Mô tả được 3 sàng lọc thông thường về phụ nữ có thai, suy dinh dưỡng ở trẻ em và bệnh lao ở cộng đồng.
- 1.4. Làm được một kỹ thuật sàng lọc thông thường ở cộng đồng.
- 1.5. Trình bày được 4 biện pháp nâng cao tính trùng lặp của sàng lọc.
- 1.6. Nêu lên được tiêu chuẩn để đánh giá một trắc nghiệm sàng lọc tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về sàng lọc sức khỏe
- 2.2. Phân biệt sàng lọc và chẩn đoán
 - 2.2.1. Chẩn đoán
 - 2.2.2. Sàng lọc
- 2.3. Kỹ thuật sàng lọc
 - 2.3.1. Một số sàng lọc thông thường tại cộng đồng
 - 2.3.2. Độ chính xác của kiểm tra sàng lọc
 - 2.3.2.1. Độ chính xác sàng lọc
 - 2.3.2.2. Về sự trùng lặp
- 2.4. Biện pháp nâng cao tính trùng lặp của sàng lọc
- 2.5. Chất lượng trắc nghiệm sàng lọc
 - 2.5.1. Dương tính giả và âm tính giả
 - 2.5.2. Chất lượng quan trọng của một mẫu trắc nghiệm sàng lọc tốt.
- 2.6. Ứng dụng sàng lọc sức khỏe.

Bài 11: Quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nội dung, ý nghĩa, mục đích của hồ sơ sức khỏe.
- 1.2. Phân tích được các vai trò của hồ sơ sức khỏe trong quản lý sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Sổ sách ở trạm y tế

2.1.1. Hồ sơ sức khỏe

2.1.2. Nội dung

2.1.2.1. Sổ khám bệnh: A₁

2.1.2.2. Sổ tiêm chủng vacxin trẻ em: A₂

2.1.2.3. Sổ khám thai: A₃

2.1.2.4. Sổ đẻ: A₄

2.1.2.5. Sổ theo dõi các biện pháp kế hoạch hoá gia đình: A₅

2.1.2.6. Sổ theo dõi nguyên nhân tử vong: A₆

2.1.2.7. Sổ theo dõi các bệnh xã hội: A₇

2.1.3. Ý nghĩa

2.1.4. Mục đích

2.2. Biểu mẫu báo cáo y tế xã:

2.2.1. Báo cáo dân số và sinh tử:

2.2.2. Bảo vệ sức khỏe trẻ em:

2.2.3. Bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em:

2.2.4. Hoạt động khám chữa bệnh:

2.2.5. Hoạt động phòng bệnh:

2.2.6. Dịch bệnh lây và các bệnh quan trọng:

2.2.7. Cơ sở vật chất, ngân sách y tế và cán bộ y tế xã phường.

2.3. Vai trò của hồ sơ sức khỏe trong việc quản lý sức khỏe tại trạm y tế cơ sở

2.3.1. Theo dõi người bệnh

2.3.2. Tìm hiểu tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng:

2.3.3. Phát hiện nhanh chóng sự xuất hiện một bệnh dịch:

2.3.4. Đánh giá tính hình sử dụng trạm y tế dựa trên khả năng đáp ứng của trạm y tế với cộng đồng:

2.3.5. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng, tranh

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

Kiểm tra học sinh: Mô tả đặc điểm của một người khỏe mạnh và cộng đồng khỏe mạnh. Tìm hiểu cộng đồng, phát hiện được các vấn đề sức khỏe tại cộng đồng.

- Về kỹ năng kiểm tra học sinh: Lập kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Về năng lực, tự chủ và trách nhiệm: Lập kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết, trắc nghiệm 15 phút, lập kế hoạch chăm sóc

- Kiểm tra định kỳ: 01 điểm lý thuyết. Kiểm tra viết trắc nghiệm 45 phút/bài

- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.

- Cách cho điểm: Thang điểm 10..

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: giảng dạy cho đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy: Áp dụng dạy học tích cực

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, phương tiện dạy học. Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên...

- Đối với người học

- + Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết

- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- + Thực hiện đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

3. Tài liệu tham khảo.

[1] 2007, *Y tế cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học

[2] 2007, *Thực hành cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học

[3] Vụ khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2006), *Điều dưỡng cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.

[4] 2007, *Sổ tay điều dưỡng cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập lâm sàng điều dưỡng cơ bản – kỹ thuật điều dưỡng

Mã môn học: MH 20

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ. (Thực tập 88 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học.

-Vị trí: Học xong môn giải phẫu sinh lý, lý thuyết điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng

-Tính chất: Môn học chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong học phần này học sinh phải:

1- Về kiến thức:

Tiến hành đúng quy trình các kỹ thuật chăm sóc người bệnh

2 - Về kỹ năng

Học sinh vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện kỹ thuật chăm sóc người bệnh, theo dõi, phát hiện các biểu hiện bất thường trên người bệnh.

Học sinh báo cáo kịp thời các biểu hiện bất thường trên người bệnh cho cán bộ y tế khoa, phòng

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh nhận thức được tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh đối với người điều dưỡng. Có tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Thái độ niềm nở, ân cần khi tiếp nhận và chăm sóc người bệnh.

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.

Có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp trong công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thực tập lâm sàng: Tổng số 90 giờ, 88 giờ học, 2 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

STT	Nội dung tay nghề	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tiếp đón bệnh nhân	5
2	Hướng dẫn tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường	5
3	Lấy mạch nhiệt độ huyết áp	15
4	Thực hiện kỹ thuật tiêm bắp	10
5	Thực hiện kỹ thuật tiêm dưới da	10
6	Thực hiện kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	10
7	Thực hiện kỹ thuật truyền dịch	10
8	Thực hiện kỹ thuật truyền máu	Kiến tập 2
9	Thực hiện kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc	15
10	Thực hiện kỹ thuật thay băng rửa vết thương	1

11	Thực hiện kỹ thuật thụt tháo	2
12	Thực hiện kỹ thuật hút đờm dãi	2
13	Thực hiện kỹ thuật thở ôxy	3
14	Thực hiện kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	5
15	Thực hiện kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh	5
16	Thực hiện kỹ thuật đặt ống sonde dạ dày	Kiến tập 2
17	Cho người bệnh ăn qua sonde dạ dày	2
18	Thực hiện kỹ thuật đặt sonde tiểu	Kiến tập 2
19	Làm hồ sơ bệnh án	3
20	Tham gia trực bệnh viện	3

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Buồng bệnh, phòng khám bệnh tại khoa Nội và khoa Ngoại, bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: Dụng cụ thực hiện các kỹ thuật: Huyết áp, ống nghe và các máy móc phục vụ kỹ thuật chăm sóc người bệnh Nội khoa và ngoại khoa
3. Học liệu, dụng cụ: Sổ tay, bút.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

Tiến hành đúng quy trình các kỹ thuật chăm sóc người bệnh

- Về kỹ năng

Học sinh vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện kỹ thuật chăm sóc người bệnh, theo dõi, phát hiện các biểu hiện bất thường trên người bệnh.

Học sinh báo cáo kịp thời các biểu hiện bất thường trên người bệnh cho cán bộ y tế khoa, phòng

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh nhận thức được tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh đối với người điều dưỡng. Có tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Thái độ niềm nở, ân cần khi tiếp nhận và chăm sóc người bệnh.

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.

Có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp trong công việc.

2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá thực tập lâm sàng: Giao ban, đi buồng, nghiên cứu từng ca, Kiểm tra tay nghề bằng thực hiện các kỹ thuật và thăm khám trên bệnh nhân

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 01 điểm
- Thi kết thúc học phần: Thực hiện các kỹ thuật, thăm khám trên bệnh nhân.
- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phương pháp dạy học: Sử dụng phương pháp dạy học tích cực

2. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học. Chăm tay chỉ việc cụ thể trên từng người bệnh

Đối với người học

- Quan sát, làm theo sự hướng dẫn của giáo viên
- Tham dự 100 % số giờ học lâm sàng
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

Học sinh chia nhóm khám bệnh và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên và nhân viên ở khoa phòng.

4. Những trọng tâm cần chú ý:

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ y tế, *Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh*, Nhà xuất bản y học 2002

[2] Trường cao đẳng y tế Lạng Sơn 2017, Tập quy trình kỹ thuật điều dưỡng

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập lâm sàng Nội

Mã môn học: MH 21

Thời gian thực hiện môn học : 180 giờ (Thực hành: 176 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Bố trí sau khi học sinh học xong môn y học cơ sở và môn Bệnh học Nội
- Tính chất môn học: Môn học chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1. Khám, chẩn đoán, điều trị những bệnh nội khoa thông thường ở tuyến cơ sở và gửi kịp thời những trường hợp vượt quá khả năng lên tuyến trên.
2. Tuyên truyền, giáo dục được cho nhân dân biết cách phòng bệnh
3. Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành thăm khám và điều trị

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thực tập lâm sàng: Tổng số 180 giờ, 176 giờ học, 4 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

S TT	Nội dung tay nghề	Chỉ tiêu tay nghề
1	Chuẩn bị người bệnh, phụ giúp bác sỹ khám chữa bệnh	10
2	Hướng dẫn người bệnh chế độ ăn uống nghỉ ngơi, cách dùng thuốc theo chỉ định của Bác sỹ	15
3	Theo dõi dấu hiệu sinh tồn của bệnh nhân	25
4	Tiêm thuốc:tiêm bắp, tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch ...	25
5	Thực hiện đúng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh	20
6	Khám phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp	30
7	Làm bệnh án, bình bệnh án các bệnh nội khoa thường gặp	8
8	Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	8
9	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh	10
10	Tham gia trực bệnh viện	4

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Buồng bệnh, phòng khám bệnh tại khoa Nội bệnh viện
2. Trang thiết bị máy móc:

Dụng cụ thực hiện các kỹ thuật: Huyết áp, ống nghe và các máy móc phục vụ công tác khám chữa bệnh Nội khoa

3. Học liệu:

- Ca bệnh, tình huống lâm sàng tại buồng bệnh
- Giáo trình chăm sóc người bệnh bệnh Ngoại khoa
- Nguồn lực khác: người bệnh, nhân viên y tế.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị đúng và kịp thời gửi lên tuyến trên các trường hợp quá khả năng.

- Kỹ năng:

Chẩn đoán, xử trí một số bệnh nội khoa thường gặp và xử trí được những bệnh nội khoa thông thường ở tuyến cơ sở, gửi kịp thời những trường hợp vượt quá khả năng lên tuyến trên.

+ Thực hiện tốt giao tiếp với người bệnh, thân nhân người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình thực hiện chăm sóc người bệnh

+ Thực hiện các thủ thuật điều dưỡng đúng quy trình kỹ thuật đảm bảo an toàn cho người bệnh và NVYT.

+ Phụ giúp Bác sĩ trong việc chẩn đoán, điều trị và làm thủ thuật một số bệnh lý Nội khoa.

+ Hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh các phương pháp tự chăm sóc cá nhân một cách phù hợp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành thăm khám và điều trị.

Hợp tác tốt, chia sẻ trách nhiệm với đồng nghiệp trong công việc

2. Phương pháp đánh giá

- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 bài theo phương pháp vấn đáp, thực hành thăm khám trên người bệnh

- Điểm kiểm tra định kỳ: 02 bài thực hành thăm khám trên người bệnh

- Thi kết thúc học phần: 01 bài thực hành thăm khám trên người bệnh

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy: Phương pháp tích cực

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học. Cầm tay chỉ việc cụ thể trên từng người bệnh

Đối với người học

- Quan sát, làm theo sự hướng dẫn của giáo viên
- Tham dự 100 % số giờ học lâm sàng
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

Học sinh chia nhóm khám bệnh và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên và nhân viên ở khoa phòng tại bệnh viện

3. Những trọng tâm cần chú ý: Học sinh phải

- + Tham gia 100% giờ học thực tập tại khoa lâm sàng.
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

4. Tài liệu tham khảo

- [1] Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn (2013), *Giáo trình bệnh học nội*.
- [2] Hà Nội (2008), *Bài giảng bệnh học nội khoa tập I, II*. NXB Y Học.
- [3] 2011, *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh nội khoa*, NXB Y Học
- [4] Hà Nội (2007), *Nội khoa cơ sở tập I, tập II*, NXB Y Học.
- [5] Hà Nội (2001), *Hồi sức cấp cứu tập I, II*, NXB Y Học.
- [6] 2005, *Cẩm nang điều trị Nội khoa*, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập lâm sàng Ngoại khoa

Mã môn học: MH 22

Thời gian thực hiện môn học: 180 giờ (thực hành 176 giờ, Kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Học xong môn học lý thuyết bệnh học ngoại khoa
- Tính chất môn học: Môn học chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học

1- Về kiến thức

Phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, xử trí đúng và kịp thời gửi lên tuyến trên các trường hợp bệnh nhân ngoại khoa vượt quá khả năng.

2- Về kỹ năng:

Tiến hành tuyên truyền giáo dục được cách phòng bệnh, về nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp trong nhân dân, góp phần trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu.

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tác phong người y sỹ khẩn trương, đảm bảo vô khuẩn, tận tình với người bệnh

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Thực tập lâm sàng: Tổng số 180 giờ, 176 giờ học, 4 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

S TT	Nội dung tay nghề	Chỉ tiêu tay nghề
1	Chuẩn bị người bệnh, phụ cấp giúp Bác sĩ khám chữa bệnh	10
2	Hướng dẫn người bệnh chế độ ăn uống nghỉ ngơi, cách dùng thuốc theo chỉ định của Bác sĩ	20
3	Theo dõi dấu hiệu sinh tồn của người bệnh	25
4	Uống thuốc. Tiêm thuốc: tiêm bắp, tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm truyền dung dịch, tiêm tĩnh mạch	25
5	Thay băng, cắt chỉ vết thương	8
6	Băng bó	4
7	Khám phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị/xử trí một số bệnh ngoại khoa thường gặp	25
8	Khâu vết thương	2
9	Làm bệnh, bình bệnh án các bệnh ngoại khoa thường gặp	8
10	Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	8
11	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh	20
12	Tham gia trực tại khoa	4

III. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Buồng bệnh, phòng khám bệnh tại khoa Ngoại, bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: Dụng cụ thực hiện các kỹ thuật: Huyết áp, ống nghe và các máy móc phục vụ kỹ thuật chăm sóc người bệnh Ngoại khoa
3. Học liệu, dụng cụ: Sổ tay, bút, giấy làm bệnh án
4. Các điều kiện khác:

IV. Nội dung và các phương pháp, đánh giá

- Về kiến thức

Kiểm tra : Phát hiện triệu chứng chẩn đoán, điều trị, xử trí đúng và kịp thời gửi lên tuyến trên các trường hợp bệnh nhân ngoại khoa vượt quá khả năng.

- Về kỹ năng:

Kiểm tra : Tuyên truyền giáo dục được cách phòng bệnh, về nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp trong nhân dân, góp phần trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra: Rèn luyện tác phong người y sỹ khẩn trương, đảm bảo vô khuẩn, tận tình với người bệnh

2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá thực tập lâm sàng: Giao ban, đi buồng, nghiên cứu từng ca, Kiểm tra tay nghề bằng thực hiện cách thăm khám trên bệnh nhân.

- Kiểm tra thường xuyên: 02 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm
- Thi kết thúc học phần: Bốc thăm bệnh án, hỏi trên bệnh nhân và chấm bệnh án
- + Chấm bệnh án: 6 điểm
- + Vấn đáp: 4 điểm
- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

V. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học. Chăm tay chỉ việc cụ thể trên từng người bệnh

Đối với người học

- Tham dự 100 % số giờ học lâm sàng
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

Học sinh chia nhóm khám bệnh và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên và nhân viên ở khoa phòng.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

[1] Bệnh học Ngoại khoa, sách dùng cho đối tượng trung học, Nhà xuất bản Y học 2008.

[2] Bài giảng Bệnh học Ngoại khoa, tập 1, Nhà xuất bản Y học, 2008.

[3] Bài giảng Bệnh học Ngoại khoa, tập 2, Nhà xuất bản Y học, 2008.

[4] Giáo trình học phần do nhà trường biên soạn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lâm sàng sản khoa

Mã môn học: MH 23

Thời gian thực hiện môn học: 180 giờ (thực hành 176 giờ, Kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học xong môn học lý thuyết sức khỏe sinh sản

- Tính chất: Chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1- Về kiến thức.

Khám và chẩn đoán xác định có thai.

Phát hiện và quản lý được số thai phụ có nguy cơ để gửi lên tuyến trên đúng, kịp thời và an toàn.

Khám phụ khoa đúng phương pháp để phát hiện sớm và điều trị được một số bệnh phụ khoa thông thường tại cơ sở.

2 - Về kỹ năng:

Tiến hành được một cuộc đẻ thường (ngôi chỏm) đúng quy định tại trạm y tế.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, thông cảm và tận tình chăm sóc sức khỏe phụ nữ và sản phụ.

Vận dụng được kiến thức đã học để giáo dục sức khỏe, huy động toàn dân chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thực tập lâm sàng: Tổng số 180 giờ, 176 giờ học, 4 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

S T T	Nội dung tay nghề	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tiêm, truyền dịch, truyền máu	10
2	Khám thai: sờ nắn phần thai, nghe tim thai, đo chiều cao tử cung, đo vòng bụng, tính tuổi thai, dự đoán ngày sinh.	8
3	Đo các đường kính ngoài của khung chậu trên thai phụ	8
4	Khám bộ phận sinh dục ngoài, khám trong nhận biết âm đạo, tử cung khi có thai.	8
5	Thăm trong xác định ngôi, thế, kiểu thế thai của ngôi chỏm (các ngôi bất thường nếu có)	3
6	Theo dõi ghi chép đánh giá các hiện tượng chuyển dạ: độ xoá mở tử cung, cơn co tử cung, nghe tim thai.	8
7	Chuẩn bị dụng cụ đỡ đẻ, bàn đẻ, thuốc, sản phụ và người đỡ đẻ	5
8	Thông tiểu nữ	2
9	Thử nước tiểu bằng phương pháp đơn giản để chẩn đoán thai, chẩn đoán Protein niệu	2

10	Đỡ đẻ thường (ngôi chỏm)	1
11	Đỡ rau và kiểm tra rau	1
12	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	4
13	Chăm sóc trẻ sơ sinh tại phòng dưỡng nhi	2
14	Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ	5
15	Theo dõi và chăm sóc sản phụ ngay sau đẻ (sự co hồi tử cung, xuống sữa, mạch, nhiệt độ, huyết áp, vết khâu tầng sinh môn).	4
16	Theo dõi triệu chứng chăm sóc cách điều trị tiền sản giật	1
17	Theo dõi triệu chứng, chăm sóc, xử trí chảy máu sau đẻ	1
18	Khám và mô tả các triệu chứng sảy thai, sót rau	1
19	Phụ nạo hút thai, nạo sót rau	2
20	Khám phụ khoa, nhìn qua mỏ vịt và thăm khám trong để phân biệt cổ tử cung bình thường và viêm loét	4
21	Khám bệnh nhân bị viêm âm hộ, âm đạo, đưa ra cách điều trị	5
22	Làm được bệnh án, bình bệnh án: có thai, chuyển dạ đẻ, hậu sản thường, sảy thai	4
23	Đặt, tháo dụng cụ tử cung	1
24	Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	5
25	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho sản phụ và gia đình	10
26	Tham gia trực tại khoa sản	4

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Buồng bệnh, phòng khám bệnh tại khoa Sản, bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: Dụng cụ thực hiện các kỹ thuật: Huyết áp, ống nghe và các máy móc phục vụ kỹ thuật chăm sóc người bệnh Sản khoa
3. Học liệu, dụng cụ: Sổ tay, bút, giấy làm bệnh án
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

-Về kiến thức.

Kiểm tra học sinh bằng nội dung: Khám và chẩn đoán xác định có thai., Phát hiện và quản lý được số thai phụ có nguy cơ để gửi lên tuyến trên đúng, kịp thời và an toàn. Khám phụ khoa đúng phương pháp để phát hiện sớm và điều trị được một số bệnh phụ khoa thông thường tại cơ sở.

- Về kỹ năng: Học sinh tiến hành đỡ đẻ cuộc đẻ thường (ngôi chỏm)

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra học sinh thông qua kỹ năng giao tiếp bằng sự: Tôn trọng, thông cảm và tận tình chăm sóc sức khỏe phụ nữ và sản phụ.

Vận dụng được kiến thức đã học để giáo dục sức khỏe, huy động toàn dân chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.

2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá thực tập lâm sàng: Giao ban, đi buồng, nghiên cứu từng ca, Kiểm tra tay nghề bằng thực hiện cách thăm khám trên bệnh nhân.

- Kiểm tra thường xuyên: 02 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm
- Thi kết thúc học phần: 01 điểm, bốc thăm bệnh án, hỏi trên bệnh nhân và chăm bệnh án
 - + Chấm bệnh án: 6 điểm
 - + Vấn đáp: 4 điểm
 - Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học. Chăm tay chỉ việc cụ thể trên từng người bệnh

Đối với người học

- Tham dự 100 % số giờ học lâm sàng
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Sức Khỏe Trẻ Em (Bộ môn Sức Khỏe Sinh Sản – Trường Cao Đẳng Y Tế);
- [2] Phác Đồ Điều Trị Nhi Khoa bản 2015 (Bệnh viện Nhi Đồng I - TP HCM)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lâm sàng Nhi khoa

Mã môn học: MH 24

Thời gian thực hiện môn học: 180 giờ; (Thực tập lâm sàng 176 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học xong môn học lý thuyết sức khỏe trẻ em
- Tính chất: Chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1- Về kiến thức.

Khám, chẩn đoán, điều trị được các bệnh thường gặp ở trẻ em, chuyển kịp thời những trường hợp nặng.

2-Về kỹ năng:

Lập được sổ sức khỏe, theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ em.

3 -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tuyên truyền, giáo dục, chăm sóc được sức khỏe trẻ em nhằm xây dựng bồi dưỡng tương lai cho đất nước.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thực tập lâm sàng: Tổng số 90 giờ, 176 giờ học, Kiểm tra 3 giờ.

2. Nội dung chi tiết:

STT	Nội dung tay nghề	Chỉ tiêu tay nghề
1	Chuẩn bị bệnh nhi, phụ giúp Bác sĩ khám chữa bệnh	10
2	Hướng dẫn người bệnh chế độ ăn uống nghỉ ngơi, Cách dùng thuốc theo chỉ định của Bác sĩ.	20
3	Theo dõi dấu hiệu sinh tồn	25
4	Tiêm thuốc: Tiêm bắp, tiêm trong da, tiêm dưới da, truyền dịch, tiêm tĩnh mạch.	25
5	Pha và hướng dẫn sử dụng ORS	15
6	Hút đờm dãi	4
7	Thở oxy	2
8	Thở CPAP	5
9	Cho ăn qua sonde	2
10	Thông tiểu	2
11	Khám phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh nhi khoa thường gặp	25
12	Làm bệnh án, bình bệnh án các bệnh thường gặp ở trẻ em	8
13	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho bệnh nhi và người nhà của bệnh nhi	20
14	Tham gia trực tại khoa nhi	4

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Buồng bệnh, phòng khám bệnh tại khoa Nhi, bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: Dụng cụ thực hiện các kỹ thuật: Huyết áp, ống nghe và các máy móc phục vụ kỹ thuật chăm sóc người bệnh Nhi khoa
3. Học liệu, dụng cụ: Sổ tay, bút, giấy làm bệnh án

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

-Về kiến thức.

Kiểm tra học sinh cách: Khám, chẩn đoán, điều trị được các bệnh thường gặp ở trẻ em, chuyển kịp thời những trường hợp nặng.

- Về kỹ năng:

Lập được sổ sức khỏe, theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ em.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tuyên truyền, giáo dục, chăm sóc được sức khỏe trẻ em nhằm xây dựng bồi dưỡng tương lai cho đất nước.

2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá thực tập lâm sàng: Giao ban, đi buồng, nghiên cứu từng ca, Kiểm tra tay nghề bằng thực hiện cách thăm khám trên bệnh nhân.

- Kiểm tra thường xuyên: 02 điểm

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm

- Thi kết thúc học phần: Bốc thăm bệnh án, hỏi trên bệnh nhân và chấm bệnh án

+ Chấm bệnh án: 6 điểm

+ Vấn đáp: 4 điểm

- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1 - Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp

2 - Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học. Cầm tay chỉ việc cụ thể trên từng người bệnh

Đối với người học

- Tham dự 100 % số giờ học lâm sàng

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng

- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

Học sinh chia nhóm khám bệnh và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên và nhân viên ở khoa phòng.

4- Tài liệu tham khảo:

[1] Sức Khỏe Trẻ Em (Bộ môn Sức Khỏe Sinh Sản – Trường Cao Đẳng Y Tế);

[2] Phác Đồ Điều Trị Nhi Khoa bản 2015 (Bệnh viện Nhi Đồng I - TP HCM)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên học phần: Thực tập lâm sàng truyền nhiễm

Mã môn học: MH 25

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Thực tập lâm sàng 87 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất, môn học:

- Vị trí: Học xong các môn học: bệnh học nội khoa và ngoại khoa, sức khỏe trẻ em và sức khỏe sinh sản, lý thuyết bệnh truyền nhiễm và xã hội.

- Tính chất: Chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1 - Về kiến thức:

Khám, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc được bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm thường gặp thể thông thường, chuyển lên tuyến trên đúng và kịp thời.

2 - Về kỹ năng:

Tổ chức lồng ghép trong và ngoài ngành, sử dụng kỹ thuật và trang thiết bị cần thiết, thuyết phục cộng đồng tham gia thực hiện các chương trình phòng, chống bệnh truyền nhiễm tại địa phương

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có khả năng xây dựng được tác phong khoa học, khẩn trương, thận trọng, chính xác, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong phòng chống các bệnh truyền nhiễm ở địa phương

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thực tập lâm sàng: Tổng số 90 giờ, 87 giờ học, Kiểm tra 3 giờ)

2. Nội dung chi tiết:

STT	Nội dung tay nghề	Chỉ tiêu tay nghề
1	Chuẩn bị người bệnh, phụ giúp bác sĩ khám chữa bệnh	5
2	Hướng dẫn người bệnh chế độ ăn, uống, nghỉ ngơi, cách dùng thuốc theo chỉ định của Bác sĩ	10
3	Theo dõi các dấu hiệu sinh tồn của bệnh nhân	10
4	Uống thuốc -Tiêm thuốc: Tiêm bắp, tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch....	10
5	Thực hiện đúng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh: Hút đờm rãi, thở oxy, cho bệnh nhân ăn qua sonde...	6
6	Phụ giúp Bác sĩ chọc dò tủy sống, màng phổi	2
7	Quản lý chất thải của người bệnh	3
8	Cách ly và phòng chống lây nhiễm trong chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	15
9	Khám phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị	15

	các bệnh truyền nhiễm thường gặp	
10	Làm bệnh án, bình bệnh án	3
11	Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	3
12	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh, các biện pháp phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp	10
13	Tham gia trực tại khoa Truyền nhiễm	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Buồng bệnh, phòng khám bệnh tại khoa Truyền nhiễm, bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: Dụng cụ thực hiện các kỹ thuật: Huyết áp, ống nghe và các máy móc phục vụ kỹ thuật chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm khoa
3. Học liệu, dụng cụ: Sổ tay, bút, giấy làm bệnh án
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và các phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1- Về kiến thức: Khám, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc được bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm thường gặp thể thông thường, chuyển lên tuyến trên đúng và kịp thời.

2- Về kỹ năng: Tổ chức lồng ghép trong và ngoài ngành, sử dụng kỹ thuật và trang thiết bị cần thiết, thuyết phục cộng đồng tham gia thực hiện các chương trình phòng, chống bệnh truyền nhiễm tại địa phương

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học sinh có khả năng xây dựng được tác phong khoa học, khẩn trương, thận trọng, chính xác, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong phòng chống các bệnh truyền nhiễm ở địa phương

2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá thực tập lâm sàng: Giao ban, đi buồng, nghiên cứu từng ca, Kiểm tra tay nghề bằng thực hiện cách thăm khám trên bệnh nhân.

- Kiểm tra thường xuyên: 02 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm
- Thi kết thúc học phần: Bốc thăm bệnh án, hỏi trên bệnh nhân và chăm bệnh án
- + Chăm bệnh án: 6 điểm
- + Vấn đáp: 4 điểm
- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học. Cầm tay chỉ việc cụ thể trên từng người bệnh

Đối với người học

- Tham dự 100 % số giờ học lâm sàng
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

Học sinh chia nhóm khám bệnh và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên và nhân viên ở khoa phòng.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ môn truyền nhiễm - Học viện Quân Y (1999), bệnh học truyền nhiễm, nhà xuất bản y học.

[2] Bộ môn truyền nhiễm - Trường đại học Y Hà Nội (1999), bệnh học truyền nhiễm, nhà xuất bản y học.

[3] Chẩn đoán và điều trị bệnh truyền nhiễm (1998), Cục Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

[4] Quyết định 4178, BYT ngày 30/10/2007, hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh tả

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên học phần: Thực tập cộng đồng

Mã môn học: MH26

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Thực tập lâm sàng 87 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất, môn học/học phần:

- Vị trí: Học xong môn học, bệnh học nội khoa và ngoại khoa, sức khỏe trẻ em và sức khỏe sinh sản, bệnh truyền nhiễm và xã hội.

- Tính chất: Chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1 - Về kiến thức:

Xác định được vấn đề sức khỏe tại địa phương.

2 - Về kỹ năng:

Lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Thực hiện được công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng về các vấn đề sức khỏe.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có khả năng xây dựng được tác phong khoa học, khẩn trương, thận trọng, chính xác, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong công tác truyền thông giáo dục sức khỏe ở cộng đồng

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thực tập cộng đồng: Tổng số 90 giờ, 87 giờ học, Kiểm tra 3 giờ

2. Nội dung chi tiết:

ST T	Nội dung tay nghề	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tìm hiểu cộng đồng để thu thập thông tin, lựa chọn những vấn đề sức khỏe cần giải quyết	Viết 1 bản báo cáo về thông tin cộng đồng, đề xuất những vấn đề sức khỏe cần giải quyết
2	Chẩn đoán, lập kế hoạch CSSK cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	01 lần Viết một bản kế hoạch
3	Lập và thực hiện kế hoạch TT - GDSK cho người dân tại cộng đồng	01 lần Viết một bản kế hoạch
4	Tham gia khám bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khỏe tại trạm y tế	4 lần
5	Tham gia các chương trình y tế tại địa phương	1 lần
6	Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khỏe và biểu mẫu, sổ sách tại trạm y tế	4 lần
7	Tư vấn, hướng dẫn cho người bệnh và người nhà của	4 lần

	họ đến khám, chữa bệnh tại Trạm y tế	
8	Viết báo cáo cuối đợt thực tập	1 báo cáo

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trạm Y tế xã
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sổ tay, bút, giấy
3. Học sinh chia nhóm khám bệnh, điều trị và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, các chỉ tiêu tay nghề khác trên người bệnh, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên và nhân viên ở khoa phòng.
4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và các phương pháp đánh giá

1 - Về kiến thức:

Xác định được vấn đề sức khỏe tại địa phương.

2 - Về kỹ năng:

Lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Thực hiện được công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng về các vấn đề sức khỏe.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có khả năng xây dựng được tác phong khoa học, khẩn trương, thận trọng, chính xác, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong công tác truyền thông giáo dục sức khỏe ở cộng đồng

2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá thực tập cộng đồng: Giao ban, nghiên cứu từng ca, truyền thông trực tiếp với cộng đồng tại điểm thực tập.

- Kiểm tra thường xuyên: 02 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm
- Thi kết thúc học phần: 01 điểm, bằng bài lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình hoặc cộng đồng.
- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học, cầm tay chỉ việc

Đối với người học

- Tham dự đầy đủ 100 % số giờ học thực tập cộng đồng
 - Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
 - Có sổ ghi chép và thực hiện đủ các chỉ tiêu thực tập cộng đồng
3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- [1] Y tế cộng đồng – Nhà xuất bản Y học, 2007
- [2] Thực hành cộng đồng – Nhà xuất bản Y học, 2007
- [3] Vụ khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2006), Điều dưỡng cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.
- [4] Sổ tay điều dưỡng cộng đồng – Nhà xuất bản Y học, 2007

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp

Mã môn học: MH 27

Thời gian thực hiện môn học: 225 giờ (Thực tập tốt nghiệp 220 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất, môn học/học phần:

- Vị trí: Sau khi hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
- Tính chất: Chuyên ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí được một số bệnh, cấp cứu thường gặp

2. Về kỹ năng:

Thực hiện được công tác hành chính, quản lý trạm y tế, các hoạt động của khoa/phòng bệnh viện.

Thực hiện được công tác truyền thông, giáo dục, tư vấn sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh, cho cá nhân, gia đình và cộng đồng về các vấn đề sức khỏe.

Đánh giá được mô hình tổ chức quản lý của khoa phòng và Bệnh viện

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng được các kiến thức kỹ năng vào thực tế Chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng và tại các cơ sở khám chữa bệnh.

Mô tả và phân tích được chức năng vai trò của người Y sĩ

Rèn luyện kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe

III. Nội dung môn học.

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thực tập tốt nghiệp: Tổng số 225 giờ(220 giờ học, 5 giờ kiểm tra)

2. Nội dung chi tiết:

2.1. Thực tập tại Trạm y tế xã

STT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của trạm y tế, chức trách nhiệm vụ của từng nhân viên trạm Y tế và sổ sách tại trạm	Ghi chép 04 chức năng, 11 nhiệm vụ. Thử tự hoạt động của trạm Y tế/tháng. Nhiệm vụ của từng cán bộ Y tế trạm và các sổ A ₁ - A ₇
2	Tham gia khám bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khỏe	3 lần
3	Tham gia các chương trình y tế tại địa phương	1 lần
4	Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khỏe và biểu mẫu, sổ sách tại trạm y tế	2 lần

5	Tư vấn, hướng dẫn cho người bệnh và người nhà của họ đến khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế	3 lần
---	--	-------

2.2. Thực tập tại Bệnh viện: Tại các khoa: Nội - Nhi, Ngoại- Sản

Số TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
1	Thực hiện các chỉ tiêu Nội khoa:	
	Đo và nhận định các chỉ số sinh tồn	15 lần
	Tiêm, truyền dịch các loại	15 lần
	Thực hiện các kỹ thuật CSBN nội khoa	8 lần
	Khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh nội khoa thường gặp	20 lần
	Phụ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật trong khám bệnh và điều trị	15 lần
	Ghi chép bệnh án, biểu mẫu nội khoa; sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	15 lần
	Làm bệnh án nội khoa	5 lần
2	Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, tư vấn cho người bệnh và thân nhân người bệnh.	15 lần
	Thực hiện các chỉ tiêu Nhi khoa:	
	Đo và nhận định các chỉ số sinh tồn	15 lần
	Tiêm, truyền dịch các loại	10 lần
	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc bệnh nhi	6 lần
	Thăm khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh nhi khoa thường gặp	20 lần
	Phụ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật trong khám bệnh và điều trị	15 lần
	Ghi chép bệnh án, biểu mẫu nhi khoa; sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	15 lần
3	Làm bệnh án Nhi khoa	5 lần
	Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, tư vấn cho người bệnh và thân nhân người bệnh.	15 lần
	Thực hiện các chỉ tiêu Ngoại khoa	
	Đo và nhận định các chỉ số sinh tồn	15 lần
	Tiêm, truyền dịch các loại	15 lần
	Thực hiện các kỹ thuật CSBN ngoại khoa	8 lần
	Khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp	20 lần
	Phụ giúp Bác sỹ khám, chữa bệnh ngoại khoa	15 lần
	Ghi chép bệnh án, biểu mẫu ngoại khoa; sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	15 lần
	Làm bệnh án ngoại khoa	5 lần

	Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, tư vấn cho người bệnh và thân nhân người bệnh.	15 lần
4	Thực hiện các chỉ tiêu Sản khoa:	
	Đo và nhận định các chỉ số sinh tồn	15 lần
	Tiêm, truyền dịch các loại	10 lần
	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc sản phụ	8 lần
	Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ	10 lần
	Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ	10 lần
	Thăm khám, phát hiện, xử trí một số bệnh phụ khoa thường gặp	10 lần
	Đỡ đẻ thường (ngôi chỏm)	4 lần
	Ghi chép bệnh án, biểu mẫu sản khoa; sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc tại khoa	10 lần
	Làm bệnh án sản khoa	5 lần
	Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, tư vấn cho người bệnh và thân nhân người bệnh.	10 lần
5	Tham gia trực tại khoa Nội hoặc Nhi, hoặc Ngoại hoặc Sản	8 buổi

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Khoa: Trạm Y tế, các khoa Nội – Ngoại- Sản – Nhi trung tâm Y tế huyện.
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sổ tay, bút, giấy làm bệnh án
3. Học sinh chia nhóm khám bệnh, điều trị và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, các chỉ tiêu tay nghề khác trên người bệnh, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên và nhân viên ở khoa phòng.
4. Các điều kiện khác

IV. Nội dung và các phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức:

Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí được một số bệnh, cấp cứu thường gặp

- Về kỹ năng:

Thực hiện được công tác hành chính, quản lý trạm y tế, các hoạt động của khoa/phòng bệnh viện.

Thực hiện được công tác truyền thông, giáo dục, tư vấn sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh, cho cá nhân, gia đình và cộng đồng về các vấn đề sức khỏe.

Đánh giá được mô hình tổ chức quản lý của khoa phòng và Bệnh viện

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng được các kiến thức kỹ năng vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng và tại các cơ sở khám chữa bệnh.

Mô tả và phân tích được chức năng vai trò của người Y sĩ

Rèn luyện kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe

2. Phương pháp đánh giá

- Điểm kiểm tra thường xuyên: 2 điểm kiểm tra hệ số 1. Tại Trạm y tế xã là bài kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu tay nghề, ý thức tham gia thực tập, chấp hành nội quy thực tập của học sinh tại Trạm.

- Điểm kiểm tra định kỳ: 02 bài thực hành thăm khám trên người bệnh tại Trung tâm Y tế: là bài kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu tay nghề, thực hành tay nghề, ý thức tham gia thực tập, chấp hành nội quy thực tập của học sinh.

- Thi kết thúc học phần: Học sinh nộp sổ thực tập cá nhân, bệnh án và bản báo cáo tại Trạm Y tế, để đánh giá điểm thi kết thúc học phần thực tập tốt nghiệp.

V. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên, trợ giảng: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học, cầm tay chỉ việc

Đối với người học

- Tham dự đầy đủ số giờ thực tập tốt nghiệp
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

Tại Trạm Y tế: Học sinh thực hiện các chỉ tiêu tay nghề dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của nhân viên Trạm Y tế.

Tại Bệnh viện: Học sinh thực hiện các chỉ tiêu tay nghề trên bệnh nhân, dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của nhân viên khoa phòng

Mỗi học sinh có một sổ thực tập cá nhân, ghi chép các nội dung công việc cụ thể đã thực hiện hàng ngày, có xác nhận của khoa phòng nơi thực tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phục hồi chức năng

Mã môn học: MH 28

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ, thực tập lâm sàng: 44 giờ, Kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Sau khi học xong các môn Y học cơ sở, môn chung
- Tính chất: Thuộc môn học tự chọn.

II. Mục tiêu môn học:

1- Kiến thức:

Trình bày được các khái niệm cơ bản về phục hồi chức năng.

Mô tả được diễn biến quá trình khuyết tật và các biện pháp phòng ngừa.

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, cách phát hiện người bệnh khiếm khuyết, giảm chức năng, khuyết tật.

2 - Kỹ năng:

Học sinh vận dụng được các kiến thức trên để nhận định người bệnh, thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản, theo dõi, phát hiện và xử trí các biểu hiện bất thường trên người bệnh.

Xác định được nhu cầu phục hồi chức năng cho người bệnh khiếm khuyết, giảm chức năng, khuyết tật.

Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản theo qui trình kỹ thuật của từng thủ thuật.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Học sinh nhận thức được tầm quan trọng của công tác phục hồi chức năng người bệnh đối với người Y sỹ.

Thái độ niềm nở, ân cần khi tiếp nhận và điều trị người bệnh.

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.

Có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp trong công việc.

Có tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Lý thuyết: 15 giờ

Số TT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về phục hồi chức năng 1. Định nghĩa phục hồi chức năng 2. Mục đích phục hồi chức năng 3. Các hình thức phục hồi chức năng	2	2		

	3.1. Phục hồi chức năng tại viện, tại trung tâm 3.2. Phục hồi chức năng ngoài viện 3.3. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng				
2	Bài 2. Quá trình khuyết tật và các biện pháp phòng ngừa 1. Đại cương 2. Quá trình khuyết tật 3. Các biện pháp phòng ngừa khuyết tật 4. Nguyên nhân, phân loại khuyết tật	1	1		
3	Bài 3. Các kỹ thuật phục hồi chức năng 1. Vận động trị liệu 1.1. Định nghĩa vận động trị liệu 1.2. Mục đích vận động trị liệu 1.3. Các bài tập vận động trị liệu thường áp dụng 2. Hoạt động trị liệu 2.1. Định nghĩa hoạt động trị liệu 2.2. Mục đích hoạt động trị liệu 2.3. Các hoạt động trị liệu 3. Xoa bóp trị liệu 3.1. Tác dụng sinh lý của xoa bóp trị liệu 3.2. Chỉ định xoa bóp trị liệu 3.3. Chống chỉ định xoa bóp trị liệu 3.4. Các hình thức xoa bóp trị liệu	4	4		
4	Bài 4. Phục hồi chức năng cho người bị động kinh 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Cách phát hiện 2. Phục hồi chức năng 2.1. Xử trí trong cơn động kinh 2.2. Xử trí ngoài cơn động kinh	3	3		
5	Bài 5. Phục hồi chức năng cho người tổn thương thần kinh ngoại biên 1. Đại cương 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng	3	3		

	1.3. Điều trị 2. Phục hồi chức năng 2.1. Mục đích của phục hồi chức năng 2.2. Phương pháp phục hồi chức năng				
6	Bài 6. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân tổn thương tủy sống 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Chẩn đoán 2. Phục hồi chức năng 2.1. Nguyên tắc 2.2. Phục hồi chức năng giai đoạn đầu 2.3. Phục hồi chức năng giai đoạn thứ hai 2.4. Phục hồi chức năng giai đoạn tái hòa nhập xã hội	4	4		
7	Bài 7. Phục hồi chức năng cho người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng 1.4. Mẫu co cứng thường gặp 2. Phục hồi chức năng 2.1. Phục hồi chức năng giai đoạn sớm 2.2. Phục hồi chức năng giai đoạn muộn 2.3. Một số bài tập luyện phục hồi chức năng	4	4		
8	Bài 8. Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau phẫu thuật 1. Đại cương 2. Phục hồi chức năng trước và sau phẫu thuật lồng ngực 2.1. Mục đích 2.2. Phục hồi chức năng trước phẫu thuật lồng ngực 2.3. Phục hồi chức năng sau phẫu thuật lồng ngực 3. Phục hồi chức năng trước và sau	5	4		1

	phẫu thuật ổ bụng 3.1. Mục đích 3.2. Phục hồi chức năng trước phẫu thuật ổ bụng 3.3. Phục hồi chức năng sau phẫu thuật ổ bụng				
9	Bài 9. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Mục đích 1.3. Nhu cầu 2. Triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 2.1. Giai đoạn 1- chuẩn bị triển khai chương trình 2.2. Giai đoạn 2- duy trì chương trình 2.3. Phân cấp trách nhiệm 2.3.1. Trách nhiệm của thành viên gia đình và người khuyết tật 2.3.1. Trách nhiệm của nhân viên phục hồi chức năng 2.3.2. Trách nhiệm của y, bác sỹ trạm y tế xã 2.3.3. Trách nhiệm của y, bác sỹ, kỹ thuật viên phục hồi tuyến huyện, tỉnh và phòng khám đa khoa khu vực 2.3.4. Trách nhiệm của ban điều hành chương trình 3. Các điều kiện cơ bản để triển khai và duy trì chương trình 4. Các tiêu chuẩn hội nhập xã hội đối với người khuyết tật	5	4		1
Cộng		31	29		2

Thực tập lâm sàng: 45 giờ, 43 giờ học, 02 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về phục hồi chức năng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, mục đích của phục hồi chức năng
- 1.2. Trình bày được ba hình thức phục hồi chức năng

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa phục hồi chức năng
- 2.2. Mục đích phục hồi chức năng
- 2.3. Các hình thức phục hồi chức năng
 - 2.3.1. Phục hồi chức năng tại viện, tại trung tâm
 - 2.3.2. Phục hồi chức năng ngoài viện
 - 2.3.3. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Bài 2. Quá trình khuyết tật và các biện pháp phòng ngừa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được diễn biến quá trình khuyết tật và ba biện pháp phòng ngừa.
- 1.2. Nêu được nguyên nhân và phân loại khuyết tật.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Quá trình khuyết tật
 - 2.2.1. Khái niệm người khỏe
 - 2.2.2. Khái niệm bệnh
 - 2.2.3. Khái niệm khiếm khuyết
 - 2.2.4. Khái niệm giảm khả năng
 - 2.2.5. Khái niệm khuyết tật
- 2.3. Các biện pháp phòng ngừa khuyết tật
 - 2.3.1. Phòng ngừa khuyết tật bước một
 - 2.3.2. Phòng ngừa khuyết tật bước hai
 - 2.3.3. Phòng ngừa khuyết tật bước ba
- 2.4. Nguyên nhân và phân loại khuyết tật
 - 2.4.1. nguyên nhân
 - 2.4.2. Phân loại khuyết tật

Bài 3. Các kỹ thuật phục hồi chức năng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, mục đích của vận động trị liệu và hoạt động trị liệu.
- 1.2. Nêu được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp trị liệu.
- 1.3. Mô tả được kỹ thuật vận động trị liệu, hoạt động trị liệu và xoa bóp trị liệu.

2. Nội dung

2.1. Vận động trị liệu

2.1.1. Định nghĩa vận động trị liệu

2.1.2. Mục đích vận động trị liệu

2.1.3. Các bài tập vận động trị liệu thường áp dụng

2.2. Hoạt động trị liệu

2.2.1. Định nghĩa hoạt động trị liệu

2.2.2. Mục đích hoạt động trị liệu

2.2.3. Các hoạt động trị liệu

2.3. Xoa bóp trị liệu

2.3.1. Tác dụng sinh lý của xoa bóp trị liệu

2.3.2. Chỉ định xoa bóp trị liệu

2.3.3. Chống chỉ định xoa bóp trị liệu

2.3.4. Các hình thức xoa bóp trị liệu

Bài 4. Phục hồi chức năng cho người bị động kinh

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được định nghĩa động kinh, cách phát hiện người bị động kinh.

1.2. Trình bày được nội dung phục hồi chức năng cho người bị động kinh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Cách phát hiện

2.2. Phục hồi chức năng

2.2.1. Xử trí trong cơn động kinh

2.2.2. Xử trí ngoài cơn động kinh

Bài 5. Phục hồi chức năng cho người tổn thương thần kinh ngoại biên

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được triệu chứng và phương pháp điều trị tổn thương thần kinh ngoại biên.

1.2. Trình bày được mục đích và phương pháp phục hồi chức năng tổn thương thần kinh ngoại biên.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Điều trị

- 2.2. Phục hồi chức năng
- 2.2.1. Mục đích của phục hồi chức năng
- 2.2.2. Phương pháp phục hồi chức năng

Bài 6. Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương tủy sống

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được ý nghĩa chức năng của các mức tủy sống bị tổn thương và các biến chứng thường gặp trong tổn thương tủy sống.

1.2. Trình bày được phương pháp phục hồi chức năng cho người bị tổn thương tủy sống ở các giai đoạn.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Chẩn đoán

2.2. Phục hồi chức năng

2.2.1. Nguyên tắc

2.2.2. Phục hồi chức năng giai đoạn đầu

2.2.3. Phục hồi chức năng giai đoạn thứ hai

2.2.4. Phục hồi chức năng giai đoạn tái hòa nhập xã hội

Bài 7. Phục hồi chức năng liệt nửa người do tai biến mạch máu não

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và các mẫu co cứng thường gặp của liệt nửa người.

1.2. Trình bày được nội dung phục hồi chức năng cho người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Mẫu co cứng thường gặp

2.2. Phục hồi chức năng

2.2.1. Phục hồi chức năng giai đoạn sớm

2.2.2. Phục hồi chức năng giai đoạn muộn

2.2.3. Một số bài tập luyện phục hồi chức năng

Bài 8. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được mục đích của phục hồi chức năng cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật lồng ngực, ổ bụng.

1.2. Trình bày được biện pháp phục hồi chức năng cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật lồng ngực, ổ bụng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phục hồi chức năng trước và sau phẫu thuật lồng ngực

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Phục hồi chức năng trước phẫu thuật lồng ngực

2.2.3. Phục hồi chức năng sau phẫu thuật lồng ngực

2.3. Phục hồi chức năng trước và sau phẫu thuật ổ bụng

2.3.1. Mục đích

2.3.2. Phục hồi chức năng trước phẫu thuật ổ bụng

2.3.3. Phục hồi chức năng sau phẫu thuật ổ bụng

Bài 9. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được mục tiêu của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

1.2. Giải thích được các giai đoạn triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

1.3. Liệt kê được trách nhiệm của từng cấp trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

1.4. Trình bày được các điều kiện cơ bản để triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, tiêu chuẩn hội nhập của người khuyết tật.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục đích

2.1.3. Nhu cầu

2.2. Triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

2.2.1. Giai đoạn 1- chuẩn bị triển khai chương trình

2.2.2. Giai đoạn 2- duy trì chương trình

2.3. Phân cấp trách nhiệm

2.3.1. Trách nhiệm của thành viên gia đình và người khuyết tật

2.3.2. Trách nhiệm của nhân viên phục hồi chức năng

2.3.3. Trách nhiệm của y, bác sỹ trạm y tế xã

2.3.4. Trách nhiệm của y, bác sỹ, kỹ thuật viên phục hồi tuyến huyện, tỉnh và phòng khám đa khoa khu vực

2.3.5. Trách nhiệm của ban điều hành chương trình

2.4. Các điều kiện cơ bản để triển khai và duy trì chương trình

2.5. Các tiêu chuẩn hội nhập xã hội đối với người khuyết tật

Thực tập lâm sàng: 45 giờ, 43 giờ học, 02 giờ kiểm tra

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa phục hồi chức năng.	5
2	Khám và lập được bệnh án phục hồi chức năng cho người bệnh.	5
3	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng.	5
4	Phục hồi một số rối loạn chức năng cơ quan hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, cơ khớp...	5
5	Ghi chép bệnh án và các biểu mẫu phục hồi chức năng	5
6	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh người nhà của NB luyện tập phục hồi chức năng tại viện, tại nhà.	5

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/ nhà xưởng: Phòng học, Bệnh viện phục hồi chức năng.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Kiểm tra học sinh về

Các khái niệm cơ bản về phục hồi chức năng

Diễn biến quá trình khuyết tật và các biện pháp phòng ngừa

Nguyên nhân, triệu chứng, cách phát hiện người bệnh khiếm khuyết, giảm chức năng, khuyết tật.

- Kỹ năng: Kiểm tra học sinh về:

Vận dụng được các kiến thức để nhận định người bệnh, thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản, theo dõi, phát hiện và xử trí các biểu hiện bất thường trên người bệnh.

Xác định nhu cầu phục hồi chức năng cho người bệnh khiếm khuyết, giảm chức năng, khuyết tật.

Thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản theo qui trình kỹ thuật của từng thủ thuật.

1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kiểm tra

Thái độ niềm nở, ân cần khi tiếp nhận và điều trị người bệnh.

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh

Tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp trong công việc.

Tác phong nhanh nhẹn, cảm thông, chia sẻ với người bệnh trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm. Bài thi viết 15 phút.

- Kiểm tra định kỳ : 1 điểm kiểm tra lý thuyết, 1 điểm kiểm tra lâm sàng.

- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, trung bình cộng điểm thi lý thuyết và thực hành tay nghề

+ Lý thuyết: Thi trắc nghiệm

+ Thực hành: Bốc thăm bệnh án, hỏi và chăm bệnh án (chăm bệnh án: 6 điểm; vấn đáp: 4 điểm).

- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho đối tượng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học, cầm tay chỉ việc

+ Lý thuyết: Phương pháp dạy/học tích cực

+ Lâm sàng: Thực hiện cách khám phát hiện triệu chứng, xử trí, giáo dục sức khỏe bệnh nhân; Giao ban, nghiên cứu từng ca bệnh;...

- Đối với người học

+ Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết, 100 % giờ thực tập lâm sàng.

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

+ Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

1-Trần Trọng Hải và cộng sự (1995), *Đại cương phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.

2- Hội Phục Hồi Chức Năng Việt Nam (1996) *Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.

3- Vụ khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2000), *Vật lý trị liệu phục hồi chức năng*, Nhà xuất bản Y học.

4- Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam (2010) *Luật Người Khuyết Tật*.

5-Trường Cao Đẳng Y Tế - Bộ môn Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng (2015), *Giáo trình Phục hồi chức năng*, sách dùng cho đối tượng Cao Đẳng Y.

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: Y học cổ truyền

Mã môđun: MH 29

Thời gian thực hiện môđun : 105 giờ (lý thuyết 29 giờ; Thực hành 29 giờ, Thực tập lâm sàng: 43 giờ; Kiểm tra: 4 giờ....)

I. Vị trí, tính chất của môđun:

- Vị trí: Học xong các môn học chuyên ngành
- Tính chất: Môn học tự chọn

II. Mục tiêu môn học

1 - Về kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản cần thiết cho việc chẩn đoán các bệnh theo y học cổ truyền và việc sử dụng thuốc nam, châm cứu

Nêu được những nguyên tắc chữa bệnh theo y học cổ truyền

Trình bày được tính năng, tác dụng các loại dược liệu thông thường.

Khám, chẩn đoán được những hội chứng bệnh thường gặp theo y học cổ truyền

2 - Về kỹ năng:

Nhận biết được mặt dược liệu

Sử dụng được thành thạo các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc : châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

Điều trị được các chứng bệnh thông thường bằng các phương pháp y học cổ truyền tại tuyến y tế cơ sở.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thành thạo các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc : châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

Hướng dẫn được người dân trồng và biết sử dụng khóm thuốc gia đình, xoa bóp, tập luyện dưỡng sinh để tăng cường sức khoẻ và chữa bệnh mạn tính, phục hồi chức năng tại nhà; bảo vệ giữ gìn nguồn thuốc quý của đại phương.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Lý thuyết: 29 giờ học, **Thực hành:** 29 giờ, 02 giờ kiểm tra

Số tt	Tên chương, mục	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
Chương 1: Lý luận cơ bản					
1	Bài 1. Học thuyết âm dương - Ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền 1. Học thuyết âm dương 1.1. Đại cương 1.2. Các quy luật âm dương 1.2.1. Âm dương đối lập	2	2		

	1.2.2. Âm dương hỗ căn 1.2.3. Âm dương tiêu trưởng 1.2.4. Âm dương bình hành 1.3. Biểu tượng học thuyết âm dương 1.4. ứng dụng của học thuyết âm dương trong y học cổ truyền 1.4.1. Phân định âm dương trong cơ thể 1.4.2. Chẩn đoán bệnh 1.4.3. Chữa bệnh 1.4.4. Phòng bệnh 1.4.5. Chế thuốc 2. Học thuyết ngũ hành 2.1. Đại cương 2.2. Những mối quan hệ ngũ hành 2.2.1. Quan hệ tương sinh, tương khắc 2.2.2. Quan hệ tương thừa, tương vũ 2.3. Ứng dụng của học thuyết ngũ hành trong y học cổ truyền 2.3.1. Khám bệnh 2.3.2. Chữa bệnh 2.3.3. Bào chế thuốc				
2	Bài 2. Nguyên nhân gây bệnh 1. Đại cương 1.1 Nguyên nhân sâu xa 1.2. Nguyên nhân trực tiếp 2. Ngoại nhân 2.1. Phong tà (gió) 2.3. Thử tà (nắng) 2.2. Hàn tà (lạnh) 2.4. Thấp tà (ẩm ướt) 2.4. Thấp tà (ẩm ướt) 2.5. Táo tà (khô) 2.6. Hoả tà (nóng) 3. Nội nhân 4. Bất nội ngoại nhân 4.1. Do ăn uống 4.2. Do lao động 4.3. Do sinh hoạt 4.4. Do bẩm sinh tiên thiên bất túc) 4.5. Do trùng, thú đốt, cắn	2	2		
3	Bài 3. Tạng phủ và các chứng tạng phủ	2	2		

	1. Đại cương 1.1. Tạng 1.2. Phủ 2. Các tạng và chức năng 2.1. Tạng Tâm (phụ là Tâm bào) 2.1.1. Chức năng 2.1.2. Biểu hiện bệnh lý 2.1.3. Tâm bào 2.2. Tạng Can 2.2.1. Chức năng 2.2.2. Biểu hiện bệnh lý 2.3. Tạng Tỳ 2.3.1. Chức năng 2.3.2. Biểu hiện bệnh lý 2.4. Tạng phế 2.4.1. Chức năng 2.4.2. Biểu hiện bệnh lý 2.5. Tạng thận 2.5.1. Chức năng 2.5.2. Biểu hiện bệnh lý 3. Các phủ và chức năng 3.1. Đờm 3.2. Vị 3.3. Tiểu trường 3.4. Đại trường 3.5. Bàng quang 3.6. Tam tiêu 4. Các thể chất khác 4.1. Huyết 4.2. Khí 4.3. Tinh 4.4. Thần 4.5. Tân 4.6. Dịch				
4	Bài 4. Phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền 1. Tứ chẩn 1.1. Vọng chẩn 1.2. Văn chẩn (nghe ngửi) 1.2.1. Nghe âm thanh 1.2.2. Ngửi	2	2		

1.3. Vần chân (hỏi bệnh) 1.4. Thiết chân 1.5. Sờ nắn 1.5.2. Nắn bụng 1.5.1. Sờ da 2. bát cương 2.1. Biểu chứng 2.1.1 Biểu hiện 2.1.2. ý nghĩa 2.1.3. Thể phối hợp 2.2.4. Thể phối hợp 2.2.5. ý nghĩa 2.2. Lý chứng 2.2.1. Biểu hiện 2.1.2. ý nghĩa 2.1.3. Thể phối hợp 2.2.3. Thể phối hợp 2.2.2. ý nghĩa 2.2. Lý chứng 2.2.1. Biểu hiện 2.2.4. Chứng bán biểu bán lý 2.3. Hàn chứng 2.3.1. Biểu hiện 2.3.2. ý nghĩa 2.3.3. Hàn nhiệt chân giả 2.4.2. ý nghĩa 2.4. Nhiệt chứng 2.5. Hư chứng 2.5.1. Biểu hiện 2.5.2. Ý nghĩa 2.6. Thực chứng 2.6.1. Biểu hiện 2.6.2. ý nghĩa 2.7. Âm chứng 2.7.1. Biểu hiện 2.7.2. ý nghĩa 2.8. Dương chứng 2.8.1. Biểu hiện 2.8.2. ý nghĩa 2.9. Chứng âm hư, dương hư 2.9.1. Chứng âm hư				
---	--	--	--	--

	2.9.2. Chứng dương hư 3. Bát pháp 3.1. Pháp hãn 3.1.1. Chỉ định 3.1.2. Chống chỉ định 3.2. Pháp thổ (Làm nôn) 3.3. Pháp hạ (Tẩy xổ) 3.3.1. Chỉ định 3.3.2. Chống chỉ định 3.4. Pháp hoà (Hoà hoãn) 3.4.1. Chỉ định 3.4.2. Chống chỉ định 3.5. Pháp ôn (Làm ấm, nóng) 3.5.1. Chỉ định 3.5.2. Chống chỉ định 3.6. Pháp thanh (Làm mát) 3.6.1. Chỉ định 3.6.2. Chống chỉ định 3.7. Pháp tiêu 3.7.1. Chỉ định 3.6.2. Chống chỉ định 3.7. Pháp tiêu 3.7.1. Chỉ định 3.7.2. Chống chỉ định 3.8. Pháp bổ 3.8.1. Bổ âm 3.8.2. Bổ dương 3.8.3. Bổ khí 3.8.4. Bổ huyết 3.8.5. Chống chỉ định				
Chương 2: Phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc					
5	Bài 5. Đại cương châm cứu- Hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu 1. Đại cương châm cứu 1.1. Đại cương về châm cứu 1.1.1. Sơ lược lịch sử phát triển của châm cứu 1.1.2. Định nghĩa 1.2. Cơ chế và tác dụng của châm cứu 1.2.1. Theo học thuyết thần kinh	6	2	3	1

	1.2.2. Cơ chế tác dụng của châm cứu theo y học hiện đại 1.2.2. Cơ chế tác dụng của châm cứu theo học thuyết Y học cổ truyền 1.3. Chỉ định, chống chỉ định của châm, cứu 1.3.1. Chỉ định, chống chỉ định của châm 1.3.2. Chỉ định, chống chỉ định của cứu 2. Đại cương về kinh lạc, huyết vị 2.1. Khái niệm 2.2. Cấu tạo của hệ kinh lạc 2.2.1. Kinh mạch và lạc mạch 2.2.2. Đường tuần hành của 12 kinh chính và 2 mạch nhâm đốc 2.3. Tác dụng của hệ kinh lạc 2.3.1. Sinh lý 2.3.2. Bệnh lý 2.3.4. Chữa bệnh 2.3.3. Chẩn đoán 3. Kỹ thuật châm cứu 3.1. Kỹ thuật châm 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Dụng cụ châm 3.1.3. Những quy định khi châm 3.1.3.1. Đối với những dụng cụ châm 3.1.3.2. Đối với thầy thuốc 3.1.4. Tư thế, góc châm và độ sâu của kim 3.1.5. Các bước thủ thuật châm 3.1.6. Các tai biến và xử trí 3.2. Kỹ thuật cứu 3.2.1. Định nghĩa 3.2.2. Thái độ của người thầy thuốc 3.2.3. Chọn tư thế người bệnh 3.2.4. Chỉ định và chống chỉ định của cứu 3.2.5. Phương tiện, dụng cụ 3.2.6. Thao tác cứu 3.2.7. Tai biến thường xảy ra và cách phòng chống				
6	Bài 6. Huyết và cách xác định huyết vị 1. Huyết vị 1.1. Định nghĩa	3	2	1	

	1.2. Tác dụng của huyết 1.2.1. Về sinh lý và bệnh lý 1.2.2. Chẩn đoán và chữa bệnh 1.3. Một số loại huyết 2. Các cách xác định huyết 2.1. Đơn vị đo để xác định huyết 2.2. Dựa vào các mốc giải phẫu để xác định huyết 2.3. Sờ ấn để xác định huyết				
7	Bài 7. Vị trí, tác dụng và cách châm huyết thường dùng 1. Vị trí tác dụng cách châm 12 huyết vùng đầu mặt cổ 1.1. Bách hội 1.2. Ấn đường 1.3. Thái dương 1.4. Hạ quan 1.5. Nghinh Hương 1.6. Nhân trung 1.7. Địa thương 1.8. Giáp xa 1.9. Thiên đột 1.10. Ế phong 1.11. Phong trì 1.12. Thính cung 2. Vị trí tác dụng cách châm 8 huyết vùng bụng 2.1. Đản chung (Chiên trung) 2.2. Nhũ căn 2.3. Chương môn 2.4. Trung quản 2.5. Thiên khu 2.6. Khí hải 2.7. Quan nguyên 2.8. Trung cực 3. Vị trí tác dụng cách châm 13 huyết vùng lưng hông 3.1. Đại trùy 3.2. Kiên tĩnh 3.3. Phong môn 3.4. Phế du	4	1	3	

	3.5.Cách du (huyệt hội của huyệt) 3.6. Can du 3.7. Đờm du 3.8. Tỳ du 3.9. Vị du 3.10. Thận du 3.11. Đại trường du 3.12. Hoàn khiêu 3.13. Trường cường 4. Vị trí tác dụng cách châm 13 huyệt vùng chi trên 4.1. Kiên ngung 4.2. Khúc trì 4.3. Thử tam lý 4.4. Liệt khuyệt 4.5. Thái uyên 4.6. Thần môn 4.7. Hợp cốc 4.8. Nội quan 4.9. Thập tuyên 4.10. Dương trì 4.11.Ngoại quan 4.12. Xích trạch 4.13. Kiên trình 5.Vị trí tác dụng cách châm huyệt chi dưới 5.1. Huyệt hải 5.2. Độc ty 5.3. Túc tam lý 5.4. Dương lăng tuyền 5.5. Phong long 5.6. Huyền chung 5.7. Tam âm giao 5.8. Thái xung 5.9. Nội đình 5.10. Côn lôn 5.11. Dũng tuyền 5.12. Ủy trung 5.13. Thái khê 5.14. Phong thị				
8	Bài 8. Cách chọn huyệt và phối huyệt 1. Chọn huyệt, phối huyệt đơn giản	4	2	2	

	1.1. Lấy huyết tại chỗ và đơn giản 1.2. Lấy huyết ở xa nơi đau 2. Chọn huyết, phối huyết theo biện chứng luận trị 2.1. Chọn huyết ở kinh lạc, tạng phủ bị bệnh 2.2. Chọn huyết, phối huyết theo cơ chế bệnh sinh 2.3. Chọn huyết, phối huyết theo nguyên nhân gây bệnh				
9	Bài 9. Đại cương về xoa bóp, các thủ thuật về xoa bóp, xoa bóp chữa 1 số bệnh thông thường 1. Đại cương về xoa bóp 2. Những thủ thuật xoa bóp 2.1. Xoa 2.2. Xát 2.3. Miết 2.4. Véo 2.5. Vỗ (hoặc phát) 2.6. Day 2.7. Đấm 2.8. Lăn 2.9. Bóp 2.10. Vờn 2.11. Rung 2.12. Vận động khớp 2.13. Ấn huyết 2.14. Bấm huyết 2.15. Điểm huyết 3. Xoa bóp chữa một số chứng bệnh thông thường 3.1. Đau đầu 3.1.1. Chỉ định 3.1.2. Tiến hành 3.2. Vẹo cổ 3.2.1. Chỉ định 3.2.2. Tiến hành 3.3. Đau vai và chi trên 3.3.1. Chỉ định 3.3.2. Tiến hành	5	2	3	

	3.4. Đau lưng và thắt lưng 3.4.1. Chỉ định 3.4.2. Tiến hành 3.5. Đau mông và chi dưới 3.5.1. Chỉ định 3.5.2. Tiến hành 3.6. Đau vùng thượng vị 3.6.1. Chỉ định 3.6.2. Tiến hành 3.7. Suy nhược thần kinh, mệt mỏi				
10	Bài 10. Đánh cảm (cạo gió), xông 1. Nồi xông 1.1. Chỉ định dùng nồi xông 1.2. Không dùng nồi xông khi 1.3. Công thức nồi xông 1.4. Cách nấu 1.5. Cách xông 2. Bát cháo giải cảm 2.1. Chỉ định 2.2. Cách làm 3. Đánh gió 3.1. Chỉ định 3.2. Cách làm 3.3. Những đường chà xát 4. Cạo gió 4.1. Chỉ định 4.2. Dụng cụ 4.3. Vùng cạo 4.4. Chú ý	4	1	3	
Chương 3 : Thuốc nam					
11	Bài 11. Nhóm thuốc giải biểu - nhóm thuốc thanh nhiệt 1. Thuốc giải biểu 1.1. Đại cương 1.2. Các vị thuốc 1.2.1. Thuốc phát tán phong hàn (tân ôn giải biểu) 1.2.2. Thuốc phát tán phong nhiệt (Tân lương giải biểu) 1.2.3. Thuốc chữa phong thấp 2. Thuốc thanh nhiệt	5	1	3	1

	2.1. Định nghĩa 2.2. Tác dụng chung 2.3. Các vị thuốc 2.3.1. Thuốc thanh nhiệt tả hỏa 2.3.2. Thuốc thanh nhiệt giải độc 2.3.3. Thuốc thanh nhiệt táo thấp 2.3.4. Thuốc thanh nhiệt lương huyết 2.3.5 thuốc thanh nhiệt giải thử				
12	Bài 12. Nhóm thuốc trừ hàn- Lợi niệu 1. Thuốc trừ hàn 1.1. Định nghĩa 1.2. Tác dụng 1.3. Các vị thuốc 2. Thuốc lợi thủy thẩm thấp 2.1. Định nghĩa 2.2. Tác dụng chung 2.3. Các vị thuốc	5	2	3	
13	Bài 13. Nhóm thuốc hành khí – hoạt huyết 1. Thuốc hành khí 1.1. Định nghĩa 1.2. Tác dụng chung 1.3. Các vị thuốc 2. Thuốc hoạt huyết 2.1. Định nghĩa 2.2. Tác dụng chung 2.3. Các vị thuốc	5	2	3	
14	Bài 14. Nhóm thuốc cầm máu - An thần - Ho long đờm - Nhuận tràng - Cầm ỉa chảy 1. Thuốc cầm máu 1.1. Định nghĩa 1.2. Các vị thuốc 2. Thuốc an thần 2.1. Định nghĩa 2.2. Tác dụng chung 2.3. Các vị thuốc 3. Thuốc ho và long đờm 3.1. Định nghĩa 3.2. Tác dụng chung 3.3. Các vị thuốc 4. Thuốc nhuận tràng 4.1. Định nghĩa	5	2	3	

	4.2. Tác dụng chung 4.3. Các loại thuốc 5. Thuốc cầm ỉa chảy 5.1. Định nghĩa 5.2. Các vị thuốc				
15	Bài 15. Nhóm thuốc bổ dưỡng 1. Định nghĩa 2. Phân loại 2.1. Thuốc bổ âm 2.2. Thuốc bổ dương 2.3. Thuốc bổ khí 2.4. Thuốc bổ huyết	4	2	2	
	Tổng số	60	29	29	2

Thực tập lâm sàng: Tổng số 45 giờ, 44 giờ học, 02 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: học thuyết âm dương - ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được 4 quy luật của học thuyết âm dương.
- 1.2. Nêu được những thuộc tính của ngũ hành và sự qui loại ngũ hành trong thiên nhiên và trong cơ thể người.
- 1.3. Trình bày được 4 mối quan hệ của học thuyết ngũ hành.
- 1.4. Trình bày được ứng dụng của học thuyết âm dương, ngũ hành vào y học cổ truyền

2. Nội dung

- 2.1. Học thuyết âm dương
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.1.2. Âm dương
 - 2.1.2. Các quy luật âm dương
 - 2.1.2.1. Âm dương đối lập
 - 2.1.2.2. Âm dương hỗ căn
 - 2.1.2.3. Âm dương tiêu trưởng
 - 2.1.2.4. Âm dương bình hành
 - 2.1.3. Biểu tượng học thuyết âm dương
 - 2.1.4. ứng dụng của học thuyết âm dương trong y học cổ truyền
 - 2.1.4.1. Phân định âm dương trong cơ thể
 - 2.1.4.2. Chẩn đoán bệnh

- 2.1.4.3. Chữa bệnh
- 2.1.4.4. Phòng bệnh
- 2.1.4.5. Chế thuốc
- 2.2. Học thuyết ngũ hành
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.1.1. Học thuyết ngũ hành
 - 2.2.1.3. Qui loại ngũ hành
 - 2.2.2. Những mối quan hệ ngũ hành
 - 2.2.2.1. Quan hệ tương sinh, tương khắc
 - 2.2.2.2. Quan hệ tương thừa, tương vũ
 - 2.2.3. Ứng dụng của học thuyết ngũ hành trong y học cổ truyền
 - 2.2.3.1. Khám bệnh
 - 2.2.3.2. Chữa bệnh
 - 2.2.3.3. Bào chế thuốc

Bài 2: nguyên nhân gây bệnh

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được những nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền.
- 1.2. Nêu được những đặc điểm của những nguyên nhân gây bệnh bên ngoài.
- 1.3. Phân biệt được thực hàn với hư hàn, thực nhiệt với hư nhiệt, ngoại phong với

nội phong

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1 Nguyên nhân sâu xa
 - 2.1.2. Nguyên nhân trực tiếp
- 2.2. Ngoại nhân
 - 2.2.1. Phong tà (gió)
 - 2.2.2. Thử tà (nắng)
 - 2.2.3. Hàn tà (lạnh)
 - 2.2.4. Thấp tà (ẩm ướt):
 - 2.2.4. Thấp tà (ẩm ướt):
 - 2.2.5. Táo tà (khô):
 - 2.2.6. Hoả tà (nóng)
- 2.3. Nội nhân
- 2.4. Bất nội ngoại nhân
 - 2.4.1. Do ăn uống
 - 2.4.2. Do lao động
 - 2.4.3. Do sinh hoạt
 - 2.4.4. Do bẩm sinh tiên thiên bất túc).
 - 2.4.5. Do trùng, thú đốt, cắn.

Bài 3: tạng phủ và các hội chứng bệnh tạng phủ

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Liệt kê được các chức năng của các tạng phủ.
- 1.2. Chẩn đoán được hội chứng bệnh thuộc từng tạng phủ.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Tạng
 - 2.1.2. Phủ
- 2.2. Các tạng và chức năng
 - 2.2.1. Tạng Tâm (phụ là Tâm bào)
 - 2.2.1.1. Chức năng
 - 2.2.1.2. Biểu hiện bệnh lý
 - 2.2.1.3. Tâm bào
 - 2.2.2. Tạng Can
 - 2.2.2.1. Chức năng
 - 2.2.2.2. Biểu hiện bệnh lý
 - 2.2.3. Tạng Tỳ
 - 2.2.3.1. Chức năng
 - 2.2.3.2. Biểu hiện bệnh lý
 - 2.2.4. Tạng phế
 - 2.2.4.1 Chức năng
 - 2.2.4.2 Biểu hiện bệnh lý
 - 2.2.5. Tạng thận
 - 2.2.5.1. Chức năng
 - 2.2.5.2. Biểu hiện bệnh lý
- 2.3. Các phủ và chức năng
 - 2.3.1. Đởm
 - 2.3.2. Vị
 - 2.3.3. Tiểu trường
 - 2.3.4. Đại trường
 - 2.3.5. Bàng quang
 - 2.3.6. Tam tiêu
- 2.4. Các thể chất khác
 - 2.4.1. Huyết
 - 2.4.2. Khí
 - 2.4.3. Tinh
 - 2.4.4. Thần
 - 2.4.5. Tân
 - 2.4.6. Dịch

Bài 4: các phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền (Tứ chẩn, bát cương, bát pháp)

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các nội dung của tứ chẩn.
- 1.2. Phân định được tính chất hàn nhiệt, biểu lý qua quan sát lưỡi.
- 1.3. Phân định được 6 loại mạch chủ yếu: Phù, trầm, trì, sắc, hữu lực, vô lực.
- 1.4. Nêu được những chỉ định và chống chỉ định của 8 phương pháp chữa bệnh

theo y học cổ truyền

2. Nội dung

- 2.1. Tứ chẩn
 - 2.1.1. Vọng chẩn
 - 2.1.1.1. Văn chẩn (nghe ngửi)
 - 2.1.1.1.1. Nghe âm thanh
 - 2.1.1.1.2. Ngửi
 - 2.1.1.2. Vấn chẩn (hỏi bệnh)
 - 2.1.1.3. Thiết chẩn
 - 2.1.1.4. Sờ nắn
 - 2.1.1.4.1. Sờ da
 - 2.1.1.4.2. Nắn bụng
 - 2.1.2. bát cương
 - 2.1.2.1. Biểu chứng
 - 2.1.2.1.1. Biểu hiện
 - 2.1.2.1.2. ý nghĩa
 - 2.1.2.2. ý nghĩa
 - 2.1.2.3. Thể phối hợp
 - 2.1.2.4. Thể phối hợp
 - 2.1.2.5. ý nghĩa
 - 2.1.3. Lý chứng
 - 2.1.3.1. Biểu hiện
 - 2.1.3.2. ý nghĩa
 - 2.1.3.3. Thể phối hợp
 - 2.1.3.4. Thể phối hợp
 - 2.1.4. Lý chứng
 - 2.1.4.1. Biểu hiện
 - 2.1.4.2. Chứng bán biểu bán lý
 - 2.1.5. Hàn chứng
 - 2.1.5.1. Biểu hiện
 - 2.1.5.2. ý nghĩa
 - 2.1.5.3. Hàn nhiệt chân giả
 - 2.1.6. Nhiệt chứng
 - 2.1.7. Hư chứng

- 2.2.5.1. Biểu hiện
- 2.2.5.2. Ý nghĩa
- 2.2.6. Thực chứng
 - 2.2.6.1. Biểu hiện
 - 2.2.6.2. ý nghĩa
- 2.2.7. Âm chứng
 - 2.2.7.1. Biểu hiện
 - 2.2.7.2. ý nghĩa
- 2.2.8. Dương chứng
 - 2.2.8.1. Biểu hiện
 - 2.2.8.2. ý nghĩa
- 2.2.9. Chứng âm hư, dương hư
 - 2.2.9.1. Chứng âm hư
 - 2.2.9.2. Chứng dương hư
- 2.3. Bát pháp
 - 2.3.1. Pháp hãn
 - 2.3.1.1. Chỉ định
 - 2.3.1.2. Chống chỉ định
 - 2.3.2. Pháp thổ (Làm nôn)
 - 2.3.3. Pháp hạ (Tẩy xổ)
 - 2.3.3.1. Chỉ định
 - 2.3.3.2. Chống chỉ định
 - 2.3.4. Pháp hoà (Hoà hoãn)
 - 2.3.4.1. Chỉ định
 - 2.3.4.2. Chống chỉ định
 - 2.3.5. Pháp ôn (Làm ấm, nóng)
 - 2.3.5.1. Chỉ định
 - 2.3.5.2. Chống chỉ định
 - 2.3.6. Pháp thanh (Làm mát)
 - 2.3.6.1. Chỉ định
 - 2.3.6.2. Chống chỉ định
 - 2.3.7. Pháp tiêu
 - 2.3.7.1. Chỉ định
 - 2.3.6.2. Chống chỉ định
 - 2.3.7. Pháp tiêu
 - 2.3.7.1. Chỉ định
 - 2.3.7.2. Chống chỉ định:
 - 2.3.8. Pháp bổ

Bài 5: đại cương châm cứu- hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được một số loại hình châm cứu; vị trí của 12 đường kinh chính trong cơ thể; chỉ định, chống chỉ định và những quy định khi châm, cứu.
- 1.2. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định của châm, cứu.
- 1.3. Giải thích được sơ bộ cơ chế tác dụng của châm cứu và ứng dụng vào việc chọn huyết, phối huyết.
- 1.4. Định nghĩa và phân loại được các loại huyết.
- 1.5. Trình bày được tác dụng của hệ kinh lạc.
- 1.6. Chuẩn bị được dụng cụ trong châm, cứu.
- 1.7. Mô tả được tư thế châm, góc châm và độ sâu của kim.
- 1.8. Nêu được các tai biến hay gặp trong châm, cứu và cách xử trí.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương châm cứu
 - 2.1.1. Đại cương về châm cứu
 - 2.1.1.1. Sơ lược lịch sử phát triển của châm cứu
 - 2.1.1.2. Định nghĩa
 - 2.1.2. Cơ chế và tác dụng của châm cứu
 - 2.1.2.1. Theo học thuyết thần kinh
 - 2.1.2.2. Cơ chế tác dụng của châm cứu theo y học hiện đại
 - 2.1.2.2. Cơ chế tác dụng của châm cứu theo học thuyết Y học cổ truyền
 - 2.1.3. Chỉ định, chống chỉ định của châm, cứu
 - 2.1.3.1. Chỉ định, chống chỉ định của châm:
 - 2.1.3.2. Chỉ định, chống chỉ định của cứu:
- 2.2. Đại cương về kinh lạc, huyết vị
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Cấu tạo của hệ kinh lạc
 - 2.2.2.1. Kinh mạch và lạc mạch
 - 2.2.2.2. Đường tuần hành của 12 kinh chính và 2 mạch nhâm đốc
 - 2.2.3. Tác dụng của hệ kinh lạc
 - 2.2.3.1. Sinh lý
 - 2.2.3.2. Bệnh lý
 - 2.2.3.4. Chữa bệnh
 - 2.2.3.3. Chẩn đoán
- 2.3. Kỹ thuật châm cứu
 - 2.3.1. Kỹ thuật châm
 - 2.3.1.1. Định nghĩa
 - 2.3.1.2. Dụng cụ châm
 - 2.3.1.3. Những quy định khi châm
 - 2.3.1.4. Tư thế, góc châm và độ sâu của kim

- 2.3.1.5. Các bước thủ thuật châm
- 2.3.1.6. Các tai biến và xử trí
- 2.3.2. Kỹ thuật cứu
- 2.3.2.1. Định nghĩa
- 2.3.2.2. Thái độ của người thầy thuốc
- 2.3.2.3. Chọn tư thế người bệnh
- 2.3.2.4. Chỉ định và chống chỉ định của cứu
- 2.3.2.5. Phương tiện, dụng cụ
- 2.3.2.6. Thao tác cứu
- 2.3.2.7. Tai biến thường xảy ra và cách phòng chống

Bài 6: Huyệt và cách xác định huyệt

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa, tác dụng và cách xác định vị trí huyệt.
 - 1.2. Trình bày được các cách xác định huyệt.
2. Nội dung
 - 2.1. Huyệt vị
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Tác dụng của huyệt:
 - 2.1.2.1. Về sinh lý và bệnh lý
 - 2.1.2.2. Chẩn đoán và chữa bệnh
 - 2.1.3. Một số loại huyệt
 - 2.2. Các cách xác định huyệt
 - 2.2.1. Đơn vị đo để xác định huyệt
 - 2.2.2. Dựa vào các mốc giải phẫu để xác định huyệt:
 - 2.2.3. Sờ ấn để xác định huyệt:

Bài 7: Vị trí, tác dụng và cách châm huyệt thường dùng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Xác định đúng vị trí 60 huyệt theo vùng của cơ thể.
 - 1.2. Trình bày được tác dụng, cách châm của các huyệt đã học.
2. Nội dung
 - 2.1. Vị trí tác dụng cách châm 12 huyệt vùng đầu mặt cổ
 - 2.1.1. Bách hội
 - 2.1.2. Ấn đường
 - 2.1.3. Thái dương
 - 2.1.4. Hạ quan
 - 2.1.5. Nghinh Hương
 - 2.1.6. Nhân trung

- 2.1.7. Địa thương
- 2.1.8. Giáp xa
- 2.1.9. Thiên đột
- 2.1.10. Ế phong
- 2.1.11. Phong trì
- 2.1.12. Thính cung
- 2.2. Vị trí tác dụng cách châm 8 huyệt vùng bụng
 - 2.2.1. Đản chung (*Chiên trung*)
 - 2.2.2. Nhũ căn
 - 2.2.3. Chương môn
 - 2.2.4. Trung quản
 - 2.2.5. Thiên khu
 - 2.2.6. Khí hải
 - 2.2.7. Quan nguyên
 - 2.2.8. Trung cực
- 2.3. Vị trí tác dụng cách châm 13 huyệt vùng lưng mông
 - 2.3.1. Đại trùy
 - 2.3.2. Kiên tinh
 - 2.3.3. Phong môn
 - 2.3.4. Phế du
 - 2.3.5. Cách du (huyệt hội của huyết)
 - 2.3.6. Can du
 - 2.3.7. Đờm du
 - 2.3.8. Tỳ du
 - 2.3.9. Vị du
 - 2.3.10. Thận du
 - 2.3.11. Đại trường du
 - 2.3.12. Hoàn khiêu
 - 2.3.13. Trường cường
- 2.4. Vị trí tác dụng cách châm 13 huyệt vùng chi trên
 - 2.4.1. Kiên ngưng
 - 2.4.2. Khúc trì
 - 2.4.3. Thủ tam lý
 - 2.4.4. Liệt khuyết
 - 2.4.5. Thái uyên
 - 2.4.6. Thần môn
 - 2.4.7. Hợp cốc
 - 2.4.8. Nội quan
 - 2.4.9. Thập tuyên
 - 2.4.10. Dương trì (huyệt nguyên của kinh tam tiêu)
 - 2.4.11. Ngoại quan

- 2.4.12. Xích trạch
- 2.4.13. Kiên trình
- 2.5. Vị trí tác dụng cách châm 14 huyệt chi dưới
 - 2.5.1. Huyết hải
 - 2.5.2. Độc ty
 - 2.5.3. Túc tam lý
 - 2.5.4. Dương lăng tuyền
 - 2.5.5. Phong long
 - 2.5.6. Huyền chung
 - 2.5.7. Tam âm giao
 - 2.5.8. Thái xung
 - 2.5.9. Nội đình
 - 2.5.10. Côn lân
 - 2.5.11. Dũng tuyền
 - 2.5.12. Ủy trung
 - 2.5.13. Thái Khê (huyệt nguyên của kinh thận)
 - 2.5.14. Phong thị

Bài 8: cách chọn huyệt và phối huyệt

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được 5 cách chọn huyệt.
- 1.2. Trình bày được cách phối hợp huyệt đơn giản và phối hợp huyệt theo chính phụ

2. Nội dung

- 2.1. Chọn huyệt, phối huyệt đơn giản
 - 2.1.1. Lấy huyệt tại chỗ và đơn giản:
 - 2.1.2. Lấy huyệt ở xa nơi đau:
- 2.2. Chọn huyệt, phối huyệt theo biện chứng luận trị
 - 2.2.1. Chọn huyệt ở kinh lạc, tạng phủ bị bệnh
 - 2.2.2. Chọn huyệt, phối huyệt theo cơ chế bệnh sinh
 - 2.2.3. Chọn huyệt, phối huyệt theo nguyên nhân gây bệnh

Bài 9: Đại cương về xoa bóp, các thủ thuật xoa bóp xoa bóp chữa một số bệnh thông thường

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1 Chỉ định đúng và thao tác thành thạo các thủ thuật xoa bóp.
- 1.2. Nêu những nội dung cần thiết cho từng chứng bệnh khi điều trị bằng xoa bóp bấm huyệt.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về xoa bóp
- 2.2. Những thủ thuật xoa bóp
 - 2.2.1. Xoa
 - 2.2.2. Xát
 - 2.2.3. Miết
 - 2.2.4. Véo
 - 2.2.5. Vỗ (hoặc phát)
 - 2.2.6. Day
 - 2.2.7. Đấm
 - 2.2.8. Lăn
 - 2.2.9. Bóp
 - 2.2.10. Vờn
 - 2.2.11. Rung
 - 2.2.12. Vận động khớp
 - 2.2.13. Ấn huyết
 - 2.2.14. Bấm huyết
 - 2.2.15. Điểm huyết
- 2.3. Xoa bóp chữa một số chứng bệnh thông thường
 - 2.3.1. Đau đầu
 - 2.3.1.1 Chỉ định
 - 2.3.1.2 Tiến hành
 - 2.3.2. Vẹo cổ
 - 2.3.2.1 Chỉ định
 - 2.3.2.2 Tiến hành
 - 2.3.3. Đau vai và chi trên
 - 2.3.3.1. Chỉ định
 - 2.3.3.2. Tiến hành
 - 2.3.4. Đau lưng và thắt lưng
 - 2.3.4.1. Chỉ định
 - 2.3.4.2. Tiến hành
 - 2.3.5. Đau hông và chi dưới
 - 2.3.5.1. Chỉ định
 - 2.3.5.2. Tiến hành
 - 2.3.6. Đau vùng thượng vị
 - 2.3.6.1. Chỉ định
 - 2.3.6.2. Tiến hành
 - 2.3.7. Suy nhược thần kinh, mệt mỏi

Bài 10: Đánh cảm (cạo gió), xông

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1 Trình bày được chỉ định, chống chỉ định nội xông.
- 1.2. Trình bày được cách nấu và cách xông

2. Nội dung

- 2.1. Nội xông
 - 2.1.1. Chỉ định dùng nội xông
 - 2.1.2. Không dùng nội xông khi
 - 2.1.3. Công thức nội xông
 - 2.1.4. Cách nấu
 - 2.1.5. Cách xông
- 2.2. Bát cháo giải cảm
 - 2.2.1. Chỉ định
 - 2.2.2. Cách làm
- 2.3. Đánh gió
 - 2.3.1. Chỉ định
 - 2.3.2. Cách làm
 - 2.3.3. Những đường chà xát
- 2.4. Cạo gió
 - 2.4.1. Chỉ định
 - 2.4.2. Dụng cụ
 - 2.4.3. Vùng cạo
 - 2.4.4. Chú ý

Bài 11: Thuốc giải biểu- thuốc thanh nhiệt

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và phân loại thuốc giải biểu, thanh nhiệt
- 1.2. Trình bày được bộ phận dùng, công dụng, cách dùng các cây thuốc, vị thuốc giải biểu, thanh nhiệt
- 1.3. Kể tên đúng các vị thuốc giải biểu, thanh nhiệt theo nhóm.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc giải biểu
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Các vị thuốc :
 - 2.1.2.1. Thuốc phát tán phong hàn (tân ôn giải biểu)
 - 2.1.2.2. Thuốc phát tán phong nhiệt (Tân lương giải biểu)
 - 2.1.2.3. Thuốc chữa phong thấp
- 2.2. Thuốc thanh nhiệt

- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Tác dụng chung
- 2.2.3. Các vị thuốc:
 - 2.2.3.1. Thuốc thanh nhiệt tả hỏa
 - 2.2.3.2. Thuốc thanh nhiệt giải độc
 - 2.2.3.3. Thuốc thanh nhiệt táo thấp
 - 2.2.3.4. Thuốc thanh nhiệt lương huyết
 - 2.2.3.5 thuốc thanh nhiệt giải thử

Bài 12: Thuốc trừ hàn – lợi niệu

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa, tác dụng thuốc trừ hàn, thuốc lợi thủy thẩm thấp.
 - 1.2. Trình bày được bộ phận dùng, công dụng, cách dùng của thuốc trừ hàn, thuốc hành khí hoạt huyết.
 - 1.3. Kể tên đúng các vị thuốc trừ hàn, thuốc lợi thủy thẩm thấp
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Thuốc trừ hàn
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Tác dụng
 - 2.1.3. Các vị thuốc
 - 2.2. Thuốc lợi thủy thẩm thấp
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Tác dụng chung
 - 2.2.3. Các vị thuốc

Bài 13: thuốc hành khí – hoạt huyết

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa, tác dụng thuốc hành khí- hoạt huyết.
 - 1.2. Trình bày được bộ phận dùng, công dụng, cách dùng của thuốc hành khí hoạt huyết.
 - 1.3. Kể tên đúng các vị thuốc hành khí hoạt huyết.
2. Nội dung
 - 2.1. Thuốc hành khí
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Tác dụng chung
 - 2.1.3. Các vị thuốc
 - 2.2. Thuốc hoạt huyết
 - 2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Tác dụng chung

2.2.3. Các vị thuốc

Bài 14: Nhóm thuốc cầm máu- an thần- ho long đờm- nhuận tràng - cầm ỉa chảy

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, tác dụng thuốc cầm máu - an thần- ho long đờm- nhuận tràng- cầm ỉa chảy.

1.2. Trình bày được bộ phận dùng, công dụng, cách dùng của thuốc cầm máu - an thần- ho long đờm- nhuận tràng- cầm ỉa chảy.

1.3. Kể tên đúng các vị thuốc cầm máu - an thần- ho long đờm- nhuận tràng- cầm ỉa chảy.

2. Nội dung

2.1. Thuốc cầm máu

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Các vị thuốc

2.2. Thuốc an thần

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Tác dụng chung

2.2.3. Các vị thuốc

2.3. Thuốc ho và long đờm (Chỉ khái hoá đờm)

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Tác dụng chung

2.3.3. Các vị thuốc

2.4. Thuốc nhuận tràng

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Tác dụng chung

2.4.3. Các loại thuốc

2.5. Thuốc cầm ỉa chảy

2.5.1. Định nghĩa

2.5.2. Các vị thuốc

Bài 15: Nhóm thuốc bổ dưỡng

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại thuốc bổ.

1.2. Trình bày được bộ phận dùng, công dụng, cách dùng của các vị thuốc bổ.

1.3. Kể tên đúng các vị thuốc bổ theo nhóm.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Phân loại:

- 2.2.1. Thuốc bổ âm
- 2.2.2. Thuốc bổ dương
- 2.2.3. Thuốc bổ khí
- 2.2.4. Thuốc bổ huyết

Thực tập lâm sàng: Tổng số 45 giờ, 44 giờ học, 2 giờ kiểm tra

S TT	Nội dung	Chỉ tiêu tay nghề
1	Chuẩn bị dụng cụ châm và tiệt khuẩn dụng cụ	4
2	Lập đơn huyết trên người bệnh	4
3	Điện châm	10
4	Châm đặc khí và thực hiện kỹ thuật bỏ tả	6
5	Xử trí vụng châm vừa và nặng	Kiểm tập 2
6	Thuỷ châm trên bệnh nhân	4
7	Làm ngải nhung, moi ngải, điều ngải	2
8	Cứu moi ngải, điều ngải	2
9	Cứu bằng điều ngải qua kim châm; châm kết hợp chiếu đèn hồng ngoại	2
10	Xoa bóp trên người bệnh	5
11	Hướng dẫn bệnh nhân luyện khí công, luyện vận động cơ khớp, luyện thư giãn	6
12	Khám, chẩn đoán, kê đơn thuốc điều trị bệnh thông thường	6
13	Tuyên truyền giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và thân nhân người bệnh	10
14	Làm bệnh án, bình bệnh án	3

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa

- Giảng dạy lý thuyết: Phòng học tại trường theo phương pháp dạy - học tích cực.

- Giảng dạy thực hành tại trường: Phòng thực tập bộ môn, theo tổ (nhóm), kim châm mô hình.

- Thực tập lâm sàng tại bệnh viện YHCT:

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, bảng,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: mô hình huyết vị, tranh châm cứu, máy điện châm...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Kiểm tra học sinh

Kiến thức cơ bản cho việc chẩn đoán, chăm sóc các bệnh theo y học cổ truyền.
Xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền.

- Kỹ năng: Kiểm tra học sinh

Nhận biết và hướng dẫn cho người dân sử dụng các vị thuốc y học cổ truyền.
Lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc người bệnh bằng các phương pháp y học cổ truyền.

Thực hiện châm cứu, xoa bóp dưỡng sinh trong chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra học sinh: Thành thạo các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc :
châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp: Vấn đáp, kiểm tra miệng, kiểm tra viết, thực hiện kỹ thuật

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (1 điểm lý thuyết, 1 điểm thực tập lâm sàng)

- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm kiểm tra (1 điểm lý thuyết, 1 điểm thực tập lâm sàng)

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm (trung bình cộng điểm thi lý thuyết và thực hành tay nghề)

+ Lý thuyết: Thi viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống và câu hỏi trắc nghiệm.

+ Thực hành: Thực hiện 1 kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền

VI. Hướng dẫn thực hiện môđun

1. Phạm vi áp dụng môđun: Áp dụng trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môđun

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, câu hỏi, phương tiện dạy học. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Đối với người học

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ học lý thuyết và 100% giờ thực hành

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Làm đầy đủ các bài tập về nhà vào sổ bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

1. Vụ Khoa học và đào tạo, Bộ Y tế, *Y học cổ truyền, sách dùng trong các trường trung học Y tế*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

2. Khoa YHCT - Trường ĐHYK Hà Nội, *Bài giảng Y học cổ truyền tập II*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

3. Viện Đông y, *Châm cứu học*, Nhà xuất bản Y học, 1984.

4. Bộ môn YHCT- PHCN, *Trường cao đẳng Y tế, Giáo trình học phần Y học cổ truyền dành cho đối tượng trung cấp Y*, năm 2009.

5. Ghi chú và giải thích(nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: Bệnh tâm thần, thần kinh

Mã môđun: MH 18

Thời gian thực hiện mô: 60 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực tập lâm sàng: 43 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất, môđun:

- Vị trí: Học xong môn học cơ sở, Bệnh học nội khoa, Bệnh học Ngoại khoa
- Tính chất: Môđun tự chọn

II. Mục tiêu môđun:

1- Về kiến thức:

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh tâm thần thường gặp.

Ghi nhớ được căn cứ chẩn đoán một số bệnh tâm thần, thần kinh hay gặp trong cộng đồng.

2- Về kỹ năng:

Tiếp xúc và phối hợp làm được các liệu pháp tâm lý cho bệnh nhân tâm thần.

Tuyên truyền và giáo dục được cách chăm sóc bệnh nhân và biện pháp phòng bệnh tâm thần thường gặp tại cộng đồng

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có khả năng tuyên truyền cách chăm sóc bệnh nhân tâm thần kinh điều trị tại nhà và biện pháp phòng bệnh tâm thần kinh thường gặp tại cộng đồng.

III. Nội dung môđun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 15 giờ

S TT	Tên chương, mục, tên bài học	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm chung về bệnh tâm thần kinh 1. Đại cương về tâm thần học 1.1. Mục tiêu và đối tượng của tâm thần học 1.2. Khái niệm về sức khỏe tâm thần 1.3. Nội dung của tâm thần học 1.3.1. Tâm thần học truyền thống 1.3.2. Tâm thần học hiện đại 1.4. Định nghĩa bệnh tâm thần 1.5. Phân biệt bệnh tâm thần và bệnh thần kinh 1.5.1. Điểm khác nhau 1.5.2. Điểm liên quan	2	2		

	2. Nguyên nhân phát sinh bệnh tâm thần 2.1. Nguyên nhân thực thể 2.2. Nguyên nhân tâm lý 2.3. Nguyên nhân do cấu tạo thể chất bất thường và phát triển tâm lý gây ra 2.4. Các nguyên nhân chưa rõ ràng 2.5. Các nhân tố thuận lợi cho bệnh tâm thần phát sinh				
2	Bài 2: Bệnh HYSTERIA 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Các hình thái lâm sàng 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Rối loạn chuyển di 4.1.1. Định nghĩa 4.1.2. Đặc điểm 4.1.3. Nguyên nhân 4.1.4. Các triệu chứng lâm sàng 4.2. Rối loạn phân ly 4.2.1. Quên phân ly 4.2.2. Con trốn nhà phân ly 4.2.3. Rối loạn nhiều nhân cách 4.2.4. Rối loạn giải thể nhân cách 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	3	3		
3	Bài 3: Bệnh tâm thần phân liệt 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 4.1. Liệu pháp tâm lý 4.2. Liệu pháp lao động và tái thích ứng xã hội 4.3. Liệu pháp hóa dược 4.4. Liệu pháp sốc điện	3	3		

	5. Phòng bệnh				
4	Bài 4: Bệnh động kinh 1. Khái niệm 2. Sinh bệnh học 3. Phân loại động kinh 3.1. Động kinh toàn bộ 3.2. Động kinh cục bộ 3.3. Động kinh chưa phân loại được 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Động kinh toàn bộ 4.1.1. Động kinh cơn lớn 4.1.2. Động kinh cơn nhỏ 4.1.3. Động kinh co thắt ở trẻ em 4.1.4. Động kinh cơn co giật 4.1.5. Động kinh cơn mất trương lực 4.2. Động kinh cục bộ 4.2.1. Động kinh cục bộ với triệu chứng đơn sơ 4.2.2. Động kinh cục bộ với triệu chứng phức tạp 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	3	3		
5	Bài 5. Đau dây thần kinh tọa 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị: 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị cụ thể 6. Phòng bệnh	2	2		
6	Bài 6. Thoát vị đĩa đệm 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán	2	2		

4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị: 5.1. Nguyên tắc điều trị 5.2. Điều trị cụ thể 6. Phòng bệnh				
Tổng cộng	15	15		

Thực tập lâm sàng: 45 giờ, 43 giờ học, 02 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Khái niệm chung về bệnh tâm thần kinh

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đại cương về tâm thần học và phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh

1.2. Kể được các nguyên nhân và nhân tố thuận lợi phát sinh bệnh tâm thần

2. Nội dung

2.1. Đại cương về tâm thần học

2.1.1. Mục tiêu và đối tượng của tâm thần học

2.1.2. Khái niệm về sức khỏe tâm thần

2.1.3. Nội dung của tâm thần học

2.1.3.1. Tâm thần học truyền thống

2.1.3.2. Tâm thần học hiện đại

2.1.4. Định nghĩa bệnh tâm thần

2.1.5. Phân biệt bệnh tâm thần và bệnh thần kinh

2.1.5.1. Điểm khác nhau

2.1.5.2. Điểm liên quan

2.2. Nguyên nhân phát sinh bệnh tâm thần

2.2.1. Nguyên nhân thực thể

2.2.2. Nguyên nhân tâm lý

2.2.3. Nguyên nhân do cấu tạo thể chất bất thường và phát triển tâm lý gây ra

2.2.4. Các nguyên nhân chưa rõ ràng

2.2.5. Các nhân tố thuận lợi cho bệnh tâm thần phát sinh

Bài 2. Bệnh Hysteria

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đại cương, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của bệnh Hysteria

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh Hysteria

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Các hình thái lâm sàng
- 2.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1. Rối loạn chuyển di
 - 2.4.1.1. Định nghĩa
 - 2.4.1.2. Đặc điểm
 - 2.4.1.3. Nguyên nhân
 - 2.4.1.4. Các triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.2. Rối loạn phân ly
 - 2.4.2.1. Quên phân ly
 - 2.4.2.2. Con trốn nhà phân ly
 - 2.4.2.3. Rối loạn nhiều nhân cách
 - 2.4.2.4. Rối loạn giải thể nhân cách
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Điều trị
- 2.7. Phòng bệnh

Bài 3. Bệnh tâm thần phân liệt

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đại cương, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của bệnh tâm thần phân liệt
- 1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh tâm thần phân liệt

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Điều trị
 - 2.4.1. Liệu pháp tâm lý
 - 2.4.2. Liệu pháp lao động và tái thích ứng xã hội
 - 2.4.3. Liệu pháp hóa dược
 - 2.4.4. Liệu pháp sốc điện
- 2.5. Phòng bệnh

Bài 4. Bệnh động kinh

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm, sinh bệnh học, phân loại, triệu chứng lâm sàng bệnh động kinh

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh động kinh

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Sinh bệnh học

2.3. Phân loại động kinh

2.3.1. Động kinh toàn bộ

2.3.2. Động kinh cục bộ

2.3.3. Động kinh chưa phân loại được

2.4. Triệu chứng lâm sàng

2.4.1. Động kinh toàn bộ

2.4.1.1. Động kinh cơn lớn

2.4.1.2. Động kinh cơn nhỏ

2.4.1.3. Động kinh co thắt ở trẻ em

2.4.1.4. Động kinh cơn co giật

2.4.1.5. Động kinh cơn mất trương lực

2.4.2. Động kinh cục bộ

2.4.2.1. Động kinh cục bộ với triệu chứng đơn sơ

2.4.2.2. Động kinh cục bộ với triệu chứng phức tạp

2.5. Chẩn đoán

2.5.1. Chẩn đoán xác định

2.5.2. Chẩn đoán phân biệt

2.6. Điều trị

2.7. Phòng bệnh

Bài 5. Đau dây thần kinh tọa

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đại cương, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng bệnh đau dây thần kinh tọa

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh đau dây thần kinh tọa

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

- 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Điều trị:
 - 2.5.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.5.2. Điều trị cụ thể
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 6. Thoát vị đĩa đệm

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đại cương, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng bệnh thoát vị đĩa đệm

1.2. Trình bày được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh thoát vị đĩa đệm

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.5. Điều trị:
 - 2.5.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.5.2. Điều trị cụ thể
- 2.6. Phòng bệnh

Thực tập lâm sàng: 45 giờ, 43 giờ học, 02 giờ kiểm tra

TT	Nội dung	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị bệnh tâm thần kinh	5
2	Khám phát hiện các triệu chứng và hội chứng bệnh tâm thần kinh	5
3	Làm được bệnh án chẩn đoán bệnh nhân tâm thần kinh	5
4	Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh	5
5	Phối hợp làm liệu pháp chữa bệnh tâm thần	3
6	Hướng dẫn người nhà cách chăm sóc bệnh nhân tâm thần	5
7	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình của họ	5

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học, Thực tập tại trung tâm phòng chống bệnh xã hội.
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, bài giảng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung.

- Về kiến thức:

Kiểm tra học sinh trình bày: Nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh tâm thần thường gặp, căn cứ chẩn đoán một số bệnh tâm thần, thần kinh hay gặp trong cộng đồng

- Về kỹ năng:

Kiểm tra học sinh: Tiếp xúc và phối hợp làm được các liệu pháp tâm lý cho bệnh nhân tâm thần. Tuyên truyền và giáo dục được cách chăm sóc bệnh nhân và biện pháp phòng bệnh tâm thần thường gặp tại cộng đồng

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có khả năng tuyên truyền cách chăm sóc bệnh nhân tâm thần kinh điều trị tại nhà và biện pháp phòng bệnh tâm thần kinh thường gặp tại cộng đồng

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm. Bài thi viết 15 phút.
- Kiểm tra định kỳ (thi giữa học phần - điểm hệ số 2): 1 điểm kiểm tra lâm sàng.
- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, trung bình cộng điểm thi lý thuyết và thực hành tay nghề

+ Lý thuyết: Thi trắc nghiệm

+ Thực hành: Bốc thăm bệnh án, hỏi và chấm bệnh án (chấm bệnh án: 6 điểm; vấn đáp: 4 điểm).

- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cho học sinh ngành Y sỹ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ: Kế hoạch bài học, phương tiện dạy học, cầm tay chỉ việc

- Lý thuyết: Phương pháp dạy/học tích cực

- Lâm sàng: Thực hiện cách khám phát hiện triệu chứng, xử trí, giáo dục sức khỏe bệnh nhân; Giao ban, nghiên cứu từng ca bệnh;...

Đối với người học

- Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết, 100 % giờ thực tập lâm sàng.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

3. Tài liệu tham khảo:

1 - Đại học Y Hà Nội(2008), Tâm thần học, Nhà xuất bản Y học.

2 - SIDA/INDEVELOP(1994), Chăm sóc truyền nhiễm - thần kinh - tâm thần.

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: Bệnh chuyên khoa

Mã môđun: MH 19

Thời gian thực hiện môđun: 120 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ, thực tập 88 giờ, kiểm tra 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môđun.

- Vị trí: Học xong môn học: Bệnh học Nội, bệnh học Ngoại.
- Tính chất: Môn tự chọn

II. Mục tiêu môđun.

1- Về kiến thức:

Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý bình thường của mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, hệ thần kinh, da và các bộ phận phụ thuộc.

Trình bày được triệu chứng, cách xử trí, theo dõi và chăm sóc, phòng một số bệnh chuyên khoa thường gặp.

2- Về kỹ năng:

Khám, chẩn đoán, xử trí và hướng dẫn được bệnh nhân và người nhà chăm sóc, phòng một số bệnh chuyên khoa thường gặp.

Thực hiện được một số kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh chuyên khoa.

3- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng kiến thức, khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán, điều trị được các bệnh chuyên khoa thường gặp; sơ cứu, gửi lên tuyến trên kịp thời các trường hợp vượt quá khả năng.

III. Nội dung môđun

Lý thuyết: 29 giờ học, 01 giờ kiểm tra

Số TT	Tên chương, mục, tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
Chương 1. Chuyên khoa Mắt					
1	Bài 1. Bệnh Glucom 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị	2	2		
2	Bài 2. Sang chấn mắt, bong mắt 1. Sang chấn mắt 1.1. Phân loại chấn thương 1.2. Đánh giá và xác định mức độ tổn thương 1.3. Xử trí sang chấn mắt	2	2		

	1.4. Các biện pháp phòng chấn thương mắt 2. Bỏng mắt. 2.1. Đại cương 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng lâm sàng 2.4. Đánh giá và phân loại bỏng 2.5. Nguyên tắc xử trí cấp cứu bỏng 2.6. Phòng chống bỏng mắt				
3	Bài 3. Viêm loét giác mạc 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng. 4. Chẩn đoán 5. Tiến triển và biến chứng 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	2	2		
4	Bài 4. Bệnh viêm kết mạc 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2	2		
5	Bài 5. Viêm móng mắt, Đục thủy tinh thể 1. Viêm móng mắt 1.1.. Phân loại viêm màng bồ đào 1.2. Triệu chứng viêm móng mắt thể mi 1.3. Tiến triển và biến chứng 1.4. Chẩn đoán 1.4.1. Chẩn đoán xác định viêm móng mắt thể mi 1.4.2. Chẩn đoán phân biệt 1.5. Điều trị 1.5.1. Nguyên tắc điều trị viêm móng mắt thể mi 1.5.2. Điều trị cụ thể 1.6. Phòng bệnh 1.6.1. Viêm móng mắt thể mi	2	2		

	1.6.2. Phòng nhân viêm đồng cảm 2. Đục thủy tinh thể 2.1. Đại cương 2.2. Phân loại 2.3. Triệu chứng ĐTTT tuổi già 2.4. Chẩn đoán 2.5. Hướng xử trí ĐTTT tuổi già				
Chương 2. Chuyên khoa Tai - Mũi-Họng					
6	Bài 6. Chảy máu cam 1. Nguyên nhân 2. Phân loại 2.1. Phân loại theo vị trí 2.2 Phân loại mức độ chảy máu 3. Biểu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc 5.2. Điều trị cụ thể 6. Phòng bệnh	1	1		
7	Bài 7. Dị vật đường thở 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. chẩn đoán 4. Xử lý 4.1. Nguyên tắc 4.2. Tại tuyến có sở 5. Phòng bệnh	1	1		
8	Bài 8. Viêm thanh quản, viêm họng 1. Viêm thanh quản. 1.1. Nguyên nhân viêm thanh quản cấp tính thông thường 1.2. Triệu chứng 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Viêm họng 2.1. Nguyên nhân viêm họng cấp độ 2.2. Triệu chứng 2.3. Biểu chứng 2.4. Điều trị 2.5. Phòng bệnh	2	2		

9	Bài 9. Ung thư vòm họng, viêm V.A, viêm Amidan 1. Ung thư vòm họng 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Cận lâm sàng 1.4. Chẩn đoán 1.5. Điều trị 1.6. Phòng bệnh 2. Viêm V.A 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng: (V.A cấp) 2.3. Biến chứng gần 2.4. Chẩn đoán 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh 3. Viêm Amidan 3.1. Nguyên nhân: như viêm V.A 3.2. Triệu chứng 3.3. Biến chứng 3.4. Điều trị 3.5. Phòng bệnh	2	2		
10	Bài 10. Viêm tai giữa, viêm tai xương chũm 1. Viêm tai giữa cấp tính mũ 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Tiến triển và biến chứng 1.4. Chẩn đoán 1.5. Điều trị 1.6. Phòng bệnh 2. Viêm tai xương chũm 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Biến chứng 2.4. Chẩn đoán 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh	1	1		
Chương 3. Chuyên khoa răng - hàm-mặt					
11	Bài 11. Giải phẫu sinh lý răng miệng	1	1		

	1. Miệng 1.1. Tiền đình miệng 1.2. Buồng miệng 2. Răng 2.1. Số lượng răng 2.2. Cách gọi tên răng 2.3. Hình thể ngoài của răng 2.4. Hình thể trong của răng 2.5. Thứ tự mọc răng				
12	Bài 12. Sâu răng, viêm tủy răng, viêm quanh cuống răng 1. Sâu răng 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.2.1. Sâu men (S_1) 1.2.2. Sâu ngà nông (S_2) 1.2.3. Sâu ngà sâu (S_3) 1.3. Biến chứng 1.4. Chẩn đoán 1.4.1. Chẩn đoán phân biệt 1.4.2. Chẩn đoán xác định 1.5. Điều trị 1.6. Phòng bệnh 2. Viêm tủy răng 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Điều trị 2.5. Phòng bệnh 3. Viêm quanh cuống răng 3.1. Triệu chứng 3.2. Chẩn đoán 3.3. Điều trị 3.4 phòng bệnh	1	1		
13	Bài 13. Viêm lợi, viêm quanh răng 1. Viêm lợi 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Tiến triển 1.4. Điều trị 2. Viêm quanh răng	1	1		

	2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán - điều trị và phòng bệnh 2.4. Điều trị 2.5. Phòng bệnh				
14	Bài 14. Viêm nhiễm trùng vùng hàm mắt 1. Nguyên nhân gây viêm nhiễm vùng hàm mắt 1.1. Do răng 1.2. Không do răng 2. Triệu chứng 3. Nguyên tắc điều trị	2	1		1
15	Bài 15. Chỉ định nhổ răng sữa và răng vĩnh viễn 1. Chỉ định nhổ răng 1.1. Chỉ định nhổ răng sữa 1.2. Chỉ định nhổ răng vĩnh viễn 2. Chống chỉ định nhổ răng	1	1		
16	Bài 16. Vệ sinh phòng bệnh răng miệng 1. Đại cương 2. Nội dung tổng quát về vệ sinh phòng bệnh răng miệng 2.1. Giáo dục nha khoa 2.2. Hoạt động phòng bệnh 2.3. Hoạt động điều trị 3. Nội dung cụ thể 3.1. Giáo dục nha khoa 3.2. Các biện pháp phòng bệnh răng miệng 3.2.1. Phòng bệnh sâu răng 3.2.2. Các biện pháp phòng bệnh vùng quanh răng 3.2.3. Phòng các bệnh ung thư vùng miệng	1	1		
Chương 4. Chuyên khoa da liễu					
17	Bài 17. Giải phẫu sinh lý da 1. Giải phẫu da 1.1. Lớp thượng bì	1	1		

	1.2. Lớp trung bì 1.3. Lớp hạ bì 2. Cơ quan nhận cảm cảm giác ở da 2.1. Các đầu cùng tự do của một sợi cảm giác 2.2. Các đầu cùng có tiểu thể 2.3. Các đầu cùng vùng quanh chân lông 3. Chức năng của da 3.1. Bảo vệ. 3.2. Đào thải những chất cặn bã và chất độc. 3.3. Điều hoà nhiệt độ cơ thể 3.4. Chức năng dinh dưỡng 3.5. Chức năng nhận cảm 3.6. Chức năng hô hấp 4. Tổn thương cơ bản: 4.1. Tổn thương cơ bản bằng phẳng với mặt da: 4.2. Tổn thương cơ bản cao hơn mặt da 4.3. Tổn thương cơ bản thấp hơn mặt da				
18	Bài 18. Bệnh ghẻ 1. Đại cương 2. Nguyên nhân - đường lây 2.1. Nguyên nhân 2.2. Đường lây 2.3. Bệnh thường gặp 3. Triệu chứng 4. Điều trị 4.1. Nguyên tắc 4.2. Thuốc 5. Phòng bệnh. 6. Đánh giá	1	1		
19	Bài 19. Bệnh hắc bào, Eczema 1. Bệnh Hắc bào 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân- đường lây 1.3. Triệu chứng 1.4. Điều trị	1	1		

	1.5. Phòng bệnh 1.6. Đánh giá 2. Eczema (chàm) 2.1. Đại cương 2.2. Triệu chứng 2.2.1. Giai đoạn tấy đỏ 2.2.2. Giai đoạn mụn nước 2.2.3. Giai đoạn chảy nước 2.2.4. Giai đoạn đóng vảy tiết 2.2.5. Giai đoạn bong vảy da 2.3. Điều trị 3. Phòng bệnh				
20	Bài 20. Bệnh chốc, viêm da 1. Bệnh chốc 1.1. Đại cương 1.2. Triệu chứng 1.3. Biến chứng. 1.4. Điều trị 1.5. Phòng bệnh 2. Viêm da 2.1. Đại cương 2.2. Phân loại 2.2.1. Viêm da tiếp xúc 2.2.2. Viêm da cơ địa 2.2.3. Viêm da dầu 2.2.4. Đỏ da toàn thân 2.2.5. Viêm da thần kinh do gãi. 2.2.6. Tổ đũa	1	1		
21	Bài 21. Nhiễm độc da do thuốc 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Phân loại 3.1. Phát ban dạng dát sẩn 3.2. Mê đay và phù Quincke 3.3. Hồng ban sắc tố cố định 3.4. Hồng ban đa dạng 3.5. Đỏ da toàn thân tróc vảy. 3.6. Chàm: 3.7. Ban xuất huyết 3.8. Mụn trứng cá 3.9. Sự thay đổi về sắc tố	1	1		

	3.10. Hồng ban nút 3.11. Teo và xơ teo da 3.12. Tổn thương toàn thân: beta bloquants, lithium. 3.13. Phát ban dạng vẩy nến, Lichen. 3.13. Hoại tử da do Coumarin 4. Điều trị và phòng bệnh				
22	Bài 22. Dị ứng, mề đay 1. Dị ứng 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.2.1. Dị ứng thực phẩm 1.2.2. Dị ứng với các tác nhân không phải là thực phẩm 1.2.3. Cơ sở di truyền 1.2.4. Vấn đề vệ sinh 1.2.5. Các yếu tố môi trường 1.3. Triệu chứng 1.4. Điều trị 1.4.1. Liệu pháp dùng thuốc 1.4.2. Liệu pháp miễn dịch 2.. Mề đay 2.1. Nguyên nhân 2.2. Tổn thương cơ bản 2.3. Triệu chứng 2.5. Điều trị	1	1		
	Tổng cộng	30	29		1

Thực tập lâm sàng: Tổng số 90 giờ, 88 giờ học, 2 giờ kiểm tra

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: CHUYÊN KHOA MẮT

Bài 1: Bệnh Glôcom

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và chẩn đoán bệnh Glôcom góc đóng con cấp.

1.2. Trình bày được nguyên tắc điều trị và phòng bệnh Glôcom.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Điều trị

Bài 2: Sang chấn mắt, bỏng mắt

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được phân loại, đánh giá mức độ tổn thương, hướng xử trí và phòng sang chấn mắt.
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, phân loại và đánh giá bỏng mắt.
- 1.3. Trình bày nguyên tắc điều trị và phòng chống bỏng mắt.

2. Nội dung:

- 2.1. Sang chấn mắt
 - 2.1.1. Phân loại chấn thương
 - 2.1.2. Đánh giá và xác định mức độ tổn thương
 - 2.1.3. Xử trí sang chấn mắt
 - 2.1.4. Các biện pháp phòng chấn thương mắt
- 2.2. Bỏng mắt
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.4. Đánh giá và phân loại bỏng
 - 2.2.5. Nguyên tắc xử trí cấp cứu bỏng
 - 2.2.6. Phòng chống bỏng mắt

Bài 3: Viêm loét giác mạc

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu :

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, tiến triển và biến chứng viêm loét giác mạc.
- 1.2. Trình bày nguyên tắc điều trị và phòng chống viêm loét giác mạc.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng.
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.6. Điều trị
- 2.7. Phòng bệnh

Bài 4: Bệnh viêm kết mạc

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu.
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng bệnh viêm kết mạc.
 - 1.2. Trình bày cách điều trị và phòng bệnh viêm kết mạc.
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4. Chẩn đoán
 - 2.5. Điều trị
 - 2.6. Phòng bệnh

Bài 5: Viêm mống mắt, đục thủy tinh thể

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng tiến triển và biến chứng của viêm mống mắt thể mi, đục thủy tinh thể
 - 1.2. Trình bày được hướng điều trị và phòng bệnh viêm mống mắt, đục thủy tinh thể
2. Nội dung
 - 2.1. Viêm mống mắt
 - 2.1.1.. Phân loại viêm màng bồ đào
 - 2.1.2. Triệu chứng viêm mống mắt thể mi
 - 2.1.3. Tiến triển và biến chứng
 - 2.1.4. Chẩn đoán
 - 2.1.4.1. Chẩn đoán xác định viêm mống mắt thể mi
 - 2.1.4.2. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.1.5. Điều trị
 - 2.1.5.1. Nguyên tắc điều trị viêm mống mắt thể mi
 - 2.1.5.2. Điều trị cụ thể
 - 2.1.6. Phòng bệnh
 - 2.1.6.1. Viêm mống mắt thể mi
 - 2.1.6.2. Phòng nhãn viêm đồng cảm
 - 2.2. Đục thủy tinh thể
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.2.3. Triệu chứng ĐTTT tuổi già
 - 2.2.4. Chẩn đoán
 - 2.2.5. Hướng xử trí ĐTTT tuổi già

Chương 2. CHUYÊN KHOA TAI- MŨI- HỌNG

Bài 6: Chảy máu cam

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên nhân, phân loại, biến chứng, nguyên tắc điều trị và phòng chảy máu cam..

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Phân loại

2.2.1. Phân loại theo vị trí

2.2.2 Phân loại mức độ chảy máu

2.3. Biến chứng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.5.1. Nguyên tắc

2.5.2. Điều trị cụ thể

2.6. Phòng bệnh

Bài 7: Dị vật đường thở

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, xử trí và phòng dị vật đường thở.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3 chẩn đoán

2.4. Xử lý

2.4.1. Nguyên tắc

2.4.2. Tại tuyến có sở

2.5. Phòng bệnh

Bài 8: Viêm thanh quản, viêm họng

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cách điều trị và phòng bệnh viêm thanh quản cấp thể thông thường.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, điều trị và phòng bệnh viêm họng cấp độ.

2. Nội dung

2.1. Viêm thanh quản.

- 2.1.1. Nguyên nhân viêm thanh quản cấp tính thông thường
- 2.1.2. Triệu chứng
- 2.1.3. Điều trị
- 2.1.4. Phòng bệnh
- 2.2. Viêm họng
- 2.2.1. Nguyên nhân viêm họng cấp độ
- 2.2.2. Triệu chứng
- 2.2.3. Biến chứng
- 2.2.4. Điều trị
- 2.2.5. Phòng bệnh

Bài 9: Ung thư vòm họng, viêm V.A, viêm Amidan

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. trình bày được nguyên nhân triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh ung thư vòm họng.
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm V.A.
- 3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, điều trị và phòng bệnh viêm Amidan.

2. Nội dung

- 2.1. Ung thư vòm họng
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Cận lâm sàng
 - 2.1.4. Chẩn đoán
 - 2.1.5. Điều trị
 - 2.1.6. Phòng bệnh
- 2.2. Viêm V.A
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng: (V.A cấp)
 - 2.2.3. Biến chứng gần
 - 2.2.4. Chẩn đoán
 - 2.2.5. Điều trị
 - 2.2.6. Phòng bệnh
- 2.3. Viêm Amidan
 - 2.3.1. Nguyên nhân: như viêm V.A
 - 2.3.2. Triệu chứng
 - 2.3.3. Biến chứng
 - 2.3.4. Điều trị
 - 2.3.5. Phòng bệnh

Bài 10: Viêm tai giữa, viêm tai xương chũm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, chẩn đoán và điều trị, phòng bệnh viêm tai giữa cấp tính mủ.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, điều trị và phòng bệnh viêm tai xương chũm.

2. Nội dung

2.1. Viêm tai giữa cấp tính mủ

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Tiến triển và biến chứng

2.1.4. Chẩn đoán

2.1.5. Điều trị

2.1.6. Phòng bệnh

2.2. Viêm tai xương chũm

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Biến chứng

2.2.4. Chẩn đoán

2.2.5. Điều trị

2.2.6. phòng bệnh

Chương 3.CHUYÊN KHOA RĂNG- HÀM- MẶT

Bài 11: Giải phẫu sinh lý răng miệng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được vị trí trí hình thể và liên quan của miệng.

1.2. Trình bày được số lượng răng, chân răng, tên răng, hình thể ngoài và trong của răng

2. Nội dung

2.1. Miệng

2.1.1. Tiền đình miệng

2.1.2. Buồng miệng

2.2. Răng

2.2.1. Số lượng răng

2.2.2. Cách gọi tên răng

2.2.3. Hình thể ngoài của răng

2.2.4. Hình thể trong của răng

2.2.5. Thứ tự mọc răng

Bài 12: Sâu răng, viêm tủy răng, viêm quanh cuống răng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh sâu răng.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm tủy răng.

1.3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, tiến triển và biến chứng chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm quanh răng.

2. Nội dung

2.1. Sâu răng

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.2.1. Sâu men (S_1)

2.1.2.2. Sâu ngà nông (S_2)

2.1.2.3. Sâu ngà sâu (S_3)

2.1.3. Biến chứng

2.1.4. Chẩn đoán

2.1.4.1. Chẩn đoán phân biệt

2.1.4.2. Chẩn đoán xác định

2.1.5. Điều trị

2.1.6. Phòng bệnh

2.2. Viêm tủy răng

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.2.5. Phòng bệnh

2.3. Viêm quanh cuống răng

2.3.1. Triệu chứng

2.3.2. Chẩn đoán

2.3.3. Điều trị

2.3.4 phòng bệnh

Bài 13: Viêm lợi, viêm quanh răng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, điều trị viêm lợi.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh viêm quanh răng.

2. Nội dung

- 2.1. Viêm lợi
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Tiến triển
 - 2.1.4. Điều trị
- 2.2. Viêm quanh răng
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Chẩn đoán - điều trị và phòng bệnh
 - 2.2.4. Điều trị
 - 2.2.5. Phòng bệnh

Bài 14: Viêm nhiễm trùng vùng hàm mặt

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, nguyên tắc điều trị viêm nhiễm trùng vùng hàm mặt.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân gây viêm nhiễm vùng hàm mặt
 - 2.1.1. Do răng
 - 2.1.2. Không do răng
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Nguyên tắc điều trị

Bài 15: Chỉ định nhổ răng sữa và răng vĩnh viễn

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chỉ định, chống chỉ định nhổ răng sữa và răng vĩnh viễn.

2. Nội dung

- 2.1. Chỉ định nhổ răng
 - 2.1.1. Chỉ định nhổ răng sữa
 - 2.1.2. Chỉ định nhổ răng vĩnh viễn
- 2.2. Chống chỉ định nhổ răng

Bài 16: Vệ sinh phòng bệnh răng miệng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nội dung hoạt động vệ sinh phòng bệnh răng miệng.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nội dung tổng quát về vệ sinh phòng bệnh răng miệng

- 2.2.1. Giáo dục nha khoa
- 2.2.2. Hoạt động phòng bệnh
- 2.2.3. Hoạt động điều trị
- 2.3. Nội dung cụ thể
 - 2.3.1. Giáo dục nha khoa
 - 2.3.2. Các biện pháp phòng bệnh răng miệng
 - 2.3.2.1. Phòng bệnh sâu răng
 - 2.3.2.2. Các biện pháp phòng bệnh vùng quanh răng
 - 2.3.2.3. Phòng các bệnh ung thư vùng miệng

Chương 4. CHUYÊN KHOA DA LIỄU

Bài 17: Bệnh ghẻ

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân đường lây, triệu chứng lâm sàng bệnh ghẻ
 - 1.2. Trình bày được cách điều trị và phòng bệnh ghẻ
2. Nội dung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân - đường lây
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Đường lây
 - 2.2.3. Bệnh thường gặp
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Nguyên tắc
 - 2.4.2. Thuốc
 - 2.5. Phòng bệnh.

Bài 18: Bệnh hắc bào, eczema

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân đường lây, triệu chứng cách điều trị và phòng bệnh hắc bào
 - 1.2. Trình bày được nguyên nhân đường lây, triệu chứng cách điều trị và phòng bệnh Eczema
2. Nội dung
 - 2.1. Bệnh Hắc bào
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Nguyên nhân- đường lây
 - 2.1.3. Triệu chứng
 - 2.1.4. Điều trị

- 2.1.5. Phòng bệnh
- 2.1.6. Đánh giá
- 2.2. Eczema (chàm)
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.2.1. Giai đoạn tẩy đỏ
 - 2.2.2.2. Giai đoạn mụn nước
 - 2.2.2.3. Giai đoạn chảy nước
 - 2.2.2.4. Giai đoạn đóng vảy tiết
 - 2.2.2.5. Giai đoạn bong vảy da
 - 2.2.3. Điều trị
- 2.3. Phòng bệnh

Bài 19: Bệnh chốc, viêm da

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng cách điều trị và phòng bệnh chốc
 - 1.2. Phân loại được viêm da cách điều trị và phòng bệnh viêm da
2. Nội dung
 - 2.1. Bệnh chốc
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Biến chứng.
 - 2.1.4. Điều trị
 - 2.1.5. Phòng bệnh
 - 2.2. Viêm da
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.2.2.1. Viêm da tiếp xúc
 - 2.2.2.2. Viêm da cơ địa
 - 2.2.2.3. Viêm da dầu
 - 2.2.2.4. Đỏ da toàn thân
 - 2.2.2.5. Viêm da thần kinh do gãi.
 - 2.2.2.6. Tổ đũa

Bài 20: Nhiễm độc da do thuốc

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu
 - 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng nhiễm độc da do thuốc
 - 1.2. Phân loại được và cách điều trị và phòng bệnh nhiễm độc da do thuốc

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Phân loại

2.3.1. Phát ban dạng dát sần

2.3.2. Mê đay và phù Quincke

2.3.3. Hồng ban sắc tố cố định

2.3.4. Hồng ban đa dạng

2.3.5. Đỏ da toàn thân tróc vảy.

2.3.6. Chàm:

2.3.7. Ban xuất huyết

2.3.8. Mụn trứng cá

2.3.9. Sự thay đổi về sắc tố

2.3.10. Hồng ban nút

2.3.11. Teo và xơ teo da

2.3.12. Tổn thương toàn thân: beta bloquants, lithium.

2.3.13. Phát ban dạng vảy nến, Lichen.

2.3.13. Hoại tử da do Coumarin

2.4. Điều trị và phòng bệnh

Bài 21: Dị ứng, mê đay

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, điều trị dị ứng.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, điều trị bệnh mê đay.

2. Nội dung

2.1. Dị ứng

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.2.1. Dị ứng thực phẩm

2.1.2.2. Dị ứng với các tác nhân không phải là thực phẩm

2.1.2.3. Cơ sở di truyền

2.1.2.4. Vấn đề vệ sinh

2.1.2.5. Các yếu tố môi trường

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Điều trị

2.1.4.1. Liệu pháp dùng thu

2.1.4.2. Liệu pháp miễn dịch

2. 2. Mê đay

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Tổn thương cơ bản

2.2.3. Triệu chứng

2.2.5. Điều trị

Thực tập lâm sàng: Tổng số 90 giờ.(88 giờ thực tập lâm sàng, 02 giờ kiểm tra)

Số TT	Nội dung	Chỉ tiêu lâm sàng (lần)
Chuyên khoa mắt		
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị về mắt	4
2	Khám và phát hiện triệu chứng, điều trị các bệnh mắt thường gặp	8
3	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp thầy thuốc khám mắt	5
4	Đo thị lực và thử các loại kính cận, viễn thị cho người bệnh	4
5	Kiến tập đo nhãn áp và đánh giá được chỉ số nhãn áp bình thường và bệnh lý	2
6	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp thầy thuốc chích chấp, lẹo và chăm sóc bệnh nhân sau chích chấp, lẹo	4
7	Tra thuốc nhỏ mắt, lau mắt, rửa mắt	5
8	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp thầy thuốc lấy dị vật ở mắt	1
9	Làm bệnh án	2
10	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh mắt và gia đình của họ	10
Chuyên khoa Tai- Mũi- Họng		
11	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị TMH	5
12	Khám và phát hiện triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh về TMH thường gặp	10
13	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ khám TMH	4
14	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ đặt Meche mũi	2
15	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ lấy dị vật đường thở	2
16	Tiến hành kỹ thuật làm thuốc tai	4
17	Làm bệnh án	4
18	Tư vấn, GDSK cho người bệnh TMH và gia đình của họ	10
Chuyên khoa Răng hàm mặt		
19	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị bệnh RHM	5
20	Khám và phát hiện triệu chứng, chẩn đoán, xử trí bệnh RHM thường gặp	10
21	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ khám răng	4
22	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ nhổ răng	4
23	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	3
24	Làm bệnh án	4
25	Tư vấn, GDSK răng miệng cho người bệnh và gia đình của	10

	họ	
26	Tham gia trực bệnh viện tại các khoa chuyên khoa	4

IV. Điều kiện thực hiện:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Lý thuyết học tại phòng học của Nhà trường. , Thực tập lâm sàng tại các khoa chuyên khoa Răng hàm mặt, Tai mũi họng, Mắt của bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bài giảng.

4. Điều kiện khác: Bệnh nhân tại các khoa lâm sàng

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Kiểm tra học sinh

Những kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý bình thường của răng hàm mặt.

Triệu chứng, cách xử trí, theo dõi và chăm sóc, phòng một số bệnh chuyên khoa thường gặp.

- Về kỹ năng:

Khám, chẩn đoán, xử trí và hướng dẫn bệnh nhân và người nhà chăm sóc, phòng một số bệnh chuyên khoa thường gặp.

Thực hiện được một số kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh chuyên khoa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng kiến thức, khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán, điều trị được các bệnh chuyên khoa thường gặp; sơ cứu, gửi lên tuyến trên kịp thời các trường hợp vượt quá khả năng.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm lý thuyết, 01 điểm thực tập lâm sàng.

- Kiểm tra định kỳ: 01 điểm lý thuyết, 01 thực tập lâm sàng

- Thi kết thúc học phần: 1 điểm, trung bình cộng điểm thi lý thuyết và thực hành tay nghề.

+ Lý thuyết: Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.

+ Thực tập lâm sàng: Bốc thăm bệnh án, hỏi và khám bệnh án

- Cách cho điểm: Thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môđun:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng bậc trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài học, phương tiện dạy học.

Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại trường áp dụng phương pháp:Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực. Phối hợp phương pháp thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu.

Thực tập lâm sàng: Tại khoa Mắt, Răng – Hàm – Mặt, Tai – Mũi - Họng. Phương pháp: Giao ban, đi buồng, nghiên cứu từng ca, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc.

Đối với người học:

- Tham dự tối thiểu 70 % số giờ học lý thuyết, lâm sàng.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Tham gia trực đầy đủ các buổi trực tại khoa phòng
- Có sổ ghi chép lâm sàng, thực hiện đủ các chỉ tiêu lâm sàng

3. Tài liệu tham khảo:

- 1- Chẩn đoán bệnh da bằng hình ảnh - tập I (2000), tập II (2001), Nhà xuất bản Y học.
- 2- Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Răng hàm mặt - Nhà xuất bản Y học.
- 3- Đại học Y Hà Nội (2005), Bài giảng Nhãn khoa, Nhà xuất bản Y học.
- 4- Bộ Y tế (2008), Các bệnh da liễu thường gặp, Nhà xuất bản Y học.
- 5- Giáo trình môn học do nhà trường biên soạn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔĐUN

Tên môđun: Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm

Mã môđun: MH 20

Thời gian thực hiện môđun: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 28 giờ;

Kiểm tra: 02)

I. Vị trí, tính chất của môđun:

- Vị trí: Học xong các môn học cơ sở
- Tính chất: Môn tự chọn

II. Mục tiêu môn học

1 - Về kiến thức

Trình bày được: Tầm quan trọng của dinh dưỡng, vệ sinh thực phẩm đối với sức khỏe con người và bệnh tật tại cộng đồng.

Trình bày được : Vai trò, nhu cầu của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm và đặc điểm vệ sinh các nhóm thức ăn.

Nêu được: Nguyên nhân, cách phát hiện tình trạng thiếu hay thừa dinh dưỡng

Liệt kê được những nguyên tắc của vệ sinh thực phẩm ở cơ sở ăn uống công cộng và cộng đồng.

2 - Về kỹ năng

Nhận biết được các loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm một số vấn đề vệ sinh ăn uống công cộng và

Thực hiện được các biện pháp phòng chống ngộ độc thức ăn, các vấn đề dinh dưỡng tại gia đình và cộng đồng.

3 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có khả năng đánh giá về vệ sinh ăn uống và tư vấn cách phòng chống ngộ độc thức ăn tại nhà, cộng đồng

Xây dựng được ý thức vệ sinh an toàn thực phẩm

III. Nội dung môđun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên tên bài học, mục	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương về dinh dưỡng 1. Khái quát lịch sử ngành dinh dưỡng học 1.1. Những quan niệm trước đây về ăn uống 1.2. Các mốc phát triển của dinh dưỡng học 2. Vai trò và nhu cầu các chất dinh	1	1		

	đường của thực phẩm 2.1. Protid 2.2. Lipid 2.3. Glucid 2.4. Vitamin 2.5. Chất khoáng 2.6. Chất xơ 2.7. Nước				
2	Bài 2: Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý 1. Nhu cầu năng lượng của cơ thể 1.1. Định nghĩa 1.2. Nhu cầu năng lượng cho chuyển hoá cơ sở 1.3. Nhu cầu năng lượng cho lao động thể lực 1.4. Cân nặng trung bình 2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý 2.1. Đảm bảo đủ năng lượng 2.2. Đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng cần thiết 2.3. Các chất dinh dưỡng có tỷ lệ cân đối 2.4. Phù hợp với điều kiện kinh tế của từng gia đình và thực tế địa phương 2.5. Thức ăn phải đảm bảo lành, sạch, không gây bệnh 3. Chế độ ăn cho một số trường hợp đặc biệt. 3.1. Chế độ ăn cho phụ nữ có thai và cho con bú 3.2. Chế độ ăn cho người cao tuổi 3.3. Chế độ ăn cho trẻ em 4. Mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam của Viện Dinh dưỡng	5	3	2	
3	Bài 3: Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và biện pháp phòng chống 1. Tình hình dinh dưỡng trên thế	6	2	4	

	giới và Việt Nam 1.1. Tình hình dinh dưỡng trên thế giới 1.2. Tình hình dinh dưỡng tại Việt Nam 2. Suy dinh dưỡng và protein - năng lượng 2.1. Nguyên nhân suy dinh dưỡng protein – năng lượng 2.2. Biểu hiện của suy dinh dưỡng 2.3. Các biện pháp phòng chống 3. Thiếu Vitamin A và bệnh khô mắt 3.1. Nguyên nhân 3.2. Biểu hiện 3.3. Phòng bệnh 4. Thiếu máu dinh dưỡng 4.1. Khái niệm 4.2 Biểu hiện 4.3. Phòng bệnh 5. Thiếu iod và bệnh bướu cổ 5.1. Khái niệm 5.2. Biểu hiện 5.3. Phòng bệnh 6. Thiếu vitamin D 6.1. Dịch tễ học 6.2. Nguyên nhân 6.3. Biểu hiện lâm sàng 7. Điều trị 7.1. Nguyên tắc điều trị 7.2. Điều trị đặc hiệu 8. Phòng bệnh 8.1. Giáo dục sức khỏe 8.2. Uống vitamin D phòng bệnh				
4	Bài 4: Chế độ ăn bệnh lý 1. Vai trò 2. Nguyên tắc xây dựng chế độ ăn bệnh lý 3. Chế độ ăn bệnh lý cho một số bệnh thường gặp 3.1. Bệnh đái tháo đường	8	3	4	1

	3.2. Bệnh béo phì 3.3. Bệnh tăng huyết áp 3.4. Bệnh tiêu chảy và nhiễm khuẩn ở trẻ em				
5	Bài 5: Giáo dục dinh dưỡng ở cộng đồng 1. Tầm quan trọng giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng 2. Đối tượng và nội dung giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng 2.1. Đối tượng 2.2. Nội dung 3. Hình thức và các kỹ năng cần thiết khi tiến hành giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng 3.1. Các hình thức có thể giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng 3.2. Kỹ năng trong hoạt động giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng	8	2	6	
6	Bài 6: Vệ sinh an toàn thực phẩm 1. Đại cương 2. Một số khái niệm về vệ sinh an toàn thực phẩm và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta. 2.1. Khái niệm 2.2. tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta. 3. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm 3.1. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sức khỏe, bệnh tật 3.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm tác động đến kinh tế và xã hội 4. Nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm 4.1. Do quá trình chăn nuôi, gieo trồng, sản xuất thực phẩm, lương thực 4.2. Do quá trình chế biến không	8	2	6	

	đúng 4.3. Do quá trình sử dụng và bảo quản không đúng 5. Mười lời khuyên đề phòng ngộ độc thực phẩm 5.1. Chọn thực phẩm tươi sạch 5.2. Giữ vệ sinh nơi ăn uống và chế biến thực phẩm 5.3. Sử dụng đồ dùng nấu nướng và ăn uống sạch sẽ 5.4. Chuẩn bị thực phẩm sạch sẽ và nấu chín kỹ 5.5. Ăn ngay sau khi thức ăn vừa nấu xong hoặc vừa chuẩn bị xong 5.6. Bảo quản cẩn thận thức ăn đã nấu chín và đun kỹ lại trước khi ăn 5.7. Giữ gìn vệ sinh cá nhân tốt 5.8. Sử dụng nước sạch trong ăn uống 5.9. Sử dụng đồ bao gói sạch sẽ, thích hợp và đạt tiêu chuẩn vệ sinh 5.10. Thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn môi trường sống sạch sẽ				
7	Bài 7: Phòng chống ngộ độc thức ăn 1. Đại cương 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại ngộ độc thức ăn 1.3. Các yếu tố nguy cơ 2. Ngộ độc thức ăn do vi khuẩn và biện pháp phòng chống 2.1. Ngộ độc thức ăn do Salmonella 2.2. Ngộ độc do tụ cầu 2.3. Ngộ độc thức ăn do Clostridium Botulinum 3. Ngộ độc thức ăn không do vi khuẩn 3.1. Ngộ độc nấm mốc 3.2. Ngộ độc sắn, khoai tây mọc	9	2	6	1

	mầm, măng 3.3. Ngô độc do ăn cóc 3.4. Ngô độc do thiếu an toàn trong sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật				
Tổng cộng		45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về dinh dưỡng, các thành phần dinh dưỡng của thực phẩm

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái quát lịch sử ngành dinh dưỡng học
- 1.2. Trình bày được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm

2. Nội dung

- 2.1. Khái quát lịch sử ngành dinh dưỡng học
 - 2.1.1. Những quan niệm trước đây về ăn uống
 - 2.1.2. Các mốc phát triển của dinh dưỡng học
- 2.2. Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm
 - 2.2.1. Protid
 - 2.2.2. Lipid
 - 2.2.3. Glucid
 - 2.2.4. Vitamin
 - 2.2.5. Chất khoáng
 - 2.2.6. Chất xơ
 - 2.2.7. Nước

Bài 2: Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nhu cầu năng lượng của con người
- 1.2. Kể được 5 nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho cơ thể
- 1.3. Nêu được chế độ ăn cho một số trường hợp đặc biệt.
- 1.4. Kể được 10 lời khuyên về ăn uống dinh dưỡng hợp lý của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

2. Nội dung:

- 2.1. Nhu cầu năng lượng của cơ thể
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nhu cầu năng lượng cho chuyển hoá cơ sở
 - 2.1.3. Nhu cầu năng lượng cho lao động thể lực
 - 2.1.4. Cân nặng trung bình
- 2.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý
 - 2.2.1. Đảm bảo đủ năng lượng

- 2.2.2. Đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng cần thiết
- 2.2.3. Các chất dinh dưỡng có tỷ lệ cân đối
- 2.2.4. Phù hợp với điều kiện kinh tế của từng gia đình và thực tế địa phương
- 2.2.5. Thức ăn phải đảm bảo lành, sạch, không gây bệnh
- 2.3. Chế độ ăn cho một số trường hợp đặc biệt.
- 2.3.1. Chế độ ăn cho phụ nữ có thai và cho con bú
- 2.3.2. Chế độ ăn cho người cao tuổi
- 2.3.3. Chế độ ăn cho trẻ em
- 2.4. Mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam của Viện Dinh dưỡng

Bài 3: Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và biện pháp phòng chống

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được tình hình dinh dưỡng trên thế giới và Việt Nam
 - 1.2. Trình bày được các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và biện pháp phòng chống
2. Nội dung:
 - 2.1. Tình hình dinh dưỡng trên thế giới và Việt Nam
 - 2.1.1. Tình hình dinh dưỡng trên thế giới
 - 2.1.2. Tình hình dinh dưỡng tại Việt Nam
 - 2.2. Suy dinh dưỡng và protein - năng lượng
 - 2.2.1. Nguyên nhân suy dinh dưỡng protein – năng lượng
 - 2.2.2. Biểu hiện của suy dinh dưỡng
 - 2.2.3. Các biện pháp phòng chống
 - 2.3. Thiếu Vitamin A và bệnh khô mắt
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2. Biểu hiện
 - 2.3.3. Phòng bệnh
 - 2.4. Thiếu máu dinh dưỡng (thiếu máu do thiếu sắt)
 - 2.4.1. Khái niệm
 - 2.4.2. Biểu hiện
 - 2.4.3. Phòng bệnh
 - 2.5. Thiếu iod và bệnh bướu cổ
 - 2.5.1. Khái niệm
 - 2.5.2. Biểu hiện
 - 2.5.3. Phòng bệnh
 - 2.6. Thiếu vitamin D
 - 2.6.1. Dịch tễ học
 - 2.6.2. Nguyên nhân của bệnh còi xương thiếu vitamin D
 - 2.6.3. Biểu hiện lâm sàng
 - 2.7. Điều trị

- 2.7.1. Nguyên tắc điều trị
- 2.7.2. Điều trị đặc hiệu
- 2.8. Phòng bệnh
- 2.8.1. Giáo dục sức khỏe
- 2.8.2. Cho uống vitamin D liều phòng bệnh

Bài 4: Chế độ ăn bệnh lý

Thời gian: 7 giờ

- 1. Mục tiêu
 - 1.1. Nêu được vai trò của chế độ ăn bệnh lý
 - 1.2. Trình bày được nguyên tắc xây dựng chế độ ăn bệnh lý
 - 1.3. Trình bày được chế độ ăn bệnh lý của một số bệnh thường gặp
- 2. Nội dung
 - 2.1. Vai trò chế độ ăn bệnh lý
 - 2.2. Nguyên tắc xây dựng chế độ ăn bệnh lý
 - 2.3. Chế độ ăn bệnh lý cho một số bệnh thường gặp
 - 2.2.3.1. Bệnh đái tháo đường
 - 2.2.3.2. Bệnh béo phì
 - 2.2.3.3. Bệnh tăng huyết áp
 - 2.2.3.4. Bệnh tiêu chảy và nhiễm khuẩn ở trẻ em

Bài 5: Giáo dục dinh dưỡng ở cộng đồng

Thời gian: 8 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được tầm quan trọng của giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng
 - 1.2. Trình bày được đối tượng và nội dung giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng
 - 1.3. Nêu được hình thức và các kỹ năng cần thiết khi tiến hành giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Tầm quan trọng giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng
 - 2.2. Đối tượng và nội dung giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng
 - 2.2.1. Đối tượng
 - 2.2.2. Nội dung
 - 2.3. Hình thức và các kỹ năng cần thiết khi tiến hành giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng
 - 2.3.1. Các hình thức có thể giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng
 - 2.3.2. Kỹ năng trong hoạt động giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng

Bài 6: Vệ sinh an toàn thực phẩm

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được một số khái niệm và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta.

1.2. Trình bày được tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm

1.3. Trình bày được nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm và 10 lời khuyên để phòng ngộ độc thực phẩm.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Một số khái niệm về vệ sinh an toàn thực phẩm và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta.

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta.

2.3. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm

2.3.1. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sức khỏe, bệnh tật

2.3.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm tác động đến kinh tế và xã hội

2.4. Nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm

2.4.1. Do quá trình chăn nuôi, gieo trồng, sản xuất thực phẩm, lương thực

2.4.2. Do quá trình chế biến không đúng

2.4.3. Do quá trình sử dụng và bảo quản không đúng

2.5. Mười lời khuyên để phòng ngộ độc thực phẩm

2.5.1. Chọn thực phẩm tươi sạch

2.5.2. Giữ vệ sinh nơi ăn uống và chế biến thực phẩm

2.5.3. Sử dụng đồ dùng nấu nướng và ăn uống sạch sẽ

2.5.4. Chuẩn bị thực phẩm sạch sẽ và nấu chín kỹ

2.5.5. Ăn ngay sau khi thức ăn vừa nấu xong hoặc vừa chuẩn bị xong

2.5.6. Bảo quản cẩn thận thức ăn đã nấu chín và đun kỹ lại trước khi ăn

2.5.7. Giữ gìn vệ sinh cá nhân tốt

2.5.8. Sử dụng nước sạch trong ăn uống

2.5.9. Sử dụng đồ bao gói sạch sẽ, thích hợp và đạt tiêu chuẩn vệ sinh

2.5.10. Thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn môi trường sống sạch sẽ

Bài 7: Phòng chống ngộ độc thức ăn

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm, cách phân loại ngộ độc thức ăn

1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, đặc điểm dịch tễ học và biện pháp phòng chống một số loại ngộ độc thức ăn do vi khuẩn và không do vi khuẩn.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại ngộ độc thức ăn

2.1.3. Các yếu tố nguy cơ (tăng khả năng gây độc)

2.2. Ngộ độc thức ăn do vi khuẩn và biện pháp phòng chống

2.2.1. Ngộ độc thức ăn do Salmonella

2.2.2. Ngộ độc do tụ cầu

2.2.3. Ngộ độc thức ăn do Clostridium Botulinum

2.3. Ngộ độc thức ăn không do vi khuẩn

2.3.1. Ngộ độc nấm mốc (Aspergillus flavus)

2.3.2. Ngộ độc sắn, khoai tây mọc mầm, măng

2.3.3. Ngộ độc do ăn cóc

2.3.4. Ngộ độc do thiếu an toàn trong sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học, phòng thực hành tại trường

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy tính

3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng, mô hình, tranh, phòng thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

Kiểm tra học sinh: Trình bày tầm quan trọng dinh dưỡng, vệ sinh thực phẩm đối với sức khỏe con người và bệnh tật tại cộng đồng. Vai trò, nhu cầu của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm và đặc điểm vệ sinh các nhóm thức ăn. Nguyên nhân, cách phát hiện tình trạng thiếu hay thừa dinh dưỡng. Nguyên tắc của vệ sinh thực phẩm ở cơ sở ăn uống công cộng và cộng đồng.

- Về kỹ năng

Nhận biết các loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm một số vấn đề vệ sinh ăn uống công cộng. Thực hiện được các biện pháp phòng chống ngộ độc thức ăn, các vấn đề dinh dưỡng tại gia đình và cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiểm tra Học sinh: Đánh giá về vệ sinh ăn uống và tư vấn cách phòng chống ngộ độc thức ăn tại nhà, cộng đồng và xây dựng ý thức vệ sinh an toàn thực phẩm

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm. Bài viết 15 phút.

- Kiểm tra định kỳ: 02 điểm bằng hình thức thực hiện phương pháp truyền thống, hoàn thiện bài tập được giao.

- Thi kết thúc học phần: Bài thi dưới hình thức trắc nghiệm.

- Cách cho điểm: Thang điểm 10

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Học sinh chuyên ngành Y sỹ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài học, giáo trình, giáo án, câu hỏi, phương tiện dạy học. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành truyền thông giáo dục sức khỏe. Sử dụng tranh, pano, áp phích, làm thực hành tuyên truyền về các loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng, thực phẩm đảm bảo về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Đi thực địa tại một số cơ sở mua bán thực phẩm.

Đối với người học

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ học lý thuyết và 100% giờ thực hành

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Làm đầy đủ các bài tập về nhà vào sổ bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý.

4. Tài liệu tham khảo:

1- Trường Đại học Y Thái Bình (1999), *Dinh dưỡng và sức khỏe cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học

2- Hoàng Tích Mịch, Hà Huy Khôi (1997), *Vệ sinh dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm*, Nhà xuất bản Y học

3- Trường Cao Đẳng Y Tế Lạng Sơn, *Giáo trình học phần dinh dưỡng - vệ sinh an toàn thực phẩm*.